

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

NGUYỄN HOÀNG ĐIỆP

**XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT THEO HỌC CHẾ TÍN
CHỈ CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG - PHÚ THỌ**

Ngành: Giáo dục học

Mã số: 9140101

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học:

1. TS. NGUYỄN ĐƯƠNG BẮC

2. PGS.TS. ĐINH QUANG NGỌC

BẮC NINH, 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

NGUYỄN HOÀNG ĐIỆP

**XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT THEO HỌC CHẾ TÍN
CHỈ CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG - PHÚ THỌ**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

BẮC NINH, 2022

DANH MỤC KÝ HIỆU VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

CBQL	Cán bộ quản lý
ĐH	Đại học
GDDH	Giáo dục Đại học
GD - ĐT	Giáo dục - Đào tạo
GDTC	Giáo dục thể chất
GV	Giảng viên
HS	Học sinh
SV	Sinh viên
TDTT	Thể dục thể thao
TT&DL	Thể thao và Du lịch
VH	Văn hóa

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả trình bày trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào.

Tác giả luận án

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	6
1.1. Vị trí của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới.....	6
1.1.1. Quan điểm đổi mới giáo dục đại học	7
1.1.2. Hoạt động đổi mới trong giáo dục đại học	9
1.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về công tác giáo dục thể chất trong trường học	12
1.2.1. Quan điểm	12
1.2.2. Mục tiêu	12
1.2.3. Nhiệm vụ và giải pháp.....	13
1.3. Cơ sở lý luận về chương trình.....	15
1.3.1. Cơ sở lý luận về chương trình giáo dục đại học	15
1.3.2. Chương trình môn học trong đào tạo theo học chế tín chỉ	19
1.3.3. Nguyên tắc xây dựng chương trình môn học giáo dục thể chất	26
1.3.4. Đánh giá chương trình môn học Giáo dục thể chất	32
1.4. Khái quát về trường Đại học Hùng Vương	41
1.5. Một số công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến vấn đề nghiên cứu của luận án	42
1.5.1 Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài.....	42
1.5.2. Các nghiên cứu ở trong nước.....	43
1.6. Tóm tắt chương	46
Chương 2. PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU	49
2.1. Phương pháp nghiên cứu	49
2.1.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu	49
2.1.2. Phương pháp phỏng vấn, tọa đàm.....	50
2.1.3. Phương pháp chuyên gia.....	51
2.1.4. Phương pháp kiểm tra sự phạm.....	52
2.1.5. Phương pháp thực nghiệm sự phạm.....	53

2.1.6. Phương pháp toán thống kê	54
2.2. Tổ chức nghiên cứu	55
2.2.1. Thời gian nghiên cứu.....	55
2.2.2. Địa điểm nghiên cứu.....	55
Chương 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN.....	56
3.1. Đánh giá thực trạng công tác Giáo dục thể chất của Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ.....	56
3.1.1. Xác định các tiêu chí đánh giá chất lượng chương trình Giáo dục thể chất	56
3.1.2. Thực trạng giảng viên giảng dạy chương trình môn Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương	57
3.1.3. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ công tác Giáo dục thể chất của Trường Đại Học Hùng Vương	60
3.1.4. Thực trạng nội dung chương trình môn Giáo dục thể chất áp dụng cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương	62
3.1.5. Thực trạng phương pháp giảng dạy môn học Giáo dục thể chất.....	71
3.1.6. Thực trạng về hình thức hoạt động Thể dục thể thao ở Trường Đại học Hùng Vương.....	74
3.1.7. Thực trạng việc kiểm tra đánh giá môn học Giáo dục thể chất.....	80
3.1.8. Thực trạng tố chất thể lực và kết quả học tập môn giáo dục thể chất của sinh viên Đại học Hùng Vương	83
3.1.9. Bàn luận	85
3.2. Xây dựng chương trình môn học Giáo dục thể theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất trường ĐH Hùng Vương - Phú Thọ	88
3.2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ	88
3.2.2. Xây dựng chương trình Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ.....	96
3.2.3. Thẩm định chương trình đào tạo thông qua ý kiến đánh giá.....	100

3.2.4. Bàn luận	103
3.3. Đánh giá hiệu quả việc ứng dụng chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương	105
3.3.1. Tổ chức thực nghiệm sư phạm.....	105
3.3.2. Kết quả ứng dụng chương trình	106
3.3.3. Đánh giá kết quả thực nghiệm chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ	120
3.3.4. Bàn luận	124
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	126
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	128
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	1
PHỤ LỤC	9

DANH MỤC BẢNG

TT	Tên bảng	Trang
1	Bảng 3.1 Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá công tác Giáo dục thể chất cho trường Đại học Hùng Vương (n=29)	57
2	Bảng 3.2 Đánh giá về phẩm chất và năng lực chuyên môn của giảng viên trực tiếp giảng dạy GDTC tại Trường Đại học Hùng Vương (n =45)	58
3	Bảng 3.3 Trình độ đào tạo của giảng viên bộ môn GDTC	59
4	Bảng 3.4 Thực trạng tỉ lệ sinh viên/giảng viên trường Hùng Vương	60
5	Bảng 3.5 Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC ở Trường Đại học Hùng Vương	61
6	Bảng 3.6 Chương trình môn học Giáo dục thể chất cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương giai đoạn 2013 - 2017	62
7	Bảng 3.7 Kế hoạch giảng dạy giáo dục thể chất 1	64
8	Bảng 3.8 Kế hoạch giảng dạy giáo dục thể chất 2	66
9	Bảng 3.9 Kế hoạch giảng dạy giáo dục thể chất 3	68
10	Bảng 3.10 Kế hoạch giảng dạy giáo dục thể chất 4	70
11	Bảng 3.11 Thực trạng về số lượng sinh viên tham gia tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa (n=400)	75
12	Bảng 3.12 Kết quả đánh giá của SV về tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất Đại học Hùng Vương (n = 400)	77
13	Bảng 3.13 Kết quả khảo sát của CBQL, GV về tính tích cực của SV tham gia học tập môn GDTC trường Đại học Hùng Vương (n=29)	78
14	Bảng 3.14 Kết quả đánh giá của CBQL, GV về các mặt tác động hoạt động học tập GDTC tại ĐH Hùng Vương (n = 29)	79
15	Bảng 3.15 Kết quả Đánh giá của CBQL, GV về bản thân sinh viên khi học tập môn GDTC ĐH Hùng Vương (n = 29)	80
16	Bảng 3.16 Thực trạng tổ chức thể lực của sinh viên trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ	83
17	Bảng 3.17 Thực trạng tổ chức thể lực của sinh viên trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ theo tiêu chuẩn của BGDĐT (QĐ 53/2008)	84
18	Bảng 3.18 So sánh kết quả học tập môn GDTC của sinh viên trường Đại	85

	học Hùng Vương - Phú Thọ	
19	Bảng 3.19 Kết quả lựa chọn môn GDTC tự chọn của chuyên gia (n =29)	95
20	Bảng 3.20 Kết quả lựa chọn môn GDTC tự chọn của sinh viên trường Đại học Hùng Vương	95
21	Bảng 3.21 Cấu trúc chương trình môn học GDTC cho trường Đại học Hùng Vương	96
22	Bảng 3.22 Cấu trúc đề cương chi tiết môn học GDTC tự chọn cho trường Đại học Hùng Vương	97
23	Bảng 3.23 Cấu trúc chương trình môn GDTC cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương	99
24	Bảng 3.24 Kết quả phỏng vấn các nội dung thẩm định chương trình môn GDTC theo học chế tín chỉ (n = 29)	102
25	Bảng 3.25 Kết quả đánh giá của sinh viên về đội ngũ giảng viên thể dục thể thao của trường Đại học Hùng Vương (n = 400)	106
26	Bảng 3.26 Kết quả đánh giá của SV về sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho hoạt động học tập môn học GDTC trường ĐH Hùng Vương (n = 400)	107
27	Bảng 3.27 Kết quả đánh giá của SV về nội dung chương trình giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ của trường Đại học Hùng Vương (n = 400)	109
28	Bảng 3.28 Kết quả đánh giá của sinh viên về phương pháp giảng dạy của giảng viên cho hoạt động học tập môn GDTC trường Đại học Hùng Vương (n = 400)	110
29	Bảng 3.29 Kết quả đánh giá của SV về hình thức tổ chức giảng dạy của giảng viên cho hoạt động học tập môn học Giáo dục thể chất Đại học Hùng Vương (n = 400)	111
30	Bảng 3.30 Kết quả đánh giá của SV về kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập môn GDTC trường ĐH Hùng Vương (n = 400)	112
31	Bảng 3.31 Kết quả khảo sát CBQL, GV về hiệu quả của chương trình GDTC trường ĐH Hùng Vương (n = 29)	113
32	Bảng 3.32 Kết quả đánh giá của CBQL, GV về đội ngũ giảng viên phục vụ cho hoạt động học tập môn GDTC trường ĐH Hùng Vương	114

33	Bảng 3.33 Kết quả đánh giá của CBQL, GV về sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho hoạt động học tập môn học GDTC trường ĐH Hùng Vương (n = 29)	115
34	Bảng 3.34 Kết quả đánh giá của CBQL, GV về nội dung chương trình GDTC của ĐH Hùng Vương (n = 29)	116
35	Bảng 3.35 Kết quả đánh giá của CBQL, GV về phương pháp giảng dạy của giảng viên cho hoạt động học tập môn GDTC ĐH Hùng Vương	117
36	Bảng 3.36 Kết quả đánh giá của CBQL, GV về hình thức tổ chức giảng dạy của giảng viên cho hoạt động học tập môn học GDTC ĐH Hùng Vương (n = 29)	118
37	Bảng 3.37 Kết quả đánh giá của CBQL, GV về kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập môn GDTC trường ĐH Hùng Vương (n = 29)	119
38	Bảng 3.38 Thực trạng thể lực của sinh viên sau 1 năm học trong chương trình GDTC (2018 - 2020)	120
39	Bảng 3.39 Sự khác biệt thể lực của sinh viên sau một năm	121
40	Bảng 3.40 Thực trạng thể lực của sinh viên sau 2 năm học trong chương trình GDTC (2018 - 2020)	121
41	Bảng 3.41 Sự khác biệt thể lực của sinh viên sau hai năm học	121
42	Bảng 3.42 Đánh giá phân loại thể lực sinh viên Đại học Hùng Vương - Phú Thọ theo tiêu chuẩn thể lực của BGDĐT (QĐ 53/2008)	122
43	Bảng 3.43 Kết quả học tập môn GDTC của K16 so với các khóa	123

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

TT	Tên biểu đồ	Trang
1	Biểu đồ 3.1 Kết quả đánh giá của sinh viên về tính tích cực học tập môn GDTC tại ĐH Hùng Vương	78
2	Biểu đồ 3.2 Kết quả đánh giá của CBQL, GV về khó khăn trở ngại đối với các mặt tác động hoạt động học tập môn GDTC	79
3	Biểu đồ 3.3 Kết quả đánh giá của CBQL, GV về những khó khăn, trở ngại của bản thân SV về hoạt động học tập môn GDTC	80
4	Biểu đồ 3.4 So sánh kết quả đánh giá của SV về đội ngũ giảng viên cho hoạt động học tập môn GDTC ĐH Hùng Vương	107
5	Biểu đồ 3.5 So sánh kết quả đánh giá của SV về sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho hoạt động học tập môn GDTC	108
6	Biểu đồ 3.6 Kết quả đánh giá nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất của sinh viên trường Đại học Hùng Vương	110
7	Biểu đồ 3.7 Kết quả đánh giá của SV về phương pháp giảng dạy của giảng viên cho hoạt động học tập môn học GDTC ĐH Hùng Vương	111
8	Biểu đồ 3.8 Kết quả đánh giá của SV về hình thức giảng dạy của giảng viên cho học tập môn học GDTC trường ĐH Hùng Vương	112
9	Biểu đồ 3.9 Kết quả đánh giá của SV về kiểm tra môn học GDTC	113
10	Biểu đồ 3.10 Kết quả đánh giá của CBQL, GV về đội ngũ giảng viên cho hoạt động học tập môn GDTC ĐH Hùng Vương	115
11	Biểu đồ 3.11 Kết quả đánh giá của CBQL, GV về sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho hoạt động học tập GDTC tại ĐH Hùng Vương	116
12	Biểu đồ 3.12 Kết quả đánh giá của CBQL, GV về nội dung chương trình môn học GDTC của SV ĐH Hùng Vương	117
13	Biểu đồ 3.13 Kết quả đánh giá của CBQL, GV về phương pháp giảng dạy của giảng viên về hoạt động học tập môn học GDTC	118
14	Biểu đồ 3.14 Kết quả đánh giá của CBQL, GV về hình thức tổ chức giảng dạy của GV cho hoạt động học tập môn GDTC ĐH Hùng Vương	119
15	Biểu đồ 3.15 Kết quả đánh giá của CBQL, GV về kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập môn học GDTC ĐH Hùng Vương	120

PHẦN MỞ ĐẦU

Giáo dục thể chất trong trường Đại học là một mặt giáo dục quan trọng không thể thiếu được trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo, góp phần thực hiện mục tiêu: "Nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài" cho đất nước, cũng như để mỗi công dân, nhất là thế hệ trẻ có điều kiện "Phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức" [4] để đáp ứng nhu cầu đổi mới của sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Đảng và Nhà nước định hướng mục tiêu của giáo dục cho nước ta là: Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có lý tưởng, đạo đức, có tính tổ chức và kỷ luật, có ý thức cộng đồng và tính tích cực cá nhân, làm chủ tri thức hiện đại, có tư duy sáng tạo, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp và có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, trong thực tiễn hiện nay, giáo dục và đào tạo nước ta vẫn còn tồn tại rất nhiều hạn chế. Chính vì vậy, Đảng ta đã xác định cần phải có những đổi mới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao chất lượng, đào tạo ra đội ngũ tri thức, lao động đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trong các mặt giáo dục, giáo dục thể chất (GDTC) có vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia. Nhà trường các cấp thuộc hệ thống quốc dân có trách nhiệm đào tạo những học sinh, sinh viên trở thành nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước Việt Nam trong thế kỷ 21. Vai trò quan trọng của GDTC được thể hiện qua luật thể dục, thể thao năm 2018, tại Điều 20 về giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường quy định: "Giáo dục thể chất là môn học chính khóa thuộc chương trình giáo dục nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản cho người học thông qua các bài tập và trò chơi vận động, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện". [66].

Đổi mới phương thức đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ được coi là một cuộc cách mạng lớn trong lĩnh vực giáo dục đại học. Giai đoạn chuyển đổi sang phương thức đào tạo từ năm 2008 đến nay, chính là những bước đi đầu tiên của quá trình đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam.[20]

Học chế tín chỉ, một phương thức đào tạo hiện đại, đang trở thành xu thế chung của giáo dục đại học nhiều quốc gia tiên tiến trên thế giới. Bản chất của phương thức đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ:

Là quá trình thực hiện hóa triết lý giáo dục: coi người học làm trung tâm, coi đào tạo của nhà trường là khởi nguồn để hình thành năng lực tự học cho mỗi con người hướng tới hình thành và phát triển một xã hội học tập [20].

Là quá trình thay đổi tận gốc phương thức tổ chức hoạt động đào tạo, biến mỗi giờ học thành một giờ hoạt động học tập của sinh viên, sinh viên tham gia và thực hiện hoạt động học tập với vai trò là chủ thể [20].

Là quá trình lấy hoạt động tự học của sinh viên làm nền tảng cho đổi mới phương pháp và định hướng thiết kế chương trình, coi năng lực tự học của sinh viên vừa là động lực, vừa là sản phẩm của đào tạo bậc đại học.

Là trao quyền chủ động, quyền tự quyết cho người học về quá trình học tập của mình tại nhà trường.

Phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ đòi hỏi mỗi nhà trường và cơ sở đào tạo phải thay đổi triệt để về công tác tổ chức và quản lý đào tạo, phương pháp tổ chức và triển khai hoạt động dạy học của giảng viên và phương pháp học tập của sinh viên, sử dụng và đào tạo năng lực tự học cho sinh viên phải trở thành quan điểm và mục tiêu đào tạo của nhà trường, của mỗi thầy cô giáo, là sản phẩm và là động lực để tích cực hóa hoạt động đào tạo, phát huy tính chủ động của sinh viên trong xây dựng và thiết kế kế hoạch học tập toàn khóa, năng động và sáng tạo trong học tập có trách nhiệm cao trước tương lai của bản thân.

Trong phạm vi nhà trường, hoạt động giáo dục nói chung và đổi mới giáo dục nói riêng không chỉ phải tuân theo những qui luật và nguyên tắc chuyên biệt, mà còn luôn chịu sự tác động và chi phối của các yếu tố về con người, về điều kiện về cơ sở vật chất và thiết bị, về năng lực đáp ứng của các lực lượng giáo dục hiện hữu... Vì vậy, đổi mới đối với lĩnh vực giáo dục dù lớn hay nhỏ luôn được coi là một cuộc cách mạng, một cuộc cải cách sâu rộng của toàn bộ hệ thống và luôn được đặt trong một tiến trình gồm nhiều giai đoạn nhiều năm.

Nghiên cứu về GDTC trường học đã được rất nhiều tác giả quan tâm và nghiên cứu như: Hồ Đắc Sơn, Lê Trường Sơn Chấn Hải... Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chủ yếu được tiến hành trong điều kiện đào tạo niên chế. Bên cạnh đó đã có một số công trình nghiên cứu về học chế tín chỉ trong tổ chức đào tạo và giảng dạy theo học chế tín chỉ của một số tác giả như: Nguyễn Ánh Hồng, Trần Thanh Ái, Phạm Minh Hùng, Nguyễn Mai Hương, Nguyễn Văn Hùng. Đó là những công trình nghiên cứu

theo học chế tín chỉ những năm gần đây, có giá trị phổ biến kinh nghiệm, cung cấp thông tin phục vụ cho công cuộc đổi mới phương thức đào tạo ở các trường.

Trường Đại học Hùng Vương – Tỉnh Phú Thọ là một ngôi trường có bề dày về truyền thống lịch sử với hơn 50 năm xây dựng và trưởng thành, hiện nay trường là một trong những trung tâm đào tạo lớn của khu vực miền núi phía Bắc. Song song với việc nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường luôn quan tâm chú trọng tới việc phát triển thể chất cho sinh viên. Tuy nhiên trong những năm qua, hiệu quả của công tác giáo dục thể chất, cũng như chất lượng đào tạo sinh viên của nhà trường, vẫn gặp nhiều khó khăn và hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu và mục tiêu đào tạo lao động tri thức trong thời kỳ đổi mới. Để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao và bắt nhịp với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, giáo dục Việt Nam cũng đã bước đầu áp dụng các phương pháp dạy học tiên tiến, với mục đích nhằm nâng cao tính tự giác tích cực của người học. Tất cả các mã ngành của trường Đại học Hùng Vương đã chuyển đổi sang học chế tín chỉ riêng môn GDTC dành cho các khối không chuyên ngành GDTC thì vẫn thực hiện theo niên chế, bởi vậy với mục đích nâng cao chất lượng, năng lực, nâng cao tính tự giác tích cực người học chúng tôi mạnh dạn nghiên cứu.

Đề tài “Xây dựng chương trình giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ”.

Mục đích nghiên cứu:

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, chúng tôi sẽ tiến hành lựa chọn nội dung và xây dựng chương trình môn học giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC, đảm bảo phù hợp với các điều kiện của nhà trường và đặc điểm của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương, tạo hứng thú cho người học, qua đó từng bước nâng cao hơn chất lượng công tác GDTC, góp phần nâng cao hơn chất lượng đào tạo chung của nhà trường.

Nhiệm vụ nghiên cứu: Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, đề tài xác định giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Nhiệm vụ 1: *Đánh giá thực trạng công tác GDTC đối với sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương.*

Nhiệm vụ 2: *Xây dựng chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành giáo dục thể chất trường ĐH Hùng Vương - Phú Thọ.*

Nhiệm vụ 3: *Đánh giá hiệu quả việc ứng dụng chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành giáo dục thể chất trường ĐH Hùng Vương - Phú Thọ.*

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương.

Khách thể khảo sát:

Khách thể phỏng vấn thực trạng về hoạt động thể dục thể thao ở trường Đại học Hùng Vương: 400 sinh viên (200 nam và 200 nữ).

Khách thể phỏng vấn về lựa chọn môn GDTC tự chọn: 29 chuyên gia GDTC, các giảng viên GDTC

Khách thể phỏng vấn thẩm định chương trình: 29 chuyên gia GDTC, các giảng viên GDTC

Khách thể phỏng vấn về hiệu quả chương trình: 29 cán bộ quản lý và các giảng viên

Khách thể kiểm tra thể lực của sinh viên: 400 sinh viên (200 nam và 200 nữ)

Khách thể thực nghiệm: 400 sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương

Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi nghiên cứu thực trạng: Công tác giáo dục thể chất đối với sinh viên không chuyên ngành giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương

Chương trình môn học GDTC không chuyên trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ

Chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ và đánh giá hiệu quả

Giả thuyết khoa học:

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng công tác GDTC của Trường Đại học Hùng Vương nhận thấy, môn học GDTC của nhà trường còn có những hạn chế nhất định, chưa đáp ứng tốt những yêu cầu thực tiễn của công tác giáo dục đào tạo. Chúng tôi cho rằng nguyên nhân chính ảnh hưởng tới chất lượng môn học GDTC của Trường Đại học Hùng Vương chủ yếu là do nội dung chương trình môn học GDTC và hình thức đào tạo theo niên chế đang được áp dụng còn đơn điệu, không gây được hứng thú và

chưa phát triển được toàn diện thể lực cho người học. Do vậy, nếu xây dựng được chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ, phù hợp với định hướng và kế hoạch phát triển của nhà trường sẽ làm phong phú hơn nội dung học tập môn GDTC, phát huy tính tích cực và sự hứng thú của sinh viên, qua đó từng bước nâng cao hơn hiệu quả, chất lượng dạy và học môn GDTC, nâng cao được tố chất thể lực cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương góp phần nâng cao hơn chất lượng đào tạo chung của nhà trường.

Ý nghĩa khoa học của luận án:

Qua quá trình nghiên cứu luận án đã hệ thống hóa và bổ sung hoàn thiện các kiến thức lý luận về các vấn đề liên quan như: Định hướng đổi mới nội dung chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương; Nguyên tắc xây dựng nội dung chương trình môn GDTC theo học chế tín chỉ; Đánh giá chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ.

Ý nghĩa thực tiễn của luận án:

Quá trình nghiên cứu đã xây dựng được chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ có ý nghĩa thực tiễn trong đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương - Phú thọ. Khi triển khai thử nghiệm đã mang lại hiệu quả rõ rệt, nâng cao tố chất thể lực cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương.

Chương 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Vị trí của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới

Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) đối với sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước nói chung và phát triển con người nói riêng, Đảng ta đã và đang quan tâm, chăm lo cho phát triển một nền giáo dục Việt Nam tiên tiến, hiện đại, chất lượng cao. Nghị quyết Đại hội lần thứ XI đã khẳng định *"Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng xây dựng đất nước xây dựng nền văn hóa con người Việt Nam"* [3]

Báo cáo chính trị tại Đại hội XI khẳng định phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển nhanh, bền vững đất nước. Vì vậy, Đại hội yêu cầu *"Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa; đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học"* Đẩy mạnh các hoạt động thể dục, thể thao cả về quy mô và chất lượng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội nhấn mạnh *"GD&ĐT có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước"*. Theo đó, cần phải *"Đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT theo nhu cầu phát triển của xã hội, nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế"*[7]

Để cụ thể hoá nghị quyết của các đại hội đại biểu toàn quốc về yêu cầu đổi mới phải phù hợp với sự phát triển của đất nước, ở mỗi giai đoạn khác nhau, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản, chỉ thị, nghị quyết về cải cách giáo dục gần đây nhất là Nghị quyết số 29 NQ/TW ngày 4/11/2013 về *"đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"*. Nghị quyết đưa ra 7 quan điểm. [8]

Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân;

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục - đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các

bậc học, ngành học. Trong quá trình đổi mới, cần kế thừa, phát huy những thành tựu, phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới; kiên quyết chấn chỉnh những nhận thức, việc làm lệch lạc. Đổi mới phải bảo đảm tính hệ thống, tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học; các giải pháp phải đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp;

Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội;

Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội;

Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan. Chuyển phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu số lượng;

Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục và đào tạo;

Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước.

Các quan điểm chỉ đạo đó đã được cụ thể hóa trong nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 9/6/2014 và kế hoạch hành động của ngành Giáo dục (*Ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).^[21] Như vậy, quan điểm về đổi mới giáo dục và đào tạo của Đảng ta đã không ngừng được bổ xung và phát triển cho phù hợp với những yêu cầu thời đại mới. Những quan điểm này là cơ sở, là nền tảng để Bộ, các Sở, các trường học trên cả nước tiến hành đổi mới công tác dạy và học mang lại hiệu quả ngày càng cao.

1.1.1. Quan điểm đổi mới giáo dục đại học

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo

đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục, đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học. Đổi mới để tạo ra chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả giáo dục, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhu cầu học tập của nhân dân.[16]

Đổi mới phải bảo đảm tính hệ thống, có tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học, các giải pháp đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình và bước đi phù hợp.

Đổi mới căn bản và toàn diện không có nghĩa là làm lại tất cả, từ đầu mà cần đổi mới có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình phù hợp với thực tế đất nước, địa phương; có sự kế thừa, phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới. “Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế”. Đó là những tiêu chí mới đối với nền giáo dục nói chung và đối với mỗi cấp học, bậc học nói riêng”. Chuẩn hóa”, “hiện đại hóa”, “xã hội hóa”, “dân chủ hóa” và “hội nhập quốc tế” có quan hệ chặt chẽ, bổ sung cho nhau, được thể hiện trong toàn bộ các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới giáo dục.[16]

Chuẩn hóa mục tiêu, chương trình đào tạo, các trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, kiểm tra đánh giá, chuẩn đầu ra, chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và đào tạo, chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, cơ chế quản lý, cơ sở vật chất và các điều kiện khác bảo đảm chất lượng giáo dục.

Hiện đại hóa mục tiêu, nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, phương pháp đánh giá giáo dục, cơ sở vật chất và hệ thống quản lý giáo dục.

Xã hội hóa là đa dạng chủ thể đầu tư, chủ thể tham gia và giám sát các hoạt động giáo dục; xây dựng xã hội học tập, bảo đảm điều kiện học tập suốt đời cho mọi người dân; thực hiện tốt phương châm phối hợp chặt chẽ giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

Dân chủ hóa là tạo bình đẳng về cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi người, nhất là các đối tượng vùng khó khăn và các đối tượng chính sách xã hội; thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá hoạt động giáo dục; cấp dưới tham gia đánh giá cấp trên. Công khai kết quả đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ

quan quản lý nhà nước về giáo dục và các cơ sở giáo dục; công khai chính sách giáo dục, công khai tài chính, các điều kiện bảo đảm và kết quả giáo dục; tăng cường vai trò của Hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục, đào tạo...

Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đổi mới công tác đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục; mở rộng quan hệ song phương và đa phương trong hợp tác quốc tế về giáo dục; khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, tài trợ, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học, chuyên gia công nghệ; xây dựng một số ngành đào tạo, cơ sở giáo dục đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Trước những chỉ đạo quyết liệt và sự vào cuộc mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị, GD - ĐTDH của nước ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, giáo dục đã bộc lộ những yếu kém, bất cập, trong đó có những vấn đề gây bức xúc xã hội kéo dài, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH và hội nhập quốc tế.[16]

1.1.2. Hoạt động đổi mới trong giáo dục đại học

Tích cực hoá quá trình học tập của sinh viên là sự thay đổi căn bản tổ chức hoạt động đào tạo, thực sự đặt sinh viên vào vị thế chủ thể của hoạt động học tập, vừa tạo điều kiện, vừa đòi hỏi sinh viên phải chủ động lĩnh hội và tìm kiếm tri thức. Vì vậy, đòi hỏi giáo dục đại học cần phải: không chỉ là quá trình truyền thụ và thu nhận kiến thức, mà còn là quá trình rèn luyện năng lực nghề nghiệp, đảm bảo cho sinh viên sau khi ra trường sớm thích ứng với yêu cầu của thực tiễn lao động; nội dung đào tạo và hệ thống kiến thức phải mang lại cho sinh viên niềm tin với chính những tri thức mà bản thân họ phải tiếp thu; đảm bảo tính đồng bộ trong hoạt động đào tạo, giữa đổi mới phương pháp với điều kiện đáp ứng yêu cầu của đổi mới phương pháp, giữa nguồn tài liệu với nhu cầu tự học, tự tìm kiếm tri thức của sinh viên giữa yêu cầu đổi mới với sự tăng trưởng về trình độ của mỗi giảng viên [48].

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 4 năm 2006, Đảng ta đã khái quát cả 20 năm đổi mới, chúng ta thấy những thành tựu đạt được là to lớn và có ý nghĩa lịch sử, đã đưa lại cho đất nước ta một sự thay đổi cơ bản và toàn diện, làm cho thế và lực, uy tín quốc tế của nước ta tăng lên nhiều so với trước. Một trong những mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm

2006-2010, Đảng ta xác định: “Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước” [26]. Khi bàn về vấn đề sức khoẻ của nhân dân, Đại hội xác định: “Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khoẻ, tâm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi. Tăng cường thể lực của thanh niên. Phát triển mạnh thể dục thể thao, kết hợp tốt thể thao phong trào và thể thao thành tích cao, dân tộc và hiện đại. Có chính sách và cơ chế phù hợp để phát hiện, bồi dưỡng và phát triển tài năng, đưa thể thao nước ta đạt vị trí cao của khu vực, từng bước tiếp cận với châu lục và thế giới ở những bộ môn Việt Nam có ưu thế...” [26].

Tại Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội XI của Đảng, đã khẳng định phát triển, nâng cao chất lượng nguồn lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển nhanh, bền vững đất nước. Vì vậy, cần phải “Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá; đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học” [27].

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng khẳng định: “Đổi mới căn bản là toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội, nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế” [27].

Nghị quyết số 29-QĐ/TW của BCH Trung ương Đảng đã xác định: “để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cần thiết phải đổi mới mạnh mẽ mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và đánh giá kết quả học tập rèn luyện của nhà giáo theo yêu cầu nâng cao chất lượng, trách nhiệm, đạo đức và năng lực nghề nghiệp” [8].

Nghị quyết đã khẳng định chỉ có đổi mới giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ mới thúc đẩy nhanh được quá trình phát triển kinh tế xã hội và nhanh chóng đưa nước ta thoát khỏi nước nghèo, giáo dục đại học phải là cơ sở để bứt phá, để tranh thủ hợp tác và tiếp thu nền khoa học, công nghệ của các nước tiên tiến. Điều đó đào tạo đại học phải:

Đổi mới để hội nhập quốc tế

Xu thế toàn cầu hoá đã tạo cơ hội cho đất nước ta có cơ hội tiếp cận với nền giáo dục của các nước phát triển và thực hiện chủ trương đa phương hoá về giáo dục đào tạo,

về khoa học công nghệ với thế giới; mở ra khả năng khai thác những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến của các quốc gia trên thế giới [71].

Đảng ta đã nhận định: “Bước sang thế kỷ XXI thế giới đã có nhiều biến đổi, khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất”. Hiện nay, trước sự phát triển của giáo dục đào tạo, trên thế giới số lượng người lao động có trình độ cao ngày càng tăng, đồng thời những ngành nghề đòi hỏi trình độ cao cũng tăng. Để thích nghi với toàn cầu hoá và nền kinh tế tri thức, Đảng và Nhà nước ta đã đánh giá cao vai trò của giáo dục và đào tạo, đã xây dựng những chính sách ưu tiên tập trung vào sự phát triển giáo dục, coi: “Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển” [71].

Đổi mới đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (2006) đã xác định phương hướng, biện pháp đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam phải đảm bảo tính thực tiễn, hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu về sử dụng lao động, đồng thời phải “Gắn với sử dụng, trực tiếp phục vụ đào tạo chuyển đổi cơ cấu lao động, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là chuyên gia đầu ngành”[26].

Vì vậy công tác đào tạo nguồn nhân lực đã và đang đặt ra những yêu cầu cấp bách: Vừa phải trang bị những tri thức và kỹ năng mới, vừa phải thay đổi công nghệ và cách làm, nhà trường từ chỗ đào tạo khép kín chuyển sang mở cửa, đối thoại với xã hội, gắn bó chặt chẽ với nghiên cứu khoa học, công nghệ và ứng dụng; gắn đào tạo với thực tiễn sử dụng lao động của nhà sản xuất và doanh nghiệp.

Đổi mới đào tạo để tích cực hóa quá trình học tập của người học, hình thành năng lực tự học suốt đời.

Đào tạo năng lực tự học và tích cực hoá quá trình học tập của sinh viên đòi hỏi thay đổi căn bản tổ chức hoạt động đào tạo, thực sự đặt sinh viên vào vị thế chủ thể của hoạt động học tập; là quá trình vừa tạo điều kiện, vừa đòi hỏi sinh viên phải chủ động lĩnh hội và tìm kiếm tri thức [63].

Để thực hiện được định hướng đó, đòi hỏi nền giáo dục đại học phải đổi mới theo hướng:

Không chỉ là quá trình dạy và học, mà còn là quá trình rèn luyện năng lực nghề nghiệp, sinh viên phải tích lũy và thích ứng với yêu cầu của thực tiễn lao động ngay từ khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường:

Nội dung đào tạo và hệ thống kiến thức phải là những kiến thức hiện đại, cập nhật với thực tiễn lao động, tạo lập cho sinh viên năng lực triển khai hoạt động nghề nghiệp một cách có hiệu quả.

Phải đảm bảo cho hoạt động đào tạo có sự đồng bộ giữa đổi mới phương pháp với điều kiện đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp, giữa nguồn tài liệu với yêu cầu và nhu cầu tự học, tự tìm kiếm tri thức của sinh viên, giữa yêu cầu đổi mới với sự đáp ứng về trình độ của giảng viên.

1.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về công tác giáo dục thể chất trong trường học

1.2.1. Quan điểm

Phát triển TDTT là một yêu cầu khách quan của xã hội, nhằm góp phần nâng cao sức khỏe, thể lực và chất lượng cuộc sống của nhân dân, chất lượng nguồn nhân lực; giáo dục ý chí, đạo đức, xây dựng lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế; đồng thời là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội và của mỗi người dân. Các cấp ủy đảng có *trách* nhiệm thường xuyên lãnh đạo công tác TDTT, bảo đảm cho sự nghiệp TDTT ngày càng phát triển.

Đầu tư cho TDTT là đầu tư cho con người, cho sự phát triển của đất nước. Tăng tỷ lệ chi ngân sách nhà nước, ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất TDTT và đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao; đồng thời phát huy các nguồn lực của xã hội để phát triển TDTT, phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức xã hội trong quản lý, điều hành các hoạt động TDTT.

Gìn giữ, tôn vinh những giá trị TDTT dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, phát triển nền TDTT nước ta mang tính dân tộc, khoa học, nhân dân và văn minh [15].

1.2.2. Mục tiêu

Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thể dục, thể thao; tăng cường cơ sở vật chất, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ làm nền tảng phát triển mạnh mẽ và vững chắc sự nghiệp thể dục thể thao; đến năm 2020, phần đầu 90% học sinh, sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân

thể; các trường học, xã, phường, thị trấn, khu công nghiệp có đủ cơ sở vật chất thể dục, thể thao phục vụ việc tập luyện của nhân dân; trình độ một số môn thể thao trọng điểm được nâng cao ngang tầm Châu Á và thế giới; bảo đảm các điều kiện để sẵn sàng đăng cai tổ chức thành công các sự kiện thể thao lớn của Châu Á và thế giới.

1.2.3. Nhiệm vụ và giải pháp

Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học

Thể dục thể thao trường học là bộ phận quan trọng của phong trào thể dục, thể thao, một mặt của giáo dục toàn diện nhân cách học sinh, sinh viên, cần được quan tâm đầu tư đúng mức.

Xây dựng và thực hiện “Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học”. Thực hiện tốt giáo dục thể chất theo chương trình nội khóa; phát triển mạnh các hoạt động thể thao của học sinh, sinh viên, bảo đảm mục tiêu phát triển thể lực toàn diện và kỹ năng vận động cơ bản của học sinh, sinh viên và góp phần đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao.

Đổi mới chương trình và phương pháp giáo dục thể chất, gắn giáo dục thể chất với giáo dục ý chí, đạo đức, giáo dục quốc phòng, giáo dục sức khỏe và kỹ năng sống của học sinh, sinh viên. Đãi ngộ hợp lý và phát huy năng lực đội ngũ giáo viên thể dục hiện có, mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên thể dục cho trường học; củng cố các cơ sở nghiên cứu khoa học về tâm sinh lý lứa tuổi và thể dục, thể thao trường học.

Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động thể dục thể thao quần chúng

Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”,

Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ

Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở đào tạo cán bộ và nghiên cứu khoa học thể dục, thể thao. Tập trung xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành, giáo viên thể dục, thể thao, huấn luyện viên, cán bộ quản lý có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao.

Ngày 04 tháng 11 năm 2013, tại Hội nghị trung ương 8 khoá XI, Ban chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 29 - NQ/TW về đổi mới căn bản toàn diện giáo

dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế [8]. Trong đó đổi mới hình thức thi và phương pháp thi, kiểm tra đánh giá là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của giải pháp:

Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan

Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội.

Đổi mới phương thức thi và công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông theo hướng giảm áp lực và tốn kém cho xã hội mà vẫn bảo đảm độ tin cậy, trung thực, đánh giá đúng năng lực học sinh, làm cơ sở cho việc tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Đổi mới phương thức tuyển sinh đại học, cao đẳng theo hướng kết hợp sử dụng kết quả học tập ở phổ thông và yêu cầu của ngành đào tạo. Đánh giá kết quả đào tạo đại học theo hướng chú trọng năng lực phân tích, sáng tạo, tự cập nhật, đổi mới kiến thức; đạo đức nghề nghiệp; năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ; năng lực thực hành, năng lực tổ chức và thích nghi với môi trường làm việc. Giao quyền tự chủ tuyển sinh cho các cơ sở giáo dục đại học.

Thực hiện đánh giá chất lượng GD, ĐT ở cấp độ quốc gia, địa phương, từng cơ sở giáo dục, đào tạo và đánh giá theo chương trình của quốc tế để làm căn cứ đề xuất chính sách, giải pháp cải thiện chất lượng GD, ĐT.

Hoàn thiện hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục. Định kỳ kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục, đào tạo và các chương trình đào tạo; công khai kết quả kiểm định. Chú trọng kiểm tra, đánh giá, kiểm soát chất lượng giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở ngoài công lập, các cơ sở có yếu tố nước ngoài. Xây dựng phương thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với các loại hình giáo dục cộng đồng.

Đổi mới cách tuyển dụng, sử dụng lao động đã qua đào tạo theo hướng chú trọng năng lực, chất lượng, hiệu quả công việc thực tế, không quá nặng về bằng cấp, trước hết là trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị. coi sự chấp nhận của thị trường lao động đối với người học là tiêu chí quan trọng để đánh giá uy tín, chất lượng

của cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp và là căn cứ để định hướng phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo và ngành nghề đào tạo.

Tóm lại, trong suốt chặng đường cách mạng Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta hết sức coi trọng công tác GDTC trong trường học các cấp. Từ đó có những Chỉ thị, Nghị quyết để chỉ đạo phương hướng phát triển hết sức đúng đắn kịp thời cho sự nghiệp giáo dục đào tạo nói chung và GDTC nói riêng ở nước ta.

1.3. Cơ sở lý luận về chương trình

1.3.1. Cơ sở lý luận về chương trình giáo dục đại học

1.3.1.1. Khái niệm về chương trình đào tạo đại học

Chương trình: Theo các chuyên gia GD, việc nghiên cứu CT là một trong những lĩnh vực nghiên cứu khó khăn và phức tạp của GD. CT thay đổi theo sự phát triển của xã hội và chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như người học, người dạy, người tuyển dụng lao động, các tổ chức tôn giáo, chính trị... nên có nhiều quan niệm khác nhau và làm các khái niệm này trở nên phức tạp. Tùy vào cách lý giải người ta có thể hiểu và định nghĩa CT khác nhau.

Theo các chuyên gia GD trên thế giới sử dụng, nhất là định nghĩa của Tim Wentling (1993) Chương trình là một bản thiết kế tổng thể cho một hoạt động ĐT (có thể chỉ là một khóa ĐT kéo dài một vài giờ, một ngày, một tuần hoặc vài năm). Bản thiết kế tổng thể đó cho ta biết nội dung ĐT, nó cũng cho ta biết các phương pháp ĐT và các cách thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập và tất cả những cái đó được sắp xếp theo một thời gian biểu chặt chẽ [98].

Theo điều 41 của Luật GD: Chương trình thể hiện mục tiêu giáo dục ĐH; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung GDDH, phương pháp và hình thức ĐT, cách thức đánh giá kết quả ĐT đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ ĐT của GDDH, đảm bảo yêu cầu liên thông với các CT khác [70].

Những khái niệm dẫn ra trên đây về CT theo nhiều nghĩa rộng và nghĩa hẹp có khác nhau song đều có sự thống nhất cơ bản chung: CT là bản thiết kế tổng thể cho một hoạt động ĐT bao gồm các thành phần chính là mục tiêu, nội dung, thời lượng ĐT, các yêu cầu của CT, hướng dẫn thực hiện CT và các đề cương môn học...

Theo tác quan điểm của luận án CT là một văn bản quy định mục đích và các mục tiêu cụ thể đặt ra đối với một ngành ĐT, nội dung các khối kiến thức và các môn học, tổng thời lượng cùng thời lượng dành cho mỗi môn, phương pháp dạy học, đánh

giá và tổ chức giảng dạy để trang bị các kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết cho SV.

Ở Việt Nam, khái niệm “chương trình khung” chỉ mới xuất hiện lần đầu tiên trên Luật giáo dục (1998), với việc Quốc hội thông qua Luật Giáo dục, phương thức quản lý chương trình đào tạo tại các cơ sở đào tạo được điều chỉnh theo hướng tăng thêm trách nhiệm quản lý ở cấp Bộ, không chỉ quy định đến khung chương trình mà phải nắm đến tận chương trình khung của tất cả các ngành đào tạo. Khái niệm liên quan đến “chương trình khung” gồm:

Khung chương trình: Theo Bộ GD&ĐT, khung chương trình là văn bản nhà nước quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và cơ cấu kiến thức cho các chương trình đào tạo. Khung chương trình xác định sự khác biệt về chương trình tương ứng với các trình độ đào tạo khác nhau [10].

Chương trình khung: Theo Bộ GD&ĐT, CT khung là văn bản Nhà nước ban hành cho từng ngành ĐT cụ thể, trong đó quy định cơ cấu nội dung môn học, thời gian giữa các môn học cơ bản và chuyên môn, giữa lý thuyết và thực hành, thực tập. Nó bao gồm khung CT cùng với những nội dung cốt lõi, ít thay đổi theo thời gian và được các trường có ĐT đều thừa nhận là không thể thiếu được. Căn cứ vào CT khung, các trường ĐH xây dựng CT của trường mình. Khác với chương trình khung, chương trình đào tạo có thể hàm chứa kiến thức từ một ngành hoặc từ một số ngành [10].

1.3.1.2. Khái niệm môn học

Theo Đại từ điển tiếng Việt, môn học là “*Bộ phận gồm những tri thức về một khóa học, trong chương trình học tập nào đó*” .

Môn học là “*Khối kiến thức và kỹ năng của một phần chương trình bộ môn cần dạy - học trong một học kỳ ở bậc đại học*”

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, môn học là “*Hệ thống (hoặc bộ phận tri thức) về một lĩnh vực khoa học được sắp xếp theo yêu cầu sự phạm để truyền thụ cho người học, mang các đặc điểm: a) Phản ánh các sự kiện, tri thức, qui luật của khoa học tương ứng phù hợp với mục đích, nhiệm vụ dạy học và khả năng nhận thức của học sinh; b) Các câu hỏi, bài tập... giúp học sinh tự kiểm tra luyện tập kỹ năng, kỹ xảo. Môn học còn có những yêu cầu phát triển năng lực hoạt động trí tuệ và giáo dục, lô gíc của môn học không rập khuôn theo lô gíc khoa học tương ứng mà là sự thống nhất giữa lô gíc khoa học và lô gíc nhận thức chung của học sinh*” .

Qua các khái niệm về môn học nêu trên, môn học được định nghĩa như sau: *Môn học*

là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập. Môn học thường có thời lượng từ 2 - 4 tín chỉ được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân phối đều trong một học kỳ Kiến thức trong mỗi môn học phải gắn với một mức trình độ của người học theo năm học thiết kế.

1.3.1.3. Phân loại môn học

Kiến thức trong mỗi môn học phải gắn với một mức trình độ của người học theo năm học thiết kế. Dựa vào chế độ tích lũy, môn học gồm 3 loại:

Môn học bắt buộc là môn học có chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của ngành hoặc chuyên ngành đào tạo, các môn học này là cơ sở để tiếp thu và phát triển các kiến thức của các môn học kế tiếp có trong chương trình, và bắt buộc người học phải tích lũy để được công nhận văn bằng.

Môn học tự chọn (lựa chọn có hướng dẫn) là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết nhưng người học được tự chọn theo hướng dẫn của cố vấn học tập, của nhà trường. Những môn học tự chọn có hướng dẫn là cơ sở định hướng hay mở rộng kiến thức cho chuyên ngành đào tạo.

Môn học chọn tùy ý là môn học có trong chương trình đào tạo do người học chọn theo sở thích, nhu cầu riêng của các nhân người học, chỉ có giá trị mở rộng kiến thức của ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình.

Dựa vào hình thức và tính chất nội dung, môn học gồm 3 loại sau:

Môn học lý thuyết là môn học giảng viên và sinh viên làm việc trên lớp, bao gồm thuyết trình, chữa bài tập, thảo luận (xêmina), làm việc theo nhóm có thầy hướng dẫn. Để triển khai thực hiện môn học lý thuyết, giảng viên cần lựa chọn trong nội dung dạy - học vấn đề cốt lõi và tìm các phương pháp phù hợp truyền đạt kiến thức cho sinh viên, các vấn đề còn lại giảng viên hướng dẫn cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu, đồng thời hướng dẫn các hình thức KT – ĐG đối với nội dung của môn học. Nói đến môn học lý thuyết, nhiều người nghĩ rằng chỉ có những giờ học lý thuyết với việc thuyết trình của giảng viên và sự lắng nghe của sinh viên. Trong đào tạo theo tín chỉ, điều này lại càng không hẳn vậy. Sau các giờ lý thuyết, giảng viên cần tổ chức các xêmina, giờ thảo luận nhóm, yêu cầu sinh viên trình bày các vấn đề mà trong giờ lý thuyết giảng viên đã giao cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu, hoặc các vấn đề lý thuyết cần được mở rộng, hoặc làm sâu thêm và vận

dụng vào thực tiễn.

Trong các giờ xêmina giảng viên đóng vai trò quan trọng trong hướng dẫn, định hướng, đánh giá và tổng kết. Để chuẩn bị các hoạt động cho giờ thảo luận nhóm, xêmina, giảng viên phải chuẩn bị các vấn đề mang tính sáng tạo và ứng dụng thực tiễn cao.

Môn học thực hành là môn học sinh viên phải làm thực hành, thí nghiệm, khảo sát thực địa, làm việc trong phòng thí nghiệm... Trong các môn học này, sinh viên phải làm việc tương đối độc lập, phát huy tính sáng tạo để vận dụng những kiến thức tiếp thu được trong môn học lý thuyết vào thực hành, thực nghiệm, giảng viên chỉ đóng vai trò chỉ đạo và hướng dẫn sinh viên trong quá trình thực hành, áp dụng các kiến thức lý thuyết của môn học vào tình huống gần thực tế hoặc thực tế.

Môn học kết hợp lý thuyết và thực hành là môn học có một phần giảng lý thuyết hoặc thuyết trình của giảng viên về vấn đề cốt lõi, cơ bản của môn học mà sau đó sinh viên sẽ phải tiến hành làm thí nghiệm hoặc thực hành những kiến thức, kỹ năng của môn học trong phòng thí nghiệm, khảo sát thực địa, điền dã.

1.3.1.4. Môn học và chương trình đào tạo

Môn học là thành tố cấu thành nên chương trình đào tạo, có thể so sánh môn học như những viên gạch, chương trình đào tạo như bức tường của ngôi nhà. Để xây dựng nên bức tường của ngôi nhà vững chắc cần những viên gạch đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật. Trong chương trình đào tạo của ngành học, khoá học nói chung và trong từng khối kiến thức của chương trình nói riêng, mỗi môn học có vị trí, ý nghĩa vai trò và đặc thù riêng, cung cấp những kiến thức nhất định cho người học, và thông qua việc truyền tải kiến thức của mỗi môn học các kỹ năng khác được rèn luyện.

Chương trình đào tạo đại học thường gồm 4 - 5 khối kiến thức: 1) *Khối kiến thức chung (đại cương)*; 2) *Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành*; 3) *Khối kiến thức cơ sở ngành*; 4) *Khối kiến thức chuyên ngành*; và 5) *Khối kiến thức nghiệp vụ*. Mỗi khối kiến thức và các môn học thuộc khối kiến thức đó có vai trò của mình trong việc đạt chuẩn đầu ra của một ngành đào tạo, cũng như hình thành một cử nhân khoa học bậc đại học, đồng thời có mối quan hệ qua lại, tương tác với nhau trong quá trình đào tạo một giáo viên, kỹ sư v.v... đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động đang đòi hỏi ngày càng cao. Cán bộ quản lý chương trình cũng như giảng viên phải xác định được vị trí của môn học, vai trò của nó trong quá trình đào tạo và mối quan

hệ của nó với các môn học khác.

Trong CTMH cần xác định vị trí của môn học trong chương trình đào tạo của ngành học, chỉ rõ loại môn học, môn học tiên quyết và môn học kế tiếp của môn học đó, đồng thời cũng cần nêu được cấu trúc môn học, thời lượng (số tín chỉ). Điều quan trọng và không thể thiếu được đó là xác định mục tiêu môn học, mục tiêu từng nội dung của môn học về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Việc xác định mục tiêu cụ thể của từng phần, từng nội dung là rất cần thiết, bởi lẽ mục tiêu này được xem như là chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng của môn học, làm cái mốc cho người dạy và người học cùng hướng tới, và làm cơ sở cho quản lý việc kiểm tra - đánh giá kết quả môn học. Trên cơ sở mục tiêu cụ thể của môn học, phần nội dung môn học, cần chỉ rõ các tài liệu học tập cho môn học, tài liệu học tập cho từng nội dung của môn học. Cũng trên cơ sở mục tiêu môn học, căn cứ số lượng và trình độ của sinh viên, điều kiện về cơ sở, trang thiết bị phục vụ dạy học, giảng viên lựa chọn và kết hợp hài hoà các hình thức tổ chức và phương pháp dạy học phù hợp. *Đây chính là sự khác biệt của chương trình môn học trong học chế tín chỉ so với chương trình môn học trong niên chế truyền thống.*

Để đảm bảo chất lượng môn học trong chương trình đào tạo, việc xác định và phân cấp quản lý các phần cấu trúc nội dung môn học là rất cần thiết. Việc phân cấp quản lý cấu trúc nội dung môn học được thể hiện là Nhà trường xây dựng các chương trình giáo dục đại học còn bộ môn xây dựng chương trình môn học.

1.3.2. Chương trình môn học trong đào tạo theo học chế tín chỉ

1.3.2.1. Khái niệm về tín chỉ

Tín chỉ, giờ tín chỉ đã được sử dụng khá phổ biến trong GDĐH của nhiều nước trên thế giới để chỉ một đơn vị chuẩn dùng đo kết quả học tập và sự tiến bộ của SV, song về khía cạnh định lượng của đơn vị đo này lại có nhiều định nghĩa chưa đồng nhất. Tín chỉ là một số đo định lượng theo thời gian được gán cho các môn học hoặc các hoạt động học tập tương ứng với môn học. Đơn vị đo này được xác định bởi 50 phút giảng dạy trong một tuần cho một học kỳ [12].

Trong Điều 3 Quy chế đào tạo ĐH và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT chỉ rõ: Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của SV. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30-40 tiết học thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; 45-60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín

chỉ SV phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân. Hiệu trưởng các trường quy định số tiết, số giờ đối với từng học phần cho phù hợp với đặc điểm của trường. Đối với những chương trình, khối lượng của từng học phần đã được tính theo đơn vị học trình thì 1.5 ĐVHT được quy đổi thành 1 tín chỉ, 1 tiết học được tính bằng 50 phút [12].

1.3.2.2. Đặc trưng của đào tạo theo học chế tín chỉ

Tổ chức ĐT theo niên chế và theo học chế tín chỉ đều có mục đích giúp cho SV học tập, nghiên cứu với sự hướng dẫn của người thầy nhằm đạt được mục tiêu ĐT của CT và của cơ sở ĐT. Song giữa hai học chế có những điểm khác nhau đó là: việc trao quyền lựa chọn và quyết định cho SV trong quá trình ĐT, lựa chọn các môn học, phương thức học tập và lập kế hoạch học tập, và người học có thể đạt được các mục tiêu học tập này bằng các cách khác nhau. Trong ĐT theo học chế tín chỉ, SV được tự chọn nội dung, phương pháp, chủ động lập kế hoạch thực hiện nội dung học tập để đạt được mục tiêu học tập của mình. Trong quá trình học, tùy theo yêu cầu của XH, sở thích và khả năng của mình, SV có thể thay đổi mục tiêu, lựa chọn môn học cho phù hợp. Ưu điểm đặc trưng của ĐT theo hệ thống tín chỉ được thể hiện 3 bình diện sau: 1) Hiệu quả học tập cao; 2) Tính mềm dẻo khả năng thích ứng cao; 3) Hiệu quả về quản lý và giá thành ĐT [12].

Hiệu quả học tập cao: ĐT theo hệ thống tín chỉ với đặc điểm là người học có quyền lựa chọn môn học, điều này làm cho GDDH hướng tới người học, cá nhân hóa quá trình ĐT. ĐT theo hệ thống tín chỉ tạo điều kiện cho người học chủ động lập kế hoạch học tập cho toàn bộ quá trình học tập tại trường tùy thuộc vào điều kiện, khả năng của cá nhân người học và ghi nhận sự tiến bộ, thành tích của người học sau mỗi giai đoạn tích lũy.

Mỗi môn học trong ĐT theo tín chỉ kéo dài trong suốt một kỳ học khoảng 15-20 tuần, do vậy cả người dạy và người học đều chủ động hơn trong việc dạy và học, đặc biệt người dạy chủ động trong việc xác định cái cần dạy và cần dạy như thế nào. Việc kiểm tra đánh giá môn học được tiến hành thường xuyên thông qua nhiều hình thức khác nhau và cũng kéo dài trong suốt học kỳ nên gánh nặng thi cử cũng được giảm nhẹ, đồng thời cũng tạo động lực cho người học luôn phải cố gắng không thể chây lười trong học tập. Học chế tín chỉ cho phép ghi nhận cả những kiến thức, kỹ năng tích lũy ngoài giờ học. Nhiều trường ĐH đã cấp tín chỉ cho các hoạt động giáo dục ngoài lớp học, như vậy các hoạt động độc lập của SV và các hoạt động GD

không truyền thống khác được trường ghi nhận, đánh giá và cấp tín chỉ để tiến tới văn bằng. Điều này khuyến khích được số đông SV tham gia học ĐH và được học trong điều kiện tương đối mở và thuận lợi.

Tính mềm dẻo và khả năng thích ứng cao: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc thực hiện CTĐT, cụ thể như:

Sinh viên chủ động trong việc xây dựng kế hoạch học tập để tiến tới một văn bằng theo điều kiện của từng cá nhân. SV có thể bố trí xen kẽ các thời gian làm việc và học tập, hoàn thành CT học tập của mình theo hình thức bán thời gian. SV dễ dàng thay đổi chuyên môn chính trong quá trình học tập. Thay vì phải học lại ngay từ đầu, SV chỉ cần học bổ sung các tín chỉ cần thiết để hoàn tất CT học một ngành học mới và nhận văn bằng trên cơ sở được thừa nhận số tín chỉ đã được tích lũy trong CT học từ trước.

Hệ thống tín chỉ được xem là ngôn ngữ chung của các trường ĐH trong việc cho phép SV chuyển đổi từ trường này sang trường khác tùy theo sở thích về ngành nghề và năng lực học tập của họ. Theo đó SV có thể tích lũy số tín chỉ của nửa đầu CTĐT ở trong nước và có thể tiếp tục hoàn thành nửa còn lại của CT ở một trường khác, thậm chí là ở nước khác theo yêu cầu của trường cấp bằng. Trong ĐT theo tín chỉ việc đề xuất bổ sung, thay thế môn học mới dễ dàng hơn nhiều so với ĐT theo niên chế. Do vậy, việc cải tiến, cập nhật và phát triển CTĐT một cách liên tục, gắn với yêu cầu sử dụng, thích ứng nhanh chóng với các yêu cầu mới của phát triển kinh tế XH, đáp ứng nhu cầu thay đổi hàng ngày của thị trường lao động. Mặt khác, sử dụng hệ thống tín chỉ tạo điều kiện cho các trường ĐH phát triển các CT song đôi, tổ chức các CTĐT kép [12].

Tính hiệu quả về mặt quản lý và giá thành ĐT: Trong đào tạo theo học chế tín chỉ thành quả học tập của SV được công nhận trên cơ sở tích lũy các tín chỉ ứng với từng môn học, từng mô đun, chứ không phải tích lũy theo năm học. Việc chưa hoàn thành một môn học không ảnh hưởng nhiều đến quá trình học tập của SV, vì học có thể học lại môn học đó hoặc chọn môn học khác để học thay thế. SV không phải học lại cả năm học vì chỉ chưa hoàn thành một môn học, như vậy chi phí của SV cho việc học tập là giảm đi đáng kể, khái niệm lên lớp, hay lưu ban không còn tồn tại trong học chế tín chỉ.

Hệ thống tín chỉ khuyến khích các trường ĐH đa ngành, đa lĩnh vực cần tổ

chức những khối kiến thức chung cho nhiều lĩnh vực và giảng dạy các môn học trong khối kiến thức đó được thực hiện bởi một bộ môn chung cho cả một ĐH, chứ không cần các bộ môn trong khoa. Điều này cho phép các trường chuyên môn hóa đội ngũ giảng viên và có thể nâng cao chất lượng giảng dạy của họ. Hệ thống tín chỉ cho phép kết hợp các nguồn lực, phối hợp giữa các đơn vị để giảng dạy, tránh được sự trùng lặp về môn học và sự dư thừa giảng viên. Từ đó các trường đi học sử dụng nhân lực và các nguồn lực khác một cách tối ưu hơn, hiệu quả hơn.

Luận án đi sâu phân tích những ưu điểm trong việc triển khai CTĐT theo học chế tín chỉ là để tạo điều kiện thuận lợi nhiều cho người học, tạo nhiều cơ hội học tập cho các đối tượng người học khác nhau, làm cho người học chủ động hơn trong hoạt động học tập. Có thể khẳng định phương thức ĐT theo tín chỉ là học chế mềm dẻo hướng về SV, tăng cường tính chủ động, khả năng, động cơ tự học, tự nghiên cứu của SV trong khi đó nhà trường, giảng viên tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho SV tích lũy kiến thức, kỹ năng trong quá trình được ĐT trong trường. Đặc biệt nó tạo một tác phong công nghiệp, chuyên nghiệp đối với mọi hoạt động của nhà trường kể cả đối với sinh viên và GV, vì mọi hoạt động ĐT trong trường phải được khớp nối đúng thời gian và địa điểm, và quản lý chặt chẽ quá trình học tập trên lớp và tự học của SV để đảm bảo chất lượng ĐT.

1.3.2.3. Chương trình môn học Giáo dục thể chất

Chương trình môn học Giáo dục thể chất nhằm mục tiêu cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. [23]

Khối lượng kiến thức của chương trình môn học Giáo dục thể chất mà người học cần tích lũy tối thiểu là 3 (ba) tín chỉ. Cơ sở giáo dục đại học quy định cụ thể khối lượng kiến thức môn học này phù hợp với yêu cầu của từng ngành đào tạo.

Tổ chức xây dựng chương trình: Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học quyết định số lượng thành viên tham gia và ra quyết định thành lập tổ soạn thảo chương trình môn học Giáo dục thể chất. Chỉ đạo tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, duyệt giáo trình theo chương trình môn học Giáo dục thể chất theo qui định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tiễn và các tiến bộ khoa học chuyên ngành. Công bố công khai chương trình

môn học Giáo dục thể chất ngay từ đầu khóa học để người học có thể lựa chọn các học phần và đăng ký học tập, bố trí giảng viên, đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của chương trình môn học Giáo dục thể chất và việc tập luyện thể dục, thể thao nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực cho người học, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện

Đánh giá kết quả học tập: Việc đánh giá các học phần, đánh giá kết quả học tập chương trình môn học Giáo dục thể chất được quy định cụ thể trong chương trình môn học và không tính vào điểm trung bình chung học tập của học kỳ, năm học hay khóa học. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ cho người học sau khi đã hoàn thành chương trình môn học Giáo dục thể chất.

Tuy nhiên, bên cạnh đó chương trình môn học GTDC còn tồn tại một số điểm cần khắc phục đối với hệ thống nói chung và chương trình GDTC của trường Đại học Hùng Vương. Cụ thể:

- Cấu trúc chương trình GDTC chưa bảo đảm tính thống nhất, thiếu cân đối về nội dung, chủ yếu phản ánh các nội dung bài tập, do đó hạn chế việc thúc đẩy đội ngũ giảng viên TĐTT và SV hướng tới các mục tiêu của GDTC và phát huy tính tự học tự rèn luyện của SV. Còn xem nhẹ việc thực hiện chương trình GDTC, triển khai thực hiện chương trình GDTC một cách hình thức, kém hiệu quả.

Việc đổi mới phương pháp còn nhiều bất cập, cách dạy và cách học hiện nay cơ bản là truyền thụ kiến thức một chiều, SV thụ động tiếp thu kiến thức và ghi nhớ máy móc, chưa tạo được động cơ đổi mới phương pháp dạy học; chưa gây được hứng thú cho SV tích cực học tập và rèn luyện TĐTT; chưa phát huy được năng lực tự học, khả năng tư duy độc lập và rèn luyện kỹ năng của SV. Nhìn chung, chất lượng giờ học GDTC chưa cao, hình thức hoạt động đơn điệu, chưa thực hiện đầy đủ mục tiêu của GDTC.

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HS còn phiến diện, lạc hậu, thiên về yêu cầu SV nhớ kiến thức và cấu trúc kỹ thuật động tác, ít quan tâm tới mục tiêu phát triển năng lực vận động và thói quen tập luyện. Việc đánh giá kết quả học tập rèn luyện của SV chưa coi trọng việc đánh giá bằng nhận xét, xếp loại, chưa động viên, khuyến khích SV vươn lên, tạo hứng thú tập luyện, phát huy năng lực tự học và tự rèn luyện của SV.

1.3.2.4. Định hướng xây dựng chương trình môn học Giáo dục thể chất

Giáo dục thể chất và thể thao trường học là một mặt của Giáo dục toàn diện, góp phần quan trọng trong việc đào tạo con người mới có năng lực, trí tuệ, thể lực và sức khỏe tốt.

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả GDTC và thể thao trường học là yêu cầu khách quan giúp thế hệ trẻ Việt Nam có sức khỏe, thể chất tốt, có kỹ năng cần thiết để hình thành lối sống lành mạnh, vận động tích cực suốt đời, đáp ứng yêu cầu “*Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao*” – một trong ba khâu đột phá của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 đã được xác định tại Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng (2011) [4].

Trên cơ sở phân tích và tổng hợp các công trình nghiên cứu, đề tài xác định các định hướng đổi mới chương trình môn GDTC tự chọn cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương:

Đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các ngành nghề đào tạo của trường Đại học Hùng Vương.

Đảm bảo chương trình môn học GDTC có sự mềm dẻo trong việc SV được tự chọn các môn thể thao. Đặc biệt đối với lớp sức khỏe yếu là lớp dành cho sinh viên có chỉ định của bác sỹ về tình trạng sức khỏe không đảm bảo cho việc hoạt động TDTT và sinh viên khuyết tật.

Tạo các yêu cầu về cấp độ đạt được với các kỹ năng thực hành của mỗi môn thể thao trong chương trình môn học GDTC tự chọn. Tối thiểu là 2 cấp độ (thể thao nâng cao) nhằm phát triển các sinh viên có khả năng đặc biệt đối với môn thể thao đó. Đây là các lớp thể thao làm nòng cốt cho các đội tuyển của Trường Đại học Hùng Vương.

Tạo tiền đề phát triển hoạt động thể thao ngoại khóa, nâng cao thể lực cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương.

Cụ thể về xây dựng chương trình GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương như sau:

Tổ chức đánh giá chất lượng và hiệu quả thực hiện chương trình GDTC hiện hành và đề xuất để xây dựng chương trình GDTC theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của SV;

Tổ chức xây dựng quy định về chương trình GDTC theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của SV;

Xây dựng chương trình GDTC chi tiết đảm bảo mục tiêu và thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Tổ chức biên soạn bộ tiêu chí kiểm tra, đánh giá chất lượng chương trình và kết quả thực hiện chương trình GDTC;

Tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng và kết quả thực hiện GDTC;

Xây dựng tài liệu, tổ chức tập huấn hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, tự giác, rèn luyện và bồi dưỡng phẩm chất, năng lực và kỹ năng vận động cho sinh viên.

Tổ chức tập huấn cho đội ngũ giảng viên TDDT về đổi mới phương pháp giảng dạy và cách kiểm tra, đánh giá kết quả GDTC và hoạt động thể thao của sinh viên.

1.3.2.5. Cách tiếp cận xây dựng chương trình môn học Giáo dục thể chất

Cách tiếp cận xây dựng chương trình môn học GDTC phản ánh quan điểm tổng quát bao gồm các cơ sở của một chương trình: cơ sở triết học, lịch sử, tâm lý học, lý luận dạy học và cơ sở xã hội học cũng như các nguyên lý về lý thuyết, thực hành của nội dung chương trình môn học GDTC.

Theo tác giả Nguyễn Đức Chính [31] thì trong quá trình phát triển chương trình giáo dục từ trước tới nay, các chuyên gia xây dựng chương trình thường dựa theo 3 cách tiếp cận sau đây:

- (1) Cách tiếp cận nội dung (The content approach).
- (2) Cách tiếp cận theo mục tiêu (The objective approach).
- (3) Cách tiếp cận quá trình (The process approach) hay cách tiếp cận phát triển (The development approach).

Mỗi cách tiếp cận đều thể hiện ưu điểm và đồng thời cũng bộc lộ những yếu điểm. Trong xây dựng chương trình môn học GDTC của trường Đại học Hùng Vương được thực hiện theo cách tiếp cận phát triển.

Theo tác giả Nguyễn Đức Chính [31] thì cách tiếp cận phát triển (hay còn gọi là cách tiếp cận quá trình) cho giáo dục là sự phát triển, chương trình giáo dục được xem là quá trình (Curriculum as process and education as development). Giáo dục là sự phát triển với nghĩa là phát triển con người, phát triển mọi tiềm năng, kinh nghiệm của con người để giúp họ có thể làm chủ được bản thân, khẳng định được chính mình trong thực tế, đương đầu với mọi thử thách một cách chủ động, sáng tạo. Xây dựng chương trình theo cách tiếp cận phát triển chú trọng đến sự phát triển khả năng hiểu biết, tiếp thu ở người học hơn là truyền thụ khối lượng nội dung kiến thức đã được xác định từ trước. Chương trình theo cách tiếp cận này sẽ giúp người học phát triển được

tối đa các tố chất sẵn có, phát huy được năng lực tiềm ẩn của họ, đây là sự khác biệt với quan điểm tiếp cận theo mục tiêu với nét đặc trưng là cứng nhắc, khuôn mẫu.

Theo cách tiếp cận này với quan điểm là giáo dục là phát triển, còn chương trình đào tạo là quá trình, thì việc tổ chức xây dựng chương trình chú trọng nhiều đến khía cạnh nhân văn của chương trình đào tạo, của đối tượng đào tạo với nhu cầu, sở thích hứng thú riêng, và đây cũng được xem là xuất phát điểm của việc xây dựng chương trình. Xây dựng chương trình theo cách tiếp cận phát triển tạo ra lý thuyết về phương pháp dạy - học chủ động “lấy người học làm trung tâm”. Trong đó, vai trò người thầy chuyển thành người hướng dẫn, người học được rèn luyện cách tự học, tự phát hiện và giải quyết vấn đề, tự điều chỉnh quá trình đào tạo với sự giúp đỡ của người thầy.

Nhiều chuyên gia giáo dục cho rằng cách tiếp cận này có nhiều ưu điểm hơn so với cách tiếp cận theo nội dung và mục tiêu vì chương trình xây dựng theo cách tiếp cận phát triển giúp hình thành ở người học tính chủ động, và chú trọng đến sự phát triển nhân cách, tính sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề trong tình huống thực của cuộc sống của người học.

1.3.3. Nguyên tắc xây dựng chương trình môn học giáo dục thể chất

1.3.3.1. Nguyên tắc về phương pháp Giáo dục thể chất

Đề tài đã tiến hành xác định các nguyên tắc có liên quan đến xây dựng chương trình môn học GDTC. Vì GDTC thực chất là một quá trình sư phạm đặc biệt. Để xác định được các nguyên tắc xây dựng nội dung chương trình môn học, đề tài bước đầu đã tiến hành phân tích và tổng hợp các công trình nghiên cứu và tài liệu có liên quan khoa học TDDT. Đặc biệt là các cơ sở lý luận và phương pháp TDDT nói chung và trường học nói riêng. Các công trình nghiên cứu của của các tác giả như: Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên [45], Lê Văn Lãm, Vũ Đức Thu [58], V.P.Philin [68], Nguyễn Văn Thời [81], Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền, Dương Văn Hiền, Nguyễn Chí Cường, Phạm Cho, Cao Hồng Châu, Nguyễn Hữu Quý, Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn [84], Đồng Văn Triệu [86], Vũ Đức Văn [88], Võ Văn Vũ [91].

Kết quả phân tích và tổng hợp các công trình nghiên cứu nêu trên đã cho phép đề tài bước đầu đi đến một số nhận xét và thống nhất như sau về các nguyên tắc giáo dục thể chất:

Những nguyên lý chung nhất xác định toàn bộ phương hướng và tổ chức hoạt

động GDTC là phát triển cân đối, toàn diện con người, giáo dục phải liên hệ với thực tiễn lao động, quốc phòng và nâng cao sức khỏe. Các nguyên tắc về phương pháp GDTC bao gồm:

- (1) Nguyên tắc tự giác và tích cực.
- (2) Nguyên tắc trực quan.
- (3) Nguyên tắc thích hợp và cá biệt hóa.
- (4) Nguyên tắc hệ thống.
- (5) Nguyên tắc tăng dần yêu cầu.

Mặc dù đây là những nguyên tắc cơ bản về phương pháp GDTC, đồng thời có sự phân tách riêng lẻ thành những nguyên tắc cụ thể. Song trong quá trình xây dựng chương trình môn học thì chúng vẫn phải được đảm bảo và liên hệ chặt chẽ với nhau. Mỗi một nguyên tắc là tiền đề để thực hiện các nguyên tắc khác của GDTC, song cũng là tiền đề để xây dựng nội dung chương trình môn học GDTC theo mức độ tăng dần về yêu cầu, lượng vận động, kỹ năng đối với người học ở từng cấp độ chương trình môn học.

Không một nguyên tắc nào kể trên được loại trừ, chương trình môn học TĐTT khi xây dựng cần có sự quán triệt thống nhất các nguyên tắc về phương pháp GDTC mới mong đạt được hiệu quả lớn nhất trong thực tiễn GDTC cho sinh viên bậc đại học.

Với mục tiêu của đề tài nhằm xây dựng được các chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ cho SV không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương, chúng tôi đã tham khảo các tài liệu về ứng dụng các nguyên tắc về phương pháp GDTC. Kết quả phân tích và tổng hợp các giáo trình 8 môn thể thao mà đã được lựa chọn. Các quy luật này được thể hiện trong các nguyên tắc giảng dạy, bởi vậy để đạt hiệu quả cao trong giảng dạy phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc sau:

(1) Nguyên tắc tự giác tích cực.

Nguyên tắc này đòi hỏi phải hình thành ý thức tự giác và hiểu rõ mục đích của việc tập luyện làm cho người tập tham gia một cách tự giác tích cực vào quá trình học tập và biết tự kiểm tra đánh giá những hoạt động và kết quả tập luyện.

Để đảm bảo tính tự giác tích cực trong tập luyện phải thực hiện các yêu cầu sau:

Giải thích mục đích ý nghĩa của mỗi bài tập và phương thức thực hiện bài tập đó.

Tự tìm ra những nguyên nhân thành công và sai lầm (học tập có suy nghĩ).

Nhận xét và đánh giá khách quan các thành tích đạt được.

Giao cho các bài tập để tự tập luyện.

(2) Nguyên tắc hệ thống và liên tục.

Thực hiện nguyên tắc hệ thống trong giảng dạy tức là tuân thủ trình tự hợp lý trong nội dung giảng dạy trong việc áp dụng các phương tiện, phương pháp giáo dục thể chất trong khi tổ chức và tiến hành học tập. Để đảm bảo nguyên tắc hệ thống phải thực hiện các quy tắc sau:

Phải lập kế hoạch cho toàn bộ quá trình tập luyện, xác định trình tự cho các buổi tập và nội dung tập luyện.

Thường xuyên đánh giá kết quả quá trình tập luyện.

Đảm bảo tập luyện thường xuyên liên tục tránh nghỉ tập không có lý do.

Xác định trình tự bài tập và nội dung trong buổi tập đúng đắn.

Đi đôi với việc lập lại bài tập cần đa dạng hoá các phương tiện tác động (bài tập, phương pháp, điều kiện ngoại cảnh)

(3). Nguyên tắc trực quan.

Các cơ quan thụ cảm (thính giác, thị giác) có vai trò rất quan trọng trong việc tiếp thu động tác... Thông qua các cơ quan này người học hình thành được trong tư duy hình ảnh của động tác. Trong mỗi giai đoạn tập luyện trực quan có vai trò khác nhau. Để đảm bảo nguyên tắc trực quan cần phải tuân thủ các quy tắc sau:

Xác định nội dung, nhiệm vụ học tập cần phải được giải quyết bằng phương tiện trực quan.

Thông qua các giác quan tạo cho người tập khái niệm được toàn bộ động tác.

Sử dụng hợp lý các phương tiện trực quan.

Sử dụng phương tiện trực quan theo trình độ và lứa tuổi. Trình độ và lứa tuổi càng thấp càng nên áp dụng rộng rãi phương tiện trực quan.

(4). Nguyên tắc dễ hiểu, dễ tiếp thu, vừa sức.

Nguyên tắc này đòi hỏi sự lựa chọn và bố trí các bài tập hợp lý theo độ khó và chú ý đến lứa tuổi, giới tính và đặc điểm cá nhân của người học. Nguyên tắc này được thể hiện ở tất cả các thành phần của quá trình giảng dạy: làm mẫu, giải thích, sử dụng tài liệu, lượng vận động... Nguyên tắc vừa sức đòi hỏi tuân thủ các quy tắc sau:

Thực hiện đúng chương trình tập luyện và các tiêu chuẩn về phương tiện.

Chú ý đến lứa tuổi và đặc điểm cá nhân.

Tuân thủ các quy tắc “từ biết đến chưa biết”, “từ dễ đến khó”, “từ đơn giản đến

phức tạp”.

(5). *Nguyên tắc bền vững.*

Nguyên tắc bền vững là bảo đảm duy trì các kỹ năng và khả năng làm việc thu được trong quá trình lâu dài hoặc thay đổi trong sự hạn định trước để khi chuyển động tác thì động tác cũ không bị phá vỡ. Thực hiện nguyên tắc bền vững phải tuân thủ các quy tắc sau:

Không nên vội chuyển sang động tác mới.

Không nên làm tăng độ khó bài tập bằng các động tác mới.

Đưa vào buổi tập những bài tập hoặc những yếu tố đã nắm vững từ trước kết hợp với các yếu tố mới hoặc các dạng mới.

Nâng cao dần cường độ và khối lượng bài tập.

Đánh giá người học một cách khách quan và theo định kỳ.

Nghi ngơi hợp lý giữa các bài tập.

Các nguyên tắc giảng dạy trên được phân định chỉ có ý nghĩa tương đối. Các nguyên tắc giảng dạy có sự liên quan chặt chẽ với nhau bởi vì trong quá trình giảng dạy sẽ chịu tác động của nhiều yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Để đạt được hiệu quả trong giảng dạy phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc giảng dạy và kết hợp chặt chẽ các nguyên tắc này trong một thể thống nhất.

1.3.3.2. *Các nguyên lý tổ chức huấn luyện cho giờ học*

Hiệu quả của quá trình huấn luyện có thể được bảo đảm trên cơ sở của một cấu trúc nhật định, đó là một trật tự tương đối ổn định liên kết các yếu tố của quá trình huấn luyện, trình tự chung và tương quan có tính quy luật của chúng. Dưới đây sẽ phân tích tóm tắt các nguyên lý tổ chức huấn luyện cho SV.

Kết quả phân tích và tổng hợp các nguồn tài liệu của các tác giả V.P Philin [68], Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn [84], Đồng Văn Triệu [86] chúng tôi rút ra được các nguyên lý tổ chức huấn luyện cho SV trong các buổi tập luyện thể thao.

Các buổi tập luyện thể thao của SV được xây dựng theo các quy luật chung về tổ chức các giờ học giáo dục thể chất. Hiệu quả của chúng phụ thuộc đáng kể vào việc tổ chức hợp lý, bảo đảm mật độ cần thiết của các buổi tập, lựa chọn liều lượng vận động tối ưu, tính toán đầy đủ các đặc điểm cá nhân của SV. Tùy thuộc vào tín chỉ nâng cao và các nhân tố nêu trên, có thể có các hình thức tổ chức tập luyện khác nhau: tập theo nhóm, tập cá nhân riêng lẻ, tập đồng loạt và tự tập. Với hình thức tập luyện theo

nhóm sẽ có những điều kiện tốt để tạo nên không khí thi đua trong quá trình tập luyện, sự giúp đỡ lẫn nhau của các SV khi thực hiện bài tập. Hình thức tập luyện cá nhân riêng lẻ các SV sẽ nhận nhiệm vụ và tự thực hiện. Hình thức này có ưu điểm là tạo điều kiện tối ưu để định liều lượng vận động riêng cho cá nhân, giáo dục cho SV tính tự chủ, thái độ sáng tạo trong tập luyện. Với hình thức tập luyện đồng loạt, một nhóm SV đồng thời thực hiện cùng một bài tập. Trong trường hợp này giảng viên có khả năng thực hiện việc chỉ đạo chung đối với nhóm tập và đối xử cá biệt với từng người tập. Một trong những hình thức của quá trình huấn luyện là các buổi tự tập thể dục buổi sáng, các buổi tập cá nhân theo nhiệm vụ của giảng viên giao (toàn bộ bài tập, trình tự thực hiện chúng, tài liệu về phương pháp cần thiết).

Trong quá trình giảng dạy - huấn luyện, người ta phân biệt các buổi huấn luyện thể lực chung và các buổi huấn luyện chuyên môn mà nhiệm vụ chủ yếu của chúng là ưu tiên huấn luyện thể lực chuyên môn, kỹ thuật, chiến thuật. Một buổi huấn luyện bao gồm 3 phần: chuẩn bị, cơ bản, kết thúc. Nội dung cụ thể của mỗi phần do các đặc điểm của buổi tập trong môn thể thao lựa chọn qui định.

Nhiệm vụ của phần chuẩn bị là tổ chức lớp thành đội ngũ, báo cáo, thông báo nhiệm vụ của buổi tập... Vị trí trung tâm trong phần chuẩn bị là chuẩn bị về chức năng cho cơ thể người tập cho hoạt động chủ yếu sắp tới thông qua các bài tập có định lượng và với thời gian ngắn. Việc lựa chọn các phương tiện cho phần chuẩn bị của buổi tập tùy thuộc vào đặc điểm môn thể thao, nhiệm vụ và nội dung của phần cơ bản. Thời gian của phần chuẩn bị thường kéo dài khoảng 30-40 phút.

Trong huấn luyện các vận động viên, phần chuẩn bị của buổi tập được thay bằng khởi động - đó là tập hợp các bài tập được lựa chọn chuyên môn cho VĐV thực hiện nhằm mục đích chuẩn bị cho cơ thể đối với hoạt động sắp tới. Khởi động có tác dụng làm nâng cao các khả năng chức năng của cơ thể VĐV, tạo điều kiện để biểu hiện khả năng hoạt động cực đại. Khởi động bao gồm 2 phần là “làm nóng” cơ thể và điều chỉnh cơ thể để phù hợp với hoạt động thể thao sắp tới. Nhiệm vụ của phần đầu khởi động là nâng cao khả năng hoạt động chung của VĐV chủ yếu bằng cách tăng cường hoạt động các chức năng thực vật của cơ thể. Nhiệm vụ phần thứ hai của khởi động là chuẩn bị cho VĐV bước vào thực hiện bài tập đầu tiên của phần cơ bản, “điều chỉnh” cho phù hợp để thực hiện những bài tập đặc thù đối với môn thể thao và chiếm vị trí chủ yếu trong phần cơ bản của buổi tập. Thời gian

khởi động tối thiểu là 25-30 phút.

Nội dung của khởi động trước thi đấu về cơ bản cũng giống như trước buổi huấn luyện, song việc tiến hành khởi động trước thi đấu có những đặc điểm riêng. Nó được bắt đầu trước khi thi đấu từ 60-80 phút và thường gồm 3 phần: “làm nóng cơ thể” và điều chỉnh cho hoạt động sắp tới; dừng lại nghỉ và chuẩn bị ra vị trí thi đấu; điều chỉnh lần cuối cùng tại vị trí thi đấu.

Việc giải quyết các nhiệm vụ phức tạp nhất của buổi tập được thực hiện trong phần cơ bản. Đặc điểm của phần này là có lượng vận động về thể lực và tâm lý cao nhất, đạt mức cần thiết để giải quyết các nhiệm vụ hoàn thiện tất cả các mặt của quá trình giảng dạy – huấn luyện. Khi lập kế hoạch và thực hiện phần cơ bản của buổi tập, cần tuân thủ các quy tắc sau: các nhiệm vụ huấn luyện kỹ thuật thường được giải quyết trong 1/3 thời gian đầu của phần cơ bản khi mà SV còn đang trong trạng thái sẵn sàng tối ưu để tiếp nhận những yếu tố mới của kỹ thuật thể thao. Lượng vận động lớn nhất được thực hiện trong 1/3 thời gian thứ hai của phần cơ bản và sau đó dần dần được giảm đi ở 1/3 thời gian cuối cùng. Các buổi tập tổng hợp giải quyết song song một vài nhiệm vụ có tác động toàn diện và đáng kể lên cơ thể người tập.

Trình tự áp dụng các bài tập có hướng ưu tiên khác nhau trong phần cơ bản của buổi tập có thể như sau: đầu tiên thực hiện các bài tập phát triển sức nhanh; sau đó các bài tập nhằm phát triển sức mạnh; các bài tập nâng cao khả năng phối hợp động tác thường được thực hiện vào đầu phần cơ bản của buổi tập; các bài tập mềm dẻo thường được luân phiên với những bài tập khác (đặc biệt với các bài tập sức mạnh và tốc độ - sức mạnh). Trong phần cơ bản có thể sử dụng cả những bài tập chuẩn bị, bài tập cơ bản và những dạng bài tập khác. Thời gian của phần cơ bản kéo dài 80-90 phút.

Phần kết thúc buổi tập bảo đảm việc giảm dần lượng vận động, tạo điều kiện cần thiết nhất định cho hoạt động tiếp sau, tổng kết buổi tập. Nội dung chủ yếu của phần kết thúc: thực hiện các bài tập không phức tạp với cường độ giảm dần; các bài tập đội ngũ. Thời gian phần kết thúc buổi tập khoảng 8-10 phút.

Hướng ưu tiên của buổi tập, các nhiệm vụ, phương tiện, phương pháp, độ lớn và tính chất của lượng vận động trong buổi tập được xác định theo kế hoạch giảng dạy - huấn luyện hàng tuần.

Thời gian kéo dài của buổi tập ở bậc đại học phụ thuộc vào năm học, môn thể thao, lứa tuổi, trình độ SV và các nhiệm vụ huấn luyện. Thời gian tiến hành các buổi

tập trong ngày được bố trí tùy thuộc vào các điều kiện huấn luyện, chế độ học tập và nghỉ ngơi của SV. Giảng viên cần phải theo dõi để thời gian các buổi tập càng ổn định càng tốt, vì thay đổi chế độ tập luyện thường đi đôi với sự suy giảm khả năng hoạt động của SV, làm xấu đi quá trình hồi phục sau lượng vận động tập luyện và điều đó gây ảnh hưởng xấu đến hiệu quả tập luyện.

1.3.4. Đánh giá chương trình môn học Giáo dục thể chất

1.3.4.1. Định nghĩa đánh giá chương trình giáo dục

Mechrers và Lehmann (1975) cho rằng kiểm tra, đánh giá là giải thích và miêu tả thành tích học tập của sinh viên. [96]

Quan niệm của tác giả Đặng Bá Lãm [57], về kiểm tra và đánh giá như sau:

Kiểm tra (Assessment) là quá trình xác định mục đích, nội dung, lựa chọn phương pháp, tập hợp số liệu, bằng chứng để xác định mức độ đạt được của người học trong quá trình học tập, rèn luyện và phát triển. Kiểm tra bao gồm việc xác định điều cần kiểm tra, công cụ kiểm tra và sử dụng kết quả kiểm tra, tức là đánh giá. Vì vậy cũng có khi người ta viết liền nhau “kiểm tra - đánh giá”, hoặc chỉ nói đánh giá thì cũng đã bao hàm cả kiểm tra.

Kiểm tra và đánh giá là hai công việc có thứ tự hoặc đan xen nhằm miêu tả thành tích học tập rèn luyện của sinh viên.

Có tác giả cho rằng kiểm tra - đánh giá là sự miêu tả một vài đặc trưng của một số người nào đó hoặc về một vài vấn đề gì đó... có nghĩa là mô tả những đặc trưng về sinh viên, về chương trình, về nội dung, về phương pháp, về phương tiện cũng như những đặc trưng về quản lý quá trình dạy - học.

Kiểm tra - đánh giá cũng có nghĩa là sự phán định. Thông thường đó là giảng viên phán định về sinh viên.

Sự phán định (Judgment) nghĩa là xem xét một công việc, một kết quả, một bằng chứng về thành tích rồi đem nó so sánh với các tiêu chí (tường minh hay không tường minh) để định giá trị.

Đánh giá (Evaluation).

Đánh giá mang đến cho ta ý nghĩa như là sự phán định hàm chứa các mặt kết quả, hiệu quả, hiệu suất của việc đào tạo trong trường đại học thể hiện qua sự phát triển sinh viên.

Đánh giá là một quá trình có hệ thống bao gồm việc thu thập, phân tích, giải

thích thông tin nhằm xác định mức độ người học đạt được các mục tiêu dạy học (trả lời câu hỏi: Tốt như thế nào?).

Người ta còn định nghĩa đánh giá là quá trình làm cho rõ mức độ thích hợp của đối tượng được đánh giá so với các mục tiêu đề ra.

Đánh giá có ý nghĩa của sự phán định giá trị. Do vậy sự phân định này luôn luôn đi đến quyết định, quyết định để thay đổi, quyết định để cải tiến.

Có thể mô tả các khâu đó bằng một chu trình thuận chiều kim đồng hồ để điều khiển một quá trình thực hiện công việc, trong đó tiếp theo việc đánh giá là xác định các nguyên nhân, quyết định biện pháp, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện...

Mặc dù khó có thể đưa ra một định nghĩa hoàn chỉnh về đánh giá chương trình giáo dục, nhưng cũng có thể tạm xác định một cách tiếp cận về đánh giá chương trình giáo dục như sau: “Đánh giá chương trình giáo dục là một quá trình thu thập các cứ liệu để có thể quyết định, chấp thuận, sửa đổi hay loại bỏ chương trình giáo dục đó” (A.C. Orstein, F.D. Hunkins 1998).[93]. Đánh giá chương trình giáo dục nhằm phát hiện xem chương trình giáo dục được thiết kế, phát triển và thực hiện đó có tạo ra hay có thể tạo ra những sản phẩm mong muốn hay không? Đánh giá giúp xác định điểm mạnh, điểm yếu của chương trình giáo dục trước khi đem ra thực hiện, hoặc để xác định hiệu quả của nó khi đã thực hiện qua một thời gian nhất định.

1.3.4.2. Nguồn thông tin để đánh giá chương trình giáo dục

Đánh giá chương trình giáo dục là một hoạt động tập thể. Sự hợp tác này cần thiết trong toàn bộ quá trình đánh giá và bao trùm toàn bộ các hoạt động của chương trình giáo dục, bắt đầu từ lập kế hoạch đánh giá, lựa chọn công cụ và mô hình đánh giá, đến việc thực hiện các giai đoạn trong quá trình đánh giá [1], [31].

Trong hoạt động đánh giá chương trình giáo dục của một cơ sở đào tạo thì giảng viên, người quản lý, cán bộ đánh giá chuyên trách và cả sinh viên cùng với cha mẹ họ cần hợp tác để xác định những gì cần đánh giá trong chương trình giáo dục. Họ hợp tác để thu thập và xử lý dữ liệu. Các kết luận đánh giá không phải do một người, hay nhóm người thực hiện riêng rẽ, và cũng không đánh giá từng bộ phận của chương trình giáo dục. Thông thường chương trình giáo dục được đánh giá một cách tổng thể và là quyết định của cả tập thể những người có liên quan.

Hilda Taba [94] chỉ ra rằng: sở dĩ cần có sự đánh giá tập thể đối với một chương trình giáo dục vì chỉ nỗ lực tập thể mới cho phép tất cả những người có liên

quan dựng lên bức tranh toàn cảnh về chương trình giáo dục. Thí dụ, người dạy viên làm việc với nhau để cung cấp bằng chứng về hiệu quả của chương trình giáo dục đối với các loại sinh viên khác nhau. Nếu họ làm việc đơn độc, họ chỉ có thể nói về sinh viên của họ, còn nếu họ hợp tác với nhau, học có thể cung cấp thông tin về hiệu quả chương trình giáo dục đối với các loại sinh viên khác nhau.

Sinh viên

Với tư cách là người học chủ động, sinh viên là người có trách nhiệm tham gia đánh giá không chỉ quá trình học tập của bản thân, mà còn đánh giá cả chương trình giáo dục. Sinh viên làm việc với giảng viên trên lớp, với ban đánh giá chương trình giáo dục để xác định giá trị và hiệu quả của từng bộ phận cấu thành của chương trình giáo dục.

Sinh viên cần tham gia vào quá trình đánh giá chương trình và cả việc đánh giá việc học tập của bản thân. Khi sinh viên tham gia như vậy thì ý thức của họ cũng được nâng lên, họ tự tin hơn trong việc lựa chọn con đường sống vừa được xã hội thừa nhận, vừa có ý nghĩa với bản thân.

Sinh viên cần có vai trò lớn hơn trong việc xác định quá trình đánh giá nào cần áp dụng để đánh giá hiệu quả hoạt động học tập của họ. Những năm gần đây nhiều trường cho xây dựng hồ sơ học tập (portfolios) của từng sinh viên bao gồm toàn bộ tài liệu liên quan tới việc học của sinh viên đó, trong đó có cả những đề nghị của sinh viên nhằm đạt hiệu quả học tập tốt nhất.

Giảng viên

Giảng viên là người có vai trò quan trọng nhất trong đánh giá chương trình giáo dục. Thông qua việc ghi chép kết quả học tập của sinh viên đối với những phần khác nhau của chương trình giáo dục, thông qua việc so sánh kết quả đó với các lớp khác, giảng viên có thể có những đóng góp quan trọng trong quá trình đánh giá chương trình giáo dục.

Cán bộ đánh giá chuyên trách

Mặc dù đánh giá chương trình giáo dục là một hoạt động hợp tác của nhiều bên có liên quan, song nên có một bên quán xuyên toàn bộ hoạt động đánh giá - đó là cán bộ đánh giá chuyên trách. Cán bộ đánh giá nên là biên chế cơ hữu của bộ phận phát triển CT giáo dục của trường. Việc này có lợi thế là cán bộ đánh giá biết hệ thống tổ chức, mục tiêu của trường, các kết luận đánh giá dễ được chấp nhận hơn, giá thành rẻ

hơn là đánh giá từ bên ngoài. Tuy nhiên đánh giá trong cũng có nhiều bất lợi. Cán bộ đánh giá trong ít khi muốn viết bài báo cáo mang tính phê phán, hơn nữa người đó còn có nhiều việc khác nên khó có thể chuyên tâm vào việc đánh giá. Nhưng dù sao kinh nghiệm của cán bộ đánh giá trong cũng cần được coi trọng như cán bộ đánh giá ngoài.

Cán bộ đánh giá là một thành viên của đội đánh giá và hoạt động như một quan sát viên nhằm giúp thu thập thông tin để cung cấp cho việc ra quyết định.

Về mặt lý thuyết cán bộ đánh giá hoạt động như tai mắt của việc ra quyết định. Với chức năng này cán bộ đánh giá qua quan sát cung cấp dữ liệu về việc chương trình giáo dục đang hoạt động thế nào trong trường. Cán bộ đánh giá là một nhân vật hỗ trợ cho sự phát triển và thực thi chương trình giáo dục.

Tư vấn (đánh giá ngoài)

Nhiều trường hợp chương trình giáo dục được đánh giá bởi các chuyên gia bên ngoài trường. Một số nhà quản lý giáo dục cho rằng đối với các chương trình giáo dục mới cần được đánh giá từ bên ngoài, bởi lẽ với trình độ chuyên môn giỏi lại không bị “bệnh nghề nghiệp” chi phối, họ sẽ có được những đánh giá trung thực, khách quan. Tuy nhiên, đôi khi đánh giá ngoài cũng bị coi là kẻ ngoại đạo, ngáng đường quá trình đánh giá.

Đánh giá hiệu quả ngoài (outcomes assessment)

Một trong những nguồn thông tin quan trọng trong quá trình đánh giá chương trình giáo dục là các bằng chứng được thu thập một cách hệ thống thông qua hoạt động của sinh viên ngoài chương trình chính khoá. Đó là các hoạt động xã hội tự nguyện, các cơ hội học tập khác phù hợp với mục tiêu đào tạo, các công trình nghiên cứu, các dự án [36].

Thông thường hoạt động đánh giá hiệu quả ngoài được tiến hành thông qua sinh viên năm cuối và sinh viên đã tốt nghiệp đang làm việc ở một cơ sở sản xuất kinh doanh, hoặc đang học tập sau đại học.

Đối với sinh viên năm cuối hoạt động đánh giá ngoài thường được dựa trên môn học (course) đã được học trong chương trình giáo dục. Trên cơ sở của môn học sinh viên thiết kế một dự án, viết một bài tập lớn hoặc thực hiện một đề tài nghiên cứu. Thí dụ, sinh viên sư phạm có thể thiết kế một chương trình giảng dạy môn học từ xây dựng mục tiêu môn học, lịch trình giảng dạy, đề cương bài giảng, phương thức kiểm tra - đánh giá kết quả môn học... Còn sinh viên khoa lịch sử có thể tham gia nghiên

cứu và khôi phục lịch sử của một làng, một ngôi chùa, một dòng họ... sinh viên khoa Quản trị kinh doanh có thể xây dựng một dự án hợp tác sản xuất kinh doanh về một ngành nào đó với nước ngoài...

Qua việc thực hiện các hoạt động nêu trên, sinh viên năm cuối có thể áp dụng các kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm tích lũy trong suốt 4 - 5 năm học đại học. Khi đánh giá các công trình này của sinh viên năm cuối, có thể phát hiện những điểm mạnh, điểm yếu của chương trình giáo dục và có các quyết định phù hợp.

Nguồn thông tin từ các cơ sở đào tạo Sau đại học, của sinh viên tốt nghiệp đã tham gia lao động sản xuất, của những người đang sử dụng lao động đều rất hữu ích cho việc đánh giá chương trình giáo dục. Những thông tin loại này cho biết sinh viên tốt nghiệp tự đánh giá năng lực của bản thân đối chiếu với yêu cầu của nơi làm việc (hoặc cơ sở đào tạo Sau đại học), những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm có được trong trường đại học hữu ích như thế nào đối với họ? Họ cần thêm những gì để có thể tự tin hơn ở vị trí mới...

1.3.4.3. Đo lường chương trình môn học Giáo dục thể chất

Một số khái niệm về đo lường

Đo lường (Measurment) là cách thu được sự miêu tả bằng số về mức độ một cá nhân đạt được một đặc trưng nhất định, để trả lời câu hỏi: “Đạt được bao nhiêu?” (N.E. Gronlund và C.K Waugh) [95].

Theo tác giả Đặng Bá Lãm [57] thì để đo lường trong giáo dục cần phân loại các đặc trưng hành vi của người học, sử dụng việc phân loại để định ra các nguyên tắc, các thủ tục, các mức độ sẽ tiến hành đánh giá. Các hành vi ở đây có thể thuộc các hoạt động được tổ chức, hay không được tổ chức. Chẳng hạn các kiến thức trong bài học, các kỹ năng trong bài thí nghiệm, sự cần cù học tập, sự liên hệ và vận dụng, sự hợp tác cùng các bạn đồng nghiệp cũng như các hoạt động xã hội khác. Sinh viên suy nghĩ gì khi làm như vậy, họ hiểu như thế nào khi ứng xử như thế... Trong thực hành phân loại, quan sát hành vi dù có so sánh với các tiêu chí một cách rõ rệt hay không thì nó cũng phải gắn với mục tiêu của chương trình đánh giá.

Đo lường hoặc thử nghiệm được tiến hành với mục đích xác định trạng thái hay khả năng hoạt động của đối tượng thử nghiệm gọi là test. Không phải mọi phép đo đều có thể sử dụng làm test, mà chỉ có những phép đo giải quyết được những yêu cầu chuyên biệt sau mới gọi là test: Có hệ thống đánh giá; Có tính thông báo;

Đủ độ tin cậy. [25]

Theo các nhà khoa học đo lường thể thao như BadaRevski (Nga), Dương Nghiệp Chí (Việt Nam) [9], [25] thì “Việc xác định mức độ phân loại kết quả test, hay nói riêng ra là phân loại thành tích của người kiểm tra, quá trình đó được gọi là quá trình đánh giá”. Đây là quá trình phân loại, nó khác với quá trình đánh giá nhận xét SV trong giảng dạy. Đánh giá phân loại phức tạp hơn cần phải có số lớn hơn đối tượng được đánh giá và cần đảm bảo hiệu quả hữu ích lớn nhất.

Cũng theo các nhà khoa học đo lường thể thao, quá trình đánh giá có thể tiến hành theo các phương pháp khác nhau như: Xây dựng bảng điểm; Thang đánh giá.

Theo các nhà khoa học đo lường thể thao, “lấy giá trị giới hạn của thành tích làm cơ sở để xếp loại thành tích cho người kiểm tra” được gọi là tiêu chuẩn trong phép đo lường thể thao.

Tiêu chuẩn cần thiết dựa trên cơ sở phân tích con người cần biết làm gì để hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra trong cuộc sống, như tiêu chuẩn rèn luyện thân thể...

Ngoài ra còn có các tiêu chuẩn về phân loại sức khỏe của các lứa tuổi, tiêu chuẩn phân nhóm tuổi...

Hệ thống kiểm tra quá trình tập luyện cho sinh viên

Một trong những khâu quan trọng nhất của việc điều khiển quá trình tập luyện đối với SV là hệ thống kiểm tra tổng hợp nhằm đánh giá trình độ tập luyện của SV trong tất cả các học kỳ giảng dạy. Hệ thống kiểm tra tổng hợp có hiệu quả sẽ giúp người dạy đánh giá khách quan phương hướng huấn luyện đã được lựa chọn, theo dõi sát sao sự phát triển trình độ tập luyện của SV và kịp thời điều chỉnh các bài tập sử dụng một cách hợp lý. Để kiểm tra tổng hợp cần phải sử dụng các phương pháp kiểm tra sư phạm và y học. Kiểm tra sư phạm là cơ sở để thu thập thông tin về tình trạng và hiệu quả hoạt động của SV. Nó được áp dụng để đánh giá hiệu quả của các phương tiện và phương pháp mà người dạy sử dụng nhằm xác định sự phát triển của trạng thái và dự báo mức độ phát triển trong tập luyện.

Nhiệm vụ chủ yếu của kiểm tra sư phạm là:

Thông kê lượng vận động tập luyện và thi đấu.

Xác định các mặt khác nhau trong trình độ tập luyện của SV.

Xác định các khả năng để đạt tới những kỹ năng và trình độ thể lực chung theo dự kiến.

Đánh giá hành vi của SV trong tập luyện và thi đấu.

Kiểm tra sư phạm bao gồm các phương pháp chủ yếu là quan sát sư phạm và các thử nghiệm kiểm tra về các mặt khác nhau trong trình độ tập luyện của SV như sự phát triển các tố chất thể lực chung, sự tiếp thu và hoàn thiện các kỹ năng vận động, sự phát triển các phẩm chất tâm lý, ý chí...

Kiểm tra y học nhằm đánh giá về tình trạng sức khỏe, mức độ phát triển thể chất và các mặt chức năng của trình độ thể lực.

Trong quá trình hướng dẫn tập luyện cho SV, giảng viên có thể áp dụng 3 hình thức kiểm tra là:

Kiểm tra kết thúc học kỳ.

Kiểm tra thường kỳ.

Kiểm tra kết quả của từng buổi tập.

Kiểm tra kết thúc học kỳ nhằm làm rõ những thay đổi về trạng thái của SV trong một thời kỳ tập luyện tương ứng với 1 kỳ học tập của SV. Kiểm tra thường kỳ nhằm xác định hiệu quả huấn luyện của một chu kỳ nhỏ (theo tuần). Kiểm tra kết quả của từng buổi tập nhằm xác định chính xác những lượng vận động mà SV đã thực hiện, kết quả của lượng vận động đó cũng như điều chỉnh nó một cách hợp lý khi cần thiết.

Việc lựa chọn các chỉ tiêu kiểm tra phụ thuộc vào các nhiệm vụ giảng dạy trong thời kỳ thực hiện kiểm tra.

Hệ thống kiểm tra tổng hợp trong quá trình tập luyện của SV được thiết lập dựa trên các nguyên tắc như:

Hướng tới mục tiêu đạt trình độ tập luyện tốt nhất.

Đảm bảo sự phát triển toàn diện, hài hòa của các tố chất thể lực.

Trong quá trình thực hiện việc kiểm tra cần đảm bảo các điều kiện sau:

Tính phức hợp của các phương pháp kiểm tra về những mặt khác nhau của trình độ tập luyện và tình trạng sức khỏe của SV.

Các phương pháp kiểm tra phải phù hợp với đặc điểm của môn thể thao tự chọn.

Định hướng theo các nhân tố chủ đạo trong hoạt động tập luyện của SV.

Phối hợp các chỉ số kiểm tra cơ bản về sự hoàn thiện thể thao và các chỉ số đặc trưng về trình độ tập luyện chuyên môn của SV.

Sử dụng các phương pháp kiểm tra đơn giản, dễ thực hiện.

Thống kê các thông số của lượng vận động tập luyện và thi đấu.

Hiệu quả giảng dạy SV phụ thuộc chủ yếu vào việc đề ra các yêu cầu. Các yêu cầu đề ra có liên quan chặt chẽ với việc thực hiện tốt các nhiệm vụ của quá trình giảng dạy - huấn luyện trong từng học kỳ cụ thể. Chúng chỉ rõ mức độ phát triển của các tố chất thể lực cần thiết cũng như việc hoàn thiện các kỹ năng vận động của môn thể thao tự chọn.

Trong các môn thể thao có chu kỳ, kiểm tra tổng hợp được thực hiện thông qua đánh giá các chỉ số có mối tương quan chặt chẽ với thành tích thể thao. Đối với SV, nó được thực hiện chủ yếu bằng các phương pháp kiểm tra sự phạm và kiểm tra y học.

Thống kê hoạt động trong quá trình tập luyện

Theo tác giả Philin V.P [68], Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn [84], Đồng Văn Triệu [86] thì thống kê các chỉ số tập luyện sẽ giúp giảng viên đánh giá việc lựa chọn và sử dụng các phương tiện, phương pháp và hình thức thực hiện quá trình huấn luyện thể thao, nhằm tìm ra những cách thức có hiệu quả hơn để nâng cao trình độ, tài nghệ thể thao. Bên cạnh đó nó còn giúp theo dõi về các mặt khác nhau của trình độ huấn luyện, sự phát triển của thành tích thể thao, tình trạng thể chất và sức khỏe của VĐV...

Phân tích các số liệu thống kê sẽ giúp hoàn thiện quá trình giảng dạy, huấn luyện, cần thống kê tất cả các mặt của quá trình huấn luyện và thông thường các chỉ số huấn luyện sẽ được thống kê dưới các hình thức sau:

Thông kê giai đoạn được tiến hành vào đầu và cuối mỗi học kỳ, năm học. Trường hợp thực hiện vào đầu mỗi giai đoạn, thời kỳ... thì được gọi là thống kê ban đầu, còn thực hiện vào cuối - thống kê tổng kết.

Thống kê sơ bộ cho phép xác định mức khởi điểm về trình độ tập luyện của SV hay nhóm SV theo đặc thù nghề nghiệp. Đối chiếu các số liệu thống kê tổng kết với kết quả thống kê sơ bộ sẽ cho phép đánh giá hiệu quả của quá trình giảng dạy và đưa ra những sửa đổi vào tiến trình tiếp theo. Thống kê thường kỳ được tiến hành liên tục trong quá trình thực hiện các buổi tập thể thao riêng biệt, trong các chu kỳ huấn luyện tuần và tháng. Nó có nhiệm vụ ghi lại các phương tiện, phương pháp, độ lớn của lượng vận động tập luyện và thi đấu cũng như sự đánh giá về tình trạng sức khỏe và trình độ tập luyện của SV.

Các số liệu thống kê hàng ngày cho phép ghi nhận thông tin cần thiết về những biến đổi trạng thái của SV, các điều kiện nói chung và tính chất huấn luyện trong thời

gian tiến hành buổi tập. Các thông tin này là rất cần thiết để điều khiển có kết quả quá trình tập luyện trong một buổi tập. Các tài liệu thống kê chủ yếu trong quá trình huấn luyện bao gồm:

Sổ thông kê các buổi tập.

Nhật ký tập luyện.

Sổ thông kê của SV, hướng dẫn viên, trọng tài...

Các biên bản thi đấu.

Các phiếu cá nhân và phiếu kiểm tra y học của SV.

Sổ thông kê các buổi tập là một trong những tài liệu thống kê chủ yếu, có hình thức thống nhất dùng cho tất cả các môn thể thao.

Mỗi SV nên ghi chép, theo dõi sự phát triển của trình độ tập luyện của mình, đồng thời giúp giảng viên đánh giá được ảnh hưởng tác động của quá trình tập luyện đối với sức khỏe của các SV. Các nội dung ghi chép của SV cần có các mục sau:

Kế hoạch tập luyện cá nhân.

Nội dung quá trình tập luyện.

Các kết quả thi đấu.

Các kết quả kiểm tra thử nghiệm.

Các số liệu theo dõi y học.

Thống kê về kết quả tập luyện sau một thời gian nhất định.

Kết luận của giảng viên: Vào cuối mỗi tháng, mỗi học kỳ, giảng viên và SV cần tổng kết và phân tích các số liệu về sự phát triển của trình độ tập luyện. Để làm được điều này, cần sử dụng bảng thống kê đơn giản khối lượng và cường độ của lượng vận động tập luyện. So sánh các số liệu này với các thành tích đã đạt được.

Thống kê công tác huấn luyện thể thao có thể được thực hiện dựa trên cơ sở phân tích thận trọng toàn bộ các chỉ số của quá trình tập luyện môn thể thao tự chọn nhằm đạt tới hiệu quả như kế hoạch tập luyện đã đề ra.

Một số test kiểm tra thể lực sinh viên

Quá trình tổ chức kiểm tra sự phạm được tiến hành trong 20 tháng, tương ứng với hai năm học. Đề tài đã sử dụng hệ thống test đánh giá thể lực theo quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên (Ban hành kèm theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT) [14]. Yêu cầu cụ thể đối với từng nội dung đánh giá được trình bày cụ thể trong phương pháp kiểm tra sự phạm.

1.4. Khái quát về trường Đại học Hùng Vương

Trường Đại học Hùng Vương Tỉnh Phú Thọ được thành lập theo quyết định số 81/2003/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở trường Cao đẳng Sư phạm Phú Thọ [92]. Là trường đại học công lập đa ngành, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo định hướng ứng dụng; là trung tâm nghiên cứu khoa học hiện đại và chuyển giao công nghệ tiên tiến, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa của tỉnh Phú Thọ và cả nước. Hiện nay Trường có 416 cán bộ, viên chức. Trong đó Giáo sư, Phó giáo sư 14 người; Tiến sĩ 65 người; Thạc sĩ 258 người; Cử nhân 62 người; Trình độ khác 17 người. Nhà trường có 9 khoa; 6 phòng; 6 trung tâm; 01 viện nghiên cứu; 01 trạm y tế. Đang đào tạo 44 ngành (sau đại học 8 ngành; đại học 36 ngành) với quy mô gần 9000 học viên (sau đại học 374 học viên; đại học chính quy 4863 sinh viên; các hệ đào tạo khác 3729 sinh viên). Với triết lý giáo dục CHẤT LƯỢNG - TOÀN DIỆN - HỘI NHẬP, trong những năm vừa qua, nhà trường luôn giữ nề nếp, kỷ cương trong công tác đào tạo, kiên trì thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, đảm bảo chất lượng đào tạo. Các chương trình đào tạo được thực hiện đầy đủ cả nội dung lý thuyết và thực hành. Bên cạnh việc đa dạng hóa các loại hình đào tạo, xã hội hóa giáo dục, Lãnh đạo trường đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc đạt chất lượng chương trình đào tạo mới, chuẩn bị bài giảng, lên lớp, coi chấm thi và đánh giá chất lượng. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên, phương pháp học tập của sinh viên được triển khai ở các khoa, bộ môn và các lớp sinh viên. Đồng thời nhà trường cũng có nhiều chương trình liên kết với các đơn vị để tổ chức các hội thảo, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm về đổi mới phương pháp dạy học ở bậc đại học. Nhà trường đặc biệt chú trọng và quản lý chặt chẽ công tác tuyển sinh, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng được nhân dân đồng tình ủng hộ. Trước những chuyển biến mạnh mẽ về đổi mới giáo dục trong những năm gần đây nhà trường cũng đã có nhiều đổi mới như đổi mới về kiểm tra đánh giá tiếp cận năng lực người học, đổi mới về nội dung, chương trình đào tạo, đổi mới về phương pháp giảng dạy... Tuy nhiên đổi mới về nội dung, chương trình đào tạo được nhà trường đặc biệt quan tâm. Tại hội nghị hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường diễn ra ngày 9 tháng 8 năm 2015 các nhà khoa học và các thành viên hội đồng đã thống nhất để nâng cao vị thế nhà trường thì chất lượng đào tạo là khâu then chốt, trong đó nhất thiết phải có một cuộc “cách mạng” triệt để trong việc xây dựng chương trình theo hướng dẫn của Bộ

Giáo dục và Đào tạo với yêu cầu tăng tính chuyên sâu về môn học, đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành đặc biệt là gắn với thực tiễn sản xuất, thực tế xã hội. Qua đó mỗi khoa phải tổ chức hội thảo về đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, mỗi ngành nghề đào tạo phải bàn thảo để đổi mới nội dung, chương trình theo hướng tinh giảm, chuyên sâu tiếp cận được năng lực người học và đảm bảo được nhu cầu xã hội.

Khoa TĐTT Trường Đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ được thành lập ngày 13 tháng 5 năm 2015 trên cơ sở là bộ môn giáo dục thể chất thuộc Khoa khoa học tự nhiên của nhà trường, tháng 8/2018 thực hiện việc sắp xếp, cơ cấu lại bộ máy của Đảng ủy trường, khoa được sáp nhập với khoa nghệ thuật và đổi tên thành khoa Nghệ thuật và TĐTT. Hiện nay khoa có 25 cán bộ, giảng viên (TS 01; Ths 24), cơ cấu tổ chức gồm 3 bộ môn và 01 trung tâm đang đào tạo 4 ngành đại học (Đại học GDTC; Đại học sư phạm Âm nhạc; Đại học sư phạm Mĩ thuật; Đại học Thiết kế đồ họa) với quy mô đào tạo trên 700 sinh viên. Bộ môn GDTC là một trong ba bộ môn trực thuộc khoa với 12 cán bộ, giảng viên (4 NCS; 8 Ths) đang đào tạo mã ngành đại học GDTC với trên 200 sinh viên.

1.5. Một số công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến vấn đề nghiên cứu của luận án

1.5.1 Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Trước hết phải đề cập đến tài liệu “Xây dựng và đánh giá chương trình môn học” của Robert M. Diamond 1997. Tác giả đã trình bày và phân tích các vấn đề về xây dựng chương trình, chương trình môn học theo quan điểm lấy người học làm trung tâm; quan hệ giữa mục tiêu môn học, chương trình và giảng dạy; giữa thực thi đánh giá và cải tiến chương trình giáo dục và chương trình môn học.[97]

Trong tài liệu "chương trình và những cơ sở và nguyên tắc về xây dựng chương trình" của Aian. Omstein và Francis P. Hunkins (1998), các tác giả đã tổng hợp khá toàn diện về: (1) Các cơ sở xây dựng chương trình (cơ sở triết học, lịch sử, tâm lý và xã hội) cùng hệ thống lý luận về chương trình; (2) Phát triển chương trình giáo dục (thiết kế xây dựng, thực thi và đánh giá chương trình); (3) Các chính sách và khuynh hướng phát triển chương trình. [93]

Trong công trình rất nổi tiếng “Xây dựng chương trình học” (Developing the Curriculum), tác giả Peter F. Oliva đã phân tích một cách toàn diện về triết lý, mục

đích giáo dục, các vấn đề lý luận và quá trình xây dựng chương trình học (thiết kế, thực thi và đánh giá); các mô hình xây dựng chương trình học; phân tích mối quan hệ giữa chương trình học và giảng dạy. Đặc biệt, tác giả đã đưa ra quan điểm về phát triển chương trình của chính tác giả, một mô hình phát triển chương trình được cho là toàn diện nhất, bởi lẽ mô hình của tác giả đã gắn kết quá trình phát triển chương trình với quá trình giảng dạy (thực hiện chương trình) [67].

Vấn đề về thiết kế, xây dựng và đánh giá chương trình giáo dục và chương trình môn học được phân tích làm sáng tỏ trong nhiều công trình nghiên cứu của các nhà khoa học và chuyên gia xây dựng chương trình nổi tiếng khác như: tác giả Hilda Taba (1962) trong “Xây dựng chương trình lý luận và thực tiễn”, Kelly A.v (1977) và nhiều tác giả khác. Như vậy đã có khá nhiều các nghiên cứu về xây dựng chương trình giáo dục và chương trình môn học ở nước ngoài về lĩnh vực này. Tuy nhiên những công trình nghiên cứu trên đều mang tính khái quát chung, về cách thức xây dựng và đánh giá một chương trình giáo dục đại học và chương trình môn học cơ bản, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách bài bản xây dựng đổi mới chương trình môn học về ngành nghề cụ thể đặc biệt là giáo dục thể chất [94].

1.5.2. Các nghiên cứu ở trong nước

Về đề tài nghiên cứu có liên quan, luận án chủ yếu tìm hiểu các công trình nghiên cứu là luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, luận án tiến sĩ giáo dục học và luận án tiến sĩ khoa học giáo dục. Cụ thể như sau:

Công trình nghiên cứu của tác giả Hồ Đắc Sơn (2004) về "*Nâng cao hiệu quả hướng nghiệp của chương trình GDTC cho SV khoa giáo dục tiểu học*". Kết quả nghiên cứu đã đi sâu nghiên cứu quá trình đổi mới chương trình trên cơ sở sử dụng thời lượng của hai loại chương trình GDTC trong đào tạo giáo viên tiểu học để giải quyết các mục tiêu, nhiệm vụ để phù hợp với thực tiễn hoạt động đào tạo tại nhà trường sư phạm. Đối chiếu với mục đích, nhiệm vụ mà chúng tôi nghiên cứu cho thấy, kết quả nghiên cứu của tác giả Hồ Đắc Sơn là những cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng trong xây dựng chương trình GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ.[75]

Công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Toàn (2015) về "*Nghiên cứu giải pháp và đánh giá hiệu quả giáo dục thể chất theo hệ thống tín chỉ cho sinh viên cao*

đăng sư phạm giáo dục thể chất trường Đại học Hồng Đức Thanh Hóa”. Kết quả nghiên cứu của luận án đã đánh giá được thực trạng công tác đào tạo khoa giáo dục thể chất trường Đại học Hồng Đức Thanh Hóa. Đề tài xây dựng được 3 giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo theo học chế tín chỉ của khoa Giáo dục thể chất gồm: 1. Xây dựng cơ chế tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo phù hợp với đặc điểm của học chế tín chỉ. 2: Hoàn thiện qui trình tổ chức kiểm tra đánh giá thường xuyên và giữa kỳ theo học chế tín chỉ. 3: Tổ chức các loại hình hoạt động ngoại khóa để tích cực hóa hoạt động tự học các môn TĐTT của sinh viên. Kết quả của đề tài có ý nghĩa về mặt khoa học và thực tiễn trong việc đổi mới công tác giáo dục thể chất phù hợp với xu thế phát triển Giáo dục đào tạo hiện nay từ đó đề án là cơ sở tham khảo hữu ích cho việc xây dựng chương trình giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương – Phú Thọ.[77]

Công trình nghiên cứu của tác giả Trần Vũ Phương (2015). *“Ứng dụng chương trình đổi mới đào tạo chuyên ngành Giáo dục thể chất trình độ cao đẳng ở trường Cao đẳng Tuyên Quang”*. Kết quả nghiên cứu của luận án đạt được. 1: Đánh giá được thực trạng chương trình đào tạo chuyên ngành GDTC trình độ cao đẳng ở trường Cao đẳng Tuyên Quang. 2: Luận án đã xây dựng thành công chương trình đào tạo chuyên ngành GDTC trình độ cao đẳng (Đổi mới mục tiêu đào tạo, Đổi mới nội dung đào tạo, Đổi mới tổ chức hoạt động đào tạo). Kết quả của đề tài bước đầu đã nhận được những ý kiến đánh giá của các chuyên gia, các nhà khoa học, các cán bộ quản lý tại địa phương về tính hiệu quả vượt trội của chương trình đổi mới trong việc nâng cao trình độ thể lực và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của sinh viên ngành GDTC, đó là cơ sở cho việc xây dựng chương trình giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương – Phú Thọ.[69]

Về công trình nghiên cứu của tác giả Vũ Đức Văn (2008) về *"Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học cơ sở của thành phố Hải Dương"*. Tác giả bước đầu đã lựa chọn và đem vào ứng dụng 02 nhóm giải pháp sư phạm trong thực tiễn công tác GDTC ở các trường THCS Hải Dương. Kết quả ứng dụng nhóm giải pháp lựa chọn và sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh đã tác động hiệu quả đến thái độ học tập và trình độ thể lực của đối tượng nghiên cứu. Tuy nhiên, tác giả lại không đi sâu vào xây dựng chương trình GDTC. Do vậy, công trình nghiên cứu của

tác giả có giá trị tham khảo đối với việc xây dựng chương trình GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ.[88]

Nguyễn Thanh Hùng (2017). Xây dựng chương trình giáo dục thể chất học phần tự chọn, ngoại khóa cho sinh viên Đại học Quy Nhơn. Luận án tiến sĩ Giáo dục học. Trường Đại học TDTT TP.HCM. làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về công tác Giáo dục thể chất trường học. Đánh giá được thực trạng công tác giáo dục thể chất sinh viên trong trường Đại học Quy Nhơn về các mặt: thực trạng chương trình giáo dục thể chất nội, ngoại khóa và hoạt động của các câu lạc bộ thể dục thể thao, thực trạng thể chất học sinh và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển thể chất của sinh viên trường Đại học Quy Nhơn. Luận án đã xác định đổi mới được mô hình xây dựng chương trình giáo dục thể chất nội, ngoại khóa với 2 nội dung: Học phần tự chọn nội khóa, ngoại khóa câu lạc bộ thể dục thể thao: học phần thể thao tự chọn 9 môn: (Bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, bóng ném, bóng bàn và võ thuật (cổ truyền Việt nam, Karatedo, Taekwondo), xây dựng mô hình câu lạc bộ thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên(06 CLB): Bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, bóng bàn và Võ cổ truyền Việt Nam, và phân bổ tập luyện 60 tiết tương ứng 2 học kỳ , để ứng dụng trong giờ học thể thao tự chọn nội khóa, ngoại khóa nhằm rèn luyện thể chất và nâng cao sức khỏe cho sinh viên trường Đại học Quy Nhơn. Luận án đã tiến hành kiểm nghiệm và đánh giá hiệu quả nội dung giảng dạy nội, ngoại khóa trong thời gian 10 tháng. Kết quả kiểm nghiệm đã chứng minh với việc sử dụng 9 môn tự chọn trong học phần tự chọn nội khóa và 06 môn theo mô hình câu lạc bộ học ngoại khóa, đã đem lại hiệu quả cao đối với phát triển thể chất của sinh viên.[53]

Đỗ Ngọc Cương (2016). Nghiên cứu xây dựng chương trình Thể thao nâng cao cho sinh viên Đại học Thái Nguyên. Luận án tiến sĩ Giáo dục học. Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Luận án đã xác định được mối liên hệ giữa cơ sở lý luận của khoa học giáo dục với lý luận giáo dục thể chất trong việc tổ chức các hình thức giáo dục thể chất theo hướng đáp ứng đặc điểm cá nhân người học. Xác định được quy trình xây dựng chương trình giáo dục thể chất cho những nhóm sinh viên có trình độ khác nhau dựa trên những quan điểm, cách tiếp cận và xu hướng tiên tiến trong lý luận và thực tiễn giáo dục. Đánh giá được thực trạng công tác giáo dục thể chất tại Đại học Thái Nguyên từ góc nhìn phân hóa trong giáo dục. Kết quả này góp phần đánh giá toàn diện hơn về công tác giáo dục thể 37 chất cho sinh viên; Xác định được nhu cầu bồi

đường nâng cao cho những sinh viên yêu thích và có năng khiếu thể thao; Xây dựng được chương trình TTNC cho những sinh viên yêu thích và có năng khiếu thể thao. Đây là chương trình mới, chưa được nghiên cứu triển khai tại các trường thuộc Đại học Thái Nguyên.[33]

Tóm lại: Qua một số công trình nghiên cứu, tài liệu về xây dựng CTGD mà luận án tham khảo như đã trình bày khái quát trên đây, tác giả nhận thấy các công trình nghiên cứu, tài liệu tập trung vào nghiên cứu phát triển chương trình giáo dục đại học với các quan điểm lý luận, lý thuyết về xây dựng chương trình, mô hình phát triển chương trình, các tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo đều có những điểm mạnh riêng. Các quan điểm lý luận, lý thuyết này đều có thể sử dụng vào giải quyết các nội dung của đề tài luận án. Tuy nhiên, các đề tài nghiên cứu ở nhiều đối tượng HS,SV ở các cấp đào tạo trong giáo dục hiện nay ở nước ta, các đề tài nghiên cứu theo hướng đổi mới chương trình GDTC nội, ngoại khóa cho sinh viên còn rất ít. Chủ yếu các đề tài tập trung nghiên cứu cải tiến chương trình môn học GDTC cho sinh viên không chuyên và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng công tác GDTC. Ngoài ra còn nhiều công trình nghiên cứu khác của các tác giả khác, tuy nhiên lại chưa có công trình nào nghiên cứu về xây dựng chương trình GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ. Song tùy từng cấp độ nghiên cứu khác nhau, đây là những công trình khoa học có giá trị về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và định hướng cho việc xây dựng chương trình GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ.

1.6. Tóm tắt chương

Đảng và Nhà nước luôn coi trọng công tác GDTC và thể thao trường học. Trường Đại học Hùng Vương là trường đại học đa ngành, đa cấp, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao; một trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ và khu vực. Việc phát triển và xây dựng chương trình GDTC luôn được coi trọng và quan tâm đầu tư. Tuy nhiên, để xây dựng chương trình GDTC cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ phù hợp cần có sự nghiên cứu một cách khoa học, đồng bộ để đảm bảo mục tiêu đặt ra được thực hiện một cách hiệu quả nhất. Do vậy, hướng nghiên cứu mà đề tài đặt ra đáp ứng được nhu cầu thực tiễn

đang đặt ra đối với trường Đại học Hùng Vương. Đặc biệt là nâng cao chất lượng môn học GDTC cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương.

Mặc dù Bộ GD-ĐT đã có những đánh giá cấp hệ thống về công tác GDTC và bước đầu đề ra các giải pháp định hướng phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2015-2020, 2020 - 2025 là cần thiết nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém về chương trình, phương pháp, các điều kiện đảm bảo để nâng cao chất lượng, hiệu quả GDTC và thể thao trường học, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, nâng cao tầm vóc cho HSSV. Tuy nhiên, việc triển khai các giải pháp cần căn cứ vào đặc thù của mỗi cơ sở đào tạo. Đồng thời cần có cách tiếp cận khác nhau để giải quyết các vấn đề đặt ra.

GDTC và thể thao trường học có vai trò rất quan trọng trong chiến lược đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho định hướng phát triển đất nước. GDTC và thể thao trường học luôn được Đảng và Nhà nước tạo các nguồn lực thuận nhằm phát triển con người toàn diện. Trong đó chương trình giáo dục thể chất bậc đại học luôn được Bộ Giáo dục – Đào tạo và ngành TDTT quan tâm xây dựng lộ trình và hướng dẫn thực hiện. Đảm bảo thực hiện hài hòa cả hai nhiệm vụ giáo dục thể chất và thể thao trường học.

Trên cơ sở kết quả phân tích đánh giá về mặt lý luận, đề tài bước đầu đã xác định được những cơ sở lý luận và khoa học liên quan đến xây dựng nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương. Đặc biệt là xu hướng đổi mới đào tạo theo hệ thống tín chỉ, với các môn học được lựa chọn nhằm đáp ứng nhu cầu rèn luyện thể chất của người học. Chúng tôi đã xác định được căn cứ đổi mới, định hướng xây dựng, cách tiếp cận, nguyên tắc xây dựng, tổ chức huấn luyện và đo lường đối với chương trình môn học GDTC

Kết quả phân tích các công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến luận án đã cho thấy, đề tài tiên hành chưa có tác giả nào nghiên cứu về xây dựng nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương. Song cũng đã có một số tác giả nghiên cứu về xây dựng chương trình môn học, chương trình đào tạo ở các đối tượng khác nhau; hoặc những vấn đề thực tiễn của môn học GDTC. Tuy vậy, những công trình nghiên cứu đã tham vấn có giá trị tham khảo hữu hiệu trong xây dựng xây dựng nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương.

Ban giám hiệu trường Đại học Hùng Vương yêu cầu bộ môn Giáo dục thể chất

đáp ứng yêu cầu về đào tạo tín chỉ, đặc biệt mạnh dạn đưa các môn học mới, theo hướng thiết kế chương trình linh hoạt, đáp ứng với điều kiện của nhà trường đáp ứng với nhu cầu học tập của sinh viên. Từ những phân tích trên cho thấy, việc xây dựng chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương có vai trò rất quan trọng trong bối cảnh hiện nay.

Chương 2. PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

2.1.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu

Đây là phương pháp được sử dụng để nghiên cứu các vấn đề mang tính lý luận, sự phạm của đề tài. Phương pháp nhằm hệ thống hoá các kiến thức có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, hình thành cơ sở lý luận về quan điểm xây dựng chương trình môn học..., đề xuất giả thuyết khoa học, xác định mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu. Đồng thời việc sử dụng phương pháp nghiên cứu này để thu thập các số liệu để kiểm chứng và so sánh với những số liệu đã thu thập được trong quá trình nghiên cứu. Các tài liệu tham khảo chủ yếu được thu thập từ Thư viện Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, Thư viện Viện khoa học TDTT và các tư liệu nước ngoài. Trong quá trình nghiên cứu, đề tài đã sử dụng các sách và tài liệu tham khảo thuộc các lĩnh vực:

Mục tiêu chính là phân tích, đánh giá, tổng hợp và tiếp thu một cách có chọn lọc các nguồn thông tin khoa học hiện có phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu tổng quan về việc xây dựng chương trình GDTC theo học chế tín chỉ cho SV không chuyên ngành GDTC Trường Đại học Hùng Vương. Nghiên cứu tài liệu giúp cung cấp cho luận án những cơ sở lý luận, nội dung cần thiết trong chương trình GDTC theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Hùng Vương.

Luận án đã thu thập và phân tích các tài liệu có liên quan đến xây dựng chương trình GDTC theo học chế tín chỉ như các khái niệm cơ bản về tín chỉ, đặc trưng của đào tạo theo tín chỉ, các căn cứ, định hướng, tiếp cận để xây dựng chương trình môn học GDTC. Các quyết định, các thông tư của Bộ GD&ĐT về đổi mới giáo dục, về xây dựng chương trình, các nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Đảng ủy, lãnh đạo trường Đại học Hùng Vương trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng. Luận án tiến hành nghiên cứu phân tích lịch sử các vấn đề nghiên cứu bằng việc thu thập các tài liệu, sách, các công trình nghiên cứu và các bài báo khoa học liên quan về xây dựng nội dung chương trình đào tạo của các tác giả trong và ngoài nước, tiến hành phân tích các điểm mạnh, những tồn tại, hạn chế, những khác biệt trong các công trình nghiên cứu về xây dựng chương trình giáo dục đại học để từ đó tìm ra khoảng trống trong nội dung chương trình GDTC dành

cho đối tượng không chuyên trường Đại học Hùng Vương.

Quá trình tổng hợp luận án đã sưu tầm, chọn lọc và tham khảo 98 tài liệu, trong đó có 92 tài liệu bằng tiếng Việt, 06 tài liệu bằng tiếng Anh. Các nguồn tài liệu được tổng hợp phân loại theo các mảng chủ đề nghiên cứu cụ thể như: các quan điểm của Đảng, các văn kiện, nghị quyết, chỉ thị, thông tư, quyết định của Đảng, Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và của Bộ VH, TT&DL về công tác GD&ĐT và GDĐH trong nước và quốc tế, luận án đã tiến hành nghiên cứu về chương trình và xây dựng chương trình GDTC. Luận án thu thập, các tài liệu, sách, luận án và các bài báo khoa học liên quan về xây dựng CTĐT đại học trong và ngoài nước.

2.1.2. Phương pháp phỏng vấn, tọa đàm

Trong quá trình nghiên cứu đề tài đã sử dụng các phiếu hỏi để phỏng vấn các nhà khoa học, các chuyên gia về GDTC, lãnh đạo các trường Đại học, các giảng viên đang trực tiếp giảng dạy và các sinh viên của Trường Đại học Hùng Vương nhằm thu thập những thông tin cần thiết liên quan tới đề tài. Thông qua hình thức phỏng vấn trực tiếp và gián tiếp nhằm:

Phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá công tác GDTC là 29 chuyên gia và giảng viên GDTC

Phỏng vấn thực trạng về hoạt động thể dục thể thao ở trường Đại học Hùng Vương: 400 sinh viên (200 nam và 200 nữ).

Phỏng vấn về lựa chọn môn GDTC tự chọn: 29 chuyên gia GDTC, các giảng viên GDTC

Phỏng vấn thẩm định chương trình: 29 chuyên gia GDTC, các giảng viên GDTC

Phỏng vấn về hiệu quả chương trình: 29 cán bộ quản lý và các giảng viên. 400 sinh viên (200 nam và 200 nữ).

Xác định thực trạng nhận thức của sinh viên về công tác GDTC và nhu cầu tham gia các môn học tự chọn của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương

Lựa chọn tiêu chí và phương pháp đánh giá.

Xin ý kiến đóng góp về nội dung chương trình môn Giáo dục thể chất của các chuyên gia, giảng viên; Ý kiến đánh giá của chuyên gia cũng như của giảng viên và sinh viên về tính hiệu quả của nội dung chương trình GDTC của Trường Đại học Hùng Vương.

Nội dung phỏng vấn được trình bày ở phần phụ lục.

Để thực hiện được phương pháp này, đề tài sẽ tiến hành thiết kế phiếu phỏng vấn, mỗi câu hỏi được thiết kế câu trả lời theo thang đo khoảng cách Likert. Cách tính và ý nghĩa của từng giá trị trung bình đối với thang đo khoảng cách được tính theo thang đo như sau:

$$\text{Giá trị khoảng cách} = (\text{Giá trị lớn nhất} - \text{Giá trị nhỏ nhất})/n$$

1.00 - 1.80: Rất không đồng ý.

1.81 - 2.60: Không đồng ý.

2.61 - 3.40: Bình thường.

3.41 - 4.20: Đồng ý.

4.21 - 5.00: Rất đồng ý.

$$\text{Giá trị khoảng cách} = (\text{Giá trị lớn nhất} - \text{Giá trị nhỏ nhất})/n$$

1.00 - 1.80: Rất không tích cực.

1.81 - 2.60: Không tích cực.

2.61 - 3.40: Bình thường.

3.41 - 4.20: Tích cực.

4.21 - 5.00: Rất tích cực.

Thang đo khoảng cách 3 mức độ. Chẳng hạn trong phỏng vấn thẩm định chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học Hùng Vương như sau:

1.00 - 1.67: Không đạt yêu cầu, phải xây dựng lại.

1.68 - 2.34: Đạt yêu cầu, nhưng phải chỉnh sửa.

2.35 - 3.00: Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành.

2.1.3. Phương pháp chuyên gia

Là phương pháp được sử dụng trong quá trình nghiên cứu nhằm lấy ý kiến của các chuyên gia về nội dung chương trình đào tạo liên quan trực tiếp đến giảng dạy môn GDTC; các chuyên gia xác định mức độ phù hợp của nội dung chương trình đào tạo môn học GDTC đã xây dựng thông qua những ý kiến của các chuyên gia, bổ sung nội dung chương trình và lựa chọn các tiêu chí đánh giá thi kết thúc học phần môn cũng như các tiêu chí cụ thể nhằm đánh giá hiệu quả của chương trình xây dựng và áp dụng trong suốt quá trình nghiên cứu. Phương pháp này được tiến hành thông qua hình thức phỏng vấn trao đổi trực tiếp đối với các chuyên gia và qua các buổi tổ chức hội thảo về nội dung, chương trình cũng như các tiêu chí mà đề tài nghiên cứu.

Đối tượng mà luận án sẽ tiến hành lấy ý kiến khi sử dụng phương pháp này là các chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành trong các lĩnh vực TĐTT (Tổng cục TĐTT, các trường chuyên TĐTT cùng một số trường Đại học trên địa bàn).

Kết quả thu được thông qua việc sử dụng phương pháp này chính là việc xây dựng được chương trình môn học Giáo dục thể chất tự chọn môn cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương. Qua đó xác định mức độ phù hợp của nội dung chương trình đã xây dựng với đối tượng sinh viên mà Nhà trường đang đào tạo.

2.1.4. Phương pháp kiểm tra sự phạm

Sử dụng trong quá trình đánh giá các tố chất thể lực chung của sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương. Trong quá trình nghiên cứu luận án, chúng tôi đã sử dụng 06 test được lựa chọn từ bộ tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực HS, SV. Nội dung kiểm tra căn cứ vào Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực HS, SV do Bộ GD&ĐT quy định (ban hành kèm theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo). Gồm các test:

- + Lực bóp tay thuận (kg), để đánh giá sức mạnh nhóm cơ tay.
- + Nằm ngửa gập bụng (lần /30s), để đánh giá sức mạnh bền.
- + Bật xa tại chỗ (cm), để đánh giá sức mạnh tốc độ chân.
- + Chạy 30 mét xuất phát cao (s), để đánh giá sức nhanh.
- + Chạy con thoi 4 x 10 mét (s), để đánh giá năng lực phối hợp vận động.
- + Chạy tùy sức 5 phút (m), để đánh giá sức bền chung.

- Kiểm tra tố chất thể lực của sinh viên:

+ *Lực bóp tay thuận (Kg)*: Dùng lực kế, người bị đo đứng hai chân rộng bằng vai, tay thuận cầm lực kế hướng vào lòng bàn tay. Không được bóp dật cục và có động tác hỗ trợ khác, thực hiện hai lần nghỉ giữa 15 giây. Lấy kết quả lần cao nhất chính xác đến 0,1kg.

+ *Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây)*: Dụng cụ thảm, chiếu cói, cỏ hoặc mặt sàn bằng phẳng, sạch sẽ. Người được kiểm tra ngồi chân co 90 độ ở đầu gối, hai bàn chân ép sát mặt sàn, một sinh viên hỗ trợ bằng cách giữ chắc phần dưới hai cẳng chân người thực hiện sao cho hai bàn chân người được kiểm tra không tách ra khỏi mặt sàn. Mỗi lần ngã người không chế lưng chạm sàn (hai vai không chạm sàn), gập bụng được tính một lần, tính số lần đạt được trong 30 giây.

+ *Bật xa tại chỗ*: Dụng cụ gồm một thảm cao su có giảm chấn, kích thước dài 4

mét, rộng 1,5 mét (có dán băng dính đánh dấu vạch giới hạn), một thước cứng làm bằng hợp kim hoặc gỗ kích thước dài 4 mét, rộng 0,3 mét đặt trên mặt phẳng nằm ngang và được ghim chặt xuống thảm chần xê dịch trong quá trình kiểm tra. Người được kiểm tra đứng hai chân rộng bằng vai ngón chân đặt sát vạch xuất phát, khi bật nhảy và tiếp thảm hai chân phải cùng lúc, thực hiện hai lần nhảy. Kết quả được tính từ mép trên của vạch xuất phát đến điểm chạm thảm gần nhất của cơ thể, lấy kết quả lần nhảy cao nhất tính bằng cm.

+ *Chạy 30m xuất phát cao*: Dụng cụ gồm đường chạy dài tối thiểu 50m rộng tối thiểu 2m, kẻ vạch xuất phát và vạch đích, đặt cọc tiêu bằng nhựa hoặc cờ hiệu ở vạch đích và vạch xuất phát, một đồng hồ bấm giờ. Người thực hiện đứng ở tư thế xuất phát cao sát vạch xuất phát khi được lệnh chạy thì nhanh chóng chạy về đích (thực hiện một lần). Thành tích chạy được tính bằng giây với số lẻ là 1/100 giây.

+ *Chạy thoi 4x10m (giây)*: Dụng cụ gồm đường chạy có kích thước dài 10 mét, rộng 1.2 mét bằng phẳng, không trơn, trượt, bốn góc có vật chuẩn để quay đầu, hai đầu đường chạy có khoảng trống ít nhất 2 mét, một đồng hồ bấm giây, một thước dài, bốn vật chuẩn đánh dấu bốn góc đường chạy. Người được kiểm tra thực hiện tư thế xuất phát cao khi chạy đến vạch 10 chỉ cần một chân chạm vạch, nhanh chóng quay 180 độ chạy về vạch xuất phát khi chân chạm vạch thì lại quay người lại chạy cứ như vậy thực hiện bốn lần 10m với 3 lần quay, thực hiện một lần tính thời gian chính xác đến 1/100 giây.

+ *Chạy tùy sức 5 phút*: Dụng cụ gồm có đường chạy dài tối thiểu 52 mét, rộng tối thiểu 2 mét hai đầu kẻ hai đường giới hạn, phía ngoài hai đầu giới hạn có khoản trống ít nhất 01 mét để chạy quay vòng, giữa hai đầu đường chạy (tim đường) đặt một vật chuẩn để quay đầu, trên đoạn 50m đánh dấu các đoạn 5m để xác định phần lẻ quãng đường sau khi hết thời gian chạy, một đồng hồ bấm giây, số đeo và tích kê ghi số ứng với số đeo. Người được kiểm tra thực hiện tư thế xuất phát cao, tay cầm tích kê (có ghi số tương ứng với số đeo ở trước ngực), khi chạy hết 50m thì vòng qua bên trái vật mốc chuẩn cứ như vậy chạy lặp lại trong thời gian 5 phút. Khi hết giờ người được kiểm tra lập tức thả ngay tích kê của mình xuống nơi chân tiếp đất, thực hiện một lần, tính thành tích bằng quãng đường chạy được (mét).

2.1.5. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Phương pháp thực nghiệm sư phạm nhằm đánh giá hiệu quả của việc xây dựng nội dung chương trình môn Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ mang lại cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ, đồng thời qua đó khẳng định việc lựa chọn, sắp xếp phù hợp, bố cục khoa học của nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ đã được xây dựng luôn đạt hiệu quả cao trong quá trình ứng dụng thực tiễn.

Chương trình thực nghiệm là chương trình đã được xây dựng giảng dạy thực nghiệm cho sinh viên khóa 16 trường Đại học Hùng Vương, với số lượng 400 sinh viên. Thời gian thực nghiệm trong vòng 2 năm. Kết quả thực nghiệm được so sánh với kết quả của nhóm so sánh khóa K13, K14, K15. Để đánh giá chương trình cũ và chương trình mới xây dựng, đồng thời Luận án tiến hành phương pháp so sánh tự đối chiếu trên đối tượng thực nghiệm.

Thời gian thực nghiệm: Thực nghiệm trong 24 tháng.

Địa điểm thực nghiệm: Tại trường Đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ.

2.1.6. Phương pháp toán thống kê

Phương pháp dự kiến được sử dụng trong việc phân tích và xử lý các số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu của đề tài. Các tham số đặc trưng mà quá trình nghiên cứu quan tâm là: \bar{x} , t , δ , C_v được tính theo các công thức sau:

Số trung bình cộng:

$$\bar{x} = \frac{\sum x_i}{n}$$

$$\delta^2 = \frac{\sum (x_i - \bar{x})^2}{n-1} \quad (n > 30)$$

Phương sai:

Độ lệch chuẩn:

$$\delta = \sqrt{\delta^2}$$

Hệ số biến sai:

$$C_v = \frac{\delta}{\bar{x}} \times 100\%$$

Công thức so sánh 2 số trung bình quan sát:

$$t = \frac{\bar{x}_A - \bar{x}_B}{\sqrt{\frac{\delta^2_A}{n_A} + \frac{\delta^2_B}{n_B}}}$$

Tính nhịp độ tăng trưởng (W%) theo công thức của S.Brody (1927).

$$W = \frac{100 \times (V_2 - V_1)}{0,5 \times (V_1 + V_2)} \%$$

Việc phân tích và xử lý các số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu của đề tài được xử lý bằng phần mềm SPSS, R, Microsof Excel xây dựng trên máy vi tính.

2.2. Tổ chức nghiên cứu

2.2.1. Thời gian nghiên cứu

Đề tài được tiến hành nghiên cứu từ tháng 01/2016 đến tháng 5/2020.

Giai đoạn 1: từ tháng 11/2015 đến tháng 12/2015, xác định các vấn đề nghiên cứu, xây dựng đề cương, kế hoạch nghiên cứu và bảo vệ đề cương nghiên cứu.

Giai đoạn 2: từ tháng 1/2016 đến tháng 5/2020, thu thập số liệu, xác định các phương pháp, nghiên cứu thực trạng các điều kiện đảm bảo cho môn GDTC. Thông qua kết quả phân tích tài liệu tham khảo, kết quả phỏng vấn để định hướng đổi mới và xây dựng nội dung chương trình môn GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên Trường Đại Hùng Vương. Thực nghiệm ứng dụng chương trình môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương.

Giai đoạn 3: từ tháng 5/2020 đến tháng 5/2021, xử lý số liệu, viết dự thảo, viết luận án chính thức để chuẩn bị bảo vệ luận án.

2.2.2. Địa điểm nghiên cứu

Đề tài được tiến hành nghiên cứu tại Trường ĐH TDTT Từ Sơn - Bắc Ninh và Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ.

Chương 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Đánh giá thực trạng công tác Giáo dục thể chất của Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ

Để đánh giá thực trạng chất lượng chương trình giáo dục thể chất Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ, luận án đã tham khảo, phân tích, tổng hợp tài liệu, tổng hợp nhiều nguồn ý kiến khác nhau, ngoài những thông tin trên chúng tôi còn đặc biệt tham khảo các công trình nghiên cứu ở một số ngành thuộc lĩnh vực phát triển chương trình và đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất trong các đề tài về xây dựng chương trình môn học. Luận án đã xác định các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá cụ thể như sau: - Đánh giá thực trạng chương trình giáo dục thể chất: bao gồm chương trình giáo dục thể chất, kết quả học tập, thể chất của sinh viên, thái độ học tập của sinh viên, dựa trên các kết quả đạt được trong học tập và căn cứ vào việc phỏng vấn các chuyên gia, giảng viên và sinh viên để tổng hợp ý kiến đánh giá. Riêng công tác đánh giá thực trạng thể chất của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ, luận án căn cứ vào Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT để đánh giá kiểm định thể lực theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Đánh giá về các điều kiện đảm bảo cho công tác giáo dục thể chất như: Đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, hoạt động thể thao ngoại khóa

3.1.1. Xác định các tiêu chí đánh giá chất lượng chương trình Giáo dục thể chất

Kết quả phân tích và tổng hợp các tài liệu cho thấy, tác động đến chất lượng công tác GDTC gồm nhiều yếu tố: đội ngũ giảng viên, Sân bãi trang thiết bị dụng cụ, chương trình môn học GDTC, phương pháp hình thức tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá... Tuy nhiên, tùy thuộc vào điều kiện của mỗi trường để xác định được các yếu tố phù hợp. Đề tài bước đầu đã xác định được 06 tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC và chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học Hùng Vương. Đề tài đã tiến hành phỏng vấn 29 cán bộ quản lý, chuyên gia, giảng viên để làm căn cứ lựa chọn các tiêu chí đánh giá.

Nội dung phỏng vấn là đánh giá mức độ quan trọng của các tiêu chí mà đề tài đã lựa chọn thông qua tổng hợp tài liệu tham khảo. Với cách đánh giá: Rất quan trọng; Quan trọng; Không quan trọng. Về xác định độ tin cậy kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 3.1.(Phụ lục 1)

Bảng 3.1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá chương trình Giáo dục thể chất cho trường Đại học Hùng Vương (n=29)

TT	Tiêu chí	Kết quả	
		\bar{X}	δ
1	Đội ngũ giảng viên	2.62	0.656
2	Sân bãi, trang thiết bị dụng cụ	2.75	0.631
3	Nội dung chương trình	2.94	0.642
4	Phương pháp giảng dạy	2.62	0.656
5	Hình thức tổ chức giảng dạy	2.46	0.644
6	Kiểm tra đánh giá	2.42	0.635
	\bar{X}	2.64	

Từ kết quả phỏng vấn ở bảng 3.1 cho thấy điểm trung bình đạt 2.64 theo thang đo likert bậc 3, sự lựa chọn các tiêu chí đánh giá công tác giáo dục thể chất của trường Đại học Hùng Vương đều cho kết quả với sự nhất trí cao ở cả 06 tiêu chí. Với sự nhất trí rất cao đạt 2.94 ý kiến cho rằng nội dung chương trình môn học GDTC là rất quan trọng. Về tiêu chí sân bãi trang thiết bị cũng với sự lựa chọn rất cao đạt 2.75 điểm. Về tiêu chí đội ngũ giảng viên thì đạt 2.62 điểm. Về phương pháp giảng dạy thì đạt 2.62 điểm và hình thức tổ chức giảng dạy thì đạt 2.46 điểm. Về kiểm tra đánh giá thì đạt 2.42 điểm.

Như vậy, thông qua kết quả phỏng vấn luận án đã lựa chọn được 06 tiêu chí đánh giá công tác GDTC cho trường Đại học Hùng Vương các tiêu chí được sự lựa chọn của cán bộ quản lý, giảng viên là rất cao.

3.1.2. Thực trạng giảng viên giảng dạy chương trình môn Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương

Khoa TDDT trường đại học Hùng vương được thành lập ngày 13 tháng 5 năm 2015 tiền thân là bộ môn giáo dục thể chất trực thuộc khoa khoa học tự nhiên. Đến tháng 8 năm 2018 thực hiện chủ trương của nghị quyết Đảng bộ tỉnh Phú Thọ và nghị quyết đảng bộ trường Đại học Hùng Vương về việc tổ chức, cơ cấu sắp xếp lại các đơn vị đi đến tinh gọn, hoạt động hiệu quả khoa TDDT đã được hợp nhất cùng khoa Nghệ thuật và được gọi là khoa Nghệ thuật và TDDT trực thuộc trường đại học Hùng

Vương. Hiện nay khoa có 3 bộ môn (bộ môn Âm nhạc, bộ môn Mỹ thuật, bộ môn Giáo dục thể chất) và một trung tâm phát triển nghệ thuật và TDTT, khoa có 25 cán bộ giảng viên (TS 01; ThS 24). Đội ngũ lãnh đạo khoa gồm 2 đồng chí (02 phó khoa), lãnh đạo bộ môn gồm 5 đồng chí (3 trưởng bộ môn; 2 phó bộ môn), lãnh đạo trung tâm gồm 2 đồng chí (01 giám đốc; 01 phó giám đốc).

Bộ môn giáo dục thể chất trực thuộc khoa nghệ thuật và TDTT, hiện tại bộ môn có 12 cán bộ giảng viên đều có trình độ thạc sĩ trong đó có 4 giảng viên đang học nghiên cứu sinh, độ tuổi trung bình của cán bộ giảng viên trong bộ môn là 35 tuổi, trong đó có 01 phó trưởng bộ môn (Phụ trách). Đây là đội ngũ giảng viên có chuyên môn cao, có phẩm chất và năng lực nghiệp vụ tốt kinh nghiệm trong quá trình đào tạo.

Để đánh giá khách quan về phẩm chất và năng lực chuyên môn của giảng viên trực tiếp giảng dạy GDTC ở Trường Đại học Hùng Vương, đề tài đã phỏng vấn 45 người là lãnh đạo nhà trường, cán bộ Đoàn và cán bộ quản lý có liên quan. Qua 5 mục hỏi (1) Yếu, (2) Trung bình, (3) Khá, (4) Tốt, (5) Rất tốt. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 3.2

Bảng 3.2. Đánh giá về phẩm chất và năng lực chuyên môn của giảng viên trực tiếp giảng dạy Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Hùng Vương (n =45)

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá	
		\bar{x}	δ
1	Trình độ chuyên môn	4.82	0.357
2	Phương pháp giảng dạy	4.57	0.344
3	Tư tưởng đạo đức	4.94	0.362
4	Năng lực tổ chức thi đấu	4.46	0.324
5	Khả năng hoạt động xã hội	4.32	0.310
6	Tín nhiệm trước đồng nghiệp	4.74	0.348
7	Tinh thần học tập nâng cao trình độ	4.31	0.307
	\bar{x}	4.60	

Qua số liệu bảng 3.2 cho thấy trình độ chuyên môn của giảng viên là rất tốt qua phỏng vấn, với tổng điểm trung bình đạt 4.60 điểm về tư tưởng đạo đức đạt 4.94 điểm về phương pháp giảng dạy đạt 4.57 điểm. Về năng lực tổ chức thi đấu đạt 4.46 điểm.

Khả năng hoạt động xã hội rất linh động loại tốt đạt 4.32 điểm. Tín nhiệm trước đồng nghiệp đạt 4.74 điểm và tinh thần học tập nâng cao trình độ đạt 4.31 điểm.

Bảng 3.3. Trình độ đào tạo của giảng viên bộ môn Giáo dục thể chất

TT	Chuyên ngành	Độ tuổi			Trình độ	Ghi chú
		< 30	30 - 40	> 40		
1	Điện kinh			2	Thạc sỹ	
2	Thể dục		2		Thạc sỹ	
3	Bóng đá		1		Thạc sỹ	
4	Bóng chuyền		1		Thạc sỹ	
5	Cầu lông	1	1		Thạc sỹ	
6	Bơi		1		Thạc sỹ	
7	Bóng bàn		1		Thạc sỹ	
8	Bóng ném		1		Thạc sỹ	
9	Quản lý		1		Thạc sỹ	

Từ kết quả bảng 3.3 cho thấy. Với định hướng của trường Đại học Hùng Vương là cơ sở đào tạo ứng dụng thì tỉ lệ tiến sỹ phải chiếm 25% Tuy nhiên ở thời điểm nghiên cứu thì giảng viên GDTC của trường Đại học Hùng Vương thì chưa có trình độ tiến sỹ chủ yếu là trình độ thạc sỹ với 12/12 người. Thực trạng này sẽ có ảnh hưởng to lớn đến nâng cao chất lượng đào tạo.

Khi xem xét dưới góc độ chuyên ngành đào tạo của giảng viên cho thấy tỉ lệ phân bố học các môn là đồng đều trải nhiều môn thể thao. So sánh với chương trình môn học GDTC cho thấy cơ bản là phù hợp. Tuy nhiên, về số lượng giảng viên so với số tín chỉ đào tạo có sự không cân bằng.

Về thực trạng đội ngũ giảng viên phân bố theo độ tuổi cho thấy: Lứa tuổi cao trên 40 có 2 giảng viên chiếm 17%, chủ yếu tập chung ở nhóm giảng viên lứa tuổi từ 30 - 40 tuổi là 10 giảng viên chiếm 74.7%. Còn lại nhóm giảng viên dưới 30 tuổi 1 giảng viên chiếm 8.3%. Kết quả cho thấy đây là đội ngũ trẻ năng động rất có thể mạnh trong khi triển khai môn GDTC theo hình thức tự chọn.

Đội ngũ giảng viên đã cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu khối lượng công tác giảng dạy của học phần GDTC tại trường, có học vị đạt trên 100% trình độ sau đại học. Đây

là một trong những điều kiện có tính chất quyết định đến chất lượng đào tạo bởi nền giáo dục có hiện đại đến đâu, dù có xuất hiện các phương tiện kỹ thuật dạy học tinh xảo, hiện đại đến đâu cũng không thể thay thế được vai trò của người thầy giáo – người tổ chức, điều khiển quá trình học của trò, người có ảnh hưởng không nhỏ tới sự hình thành và phát triển nhân cách của sinh viên. Tuy nhiên, bên cạnh đó có thể thấy rằng lực lượng giảng viên Bộ môn GDTC tại Trường Đại học Hùng Vương vẫn còn mỏng, hiện nay mỗi khóa học khoảng 6.000 sinh viên, tỉ lệ hiện nay là hơn 500 sinh viên/1 giảng viên, cao hơn so với quy định (quyết định số: 2160/QĐ-TTg về việc phê duyệt "quy hoạch phát triển thể dục, thể thao việt nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030" của Thủ tướng chính phủ) 400 sinh viên/ giảng viên. Kết quả này trình bày bảng 3.4

Bảng 3.4. Thực trạng tỉ lệ sinh viên/giảng viên tại Trường Đại học Hùng Vương - Phú thọ

Số lượng giảng viên dạy GDTC	Số lượng sinh viên đang học GDTC	Tỉ lệ sinh viên/giảng viên theo quy định	Tỉ lệ sinh viên/giảng viên tại trường	Số lượng giảng viên GDTC còn thiếu
12	6000 SV	400SV/GV	500 SV/GV	2 GV

Qua bảng 3.4 cho thấy số giảng viên GDTC của trường Đại học Hùng Vương còn thiếu cần phải tuyển dụng thêm 02 giảng viên nữa mới đáp ứng được yêu cầu vì vậy trong những năm tới khoa đã có kế hoạch tuyển dụng thêm giảng viên GDTC.

3.1.3. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ công tác Giáo dục thể chất của Trường Đại Học Hùng Vương

Cơ sở vật chất, kỹ thuật là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến công tác GDTC vì vậy đề tài tiến hành đánh giá cơ sở vật chất hiện có của nhà trường, Hiện nay trường Đại học Hùng Vương có 66 ha đất sử dụng, trong đó tổng diện tích sử dụng phục vụ đào tạo là 36 ha với đầy đủ các thiết chế phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, thực tập rèn nghề, vui chơi, giải trí.... cụ thể nhà trường có 14 phòng thí nghiệm; 01 trung tâm thực nghiệm; 78 phòng học thực hành; 104 phòng học lý thuyết các loại; 7 hội trường lớn; 5 sân vận động; 01 thư viện đọc (diện tích 3200 mét vuông, 8214 đầu sách, 50 đầu tạp chí chuyên ngành); 02 thư viện điện tử (200 máy tính kết nối

Internet, 4500file tài liệu số); 01 khu kí túc xá (353 phòng); 01 nhà ăn sinh viên diện tích 3500 mét vuông (có siêu thị mini Và các tiện ích khác).

Bảng 3.5. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ công tác Giáo dục thể chất ở Trường Đại học Hùng Vương

TT	Sân bãi, dụng cụ tập luyện	Số lượng	Chất lượng	Mức độ đáp ứng
1	Nhà đa năng	01	Khá	Đạt
2	Nhà vòm	01	Khá	Đạt
3	Sân điền kinh	02	Trung bình	Đạt
4	Sân bóng đá cỏ nhân tạo	02	Tốt	Tốt
5	Sân bóng đá cỏ tự nhiên	03	Trung bình	Đạt
7	Sân bóng chuyền	04	Khá	Đạt
8	Sân bóng rổ	02	Khá	Đạt
9	Sân bóng ném	02	Khá	Đạt
10	Sân cầu lông	05	Tốt	Tốt
11	Sân tập rộng 1500m vuông	02	Khá	Đạt
13	Thảm tập 100m Vuông	01	Khá	Đạt
14	Bể bơi	01	Khá	Đạt
15	Bàn bóng bàn	08	Tốt	Tốt
16	Xà đơn + xà kép + xà lệch	03 bộ	Khá	Đạt
18	Gương tập	03	Khá	Đạt
19	Máy bắn bóng bàn	01	Tốt	Tốt
20	Máy chiếu	03	Tốt	Tốt
21	Phòng tập thể lực	01	Tốt	Tốt

Từ bảng 3.5 cho thấy: Cơ sở vật chất, sân bãi, dụng cụ của nhà trường phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập (nội khoá cũng như ngoại khoá) của trường trong những năm gần đây có sự phát triển mạnh mẽ, nhiều dụng cụ tập luyện cũng như thi đấu được bổ xung mua sắm hàng năm, mức độ đáp ứng để tập luyện các môn thể thao đạt yêu cầu từ trung bình trở lên. Với cơ sở vật chất được trang bị như vậy bước đầu cho thấy đảm bảo cho sinh viên lựa chọn môn thể thao mà mình yêu thích và môn thể thao sở trường

của bản thân. Do vậy xây dựng chương trình GDTC theo học chế tín chỉ là hết sức phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và con người tại Đại học Hùng Vương.

3.1.4. Thực trạng nội dung chương trình môn Giáo dục thể chất áp dụng cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương

Căn cứ chương trình môn học GDTC của trường Đại học Hùng Vương, đề tài khái quát trình bày những điểm chính ở bảng 3.6.

Bảng 3.6. Chương trình môn học Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương giai đoạn 2013-2017

Học kỳ	Môn	Số tiết			
		Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Tổng
1	Đội hình đội ngũ. Thể dục với vòng, gậy Rèn luyện các tổ chất thể lực	0	28	2	30
2	Bài TD 80 nhịp Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình	0	28	2	30
3	Nhảy xa kiểu ngồi Nhảy cao nằm nghiêng	0	28	2	30
4	Cầu lông Bóng chuyền	0	42	3	45
Tổng		0	126	9	135

Từ kết quả thu được ở bảng 3.6 cho thấy: chương trình môn học GDTC của trường Đại học Hùng Vương được thực hiện trong vòng 4 kỳ, Trong đó kỳ 1 học 30 tiết với hai nội dung là thể dục học đội hình đội ngũ và bài thể dục với vòng và thể dục với gậy 32 động tác, nội dung thứ 2 là các bài tập thể lực rèn luyện các tổ chất thể lực.

Nội dung học kỳ 1

Mục tiêu của học phần

Kiến thức

- Hiểu được ý nghĩa của các bài tập thể dục đối với sự phát triển thể chất.
- Nắm được nguyên lý của các bài tập ĐHĐN, bài tập với vòng, gậy và các bài tập phát triển thể lực.

Kỹ năng

- Thực hành thuần thục các kỹ thuật cơ bản của bài tập đội hình đội ngũ, bài tập với vòng, gậy và các bài tập phát triển thể lực.

Thái độ

- Yêu thích, có ham muốn tiếp tục học tập, nghiên cứu theo hướng nội dung môn học.

- Giáo dục nhân cách, đạo đức thể thao XHCN.

Mô tả vắn tắt học phần.

- Các bài tập về đội hình đội ngũ (10 tiết)
 - + Cách tập trung đội hình hàng ngang
 - + Cách tập trung đội hình hàng dọc.
 - + Kỹ thuật: Quay phải, quay trái, quay sau.
 - + Kỹ thuật đi đều thể thao.
- Bài thể dục với gậy, bài thể dục với vòng (10 tiết)
 - + Bài thể dục với gậy 32 nhịp.
 - + Bài thể dục với vòng 32 nhịp.
- Các bài tập phát triển các tố chất thể lực (10 tiết)
 - + Các bài tập phát triển tố chất sức nhanh.
 - + Các bài tập phát triển tố chất sức mạnh.
 - + Các bài tập phát triển tố chất sức bền.
 - + Các bài tập phát triển tố chất khéo léo.
 - + Các bài tập phát triển tố chất mềm dẻo.

Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: 80% trở lên.
- Bài tập, thảo luận thực hành: Đầy đủ.
- Dụng cụ học tập: Đảm bảo

Đánh giá học phần:

- Số lượng bài kiểm tra: 02 bài; Trọng số: 30%
- Hình thức kiểm tra: Thực hành
- Thi kết thúc học phần: 01 bài; Trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Thực hành

Tài liệu học tập

Giáo trình chính

[1] Nguyễn Đại Dương (Chủ biên), Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Kim Minh...(2006), *Điền kinh*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

Sách tham khảo

[2]. Trương Anh Tuấn (2004), *Giáo trình thể dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Xuân Sinh (Chủ biên), Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong...(2009), *Thể dục*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

Bảng 3.7 Kế hoạch giảng dạy giáo dục thể chất 1

STT	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức dạy học
1	Đội hình đội ngũ	[1]	Thực hành
2	Đội hình đội ngũ Thể dục với vòng	[1] [2]	Thực hành
3	Đội hình đội ngũ Thể dục với vòng	[1] [2]	Thực hành
4	Đội hình đội ngũ Thể dục với vòng	[1] [2]	Thực hành
5	Thể dục với vòng. Kiểm tra	[1] [2]	Thực hành
6	Thể dục với gậy	[1] [2]	Thực hành
7	Thể dục với gậy Các bài tập phát triển các tố chất thể lực	[1] [2]	Thực hành
8	Thể dục với gậy Các bài tập phát triển các tố chất thể lực	[1] [2]	Thực hành
9	Thể dục với gậy Các bài tập phát triển các tố chất thể lực	[1] [2]	Thực hành
10	Các bài tập phát triển các tố chất thể lực Kiểm tra	[1] [2]	Thực hành

Kỳ 2 thì sinh viên cũng học hai nội dung đó là thể dục học bài thể dục liên hoàn 80 nhịp và điền kinh học kỹ thuật chạy cự ly ngắn và chạy cự ly trung bình.

Nội dung học kỳ 2

Mục tiêu của học phần

Kiến thức:

- Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Thể dục, Điền kinh.
- Học bài thể dục tay không liên hoàn 80 nhịp
- Học kỹ thuật chạy cự ly ngắn và cự ly trung bình.

Kỹ năng:

- Thực hành thuần thục các kỹ thuật cơ bản của từng nội dung GDTC trong chương trình.

Thái độ:

- Yêu thích và có ham muốn tiếp tục học tập, nghiên cứu theo hướng nội dung môn học.
- Giáo dục nhân cách, đạo đức thể thao XHCN.
- Nâng cao trình độ phát triển của các tổ chất vận động, trước hết là sức mạnh, sự khéo và mềm dẻo.

Mô tả vắn tắt học phần.

Bài thể dục tay không liên hoàn 80 nhịp: 14 tiết

Điền kinh: 14 tiết

Kiểm tra: 2 tiết

Nhiệm vụ của sinh viên.

- Dự lớp : Đầy đủ, đúng qui định
- Bài tập, thảo luận thực hành: Đầy đủ
- Dụng cụ học tập : Đảm bảo

Đánh giá học phần.

- Số lượng bài kiểm tra: 02 bài, Trọng số: 30%
- Hình thức kiểm tra: Thực hành
- Thi kết thúc học phần: 01 bài, Trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Thực hành

Tài liệu học tập.

Sách giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Đại Dương (Chủ biên), Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Kim Minh...(2006), *Điền kinh*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

6.2. Sách tham khảo:

[2]. Nguyễn Kim Minh, Nguyễn Thế Xuân (1998), *Chạy Tiếp sức, cự ly trung bình, cự li dài, việt dã*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tổng cục thể dục thể thao (2013), *Luật thi đấu điền kinh*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Xuân Sinh (Chủ biên), Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong...(2009), *Thể dục*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

Bảng 3.8 Kế hoạch giảng dạy giáo dục thể chất 2

STT	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức dạy học
1	Bài thể dục tay không liên hoàn 80 nhịp	[1][3]	Thực hành
2	Bài thể dục tay không liên hoàn 80 nhịp	[1][3]	Thực hành
3	Bài thể dục tay không liên hoàn 80 nhịp	[1] [3]	Thực hành
4	Bài thể dục tay không liên hoàn 80 nhịp	[1] [3]	Thực hành
5	Bài thể dục tay không liên hoàn 80 nhịp Kiểm tra	[1][3]	Thực hành
6	Chạy cự ly ngắn	[2][3]	Thực hành
7	Chạy cự ly ngắn	[2][3]	Thực hành
8	Chạy cự ly ngắn Chạy cự ly trung bình	[2][3]	Thực hành
9	Chạy cự ly trung bình	[2][3]	Thực hành
10	Chạy cự ly trung bình. Kiểm tra	[2][3]	Thực hành

Ở kỳ 3 thì sinh viên học nội dung về điền kinh đó là nhảy xa kiểu ngồi và nhảy cao năm nghiêng mỗi kỳ có 30 tiết trong đó 2 tiết kiểm tra và 28 tiết thực hành.

Nội dung kỳ 3

Mục tiêu của học phần

Kiến thức:

- Có được những hiểu biết chung về nhảy xa, nhảy cao. Biết được tác dụng của việc tập luyện nhảy xa, nhảy cao đối với người tập nói chung.
- Nắm được nội dung cơ bản của lí thuyết môn học.
- Phương pháp giảng dạy kĩ thuật nhảy xa, nhảy cao.

Kỹ năng:

- Làm mẫu các động tác hỗ trợ kỹ thuật
- Thực hành và thể nghiệm các biện pháp tập luyện chủ yếu để hướng dẫn tập luyện nâng cao thành tích nhảy xa, nhảy cao.

Thái độ

- Yêu thích và có ham muốn tiếp tục học tập, nghiên cứu theo hướng nội dung môn học.
- Giáo dục nhân cách, đạo đức thể thao XHCN.
- Nâng cao trình độ phát triển của các tố chất vận động.

Mô tả vắn tắt học phần

Chương 1: Kỹ thuật nhảy xa

Kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi

Chương 2: Kỹ thuật nhảy cao

Đặc điểm kỹ thuật nhảy cao năm nghiêng

Luật điền kinh (nhảy cao, nhảy xa)

Nhiệm vụ của sinh viên.

- Dự lớp : Đầy đủ, đúng qui định, 80% trở lên.
- Bài tập, thảo luận thực hành: Đầy đủ
- Dụng cụ học tập : Đảm bảo

Đánh giá học phần:

- Số lượng bài kiểm tra: 02 bài ; Trọng số: 30%
- Hình thức kiểm tra: Thực hành
- Thi kết thúc học phần: 01 bài ; Trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Thực hành

Tài liệu học tập**Giáo trình chính**

[1]. Nguyễn Đại Dương (Chủ biên), Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Kim Minh...(2006), *Điền kinh*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

Sách tham khảo

[2]. Nguyễn Kim Minh, Nguyễn Thế Xuân (1998), *Chạy Tiếp sức, cự ly trung bình, cự li dài, việt dã*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tổng cục thể dục thể thao (2013), *Luật thi đấu điền kinh*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Xuân Sinh (Chủ biên), Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong (2009), *Thể dục*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội

Bảng 3.9 Kế hoạch giảng dạy giáo dục thể chất 3

STT	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức dạy học
1	Kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi	[1] [2]	Thực hành
2	Kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi	[1] [2]	Thực hành
3	Kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi	[1] [2]	Thực hành
4	Kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi	[1] [2]	Thực hành
5	Kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi Kiểm tra	[1] [2]	Thực hành
6	Kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng	[1] [2]	Thực hành
7	Kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng	[1] [2]	Thực hành
8	Kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng	[1] [2]	Thực hành
9	Kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng	[1] [2]	Thực hành
10	Kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng Kiểm tra	[1] [2]	Thực hành

Riêng kỳ 4 học 2 nội dung là Cầu lông và Bóng chuyền thì học 42 tiết thực hành và 3 tiết kiểm tra.

Nội dung kỳ 4

Mục tiêu của học phần

Kiến thức:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn thể thao Cầu Lông, Bóng chuyền

- Học một số kỹ thuật cơ bản về Cầu lông và Bóng chuyền

Kỹ năng:

- Hình thành cho sinh viên kỹ thuật cơ bản môn Cầu Lông, Bóng chuyền

- Thị phạm và giảng dạy môn Cầu lông. Bóng chuyền

- Biết cách soạn thảo kế hoạch chương trình môn học Cầu lông, Bóng chuyên
- Biết phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Cầu lông, Bóng chuyên

Thái độ:

- Yêu thích và có ham muốn tiếp tục học tập, nghiên cứu theo hướng nội dung môn học.
- Giáo dục nhân cách, đạo đức thể thao XHCN.
- Nâng cao trình độ phát triển của các tố chất vận động.

Mô tả vắn tắt học phần

Kỹ thuật cầu lông.

Kỹ thuật bóng chuyên.

Nhiệm vụ của sinh viên.

- Dự lớp : Đầy đủ, đúng qui định
- Bài tập, thảo luận thực hành: Đầy đủ
- Dụng cụ học tập : Đảm bảo

Đánh giá học phần:

- Số lượng bài kiểm tra: 03 bài ; Trọng số: 30%
- Hình thức kiểm tra: Thực hành
- Thi kết thúc học phần: 01 bài ; Trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Thực hành

Tài liệu học tập.

Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Văn Đức (Chủ biên), Trần Văn Vinh, Trương Văn Minh (2015), *Giáo trình Cầu lông*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

[2]. Đặng Hùng Mạnh (Chủ biên), Nguyễn Văn Soại, Nguyễn Hải Bình... (2006), *Giáo trình Bóng chuyên*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

Sách tham khảo:

[3]. Phan Hồng Minh, Trần Đức Phấn, Nguyễn Văn Hùng,...(Biên dịch) (2013), *Luật Bóng chuyên và luật bóng chuyên bãi biển*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

[4]. Tổng cục Thể dục thể thao (2015), *Luật thi đấu Cầu lông*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

Bảng 3.10 Kế hoạch giảng dạy giáo dục thể chất 4

STT	Nội dung	Tài liệu	Hình thức tổ chức dạy học
1	Các tư thế cơ bản và cách cầm vợt Các bước di chuyển trong cầu lông	[1]	Thực hành
2	Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay, thấp tay Kỹ thuật phát cầu thấp, gần, cao sâu.	[1][2]	Thực hành
3	Kỹ thuật đập cầu	[1][2]	Thực hành
4	Ôn tập các kỹ thuật cầu lông Thực hành thi đấu và trọng tài Cầu lông	[1][2]	Thực hành
5	Ôn tập các kỹ thuật cầu lông Thực hành thi đấu và trọng tài Cầu lông	[1][2]	Thực hành
6	Tư thế chuẩn bị và di động trong bóng chuyền Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản.	[1][2]	Thực hành
7	Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản.	[1][2]	Thực hành
8	Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản. Kỹ thuật phát bóng thấp tay chính diện	[1][2]	Thực hành
9	Kỹ thuật phát bóng thấp tay chính diện Kỹ thuật phát bóng cao tay chính diện	[1][2]	Thực hành
10	Ôn tập các kỹ thuật bóng chuyền Thực hành thi đấu và phương pháp trọng tài.	[1][2]	Thực hành
11	Ôn tập các kỹ thuật bóng chuyền Thực hành thi đấu và phương pháp trọng tài.	[1][2]	Thực hành

Tổng cộng gồm 135 tiết. Các nội dung chính trong chương trình môn học GDTC gồm: Thể dục, Điền kinh, cầu lông, bóng chuyền và rèn luyện tố chất thể lực. Trong thực tiễn giảng dạy đã tiến hành biên chế từ 40 – 50 sinh viên trong một lớp. Như vậy, chương trình môn học GDTC của trường Đại học Hùng Vương về cơ bản đã đáp ứng được quy định của Bộ GD-ĐT (tối thiểu 3 TC). Tuy nhiên, còn tồn tại một số điểm cần tiếp tục được đổi mới. Chương trình môn học GDTC đã tồn tại trong một

thời gian mà chưa có những thay đổi, chương trình học tập còn đơn điệu gò bó sinh viên không có sự lựa chọn cho phù hợp với bản thân cũng như sở thích., không phù hợp với sinh viên ở các nhóm sức khỏe yếu hoặc sở thích tập luyện các môn thể thao khác nhau. Ngoài ra, chuẩn đầu ra của chương trình còn chưa thực sự chi tiết. Từ những phân tích cho thấy, cần xây dựng chương trình GDTC theo học chế tín chỉ phù hợp với điều kiện nhà trường và khu vực là hết sức cấp thiết.

Tóm lại:

Chương trình GDTC của Trường Đại học Hùng Vương giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017 đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình GDTC 135 tiết được thực hiện trong 4 kỳ là tương đối phù hợp, ngoài chương trình bắt buộc, thì chương trình tự chọn mà sinh viên được tự chọn môn thể thao phù hợp với khả năng và sở thích của mình, nhưng các môn thể thao tự chọn vẫn còn quá ít. Khắc phục được hạn chế này có thể sẽ nâng cao thể lực của sinh viên hơn và khuyến khích sinh viên tập luyện thể thao hơn, góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất. Trước yêu cầu đổi mới và các quy định hiện hành, Trường Đại học Hùng Vương đang từng bước chuyển sang hình thức đào tạo tín chỉ toàn diện, trong đó có chương trình môn học GDTC vừa là yếu tố khách quan vừa là đòi hỏi của thực tiễn.

3.1.5. Thực trạng phương pháp giảng dạy môn học Giáo dục thể chất

Phương pháp giảng dạy là những hình thức, những biện pháp được đặt ra trong quá trình giảng dạy để hoàn thành tốt các nhiệm vụ đã đề ra. Một phương pháp giảng dạy thể dục tốt sẽ tạo điều kiện cho người dạy và người học phát huy hết khả năng của mình trong việc truyền đạt, lĩnh hội kiến thức, kỹ năng và phát triển tư duy.

Trong thực tế việc giảng dạy thể dục không thể chỉ sử dụng một vài phương pháp riêng lẻ mà phải sử dụng tổng hợp các phương pháp khác nhau thì mới đạt được hiệu quả cao trong giảng dạy vì không phải tất cả các phương tiện giáo dục thể chất đều cho phép sử dụng một phương pháp tập luyện nào đó thuần túy. Người giáo viên phải biết chọn lựa những phương pháp giảng dạy phù hợp với nội dung, nhiệm vụ, đối tượng, điều kiện giảng dạy... thì mới có thể nâng cao chất lượng cho môn học.

Phương pháp giáo dục tư tưởng

Vấn đề cốt lõi của quá trình giảng dạy thể dục là điều khiển tính tích cực của người tập. Trong giảng dạy, giáo viên phải biết kích thích, duy trì tính tích cực của người tập và hướng nó vào việc giải quyết các nhiệm vụ do quá trình giáo dục thể chất

đặt ra. Làm tốt công tác giáo dục tư tưởng, giáo viên sẽ giúp người học tăng tính tự giác tích cực trong tập luyện.

Để làm tốt công tác giáo dục tư tưởng giáo viên cần chú ý những điểm sau:

Giảng giải rõ những lợi ích của việc tập luyện thể dục thể thao đối với sức khỏe của người tập qua đó hình thành động cơ đúng đắn cho người học.

- Khen thưởng, biểu dương kịp thời những hành vi, kết quả học tập tốt và phê bình đúng mực những thái độ, hành vi sai trái.

- Giáo viên phải có uy tín, tác phong chuẩn mực, gương mẫu trong lối sống.

- Biết đặt niềm tin và hy vọng vào người tập.

Phương pháp giảng giải và làm mẫu

Phương pháp giảng giải và làm mẫu là một trong những phương pháp cơ bản để xây dựng biểu tượng vận động cho người học, đặc biệt rất quan trọng trong việc giảng dạy một kỹ thuật mới.

Khi giảng giải, giáo viên cần dùng từ chính xác, lời nói rõ ràng, mô tả và phân tích mạch lạc những điểm then chốt của động tác để hình thành những khái niệm đúng đắn cho người học. Thực hiện làm mẫu động tác phải chính xác, đẹp và sinh động. Động tác làm mẫu chất lượng càng cao giúp biểu tượng động tác hình thành ở người học càng chính xác điều này giúp gây hứng thú và tiếp thu nhanh cho người học.

Việc kết hợp chặt chẽ giữa giảng giải và làm mẫu sẽ tạo điều kiện cho người tập tri giác đầy đủ về động tác.

Phương pháp tập luyện

Phương pháp tập luyện là phương pháp dùng các hình thức hoạt động trực tiếp của cơ thể để làm cho học sinh hiểu được kết cấu và quá trình động tác, trên cơ sở ấy hình thành được kỹ năng thực hiện động tác và phát triển các tố chất thể lực.

- *Phương pháp lặp lại*: là phương pháp tập luyện lặp lại nhiều lần một động tác kỹ thuật nhất định. Nó giúp cho người tập củng cố và định hình vững chắc các kỹ năng vừa mới hình thành. Nhờ quá trình tập luyện lặp đi lặp lại nhiều lần mà kỹ năng dần được hoàn thiện và chuyên hóa thành kỹ xảo có tính tự động cao.

- *Phương pháp thay đổi nội dung*: trong thực tế giảng dạy môn thể dục, khi giảng dạy những động tác có kết cấu kỹ thuật khó hoặc do năng lực vận động của người học kém, giáo viên có thể thay đổi kết cấu, giảm bớt độ khó theo yêu cầu của động tác, bổ sung các bài tập hỗ trợ, thay đổi môi trường tập luyện... để tạo điều kiện

thuận lợi cho người học tiếp thu và thực hiện tốt các động tác kỹ thuật. Khi vận dụng phương pháp này, người giáo viên phải xác định rõ mục đích, nhiệm vụ của buổi học mà thay đổi nội dung tập luyện cho phù hợp.

- *Phương pháp hoàn chỉnh và phân đoạn*: giảng dạy theo phương pháp hoàn chỉnh là cho người tập làm toàn bộ động tác từ đầu, không phân thành các giai đoạn hoặc từng khâu riêng biệt của động tác. Phương pháp này phù hợp khi dạy những động tác có kết cấu đơn giản, thực hiện liên tục và có tính nhịp điệu cao. Tuy nhiên nếu chỉ sử dụng phương pháp này sẽ làm cho người học không nắm vững chi tiết của kỹ thuật, làm hạn chế kết quả của việc tập luyện nâng cao sau này.

Giảng dạy theo phương pháp phân đoạn là phương pháp chia kỹ thuật động tác ra thành các giai đoạn, bộ phận khác nhau rồi tiến hành giảng dạy từng giai đoạn, bộ phận theo một trình tự nhất định. Phương pháp này phù hợp khi giảng dạy những động tác khó có kết cấu phức tạp. Khi sử dụng phương pháp phân đoạn cần giải thích rõ mối quan hệ của những động tác đơn lẻ trong động tác hoàn chỉnh để người học nắm được động tác một cách liên tục, trọn vẹn. Tuy nhiên nếu chỉ tập nhiều động tác đơn lẻ sẽ gây ảnh hưởng đến quá trình hình thành động tác. Cần chuyển sang tập động tác hoàn chỉnh khi người học đã thực hiện được động tác đơn lẻ ở mức độ nhất định.

Phương pháp giảng dạy hoàn chỉnh và phân đoạn có sự tương quan mật thiết và hỗ trợ lẫn nhau. Tùy theo kết cấu của động tác hoặc trình độ tập luyện của người tập mà vận dụng một cách linh hoạt.

- *Phương pháp trò chơi và thi đấu*: trò chơi được xem là một phương tiện giảng dạy có hiệu quả trong giờ học giáo dục thể chất. Việc sử dụng trò chơi để tập luyện sẽ tạo nên sự hứng thú, sôi nổi, tinh thần hăng say tích cực tập luyện của người học. Người dạy có thể sử dụng trò chơi trong tất cả các phần của buổi học: gây hưng phấn cho người học ở đầu giờ, phá vỡ sự nhàm chán, căng thẳng trong giữa buổi, thả lỏng hồi phục lúc cuối giờ. Tùy vào nhiệm vụ, nội dung bài học mà giáo viên chọn lựa trò chơi cho phù hợp.

Thi đấu là hình thức tập luyện hứng thú và sinh động trong giờ học giáo dục thể chất. Giáo viên nên tổ chức các buổi thi đấu khi người học đã nắm được kiến thức và kỹ năng thực hiện động tác. Thông qua thi đấu, giáo viên có thể đánh giá được trình độ kỹ thuật của người học và qua đó có những bài tập, biện pháp điều chỉnh phù hợp.

Phương pháp sửa chữa động tác sai

Trong quá trình tập luyện, nhất là khi tập với những kỹ thuật mới, người học có thể mắc lỗi khi thực hiện động tác. Người giáo viên phải chú ý ngăn ngừa, phát hiện những sai lầm và có biện pháp sửa chữa kịp thời giúp người học nắm được kỹ thuật chính xác, nâng cao chất lượng giảng dạy.

Điều quan trọng trong việc sửa chữa động tác sai cho người học là giáo viên cần phát hiện kịp thời việc sai sót trong thực hiện động tác và có biện pháp sửa chữa ngay. Để làm được việc này, người giáo viên phải hiểu rõ những thông tin về người học: năng lực vận động, khả năng tiếp thu, đặc điểm tâm lý... Nhờ vào những thông tin cụ thể trên, người dạy có thể dự báo trước những sai lầm thường mắc của người học, giúp người giáo viên phát hiện kịp thời những sai lầm và có biện pháp sửa chữa đúng đắn.

Trong quá trình sửa chữa động tác sai, giáo viên nên ưu tiên sửa chữa những động tác sai chủ yếu phổ biến nhất sau đó mới đi sâu vào sửa chữa những động tác sai cá biệt của từng em. Muốn phát hiện kịp thời nguyên nhân sai sót và có biện pháp sửa chữa phù hợp, người giáo viên phải không ngừng học hỏi nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn.

Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thực hiện sai kỹ thuật động tác:

- Khả năng tiếp thu và năng lực vận động của người học còn hạn chế;
- Nội dung, chương trình giảng dạy chưa phù hợp;
- Tổ chức và phương pháp giảng dạy chưa hợp lý;
- Tinh thần thái độ người học chưa đúng mực.

Các phương pháp sửa chữa động tác sai thường dùng:

- Giảng giải và làm mẫu lại kỹ thuật động tác để người học nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật;

- Cho tập những bài tập hỗ trợ để sửa chữa kỹ thuật động tác;

Sử dụng các tín hiệu (còi, vỗ tay, tiếng đếm...) tạo cho người học có cảm giác không gian, thời gian, tốc độ động tác và vị trí cơ thể khi thực hiện động tác.

3.1.6. Thực trạng về hình thức hoạt động Thể dục thể thao ở Trường Đại học Hùng Vương.

+ Hoạt động ngoại khóa: Ngoại khóa là hoạt động được tiến hành vào thời gian rảnh của sinh viên và được tập luyện theo nhu cầu, sở thích của các em ở những môn thể thao cụ thể. Hoạt động này góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giờ

học, nâng cao hiệu quả GDTC. Số lượng, động cơ, nhu cầu và hình thức tập luyện TDTT ngoại khóa của sinh viên cũng là một trong những căn cứ quan trọng để lựa chọn các biện pháp nhằm phát triển hoạt động tập luyện TDTT ngoại khóa cho sinh viên để phát triển thể lực cho sinh viên. Để tìm hiểu về vấn đề này, đề tài đã tiến hành phỏng vấn 400 sinh viên K16 của trường Đại học Hùng Vương. Các câu hỏi đưa ra các em đã trả lời một cách nghiêm túc và trung thực. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng dưới đây:

Bảng 3.11. Thực trạng về số lượng sinh viên tham gia tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa (n=400).

Nội dung phỏng vấn	Nam (n=200)		Nữ (n=200)		Tổng cộng (n= 400)	
	n	%	n	%	n	%
Thường xuyên	70	35	30	15	100	25
Thỉnh thoảng	50	25	70	35	120	30
Không tập	80	40	100	50	180	45

Qua kết quả phỏng vấn ở bảng 3.11 chúng tôi nhận thấy số lượng sinh viên tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa là không cao, số sinh viên tập luyện TDTT thường xuyên ở nam là 35 % thì ở nữ chỉ có 15 % số sinh viên không tập là 50 % ở nữ. Như vậy số sinh viên tham gia tập thường xuyên và thỉnh thoảng đã đạt 25 % còn ở nữ tỷ lệ này đạt 35 %

Qua quan sát và tìm hiểu thực tế, cùng với phỏng vấn cán bộ giảng viên và sinh viên của trường, cho thấy nhà trường có một số hình thức hoạt động thể thao ngoại khóa sau:

+ Hoạt động thể thao tự tập luyện: Hình thức tập luyện này là các em tự tập luyện TDTT hoặc tự chơi một số môn thể thao ưa thích. Hình thức tập này chỉ một số sinh viên có điều kiện kinh tế hoặc tập luyện theo cảm hứng. Họ tập không thường xuyên, không có khoa học và thường bị chấn thương.

+ Hình thức hoạt động theo câu lạc bộ: Hiện nay, trong trường có hai câu lạc bộ bóng bàn và cầu lông, chủ yếu là cán bộ, giảng viên tập luyện, sinh viên rất ít. Được sự đồng ý của Ban Giám hiệu nhà trường, Khoa TDTT đã mở một câu lạc bộ thể dục

thâm mỹ nhưng số lượng sinh viên tham gia rất ít (mỗi buổi tập có khoảng 20 đến 30 sinh viên tham gia).

+ Hình thức hoạt động thể thao thi đấu: Đây là hình thức hoạt động thu hút được đông đảo sinh viên hưởng ứng tham gia, tuy nhiên vẫn chưa thành hệ thống giải nhất định, vì phụ thuộc vào nguồn kinh phí tổ chức. Hoạt động này thường mang tính thời điểm của đoàn thể và của các khoa trong nhà trường. Vì vậy, chưa thực sự là động lực thúc đẩy sự say mê cũng như tính tự giác của sinh viên trong trường.

+ Hình thức hoạt động thể thao có giáo viên hướng dẫn: Hình thức hoạt động thể thao có giảng viên hướng dẫn được đảm bảo về chất lượng nhất hiện nay. Nhưng hoạt động này chỉ hạn chế ở một số đội tuyển thi đấu của nhà trường cho các giải của ngành, thành phố và khu vực. Do vậy hoạt động này cũng chỉ mang tính thời vụ và hạn chế số lượng sinh viên tham gia tập luyện.

Qua đánh giá tổng hợp các loại hình hoạt động thể thao ngoại khóa của Trường Đại học Hùng Vương, cho thấy các loại hình này chưa thu hút được đông đảo sinh viên tham gia cũng như chưa thúc đẩy được tính tự giác tập luyện của sinh viên. Vì vậy, cần phải nghiên cứu tìm ra những giải pháp hợp lý để tổ chức, quản lý tốt các hoạt động TDDT của sinh viên qua đó phát triển thể lực cho các em nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo con người mới trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

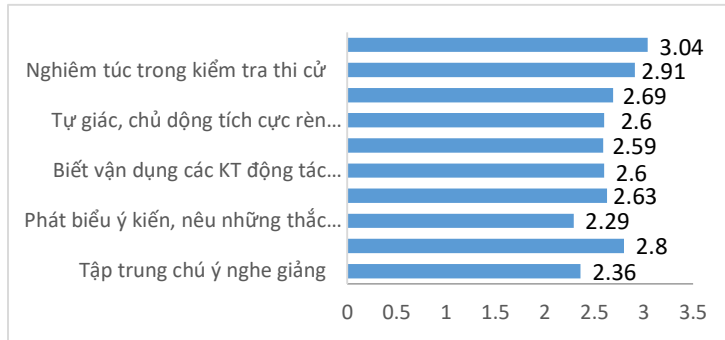
3.1.6.1. Thực trạng tính tích cực của sinh viên trường Đại học Hùng Vương tham gia học tập môn học Giáo dục thể chất

Đánh giá của sinh viên: Luận án khảo sát 400 SV ĐH Hùng Vương (200 nam, 200 nữ) về tính tích cực tham gia hoạt động học tập môn học GDTC trả lời câu hỏi theo mức độ điểm từ 1 đến 5: (1) Rất không tích cực, (2) Không tích cực, (3) Bình thường, (4) Tích cực, (5) Rất tích cực được trình bày ở bảng 3.12(Phụ lục 2)

Bảng 3.12. Kết quả đánh giá của SV về tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất Đại học Hùng Vương (n = 400)

TT	Tính tích cực học tập	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Tập trung chú ý nghe giảng, xem thị phạm động tác, ghi nhớ tốt và thực hiện lại được những bài tập, động tác đã được học	2.36	0.650
2	Hăng hái tham gia mọi hình thức hoạt động học tập, tham gia hỗ trợ thị phạm, làm mẫu . . .	2.80	0.579
3	Phát biểu ý kiến, nêu những thắc mắc của mình với giảng viên trong giờ học	2.29	0.775
4	Suy nghĩ và tự tìm tòi những lời giải đối với những vấn đề giảng viên đưa ra	2.63	0.565
5	Biết vận dụng các kỹ thuật động tác trong tập luyện và thi đấu các môn thể thao	2.60	0.490
6	Quyết tâm vượt khó khăn, hoàn thành những nhiệm vụ, bài tập được giao	2.59	0.492
7	Tự giác, chủ động tích cực rèn luyện thêm ngoài giờ	2.60	0.491
8	Đi học đầy đủ, đúng giờ	2.69	0.686
9	Nghiêm túc trong kiểm tra, thi cử	2.91	0.603
10	Tìm và đọc những tài liệu có liên quan	3.04	0.642
\bar{X}		2.65	

Kết quả đánh giá của SV tại bảng 3.12 cho thấy 9/10 mục hỏi bình thường ($2.5 < \text{điểm} < 3.5$ điểm), 1/10 mục hỏi đánh giá không tích cực (< 2.5 điểm). Trung bình (2.65 điểm), trong đó mục hỏi Phát biểu ý kiến, nêu những thắc mắc của mình với giảng viên trong giờ học được SV đánh giá thấp nhất ở mức không tích cực (2.29 điểm) và mục hỏi Tìm và đọc những tài liệu có liên quan được SV đánh giá cao nhất ở mức bình thường (3.04 điểm). Kết quả đánh giá của SV về về tính tích cực học tập môn học GDTC ĐH Hùng Vương được so sánh qua biểu đồ 3.1



Biểu đồ 3.1. Kết quả đánh giá của sinh viên về tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất tại Đại học Hùng Vương

Đánh giá của giảng viên: Luận án khảo sát 29 cán bộ quản lý và giảng viên của trường Đại học Hùng Vương về tính tích cực của sinh viên. Kết quả được trình bày tại bảng 3.13

Bảng 3.13. Kết quả khảo sát của CBQL, GV về tính tích cực của SV tham gia học tập môn GDTC trường ĐH Hùng Vương (n = 29)

TT	Tính tích cực	Tổng	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Rất không tích cực	0	0.00
2	Không tích cực	12	60.00
3	Bình thường	8	40.00
4	Tích cực	0	0.00
5	Rất tích cực	0	0.00
Tổng		20	100.00

Qua bảng 3.13 cho thấy 60% ý kiến đánh giá của CBQL, GV đề cho rằng sinh viên không tích cực trong việc tham gia hoạt động học tập môn giáo dục thể chất và 40% ý kiến đánh giá tính tích cực học tập môn học GDTC ở mức độ bình thường. Điều đó cho thấy rằng tính tích cực của sinh viên khi tham gia học tập môn GDTC tại trường Đại học Hùng Vương là rất thấp và kết quả đó sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kết quả

học tập môn học GDTC của sinh viên ĐH Hùng Vương.

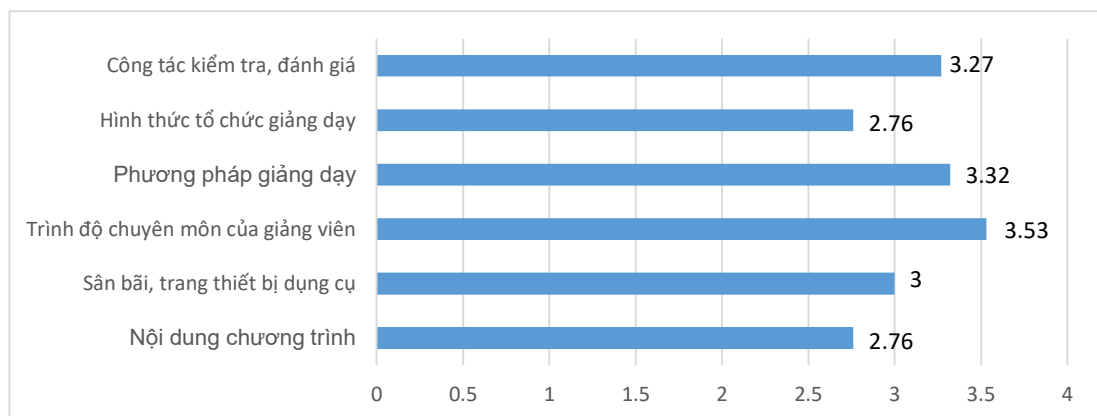
3.1.6.2. Đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên về các mặt tác động đến học tập môn Giáo dục thể chất

Luận án khảo sát 29 người là CBQL, giảng viên GDTC về các mặt có tác động trực tiếp và dẫn tới hiệu quả của chương trình môn học GDTC cho SV ĐH Hùng Vương kết quả được trình bày tại bảng 3.14

Bảng 3.14. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về các mặt tác động hoạt động học tập Giáo dục thể chất tại Đại học Hùng Vương (n = 29)

TT	Các mặt tác động đến kết quả học tập	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Nội dung chương trình	2.76	0.586
2	Sân bãi, trang thiết bị dụng cụ	3.00	0.611
3	Trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên	3.53	0.700
4	Phương pháp giảng dạy	3.32	0.796
5	Hình thức tổ chức giảng dạy	2.76	0.808
6	Công tác kiểm tra, đánh giá	3.27	0.509
	\bar{X}	3.11	

Qua bảng 3.16 điểm trung bình là 3.11 mức trung bình, trong đó CBQL, GV đánh giá khó khăn nhất là nội dung chương trình 2.76 điểm và về trình độ chuyên môn của giảng viên được đánh giá cao nhất 3.53 điểm. Kết quả đánh giá của CBQL, GV được thể hiện qua biểu đồ 3.2



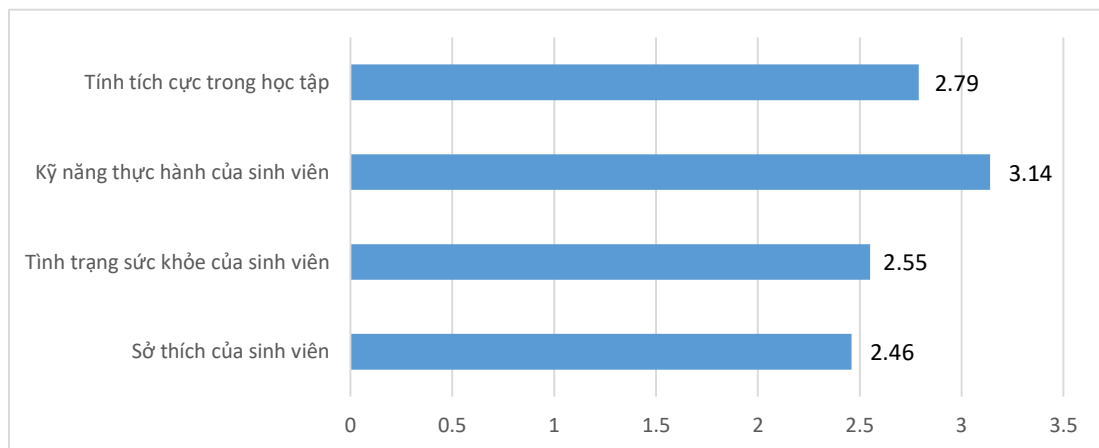
Biểu đồ 3.2. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên về khó khăn trở ngại đối với các mặt tác động hoạt động học tập môn Giáo dục thể chất

VỀ BẢN THÂN SINH VIÊN: được trình bày qua bảng 3.15

Bảng 3.15. Kết quả Đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên về bản thân sinh viên khi học tập môn Giáo dục thể chất Đại học Hùng Vương (n = 29)

TT	Bản thân sinh viên	Kết quả đánh giá	
		\bar{x}	δ
1	Sở thích của sinh viên	2.46	0.486
2	Tình trạng sức khỏe của sinh viên	2.55	0.511
3	Kỹ năng thực hành của sinh viên	3.14	0.400
4	Tính tích cực trong học tập	2.79	0.496
	\bar{x}	2.74	

Qua bảng 3.15 cho thấy điểm trung bình là 2.74 mức bình thường trong đó CBQL, GV đánh giá khó khăn nhất là sở thích của sinh viên đạt 2.46 điểm và mục hỏi kỹ năng thực hành của SV được đánh giá cao nhất đạt 3.14 điểm. Kết quả được thể hiện qua biểu đồ 3.3



Biểu đồ 3.3. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên về những khó khăn, trở ngại của bản thân SV về hoạt động học tập môn Giáo dục thể chất

3.1.7. Thực trạng việc kiểm tra đánh giá môn học Giáo dục thể chất

Kiểm tra, đánh giá là khâu then chốt cuối cùng của mỗi quá trình dạy học. Đây cũng là khâu quan trọng tác động lớn đến quá trình nâng cao chất lượng đào tạo. Việc kiểm tra đánh giá khách quan, nghiêm túc, đúng cách, đúng hướng sẽ là động lực

manh mẽ khích lệ sự vươn lên trong học tập của sinh viên, thúc đẩy sự tìm tòi sáng tạo không ngừng của sinh viên.

Việc đánh giá kết quả GDTC phải căn cứ vào mục tiêu và các yêu cầu cần đạt trong chương trình giáo dục thể chất, bảo đảm toàn diện, khách quan, có phân hoá; phải kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và định kỳ, kết hợp giữa đánh giá của giáo viên và tự đánh giá của học sinh để điều chỉnh kịp thời hoạt động dạy - học.

Việc đánh giá kết quả GDTC cần thúc đẩy và hỗ trợ HS phát triển các phẩm chất và năng lực chung, năng lực chuyên môn, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức trong việc giải quyết các nhiệm vụ hoạt động vận động của học sinh tạo được hứng thú và khích lệ tinh thần luyện tập của học sinh, qua đó khuyến khích các em tham gia các hoạt động thể thao trong nhà trường.

Kết quả học tập của các môn học được đánh giá theo thang điểm 10 với các điểm bộ phận như sau:

+ Đánh giá tính chuyên cần của sinh viên: 20%

+ Đánh giá kết quả kiểm tra giữa kì: 30%

+ Đánh giá kết quả thi cuối kì: 50%

- *Để đánh giá tính chuyên cần của sinh viên, giảng viên dựa vào:*

Số buổi tham gia lớp học của sinh viên.

Tinh thần tham gia của sinh viên trong các tiết học.

- *Đánh giá kết quả kiểm tra giữa kì:*

Hình thức kiểm tra giữa kì của giảng viên rất phong phú: Giảng viên có thể kiểm tra nhiều lần trong quá trình học với thời gian và hình thức thích hợp; Thời lượng cho bài kiểm tra giữa kì có thể cả tiết học hoặc ngắn hơn. Việc kiểm tra như vậy sẽ giúp giảng viên hiểu được trình độ học tập của sinh viên và giúp sinh viên tích cực hơn trong học tập.

- *Đánh giá kết quả thi cuối kì:*

Có nhiều hình thức đánh giá mà các giảng viên thường sử dụng để đánh giá kết quả thi cuối kì của sinh viên. Kiểm tra năng lực của sinh viên (Thực hành, vấn đáp)

Về quy trình ra đề thi, sử dụng ngân hàng đề thi, nhân đề thi, coi thi, chấm bài thi, lưu giữ bài thi...thì tuân theo quy định của nhà trường .

Kiểm tra đánh giá môn giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương. Chúng tôi luôn đưa ra hai hình thức kiểm tra đồng thời.

- Phần kiểm tra vấn đáp: Đánh giá quá trình học tập nắm bắt tri thức của môn đã được học

- Phần thực hành: Đánh giá các tố chất vận động mà người học đã được tiếp thu được tích lũy trong quá trình học.

- Áp dụng nhiều hình thức thi kiểm tra một cách linh hoạt phù hợp (Kiểm tra tố chất vận động, Thi đấu, Trò chơi...). Mỗi hình thức có những ưu nhược điểm riêng. Tùy vào đặc trưng môn học, khối lượng kiến thức, mà chúng ta có sự lựa chọn, phối hợp vận dụng linh hoạt các hình thức phù hợp nhằm đạt được hiệu quả cao

Việc đánh giá kết quả Giáo dục thể chất được đề ra là phải căn cứ vào mục tiêu và các yêu cầu cần đạt trong chương trình, bảo đảm toàn diện, khách quan, có phân hoá; phải kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và định kỳ, kết hợp giữa đánh giá của giáo viên và tự đánh giá của học sinh để điều chỉnh kịp thời hoạt động dạy - học.

Việc đánh giá kết quả cần thúc đẩy và hỗ trợ học sinh phát triển các phẩm chất và năng lực chung, năng lực chuyên môn, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức trong việc giải quyết các nhiệm vụ hoạt động vận động của học sinh tạo được hứng thú và khích lệ tinh thần tập luyện của học sinh, qua đó khuyến khích các em tham gia các hoạt động thể thao ở trong và ngoài nhà trường.

Đánh giá như là một quá trình học cho phép sinh viên phản ánh ra những suy nghĩ và tự đánh giá sự tiến bộ của mình theo mục tiêu học tập cá nhân. Khi đó sinh viên không chỉ là người bị đánh giá mà còn là người tham gia đánh giá, giảng viên giúp sinh viên tự phản hồi để biết mình mắc lỗi, thiếu hoặc yếu ở điểm nào để điều chỉnh hoạt động học của chính mình. Đánh giá như là hoạt động học tập đòi hỏi giảng viên phải chỉ dẫn cho sinh viên cách thức đánh giá thế nào, sinh viên phải học được cách đánh giá của giảng viên, phải biết đánh giá lẫn nhau và biết tự đánh giá, giúp các em hình thành năng lực tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau... để phát triển năng lực tự học của từng sinh viên. Đánh giá về kết quả học tập là cách giảng viên sử dụng chứng cứ để xác nhận kết quả học tập của sinh viên theo mục tiêu và chuẩn.

Thứ nhất, trong kiểm tra đánh giá ở nhà trường, cần sử dụng nhiều PP đánh giá khác nhau (Quan sát, thực hành...). Đặc biệt là chuyển từ đánh giá chú trọng đến kiến thức, thu được những kỹ năng gì, năng lực cá nhân. kiểm tra đánh giá nhằm hướng đến 4 yếu tố:

(1) Phát triển toàn diện học sinh:

(2) Cá biệt hóa giáo dục: kiểm tra đánh giá chú trọng đến sự phân hóa, đến việc phát hiện năng lực của từng cá nhân;

(3) Dân chủ hóa giáo dục: kiểm tra đánh giá phải đảm bảo công khai, công bằng, dựa vào mục tiêu đặt ra từ đầu, tôn trọng sự tự đánh giá của sinh viên;

(4) Thực dụng hóa giáo dục: kiểm tra đánh giá nhằm hướng đến năng lực thực tiễn của sinh viên, sinh viên làm được gì, làm như thế nào, tố chất thể lực phát triển đến đâu.

Thứ hai, nhà trường là người chịu trách nhiệm chính trong công tác kiểm tra đánh giá nhưng không phải là Ban giám hiệu mà chính là của giảng viên và sinh viên. Xác định trách nhiệm cao của người giáo viên trong công tác kiểm tra đánh giá.

3.1.8. Thực trạng tố chất thể lực và kết quả học tập môn giáo dục thể chất của sinh viên Đại học Hùng Vương

3.1.8.1. Thực trạng tố chất thể lực của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương

Để có thêm cơ sở khoa học, chúng tôi tiến hành khảo sát trình độ phát triển tố chất thể lực của SV không chuyên Trường Đại học Hùng Vương, làm cơ sở để lựa chọn xây dựng chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC, cũng như nâng cao hiệu quả học tập môn GDTC.

Đối tượng kiểm tra là: 400 sinh viên trong đó 200 sv nam và 200 sv nữ. Đề tài khảo sát thực trạng tố chất thể lực của sinh viên ở thời điểm bắt đầu vào năm học, với 6 test kiểm tra được chọn theo tiêu chuẩn đánh giá thể lực, áp dụng cho SV các trường Đại học và Cao đẳng do Bộ Giáo dục - Đào tạo quy định tại Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.

Bảng 3.16. Thực trạng tố chất thể lực của sinh viên trường Đại học Hùng Vương

TT	Test	Đầu năm ($\bar{X} \pm \delta$)	
		Nam (n=200)	Nữ (n=200)
1	Lực bóp tay thuận (kG)	40.18 ± 1.78	25.44 ± 1.76
2	Nằm ngửa gập bụng(lần/30s)	20.88 ± 2.74	15.68 ± 1.18
3	Bật xa tại chỗ (cm)	206.08 ± 11.22	150.04 ± 5.12
4	Chạy 30 XPC (giây)	5.41 ± 0.22	6.61 ± 0.39
5	Chạy con thoi 4x10m (giây)	12.05 ± 1.23	13.22 ± 1.14
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	930.17 ± 67.8	857.6 ± 66.53

Bảng 3.17. Thực trạng tổ chất thể lực của sinh viên trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục & Đào tạo (QĐ 53/2008).

TT	TEST	Kết quả						Tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT	
		Tốt(%)	SV	Đạt(%)	SV	Không đạt(%)	SV	Tốt	Đạt
Nam n = 200									
1	Lực bóp tay thuận (kG)	17.5	35	67.5	135	15%	30	>47.2	≥ 40.7
2	Nằm ngửa gập bụng(lần/30s)	16	32	61	122	23%	46	>21	≥ 16
3	Bật xa tại chỗ (cm)	22.5	45	59	118	18.5%	37	>222	≥ 205
4	Chạy 30 XPC (giây)	19.5	39	57	114	23.5%	47	<4.80	≥ 5.80
5	Chạy con thoi 4x10m (giây)	26	52	57	114	17%	34	<11.80	≥ 12.5
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	10	20	63.5	127	26.5%	53	>1050	≥ 940
Nữ n = 200									
1	Lực bóp tay thuận (kG)	12	24	67.5	135	20.5%	41	>32.5	≥ 26.5
2	Nằm ngửa gập bụng(lần/30s)	18	36	62.5	125	19.5%	39	>18	≥ 15
3	Bật xa tại chỗ (cm)	10.5	21	66.5	133	23%	46	>168	≥ 151
4	Chạy 30 XPC (giây)	13.5	27	69	138	17.5%	35	<5.80	≥ 6.80
5	Chạy con thoi 4x10m (giây)	14	28	64	128	22%	44	<12.1	≥ 13.1
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	16	32	55	110	29%	58	>930	≥ 850

Qua bảng 3.17 cho thấy rằng tỷ lệ sinh viên vào đầu năm học thứ nhất số SV đạt và tốt chiếm tỷ lệ tương đối cao, tuy nhiên tỷ lệ SV chưa đạt chuẩn thể lực so với tiêu chuẩn của BGDDT là vẫn còn nhiều. Vì vậy để giải quyết tình trạng này cần có giải pháp hợp lý phù hợp với mọi điều kiện của Trường ĐH Hùng Vương - Phú Thọ.

3.1.8.2. Thực trạng kết quả học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên

Để đánh giá Thực trạng kết quả học môn GDTC của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương, đề tài sử dụng kết quả học tập của sinh viên. Kết quả tổng hợp điểm khi kết thúc môn học GDTC của sinh viên Đại học 13 (254 sinh viên), Đại học 14 (315 sinh viên), Đại học 15 (305 sinh viên)

Bảng 3.18. So sánh kết quả học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ

Xếp loại	Đại học K13		Đại học K14		Đại học K15		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Xuất sắc	0	0	0	0	0	0	0	0
Giỏi	7	2.7	8	2.5	11	3.6	26	3.0
Khá	16	6.3	20	6.3	22	7.2	58	6.6
Trung bình	154	61	211	67	202	66	567	64.8
Yếu	77	30	76	24.2	70	23.2	223	25.6
Tổng	254		315		305		874	

Kết quả bảng 3.18 cho thấy: Tỷ lệ sinh viên có kết quả học tập môn GDTC của trường Đại học Hùng Vương giữa các khóa 13 đến 15 có tỷ lệ khác nhau. Song kết quả chung của cả ba khóa cụ thể như sau:

Kết quả xếp loại điểm xuất sắc: Không có

Kết quả xếp loại điểm giỏi: 26 sinh viên chiếm tỷ lệ 3.0%.

Kết quả xếp loại điểm khá: 58 sinh viên chiếm tỷ lệ 6.6%.

Kết quả xếp loại điểm trung bình: 567 sinh viên chiếm tỷ lệ 64.8%.

Kết quả xếp loại điểm yếu: 223 sinh viên chiếm tỷ lệ 25.6%.

Kết quả học tập môn GDTC trường Đại học Hùng Vương của 3 khóa là không có sự khác biệt. Tuy nhiên tỷ lệ sinh viên xếp loại yếu cao với 25.6%. Đồng thời sinh viên đạt mức độ trung bình là 567 so với tổng số sinh viên được kiểm tra là 874. Như vậy tỷ lệ sinh viên có kết quả học tập môn GDTC ở mức trung bình còn quá lớn. Do vậy đây là cơ sở quan trọng để đổi mới, xây dựng chương trình môn GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương.

3.1.9. Bàn luận

Về lựa chọn tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC và chương trình môn học GDTC.

Căn cứ mục tiêu đào tạo của Trường Đại học Hùng Vương thì chương trình môn học xây dựng phải đáp ứng được nhu cầu xã hội. Từ tổng quan các vấn đề nghiên cứu, luận án đã lựa chọn và xác định được các tiêu chí đánh giá một cách khoa học và

được dựa trên các mô hình đánh giá. Đặc biệt là dựa trên các định hướng xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của Bộ GD-ĐT và của trường Đại học Hùng Vương. Các định hướng này đều nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

Các tiêu chí đánh giá được lựa chọn có tính đến tính linh hoạt cho các chương trình giáo dục, đặc thù ngành nghề đào tạo và bối cảnh của trường Đại học Hùng Vương. Từ đó làm cơ sở hình thành các câu phỏng vấn, nội dung khảo sát tập trung vào yếu tố đầu vào, quá trình và đầu ra của chương trình môn học GDTC. Các tiêu chí lựa chọn dùng trong đánh giá thực trạng đều hướng đến mục tiêu về sự cần thiết để phát triển một chương trình mới, phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường. Từ đó đảm bảo, chương trình môn học mới được xây dựng đáp ứng mục đích hoàn thiện chương trình hiện hành, đồng thời đáp ứng nhu cầu đào tạo của xã hội và thị trường lao động.

Kết quả phỏng vấn thu được cho thấy đều đánh giá ở mức quan trọng và rất quan trọng về các tiêu chí đánh giá công tác GDTC cho trường Đại học Hùng Vương. Điểm nổi bật trong kết quả thu được là tiêu chí “Chương trình môn học GDTC” Với sự nhất trí rất cao đạt 2.94 ý kiến cho rằng nội dung chương trình môn học GDTC là rất quan trọng. Về tiêu chí sân bãi trang thiết bị cũng với sự lựa chọn rất cao đạt 2.75 điểm. Về tiêu chí đội ngũ giảng viên thì đạt 2.62 điểm. Về phương pháp giảng dạy thì đạt 2.62 điểm và hình thức tổ chức giảng dạy thì đạt 2.46 điểm. Về kiểm tra đánh giá thì đạt 2.42 điểm. Như vậy, xây dựng chương trình môn học GDTC là nội dung dành được sự đồng thuận rất cao từ các đối tượng phỏng vấn. Vì khi xây dựng được chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ đồng nghĩa gián tiếp với sự đảm bảo các điều kiện thực hiện của trường Đại học Hùng Vương.

Về điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

Đội ngũ giảng viên: Đội ngũ giảng viên giảng dạy GDTC ở Trường Đại học Hùng Vương, đã đáp ứng được yêu cầu trình độ chuyên môn để giảng dạy chương trình GDTC theo quy định. Giảng viên GDTC đã có ý thức tham gia các lớp bồi dưỡng các môn thể thao khác chuyên ngành của mình đã học sau các khóa học này các giảng viên đi hàm thụ thêm kiến thức các môn thể thao sau khi hoàn thành khóa học, đã được cấp các chứng chỉ đủ điều kiện để giảng dạy. Qua đó cho thấy các giảng viên bên cạnh môn chuyên sâu, còn có thể giảng dạy thêm các môn thể thao khác theo yêu cầu.

Đây cũng là một trong những điều kiện có tính chất quyết định đến chất lượng đào tạo. Về trình độ học vấn giảng viên GDTC trường Đại học Hùng Vương có 100% GV có trình độ sau đại học. Chuyên môn đào tạo của GV trường Đại học Hùng Vương tập trung chung nhiều môn thể thao phổ biến, điều đó thuận lợi cho việc giảng dạy các môn thể thao tự chọn cho sinh viên.

Cơ sở vật chất: Sân bãi và dụng cụ phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập tương đối đầy đủ, đã đáp ứng được yêu cầu. Hằng năm khoa đề xuất mua mới các dụng cụ TDTT bổ sung kịp thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công tác giảng dạy và học tập của sinh viên. Ngoài những cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập môn giáo dục thể chất chính khóa, nhà trường cũng rất quan tâm đến cơ sở vật chất phục vụ ngoại khóa tạo sân chơi thể thao lành mạnh cho sinh viên như: đầu tư xây dựng, trang bị dụng cụ đầy đủ cho phòng tập thể hình, phòng tập khiêu vũ, phòng học lý thuyết, nhà tập đa năng dành cho một số CLB hoạt động như Bóng đá, Bóng chuyền, Võ và một số CLB khác. Trang bị đầy đủ vật chất cho các câu lạc bộ thể thao của sinh viên. Vì vậy Ban giám hiệu nhà trường, Khoa và bộ môn GDTC cần điều chỉnh chương trình GDTC học phần tự chọn theo hướng biên soạn nhiều môn tự chọn đa dạng khác nhau để tận dụng cơ sở vật chất hiện có, nhằm phát huy được tối đa cơ sở vật chất hiện có của nhà trường.

Về kết quả đánh giá chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học Hùng Vương.

Mặc dù chương trình môn học GDTC cũ đã trình bày được mục tiêu, kiến thức, thái độ. Tuy nhiên, trong thiết kế chương trình môn học GDTC của trường Đại học Hùng Vương trong những năm qua còn tồn tại bất cập về chuẩn đầu ra. Chương trình chưa có những hướng dẫn cụ thể về mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra, chưa đảm bảo tác động tích cực đến phát triển thể lực cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương. Số lượng nội dung học nhiều nhưng không trọng tâm còn giàn trải, sinh viên không được lựa chọn môn thể thao yêu thích, sở trường của bản thân. Điều này cho thấy sự mềm dẻo của chương trình là chưa cao, tính chất môn học là bắt buộc thực chất vẫn dựa trên nền tảng nhà trường đã lựa chọn cứng các môn học này. Thực trạng này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động thể thao ngoại khóa nói chung và rèn luyện thể lực của sinh viên trường Đại học Hùng Vương.

Những bàn luận này một lần nữa cho thấy sự cần thiết phải bổ sung thêm các

môn thể thao tự chọn cho sinh viên trong chương trình môn học GDTC của trường Đại học Hùng Vương. Tất nhiên, để thực hiện được điều này phải dựa trên các điều kiện đảm bảo về đội ngũ giảng viên, công trình TDTT phù hợp với các môn thể thao tự chọn và nhu cầu tập luyện môn thể thao yêu thích của sinh viên. Những nội dung này cũng đã được luận án đánh giá và tiếp tục bàn luận dưới đây.

Kết quả nghiên cứu thu được từ thực trạng về nội dung chương trình, Sân bãi, trang thiết bị dụng cụ, đội ngũ giảng viên thì hoàn toàn có thể đáp ứng được việc triển khai 7 môn thể thao để sinh viên lựa chọn trong chương trình môn học GDTC. Trong 7 môn mà được phỏng vấn sinh viên và các giảng viên lựa chọn (Cầu lông, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Aerobic, Khiêu vũ thể thao, Teakwondo). Từ những phân tích về đội ngũ giảng viên và thực trạng công trình TDTT thì việc xây dựng chương trình GDTC theo học chế tín chỉ gồm 1 tín chỉ bắt buộc và 3 tín chỉ tự chọn 1 trong 7 môn thể thao là hoàn toàn phù hợp với trường Đại học Hùng Vương.

Khi xem xét thực trạng tích tích cực học tập môn GDTC và tập luyện thể thao ngoại khóa cho sinh viên nhận thức tốt ý nghĩa của môn học, có thái độ tích cực với môn học GDTC và tập luyện ngoại khóa. Song bên cạnh đó, sinh viên còn tồn tại một số bất cập nhất định. Đó là việc chuyển hóa từ tính tích cực học tập môn GDTC thành hành động tập luyện còn hạn chế ở sinh viên trường Đại học Hùng Vương. Sinh viên chưa có những hành động tích cực để tập luyện TDTT thường xuyên hoặc tham gia tập luyện môn thể thao yêu thích. Nguyên nhân có phần xuất phát từ sự hạn chế của công trình TDTT, song chúng tôi cho rằng nó cũng có ảnh hưởng lớn từ chương trình đào tạo chưa có sự đa dạng về các môn thể thao tự chọn.

Tóm lại: Những vấn đề đánh giá thực trạng về công tác giáo dục thể chất trên cho thấy cần phải xây dựng lại chương trình môn học giáo dục thể chất phù hợp hơn, cần chú trọng xây dựng các môn thể thao mà sinh viên yêu thích, phù hợp với cơ sở vật chất, phù hợp với trình độ chuyên môn giảng viên, để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng với mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ mới.

3.2. Xây dựng chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ

3.2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ

3.2.1.1. Cơ sở lý luận xây dựng chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ.

Hoạt động xây dựng nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương được tiến hành trên những cơ sở pháp lý sau:

Mẫu chương trình đào tạo thực hiện theo Thông tư số 08/2011/TT-BGD&ĐT ngày 17/2/2011 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng [18].

Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020 [28].

Phạm vi, quyền hạn của các cơ sở đào tạo trong việc xây dựng và thiết kế chương trình đào tạo hệ chính quy, được ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ – BGD&ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD-ĐT [12].

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Ban chấp hành TW Đảng, năm 2011 [3].

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 1/12/2011 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020 [5].

Chỉ thị số 40/2008/CT-BGD&ĐT ngày 22/7/2008 và Kế hoạch số 307/KH-BGD&ĐT ngày 22/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động và triển khai phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” [13].

Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo [12].

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGD&ĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT [19].

Nghị quyết số 29 NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế [8].

Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [21].

Nghị định số: 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 của Chính Phủ quy định chương trình GDTC và hoạt động TDTT trong nhà trường [30].

Thông tư số 25/2015/TT-BGD&ĐT ngày 14/10/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học [23].

Thông tư số 04/TT-BGD&ĐT, ngày 14 tháng 3 năm 2016, về việc ban hành quy định về bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Nguyên tắc xây dựng chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ

Quá trình xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC Trường Đại học Hùng Vương tuân thủ những nguyên tắc sau.[59]:

Nguyên tắc tính mục tiêu

Thứ nhất: Mục tiêu các môn học bắt buộc và tự chọn phải là bộ phận hữu cơ của mục tiêu GDTC, có nghĩa phải thể hiện mức độ, định hướng yêu cầu của nghề nghiệp, phải chịu chi phối của đặc điểm, tính chất công việc của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương.

Thứ hai: Mục tiêu chương trình phải thể hiện ở hai mức độ (mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể), đáp ứng được yêu cầu trên cả hai mặt giáo dục và giáo dỡng là: Đào tạo kỹ năng nghề nghiệp, giáo dục nhân cách và phẩm chất cho học sinh. Mục tiêu của nội dung quy định những giá trị đạt được cho sinh viên sau quá trình học tập, do vậy mục tiêu chi phối trực tiếp và toàn diện quá trình đào tạo cũng xuất phát từ mục tiêu nội dung đào tạo phải giải quyết tốt hai nhiệm vụ cơ bản của giáo dục và giáo dỡng.[59]

Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học:

Tính khoa học của việc xây dựng chương trình GDTC học phần tự chọn phải được thể hiện ở hai mặt:

Về nội dung giảng dạy: Nội dung giảng dạy được lựa chọn cần cập nhật những tiến bộ của môn thể thao, phù hợp với những điều kiện thực tiễn của Trường Đại học Hùng Vương. Nội dung phải phù hợp với sinh viên, tính chất nghề nghiệp và đặc điểm của ngành đào tạo, phải giải quyết được hai vấn đề cơ bản của giáo dục đào tạo là trang bị cho sinh viên tri thức cần thiết và đáp ứng được những đòi hỏi của xã hội.

Về sắp xếp nội dung chương trình: Phải đảm bảo tính kế thừa, nội dung sau phải kế thừa nội dung trước. Đối với những môn cơ bản thì giảm thời lượng để dành cho những môn cốt lõi của chương trình. Lựa chọn nội dung giảng dạy phù hợp, đảm bảo những kiến thức theo yêu cầu chuyên môn nghề nghiệp của trường Đại học Hùng Vương, nhằm trang bị những kỹ năng cơ bản trong công tác GDTC đáp ứng yêu cầu của thực tiễn [59].

Nguyên tắc đảm bảo tính thống nhất:

Tính thống nhất giữa mục tiêu, nội dung và chương trình GDTC. Sự thống nhất giữa nội dung giảng dạy phải phù hợp với mục tiêu đào tạo, được thể hiện sự giải quyết hợp lý giữa yêu cầu về nội dung giảng dạy với kiến thức và năng lực được trang bị cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương. Nội dung giảng dạy phù hợp với những điều kiện thực tiễn của nhà trường, đặc biệt là điều kiện con người và cơ sở vật chất, phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, xu thế phát triển của khoa học công nghệ của nền sản xuất hiện đại.[59]

Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn:

Khi xác định nội dung giảng dạy GDTC cần phải căn cứ vào bối cảnh cụ thể của giáo dục đại học Việt Nam, những yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực của đất nước, với đội ngũ cán bộ tương lai đào tạo lớp người phát triển cao về trí tuệ - cường tráng về thể chất - phong phú về tinh thần - trong sáng về đạo đức, phục vụ phát triển đất nước. Tuy nhiên, tính thực tiễn của nội dung giảng dạy cũng phù hợp với những điều kiện đảm bảo thực thi nội dung giảng dạy như: giảng viên, cơ sở vật chất.[59]

Nguyên tắc đảm bảo tính sư phạm

Lựa chọn nội dung giảng dạy: Nội dung lựa chọn để xây dựng chương trình chi tiết cho từng học phần phải được xác định ở ba loại hình kiến thức: kiến thức nền tảng (cốt lõi); kiến thức chuyên ngành (nghề nghiệp); kiến thức về phương pháp. Nội dung chương trình phải quy nạp tổng thể kiến thức toàn diện, phù hợp với yêu cầu của mục

tiêu đào tạo trong từng ngành nghề đào tạo của trường Đại học Hùng Vương, ngoài ra chương trình còn phải có tính thực tiễn và hiện đại.[67]

Cấu trúc nội dung chương trình: Nội dung chương trình được sắp xếp đảm bảo tính kế thừa và phát triển, đảm bảo tính liên tục của quá trình nhận thức, nội dung sau kế thừa của nội dung trước. Nội dung cũng phải đảm bảo tính tuần tự, sắp xếp từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức nền tảng đến kiến thức chuyên ngành [67].

Phương pháp giảng dạy: Phương pháp lựa chọn phải đảm bảo sự kết nối mang tính sư phạm truyền thụ và khả năng tiếp thu lĩnh hội của người học, đảm bảo cho quá trình nhận thức tư duy của người học, cần trang bị cho người học nhiều phương pháp tiếp cận khác nhau. Đặc biệt là áp dụng các phương pháp giảng dạy học tích cực để người học được chủ động phát huy năng lực tự học, tự chiếm lĩnh tri thức [67].

Quá trình kiểm tra đánh giá: Quá trình đánh giá kết quả lao động luôn được gắn liền với thực tiễn dạy và học, là động lực thúc đẩy quá trình đào tạo, phải coi việc đánh giá là một phương pháp hữu hiệu mang tính sư phạm cao trong quá trình đào tạo. Tuy vậy những tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá phải được xây dựng trên nền tảng những nội dung kiến thức đã được thiết kế trong nội dung giảng dạy, phải phù hợp với yêu cầu về năng lực và tri thức cần trang bị cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương. Việc kiểm tra đánh giá phải được coi là động lực thúc đẩy quá trình học tập, chứ không tạo áp lực quá lớn đối với sinh viên [67].

Nguyên tắc đảm bảo tính cập nhật

Nội dung các môn học trong chương trình đào tạo hiện đại, tạo điều kiện cho người học tiếp thu những kiến thức mới nhất của khu vực và thế giới. Chương trình cần cập nhật những nội dung phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước và phát triển kỹ năng sống.

Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

Những nội dung cải tiến của chương trình GDTC phải phù hợp với tình hình đặc điểm tâm sinh lý của sinh viên bậc đại học, phù hợp với lứa tuổi, giới tính, phù hợp với tình hình đội ngũ giảng viên, với điều kiện cơ sở vật chất... và chương trình triển khai phải góp phần tích cực trong công tác nâng cao thể chất sinh viên, đảm bảo phát triển thể chất đạt mức độ trung bình và tốt các tiêu chuẩn rèn luyện thể lực của Bộ

Giáo dục – Đào tạo.

Tổ chức xây dựng chương trình: Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học quyết định số lượng thành viên tham gia và ra quyết định thành lập tổ soạn thảo chương trình môn học Giáo dục thể chất. Chỉ đạo tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, duyệt giáo trình theo chương trình môn học Giáo dục thể chất theo qui định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tiễn và các tiến bộ khoa học chuyên ngành. Công bố công khai chương trình môn học Giáo dục thể chất ngay từ đầu khóa học để người học có thể lựa chọn các học phần và đăng ký học tập, bố trí giảng viên, đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của chương trình môn học Giáo dục thể chất và việc tập luyện thể dục, thể thao nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực cho người học, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện

Cụ thể về xây dựng chương trình GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương như sau:

Tổ chức đánh giá chất lượng và hiệu quả thực hiện chương trình GDTC hiện hành và đề xuất để xây dựng chương trình GDTC theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của SV;

Tổ chức xây dựng quy định về chương trình GDTC theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của SV;

Xây dựng chương trình GDTC chi tiết đảm bảo mục tiêu và thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Tổ chức biên soạn bộ tiêu chí kiểm tra, đánh giá chất lượng chương trình và kết quả thực hiện chương trình GDTC;

Tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng và kết quả thực hiện GDTC;

Xây dựng tài liệu, tổ chức tập huấn hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, tự giác, rèn luyện và bồi dưỡng phẩm chất, năng lực và kỹ năng vận động cho sinh viên.

Tổ chức tập huấn cho đội ngũ giảng viên TĐTT về đổi mới phương pháp giảng dạy và cách kiểm tra, đánh giá kết quả GDTC và hoạt động thể thao của sinh viên.

3.2.1.2. Cơ sở thực tiễn xây dựng chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ.

Trên cơ sở thực trạng công tác GDTC của trường đại học Hùng Vương, cũng như kế thừa kinh nghiệm về các công trình xây dựng chương trình đào tạo nói chung

và chương trình GDTC theo học chế tín chỉ nói riêng, trong các trường Đại học của các tác giả, các nhà nghiên cứu, các chuyên gia trong lĩnh vực thể thao trường học. Xuất phát từ thực trạng công tác GDTC tại Trường Đại học Hùng Vương như: Chương trình GDTC cho sinh viên còn sơ sài, gò bó, cứng nhắc chưa đáp ứng được nhu cầu của sinh viên; Quy trình tổ chức đào tạo; Công tác kiểm tra đánh giá và đảm bảo chất lượng; Công tác tổ chức các hoạt động TDTT ngoại khóa; Đội ngũ GV và CSVC; Đánh giá môn học GDTC của SV; Đánh giá hiện trạng tác động của công tác GDTC đối với sự phát triển thể chất của SV và đặc biệt là nhu cầu lựa chọn môn thể thao của sinh viên... Trên cơ sở các vấn đề pháp lý và thực tiễn nêu trên nghiên cứu từng bước hoàn thiện và kiện toàn chương trình đào tạo để nâng cao chất lượng môn học GDTC theo học chế tín chỉ, ngoại khóa cho SV Trường ĐH Hùng Vương một cách tốt nhất.

Nhu cầu môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ

Thông qua khảo sát bằng phiếu hỏi cho thấy rằng nhu cầu học tập môn học GDTC theo học chế tín chỉ của trường Đại học Hùng Vương là rất cần thiết, dựa trên các điều kiện về giảng viên về sân bãi dụng cụ, chương trình môn học GDTC cũ cần có sự thay đổi để phù hợp với điều kiện, sự phát triển của nhà trường của khu vực và của cả nước. Việc xây dựng 01 chương trình GDTC mới theo học chế tín chỉ là rất cần thiết.

Để tiếp tục xây dựng chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ ngày càng hoàn thiện và đáp ứng được nhu cầu của sinh viên, nhà trường đang từng bước gia tăng thêm số môn thể thao tự chọn. Tuy nhiên, để phù hợp với các nguồn lực về con người và điều kiện cơ sở vật chất, nhà trường bước đầu đã giới thiệu thêm 9 môn và lấy ý kiến của chuyên gia về các môn học này. Được lựa chọn đánh giá theo thang đo 5 bậc (1) Rất không đồng ý, (2) Không đồng ý, (3) Bình thường, (4) Đồng ý, (5) Rất đồng ý. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.19.(Phụ lục 3)

Bảng 3.19. Kết quả lựa chọn môn Giáo dục thể chất tự chọn của chuyên gia (n = 29)

TT	Môn GDTC tự chọn	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Cầu lông	4.98	0.774
2	Bóng chuyền	4.93	0.765
3	Thể dục Aerobic	4.90	0.732
4	Bóng đá	4.88	0.698
5	Teakwondo	4.87	0.685
6	Bóng rổ	4.75	0.692
7	Khiêu vũ thể thao	4.70	0.654
8	Bơi lội	2.44	0.661
9	Bóng bàn	2.41	0.631

Qua bảng 3.19 cho thấy sự lựa chọn của các chuyên gia gồm 7 môn thể thao chính đó là Cầu lông, bóng chuyền, thể dục Aerobic, bóng đá, teakwondo, bóng rổ, khiêu vũ thể thao.[34],[35],[37],[60],[61],[62],[64],[65],[74],[82],[87],[90]. Cụ thể với số điểm được lựa chọn của 7 môn là rất cao từ 4.70 đến 4.98 điểm. Đây cũng là căn cứ để luận án lựa chọn môn học phù hợp với trường Đại học Hùng Vương.

Để sự lựa chọn các môn thể thao phù hợp với sinh viên hơn. Chúng tôi tiến hành phỏng vấn sinh viên trường Đại học Hùng Vương cho ý kiến về các môn thể thao tự chọn sẽ được học trong chương trình GDTC. Kết quả được trình bày ở bảng 3.20

Bảng 3.20. Kết quả lựa chọn môn Giáo dục thể chất tự chọn của sinh viên trường Đại học Hùng Vương (n = 400)

TT	Môn GDTC tự chọn	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Cầu lông	4.64	0.764
2	Bóng chuyền	4.59	0.759
3	Thể dục Aerobic	4.57	0.742
4	Bóng đá	4.51	0.701
5	Teakwondo	4.47	0.686
6	Bóng rổ	4.45	0.681
7	Khiêu vũ thể thao	4.42	0.645
8	Bơi lội	2.31	0.651
9	Bóng bàn	2.21	0.621

Từ kết quả thu được ở bảng 3.20 cho thấy mức độ lựa chọn các môn thể thao tự chọn của sinh viên là khác nhau song xếp theo điểm từ cao xuống thấp thì thứ hạng các môn được chọn như sau:

Xếp ở vị trí số 1 là môn Cầu lông với 4.64 điểm, số 2 là môn Bóng chuyền 4.59 điểm, số 3 là môn Aerobic 4.57 điểm, số 4 môn Bóng đá 4.51 điểm, số 5 môn Teakwondo 4.47 điểm, số 6 môn Bóng rổ 4.45 điểm, số 7 môn Khiêu vũ thể thao 4.42 điểm, số 8 môn Bơi lội 2.31 điểm và cuối cùng môn bóng bàn lựa chọn 2.21 điểm.

Căn cứ vào ý kiến lựa chọn các môn thể thao cho thấy, cần bổ sung vào chương trình học tập môn GDTC nhiều môn thể thao, để sinh viên có thể lựa chọn môn thể thao yêu thích, môn thể thao sở trường của bản thân từ đó mới nâng cao được thể chất trong sinh viên.

3.2.2. Xây dựng chương trình Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ

3.2.2.1. Cấu trúc chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ

Dựa trên những cơ sở khoa học và nguyên tắc xây dựng chương trình môn học, đồng thời dựa trên các kết quả đã phân tích ở phần thực trạng công tác GDTC và chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học Hùng Vương. Đề tài xây dựng cấu trúc chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ.

Về cấu trúc chương trình môn học GDTC cho trường Đại học Hùng Vương được trình bày ở bảng 3.21.

Bảng 3.21. Cấu trúc chương trình môn học Giáo dục thể chất cho trường Đại học Hùng Vương

TT	Nội dung	Ghi chú
Phần 1	Mục tiêu, chuẩn đầu ra, Thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình	
I	Mục tiêu	
1	Mục tiêu chung	
2	Mục tiêu cụ thể	
II	Chuẩn đầu ra	
III	Khối lượng kiến thức	

TT	Nội dung	Ghi chú
IV	Cấu trúc chương trình đào tạo	
Phần 2	Nội dung chương trình	
I	Giáo dục thể chất chung	Môn bắt buộc
II	Giáo dục thể chất nghề nghiệp	Môn tự chọn
Phần 3	Hướng dẫn thực hiện chương trình	
1	Tổ chức giảng dạy	
2	Đánh giá kết quả học tập	
3	Triển khai thực hiện	

3.2.2.2. Cấu trúc đề cương môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ

Về cấu trúc đề cương chi tiết môn học GDTC của trường Đại học Hùng Vương được trình bày ở bảng 3.22.

Bảng 3.22. Cấu trúc đề cương chi tiết môn học Giáo dục thể chất tự chọn cho trường Đại học Hùng Vương

TT	Nội dung	Ghi chú
1	Thông tin về giảng viên	
2	Thông tin chung về học phần	(Tên học phần, Số tín chỉ, Mã số học phần, Đối tượng sử dụng, Trình độ, Loại học phần, Điều kiện tiên quyết)
3	Mục tiêu của học phần (góp phần vào chuẩn đầu ra) cần hình thành	Mục tiêu chung(Kiến thức, kỹ năng, thái độ)
4	Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)	
5	Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)	
6	Mô tả vắn tắt học phần	
7	Đánh giá học phần	Điều kiện dự thi kết thúc học phần Kiểm tra đánh giá
8	Tài liệu học tập	Sách, giáo trình chính Sách tham khảo
9	Nội dung chi tiết học phần	Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian. Nội dung chi tiết

3.2.2.3. Nội dung chương trình

A. Thời gian đào tạo: Hai năm

B. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 04 tín chỉ (120 tiết)

C. Nội dung chương trình

- **Phần bắt buộc:** Phải tích lũy đủ 1 tín chỉ

+ Điền kinh: Chạy cự ly ngắn

+ Thể dục: Đội hình đội ngũ, bài thể dục liên hoàn 80 nhịp.

- **Phần tự chọn 1:** (đã học xong phần bắt buộc) đăng ký 1 trong 7 nội dung sau

+ Bóng đá 1

+ Bóng chuyền 1

+ Bóng rổ 1

+ Cầu lông 1

+ Aerobic 1

+ Khiêu vũ thể thao 1

+ Teakwondo 1

- **Phần tự chọn 2**(đã học xong tự chọn 1): đăng ký 1 trong 7 nội dung sau

+ Bóng đá 2: đã học xong bóng đá 1

+ Bóng chuyền 2: đã học xong bóng chuyền 1

+ Bóng rổ 2: đã học xong bóng rổ 1

+ Cầu lông 2: đã học xong cầu lông 1

+ Aerobic 2: đã học xong Aerobic 1

+ Khiêu vũ thể thao 2: đã học khiêu vũ thể thao 1

+ Teakwondo 2: đã học xong Teakwondo 1

- **Phần tự chọn 3**(đã học xong tự chọn 2): đăng ký 1 trong 7 nội dung sau

+ Bóng đá 3: đã học xong bóng đá 2

+ Bóng chuyền 3: đã học xong bóng chuyền 2

+ Bóng rổ 3: đã học xong bóng rổ 2

+ Cầu lông 3: đã học xong cầu lông 2

+ Aerobic 3: đã học xong Aerobic 2

+ Khiêu vũ thể thao 3: đã học khiêu vũ thể thao 2

+ Teakwondo 3: đã học xong Teakwondo 2

Dựa trên cấu trúc chương trình môn học đã được lựa chọn đề tài đã tiến hành

xây dựng 01 chương trình môn GDTC và 07 chương trình môn học giáo dục thể chất tự chọn (bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, Aerobic, Teakwondo, bóng rổ, khiêu vũ TT). [34],[35],[37],[60],[61],[62],[64],[65],[74],[82],[87],[90]. Cấu trúc chương trình môn GDTC cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương được trình bày ở bảng 3.23.

Bảng 3.23. Cấu trúc chương trình môn Giáo dục thể chất cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương

Học phần	Nội dung	Lý thuyết (giờ)	Thực hành (giờ)	Kiểm tra (giờ)	Tổng số (giờ)
Giáo dục thể chất chung	Học phần bắt buộc (1 tín chỉ)				
	1. Thể dục		14	1	15
	2. Điền kinh		14	1	15
	Tổng		28	2	30
Giáo dục thể chất tự chọn	Học phần tự chọn 3 tín chỉ (Học trong 3 kỳ)				
	Lựa chọn chọn 1 trong 7 môn TĐTT: Bóng đá, Bóng chuyền, Cầu lông, Aerobic, Teakwondo, Bóng rổ, Khiêu vũ TT.		28		84
	Kiểm tra:			2	6
	Tổng		84	6	90
	Tổng cộng		112	8	120

Từ kết quả trình bày ở bảng 3.23 cho thấy: Chương trình môn GDTC cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương gồm 4 tín chỉ, đảm bảo phù hợp với quy định của Bộ GD-ĐT và nhà trường đặt ra.

Nội dung chi tiết chương trình môn học GDTC 7 môn tự chọn cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương được trình bày cụ thể ở phụ lục 8 - 15.

3.2.2.4. Tổ chức và quản lý đào tạo

Kế hoạch đào tạo

- Chương trình giáo dục thể chất được tổ chức đào tạo tối thiểu trong 04 học kỳ

và tối đa trong 08 học kỳ tùy theo nhu cầu tích lũy của sinh viên.

- Môn học bắt buộc được bố trí giảng dạy trong năm học thứ nhất và được tổ chức giảng dạy ở kỳ I thực hiện theo lớp khóa học

Thời gian học tập

Do đặc thù môn học nên thời gian học tập trong ngày được sắp xếp không trùng với thời gian học tập của các đơn vị đào tạo trong trường.

- Thời gian học tập chính thức trong ngày từ 7h00 đến 17h00

Lớp môn học

Số lượng sinh viên của lớp môn học tối đa là 45 sinh viên/lớp môn học

Xây dựng thời khóa biểu

Một tháng trước khi các đơn vị đào tạo tổ chức cho sinh viên đăng ký môn học ở học kỳ tiếp theo, phòng Đào tạo của nhà trường sẽ gửi thời khóa biểu lớp môn học dự kiến giảng dạy trong học kỳ cho các đơn vị đào tạo gồm các thông tin sau: mã môn học, tên môn học, số tín chỉ, tên lớp môn học, tiết học, địa điểm học, số SV tối đa của lớp môn học và các ghi chú khác đối với việc đăng ký môn học.

Sau khi kết thúc việc tổ chức đăng ký môn học của học kỳ kế tiếp, đề nghị phòng Đào tạo các đơn vị gửi kết quả đăng ký các lớp môn học về phòng Đào tạo chậm nhất 03 tuần trước khi tiến hành giảng dạy.

Khi có kết quả đăng ký thay đổi môn học đã chọn hoặc huỷ môn học đã đăng ký của sinh viên theo kế hoạch của từng đơn vị, đề nghị phòng Đào tạo các đơn vị gửi danh sách các lớp môn học mới cập nhật về phòng Đào tạo để tiện cho việc quản lý giữa các đơn vị. Khoa và bộ môn chỉ tổ chức giảng dạy cho những sinh viên có tên trong danh sách.

Đăng ký môn học

Sinh viên của đơn vị đào tạo nào thì đăng ký môn học tại đơn vị đào tạo đó theo thời khóa biểu lớp môn học dự kiến giảng dạy trong học kỳ, do bộ môn GDTC gửi các đơn vị đào tạo trong trường Đại học Hùng Vương.

Mỗi học kỳ sinh viên chỉ được phép đăng ký học một môn học trong một học kỳ.

Sinh viên phải hoàn thành môn học bắt buộc theo quy định mới được đăng ký các môn học tự chọn có điều kiện.

3.2.3. Thẩm định chương trình đào tạo thông qua ý kiến đánh giá

Sau khi xây dựng được chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ, đề tài đã tiến hành thẩm định bước đầu chương trình đào tạo thông qua ý kiến đánh giá của các giảng viên, nhà khoa học.[22] Các bước tiến hành như sau:

(1) Nội dung thẩm định.

Căn cứ xây dựng chương trình môn học;

Chuẩn đầu ra của chương trình môn học;

Cấu trúc chương trình môn học (Sự hợp lý trong việc sắp xếp các kiến thức; Thời lượng của từng nội dung);

Thời lượng của chương trình môn học;

Nội dung của chương trình môn học (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo);

Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo).

(2) Các bước tiến hành.

Chương trình môn học GDTC tự chọn được gửi đến các đối tượng phỏng vấn là 29 cán bộ quản lý, chuyên gia, giảng viên.

Các đối tượng phỏng vấn đọc nhận xét và gửi câu hỏi phản hồi (nếu có).

Trả lời và giải trình các câu hỏi của người phỏng vấn (nếu có).

Đánh giá chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ thông qua phiếu đánh giá. Ở mỗi nội dung thẩm định được đánh giá theo 3 mức độ: Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành (C3); Đạt yêu cầu, nhưng phải chỉnh sửa (C2); Không đạt yêu cầu, phải xây dựng lại (C1).

(3) Thẩm định và ban hành chương trình

Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình môn học Giáo dục thể chất và các điều kiện đảm bảo triển khai dạy học. Hội đồng thẩm định gồm ít nhất 03 (ba) thành viên có trình độ từ Thạc sỹ trở lên, đúng ngành về Giáo dục thể chất hoặc huấn luyện thể thao, các thành viên Tổ soạn thảo không tham gia hội đồng thẩm định

Hội đồng thẩm định, gồm: Chủ tịch, ủy viên thư ký và các ủy viên phản biện, trong đó có ít nhất 02 (hai) người ngoài cơ sở đào tạo,

Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định chương trình môn học giáo dục thể chất và các điều kiện đảm bảo chất lượng để triển khai dạy học, kết luận thông qua hay

không thông qua chương trình môn học Giáo dục thể chất của cơ sở giáo dục đại học.

Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học ban hành chương trình môn học GDTC trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định và đề nghị của hội đồng khoa học và đào tạo.

Kết quả thẩm định chương trình qua ý kiến đánh giá của chuyên gia và giảng viên GDTC được trình bày bảng 3.26. Được đánh giá theo thang đo 3 bậc (1) Không đạt yêu cầu, phải xây dựng lại, (2) Đạt yêu cầu, nhưng phải chỉnh sửa, (3) Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành. (Phụ lục 4)

Bảng 3.24. Kết quả phỏng vấn các nội dung thẩm định chương trình môn Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ (n = 29)

TT	Nội dung thẩm định	Kết quả thẩm định	
		\bar{x}	δ
1	Căn cứ xây dựng chương trình môn học	2.86	0.43
2	Chuẩn đầu ra của chương trình môn học	2.69	0.54
3	Cấu trúc chương trình môn học	2.74	0.51
4	Thời lượng của chương trình môn học	2.58	0.58
5	Nội dung của chương trình môn học	2.46	0.69
6	Đề cương chi tiết môn học	2.56	0.56

Kết quả thu được ở bảng 3.24 cho thấy: Đa số các nội dung thẩm định đều đánh giá “Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành”, chiếm tỷ lệ từ 2.46 đến 2.86 điểm đó là số điểm rất cao trên thang đo 3 bậc. Điểm cao nhất với 2.86 điểm là căn cứ xây dựng chương trình môn học và điểm thấp nhất là nội dung chương trình môn học đạt 2.46 điểm. Như vậy, đa số ý kiến thẩm định đều đánh giá các nội dung ở mức “Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành” đối với chương trình môn GDTC cho sinh viên trường ĐH Hùng Vương.

Khi tính điểm trung bình (Mean) thì các nội dung thẩm định đạt từ 2.46 - đến 2.86 điểm, độ lệch chuẩn (SD) dao động từ 0.43 đến 0.69 điểm. So sánh theo thang đo Likert 3 bậc thì cả 6/6 nội dung thẩm định chương trình môn học GDTC cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương đều nằm trong khoảng từ 2.46 - đến 3.00 điểm thuộc mức rất “Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành”. Hay nói cách khác là chương trình môn học

GDTC theo học chế tín chỉ mà đề tài xây dựng đều nhận được sự nhất trí cao từ các đối tượng phỏng vấn thăm định.

Quyết định ban hành chương trình đào tạo môn học Giáo dục thể chất đối với sinh viên đại học của trường Đại học Hùng Vương: (Phụ lục 5)

Tóm lại: Thông qua cơ sở khoa học và thực tiễn, các bước triển khai xây dựng, đặc biệt là kết quả phỏng vấn thăm định chương trình môn GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương. Đề tài đã bước đầu xây dựng được 02 nội dung chương môn học GDTC (1 là chương trình giáo dục thể chất bắt buộc gồm 1 tín chỉ (30 tiết). 2 là chương trình GDTC tự chọn 3 tín chỉ với 7 môn thể thao: Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Aerobic, Khiêu vũ thể thao, Teakwondo tổng (90 tiết)

3.2.4. Bàn luận

Từ kết quả đánh giá thực trạng đã được đề tài chuyên hóa thành quá trình xây dựng chương trình môn GDTC theo học chế tín chỉ. Quá trình xây dựng chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ đã tiếp cận theo mô hình năng lực với việc chuẩn hóa đầu ra của chương trình. Hoạt động xây dựng chương trình môn GDTC mới cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương đã đạt được một số điểm nổi bật sau:

Luận án đã tuân thủ và kế thừa các mục tiêu cơ bản của chương trình GDTC do Bộ GD-ĐT ban hành và dựa trên Quyết định số 43/2007/QĐ - Bộ GD-ĐT về đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ. Đồng thời đảm bảo các quy định và điều kiện đảm bảo mà trường Đại học Hùng Vương đặt ra. Nội dung chương trình môn học GDTC đã bao gồm lượng kiến thức và kỹ năng cần thiết để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình môn GDTC. Tức là quá trình xây dựng chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ đã thỏa mãn được cả mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, đáp ứng được yêu cầu về chuẩn đầu ra.

Về nội dung của chương trình xây dựng đã đảm bảo mức độ hoàn thiện mục tiêu của chương trình. Những nội dung lựa chọn trong chương trình xây dựng được thiết kế phù hợp với điều kiện đào tạo, về cơ sở vật chất, về đội ngũ cán bộ giảng viên. Hàm lượng kiến thức cơ bản được đảm bảo, kỹ năng thực hành là khả thi, song đồng thời vẫn đủ hàm lượng để người học tiếp tục phát triển hiểu biết và nâng cao kỹ năng thực hiện của mình trong thực tế thi đấu ở các môn thể thao tự chọn.

Về cấu trúc chương trình có sự cân đối giữa môn học bắt buộc và môn học tự chọn, với 1 tín chỉ bắt buộc và 3 tín chỉ tự chọn. Cấu trúc chương trình môn học

GDTC phù hợp với số lượng tín chỉ tối thiểu mà Bộ GD-ĐT đặt ra (3 tín chỉ). Cấu trúc chương trình 7 môn học GDTC tự chọn có số lượng tiết thực hành là 28 tiết/môn và 2 tiết kiểm tra/môn. Trong chương trình 7 môn học GDTC tự chọn không có giờ lý thuyết, song thực tế các nội dung này vẫn được tích hợp trong các giờ thực hành. Điều này xuất phát từ điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường và đặc thù của môn học, song nó không làm ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy của các giờ học GDTC.

Về phương pháp giảng dạy: Trong chương trình bảy môn học GDTC tự chọn thì chủ yếu tập trung vào hướng dẫn tài liệu học tập cho sinh viên và kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ của môn học. Đối với giảng viên thì chủ yếu nhấn mạnh đến kỹ năng thị phạm động tác, giảng giải, phân tích kỹ thuật, trực quan sinh động. Đề cao thái độ tự giác tích cực của người học. Mặc dù không nêu chi tiết các phương pháp giảng dạy cụ thể, song trong thực tế triển khai, giảng viên luôn cập nhật, nắm bắt các xu thế đổi mới phương pháp dạy và học đại học. Trường Đại học Hùng Vương luôn luôn hỗ trợ và khuyến khích giảng viên sử dụng nhiều phương pháp tiên tiến, hiện đại được kết hợp với các phương pháp truyền thống nhằm đảm bảo phù hợp với người học. Do vậy, trong các chương trình được xây dựng ở phụ lục 7 đến phụ lục 14 chỉ giới thiệu những điểm chính của phương pháp giảng dạy. Song trong thực tiễn thì những phương pháp, phương tiện hiện đại luôn được giảng viên sử dụng trong quá trình dạy học. Đảm bảo sự kết hợp giữa lý thuyết và kỹ năng thực hành môn thể thao tự chọn cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương.

Về nguồn học liệu phục vụ giảng dạy môn học GDTC theo học chế tín chỉ mà luận án đã xây dựng: Trong chương trình môn học đã xây dựng thì nguồn học liệu chủ yếu là các giáo trình và tài liệu của trường Đại học TDTT Bắc Ninh và Tổng cục TDTT. Ở mỗi nội dung giảng dạy và nhiệm vụ giao cho sinh viên được luận án trích dẫn cụ thể với các giáo trình, tài liệu sử dụng. Có thể nói học liệu sử dụng trong chương trình mà luận án xây dựng đã đáp ứng nội dung học tập cũng như tập luyện ngoại khóa. Đây là điều kiện cần thiết để đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng cho môn học GDTC của trường Đại học Hùng Vương.

Về đánh giá học phân: Kết quả đánh giá học phân của các môn học GDTC tự chọn được tuân thủ theo đúng quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ và quy định của trường Đại học Hùng Vương. Điểm kết thúc được xác định gồm điểm: chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ. Đối với điểm chuyên cần, ngoài yêu cầu phải đảm bảo

tham gia đầy đủ 80% số giờ tín chỉ, chương trình xây dựng còn đặt ra các yêu cầu đặc thù của tập luyện thể thao. Các nội dung bao gồm: Bài tập: Thực hiện đủ lượng vận động theo yêu cầu của bài tập trên lớp. Tự giác tập luyện ngoài giờ học (ngoại khóa); Dụng cụ học tập: Sinh viên mặc đúng trang phục thể thao. Các nội dung đánh giá giữa kỳ cụ thể và gắn liền với các tiêu chí đánh giá. Điểm thi cuối kỳ chiếm tỷ trọng 50% với thang điểm đánh được xây dựng cho từng nội dung kiểm tra và kèm theo các yêu cầu, tiêu chí cụ thể. Có thể nói, chương trình xây dựng dễ dàng triển khai và thuận tiện trong kiểm tra – đánh giá người học.

Quá trình xây dựng chương trình môn Giáo dục thể chất cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương đã tuân thủ tính pháp lý, phù hợp theo hệ thống tín chỉ. Đồng thời thông qua ý kiến phỏng vấn thăm định đã được đánh giá ở mức đạt yêu cầu và đề nghị ban hành.

Như vậy, chương trình môn GDTC được xây dựng trong khuôn khổ đầy đủ cơ sở khoa học, hệ thống thống tín chỉ, phù hợp với thực tiễn, điều kiện cơ sở vật chất và trình độ chuyên môn của giảng viên. Nội dung và mục tiêu của chương trình phù hợp với khả năng tiếp thu của sinh viên. Cấu trúc chương trình và thời lượng chương trình đảm bảo tính sư phạm, tính cập nhật... đủ điều kiện để sinh viên hình thành các kỹ năng thuần thực và tham gia các hoạt động ngoại khóa ở mức cao hơn.

3.3. Đánh giá hiệu quả việc ứng dụng chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương

3.3.1. Tổ chức thực nghiệm sư phạm

Mục đích thực nghiệm.

Để khẳng định tính khả thi, tính ứng dụng của chương trình môn học GDTC thông qua việc sử dụng các tiêu chuẩn kiểm tra đã đề xuất trong chương trình (phụ lục 8 đến 15) để thực nghiệm đánh giá chương trình GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương.

Lộ trình ứng dụng chương trình giảng dạy môn học cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương.

Sau khi xây dựng được chương trình giảng dạy giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương, luận án tiến hành ứng dụng chương trình từ tháng 8/2018 đến tháng 06/2020 trong phạm vi toàn trường. Thời gian thực

nghiệm gồm 4 học kỳ. Việc đánh giá hiệu quả được tiến hành sau khi kết thúc quá trình học tập môn GDTC.

Nội dung đánh giá hiệu quả ứng dụng chương trình:

Bước 1: Đánh giá hiệu quả của chương trình thực nghiệm qua ý kiến phản hồi của giảng viên và sinh viên khi dạy học xong chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ đã xây dựng.

Bước 2: Đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau khi ứng dụng thực nghiệm chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ.

Bước 3: Đánh giá hiệu quả của chương trình thực nghiệm qua các test đánh giá thể lực cho sinh viên theo quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD-ĐT.

Kết quả thực nghiệm được trình bày tại mục 3.3.2 của luận án.

3.3.2. Kết quả ứng dụng chương trình

3.3.2.1. Kết quả đánh giá hiệu quả chương trình thực nghiệm qua ý kiến phản hồi của sinh viên

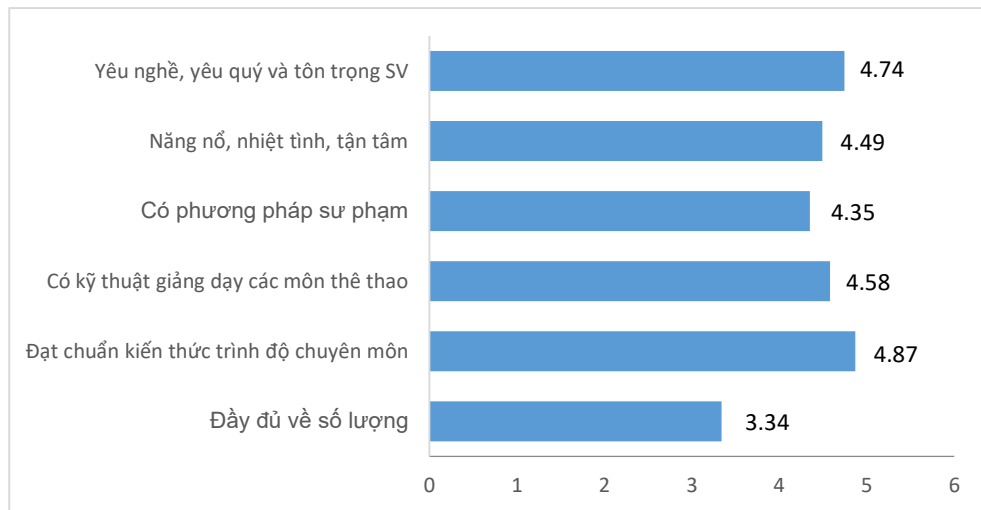
Kết quả đánh giá chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương thông qua ý kiến phản hồi của sinh viên trả lời các câu hỏi sau theo mức độ điểm từ 1 đến 5: ((1) Rất không hài lòng, (2) Không hài lòng, (3) Bình thường, (4) Hài lòng, (5) Rất hài lòng.

Về đội ngũ giảng viên: Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 3.25

Bảng 3.25. Kết quả đánh giá của sinh viên về đội ngũ giảng viên thể dục thể thao của trường Đại học Hùng Vương (n = 400)

TT	Đội ngũ giảng viên	Kết quả đánh giá	
		\bar{x}	δ
1	Đầy đủ về số lượng	3.43	0.598
2	Đạt chuẩn kiến thức trình độ chuyên môn	4.87	0.500
3	Có kỹ thuật giảng dạy các môn thể thao	4.58	0.637
4	Có phương pháp sư phạm	4.35	0.505
5	Năng nổ, nhiệt tình, tận tâm	4.49	0.620
6	Yêu nghề, yêu quý và tôn trọng SV	4.74	0.550
\bar{x}		4.37	

Kết quả đánh giá của SV tại bảng 3.25 cho thấy 6/6 mục hỏi đều đánh giá cao về năng lực của cán bộ giảng viên. Tại mục đạt chuẩn kiến thức trình độ chuyên môn đánh giá ở mức cao nhất với 4.87 điểm và đạt điểm thấp nhất với 3.43 điểm là số lượng các bộ giảng viên. Nói chung với tổng điểm bình quân 4.37 điểm cho thấy rằng việc đánh giá sinh viên về đội ngũ giảng viên giảng dạy môn GDTC trường Đại học Hùng Vương là rất tốt. Kết quả đánh giá của sinh viên về đội ngũ giảng viên cho hoạt động học tập môn học GDTC trường Đại học Hùng Vương được so sánh qua biểu đồ 3.4



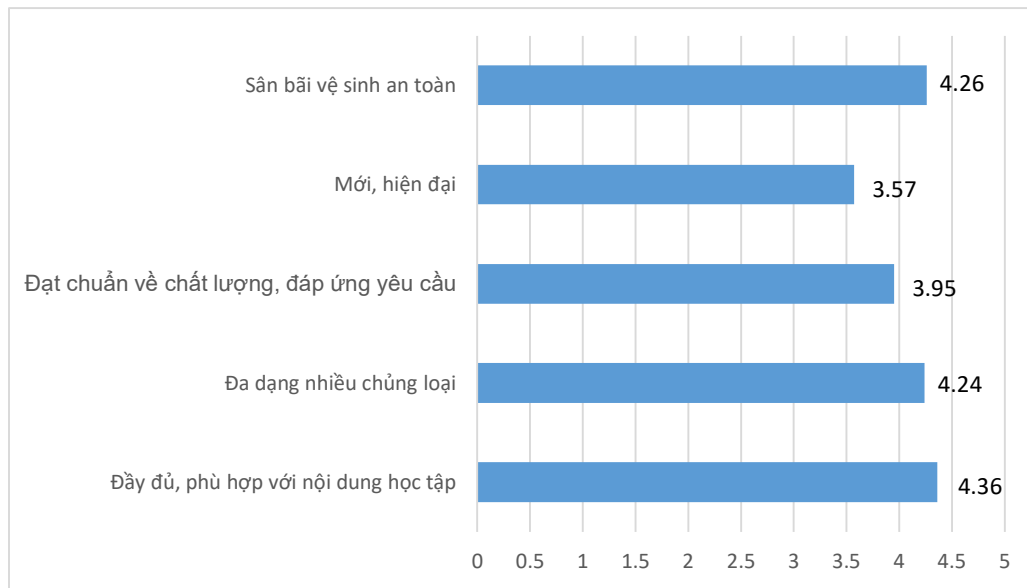
Biểu đồ 3.4. So sánh kết quả đánh giá của sinh viên về đội ngũ giảng viên cho hoạt động học tập môn Giáo dục thể chất

Về sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ: Được trình bày qua bảng 3.26

Bảng 3.26. Kết quả đánh giá của sinh viên về sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho hoạt động học tập môn học Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương (n = 400)

TT	Sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ học tập	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Đầy đủ, phù hợp với nội dung học tập	4.36	0.390
2	Đa dạng, nhiều chủng loại	4.24	0.309
3	Đạt chuẩn về chất lượng, đáp ứng yêu cầu	3.95	0.291
4	Mới, hiện đại	3.87	0.228
5	Sân bãi vệ sinh và an toàn	4.26	0.300
	\bar{X}	4.14	

Kết quả đánh giá của sinh viên tại bảng 3.26 cho thấy tất cả các mục hỏi đề được sinh viên đánh giá ở mức đồng ý và rất đồng ý điểm trung bình đạt 4.14 là ở mức đồng ý trở lên, trong đó mục đầy đủ, phù hợp với nội dung học tập được đánh giá cao nhất với số điểm 4.36 và mục mới hiện đại được đánh giá thấp nhất với 3.87 điểm. Kết quả đánh giá của sinh viên về sân bãi, trang thiết bị dụng cụ phục vụ cho hoạt động học tập môn học GDTC trường Đại học Hùng Vương được so sánh qua biểu đồ 3.5

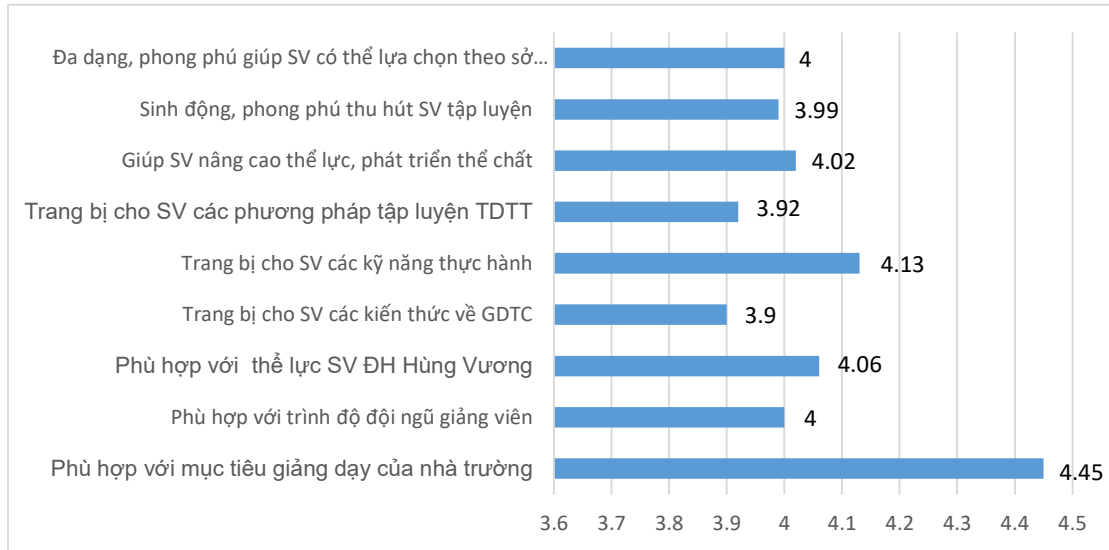


Biểu đồ 3.5. So sánh kết quả đánh giá của sinh viên về sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho hoạt động học tập môn Giáo dục thể chất
Về nội dung chương trình: Được trình bày qua bảng 3.27

Bảng 3.27. Kết quả đánh giá của sinh viên về nội dung chương trình Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ của Đại học Hùng Vương (n = 400)

TT	Nội dung chương trình	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Phù hợp với sân bãi, trang thiết bị dụng cụ	4.12	0.251
2	Phù hợp với mục tiêu giảng dạy của nhà trường	4.45	0.398
3	Phù hợp với trình độ đội ngũ giảng viên	4.00	0.271
4	Phù hợp với thể lực của SV ĐH Hùng Vương	4.06	0.238
5	Trang bị cho SV các kiến thức về giáo dục thể chất	3.90	0.230
6	Trang bị cho SV các kỹ năng thực hành TDTT	4.13	0.396
7	Trang bị cho SV các phương pháp tập luyện TDTT, qua đó có thể tự tập và hình thành thói quen vận động, rèn luyện sức khỏe thường xuyên	3.92	0.292
8	Giúp SV nâng cao thể lực, phát triển thể chất	4.02	0.257
9	Sinh động, phong phú thu hút SV tích cực tham gia tập luyện	3.99	0.296
10	Đa dạng, phong phú giúp SV có thể lựa chọn theo sở thích	4.00	0.236

Kết quả thu được ở bảng 3.27: Đánh giá của SV cho thấy 7/10 mục hỏi thì cho kết quả là đồng ý rất cao và 3/10 hỏi thì cho kết quả đồng ý mức độ bình thường. Trong đó mục phù hợp với mục tiêu của nhà trường cho kết quả cao nhất (4.45 điểm) mục trang bị cho SV về kiến thức GDTC 3.90 điểm. Như vậy, chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương mà đề tài bước đầu xây dựng được đa số các ý kiến đánh giá là phù hợp. Kết quả đánh giá của SV về nội dung chương trình môn học GDTC của sinh viên trường Đại học Hùng Vương được trình bày biểu đồ 3.6



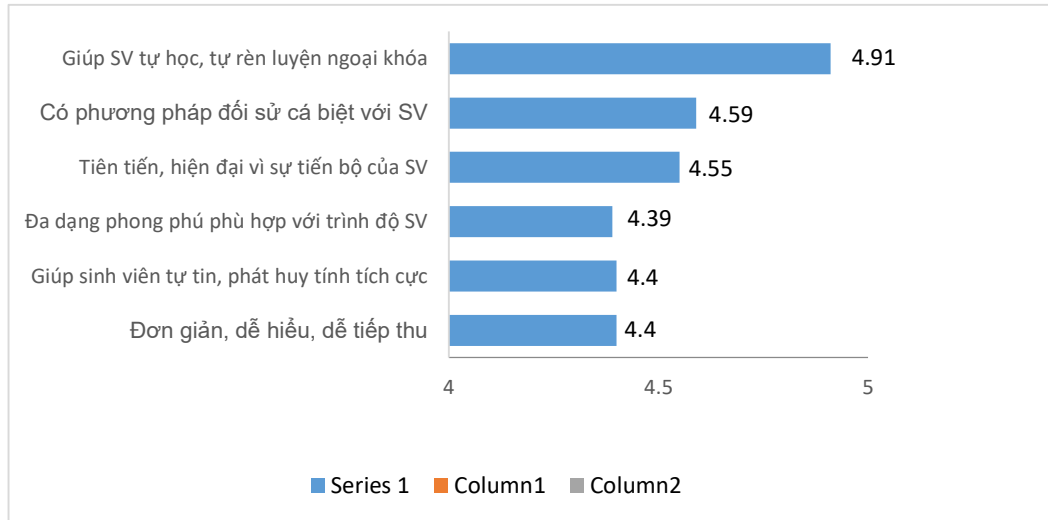
Biểu đồ 3.6. Kết quả đánh giá nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất của sinh viên trường Đại học Hùng Vương

Về phương pháp giảng dạy: Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 3.28

Bảng 3.28. Kết quả đánh giá của sinh viên về phương pháp giảng dạy của giảng viên về học tập môn Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương (n = 400)

TT	Phương pháp giảng dạy	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Đơn giản, dễ hiểu, dễ tiếp thu	4.40	0.577
2	Giúp sinh viên tự tin, phát huy tính tích cực	4.40	0.723
3	Đa dạng, phong phú phù hợp với trình độ của SV	4.39	0.791
4	Tiên tiến, hiện đại vì sự tiến bộ của SV	4.55	0.698
5	Có phương pháp đối xử cá biệt với SV	4.59	0.793
6	Giúp SV tự học, tự rèn luyện ngoại khóa	4.91	0.671
\bar{X}		4.60	

Kết quả đánh giá của sinh viên tại bảng 3.28 cho thấy cả 6/6 mục hỏi về phương pháp giảng dạy đều đánh giá ở mức đồng ý và rất đồng ý mục giúp sinh viên tự học, tự rèn luyện ngoại khóa đạt 4.91 điểm với tổng điểm trung bình 4.60 cho thấy rằng sinh viên đánh giá rất cao về phương pháp giảng dạy của giảng viên GDTC trường Đại học Hùng Vương. Để làm sáng tỏ về sự đánh giá của sinh viên về phương pháp giảng dạy được so sánh qua biểu đồ sau 3.7



Biểu đồ 3.7. Kết quả đánh giá của sinh viên về phương pháp giảng dạy của giảng viên cho hoạt động học tập môn học Giáo dục thể chất

Về hình thức tổ chức giảng dạy: Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 3.29

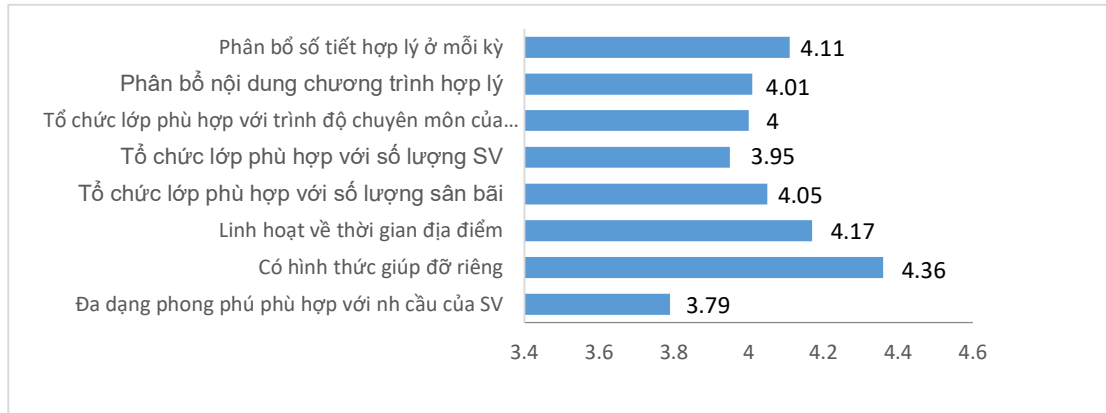
Bảng 3.29. Kết quả đánh giá của sinh viên về hình thức tổ chức giảng dạy của giảng viên cho hoạt động học tập môn học Giáo dục thể chất Đại học Hùng Vương (n = 400)

TT	Hình thức tổ chức giảng dạy	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Đa dạng, phong phú phù hợp với nhu cầu của SV	3.79	0.598
2	Có hình thức giúp đỡ riêng	4.36	0.616
3	Linh hoạt về thời gian, địa điểm giúp SV có thể chọn lựa	4.17	0.620
4	Tổ chức lớp phù hợp với số lượng sinh viên, trang thiết bị dụng cụ của nhà trường	4.05	0.572
5	Tổ chức lớp phù hợp với số lượng SV đăng ký	3.95	0.725
6	Tổ chức lớp phù hợp với trình độ chuyên môn của GV	4.00	0.752
7	Phân bổ nội dung chương trình hợp lý ở từng học kỳ	4.01	0.642
8	Phân bổ hợp lý số tiết ở mỗi học kỳ	4.11	0.765
\bar{X}		4.06	

Kết quả đánh giá của SV tại bảng 3.29 cho thấy cả 8/8 mục được hỏi đều lựa chọn ở mức đồng ý và rất đồng ý. Điểm trung bình đạt 4.06 ở mức đồng ý trong đó với câu hỏi có hình thức giúp đỡ riêng đạt mức cao nhất với 4.36 điểm còn câu hỏi đa

dạng, phù hợp với nhu cầu của sinh viên thì được lựa chọn thấp nhất với 3.79 điểm.

Kết quả đánh giá của SV về hình thức tổ chức giảng dạy của giảng viên cho hoạt động học tập môn GDTC trường ĐH Hùng Vương được thể hiện qua biểu đồ 3.8



Biểu đồ 3.8. Kết quả đánh giá của sinh viên về hình thức giảng dạy của giảng viên cho học tập môn học Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương Về kiểm tra, đánh giá

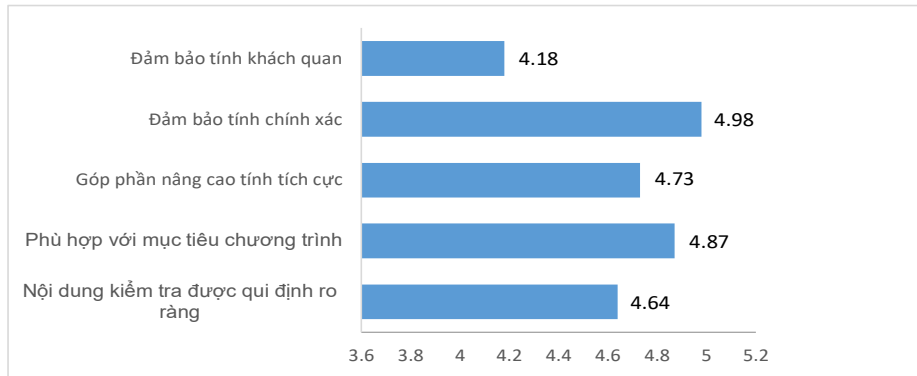
Kết quả khảo sát về nội dung kiểm tra đánh giá trong chương trình Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành giáo dục thể chất được trình bày tại bảng 3.30

Bảng 3.30. Kết quả đánh giá của sinh viên về kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập môn Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương (n = 400)

TT	Kiểm tra đánh giá	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Nội dung kiểm tra đánh giá được qui định rõ ràng và thông báo đến toàn thể SV	4.64	0.758
2	Nội dung kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình đào tạo	4.87	0.858
3	Công tác kiểm tra, đánh giá góp phần nâng cao tính tích cực trong quá trình đào tạo	4.73	0.750
4	Kiểm tra, đánh giá đảm bảo chính xác và khoa học	4.98	0.700
5	Kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính khách quan	4.18	0.775
\bar{X}		4.68	

Qua bảng 3.30 cho thấy rằng tất cả các mục hỏi ở mức đồng ý cao từ 4.18 điểm trở lên. Trung bình 4.68 điểm, trong đó mục hỏi kiểm tra đánh giá đảm bảo chính xác khoa học được đánh giá cao nhất 4.98 điểm và mục hỏi kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính khách quan là thấp nhất đạt 4.18 điểm.

Kết quả đánh giá của SV ĐH Hùng Vương về kiểm tra, đánh giá được so sánh qua biểu đồ 3.9



Biểu đồ 3.9. Kết quả đánh giá của sinh viên về kiểm tra đánh giá hoạt động học tập môn học Giáo dục thể chất

3.3.2.2. Kết quả đánh giá hiệu quả chương trình thực nghiệm qua ý kiến phản hồi của giảng viên

Luận án khảo sát 29 cán bộ quản lý và giảng viên bộ môn GDTC trường Đại học Hùng Vương về hiệu quả chương trình GDTC

Bảng 3.31. Kết quả khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên về hiệu quả của chương trình Giáo dục thể chất trường ĐH Hùng Vương (n = 29)

TT	Hiệu quả	Tổng	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Rất không hiệu quả	0	0
2	Không hiệu quả	0	0
3	Bình thường	2	7
4	Hiệu quả	7	24
5	Rất hiệu quả	20	69
Tổng		29	100

Qua bảng 3.31 cho thấy rằng 69% CBQL, GV đánh giá hiệu quả chương trình

GDTC là rất hiệu quả và 24% CBQL, GV đánh giá rằng hiệu quả, còn 7% số lượng CBQL, GV cho rằng bình thường. Điều đó chứng tỏ chương trình GDTC theo học chế tín chỉ mà luận án đã xây dựng cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường ĐH Hùng Vương là hoàn toàn phù hợp.

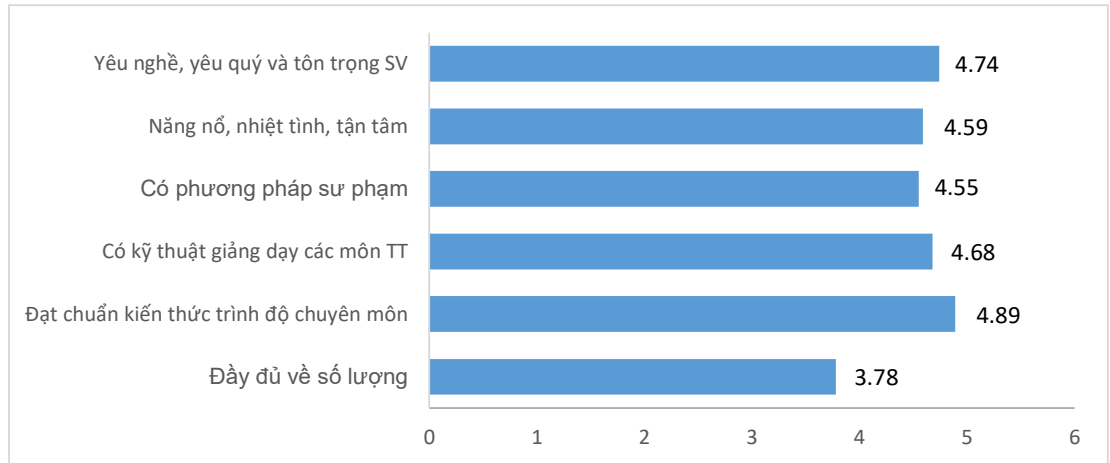
Để làm sáng tỏ tính hiệu quả của chương trình mà luận án đã xây dựng, luận án khảo sát cụ thể hơn nữa về các yếu tố tới hiệu quả của môn học GDTC (nội dung chương trình, sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ, đội ngũ giảng viên, hình thức tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá) đối với 29 cán bộ quản lý và giảng viên thuộc bộ môn GDTC trường ĐH Hùng Vương.

Về đội ngũ giảng viên: Kết quả được trình bày tại bảng 3.32

Bảng 3.32. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về đội ngũ giảng viên phục vụ cho hoạt động học tập môn Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương (n = 29)

TT	Đội ngũ giảng viên	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Đầy đủ về số lượng	3.78	0.598
2	Đạt chuẩn kiến thức trình độ chuyên môn	4.89	0.500
3	Có kỹ thuật giảng dạy các môn thể thao	4.68	0.637
4	Có phương pháp sư phạm	4.55	0.505
5	Năng nổ, nhiệt tình, tận tâm	4.59	0.620
6	Yêu nghề, yêu quý và tôn trọng SV	4.74	0.550
\bar{X}		4.54	

Kết quả đánh giá của CBQL, GV cho thấy tất cả các mục hỏi đều đánh giá tốt đạt trung bình 4.54 điểm, trong đó mục đạt chuẩn kiến thức trình độ chuyên môn đạt điểm cao nhất 4.89 điểm, mục đạt điểm thấp nhất là đầy đủ về số lượng 3.78 điểm. Kết quả đánh giá của CBQL, GV được so sánh qua biểu đồ 3.10



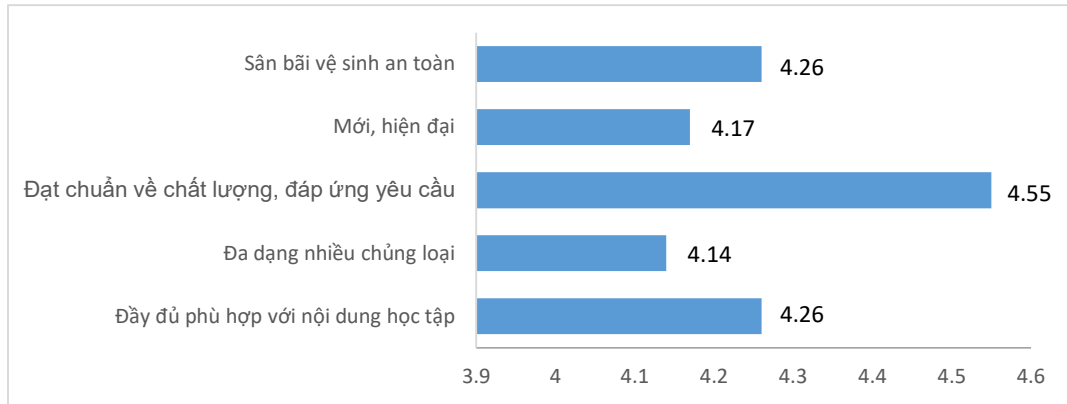
Biểu đồ 3.10. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên về đội ngũ giảng viên cho hoạt động học tập môn Giáo dục thể chất, Đại học Hùng Vương

Về sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ: Được luận án trình bày tại bảng 3.33

Bảng 3.33. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên về sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho hoạt động học tập môn học Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương (n = 29)

TT	Sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ học tập	Kết quả đánh giá	
		\bar{x}	δ
1	Đầy đủ, phù hợp với nội dung học tập	4.26	0.690
2	Đa dạng, nhiều chủng loại	4.14	0.609
3	Đạt chuẩn về chất lượng, đáp ứng yêu cầu	4.55	0.591
4	Mới, hiện đại	4.17	0.628
5	Sân bãi vệ sinh và an toàn	4.26	0.600
	\bar{x}	4.28	

Kết quả đánh giá của CBQL, GV tại bảng 3.33 cho thấy rằng tất cả các mục được hỏi đều đánh giá khá tốt điểm trung bình là 4.28 điểm, trong đó mục đạt chuẩn về chất lượng đáp ứng yêu cầu đạt cao nhất 4.55 điểm mục đa dạng nhiều chủng loại đạt 4.14 điểm. Kết quả về trang thiết bị dụng cụ, phục vụ cho học tập môn GDTC ĐH Hùng Vương được so sánh qua biểu đồ 3.13



Biểu đồ 3.11. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên về sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho hoạt động học tập Giáo dục thể chất tại Đại học Hùng Vương

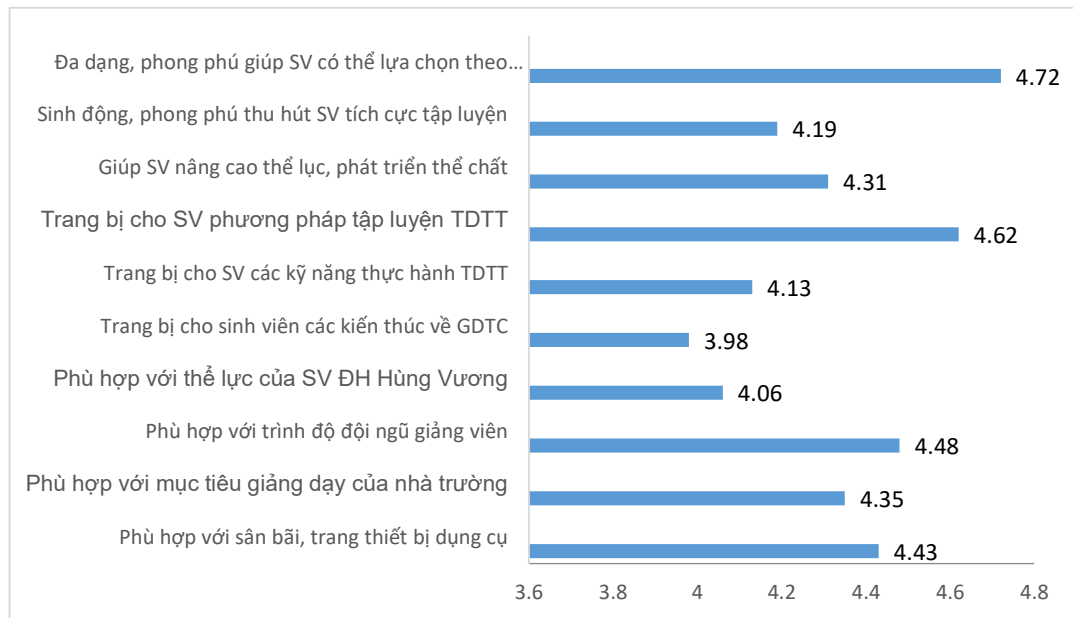
Về nội dung chương trình

Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung chương trình sau khi xây dựng theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành giáo dục thể chất được trình bày tại bảng 3.34

Bảng 3.34. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung chương trình Giáo dục thể chất của Đại học Hùng Vương (n = 29)

TT	Nội dung chương trình	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Phù hợp với sân bãi, trang thiết bị dụng cụ	4.43	0.551
2	Phù hợp với mục tiêu giảng dạy của nhà trường	4.35	0.598
3	Phù hợp với trình độ đội ngũ giảng viên	4.48	0.571
4	Phù hợp với thể lực của SV ĐH Hùng Vương	4.06	0.738
5	Trang bị cho SV các kiến thức về giáo dục thể chất	3.98	0.530
6	Trang bị cho SV các kỹ năng thực hành TDTT	4.13	0.596
7	Trang bị cho SV các phương pháp tập luyện TDTT, qua đó có thể tự tập và hình thành thói quen vận động, rèn luyện sức khỏe thường xuyên	4.62	0.592
8	Giúp SV nâng cao thể lực, phát triển thể chất	4.31	0.557
9	Sinh động, phong phú thu hút SV tích cực tham gia tập luyện	4.19	0.496
10	Đa dạng, phong phú giúp SV có thể lựa chọn theo sở thích	4.72	0.536
	\bar{X}	4.29	

Kết quả đánh giá của CBQL, GV cho thấy tất cả các mục hỏi được đánh giá rất cao điểm trung bình là 4.29, trong đó mục đa dạng phong phú giúp sinh viên có thể lựa chọn theo sở thích là 4.72 điểm đạt điểm cao nhất và mục trang bị cho SV kiến thức về GDTC đạt 3.98 điểm. Kết quả đánh giá của CBQL, GV về nội dung chương trình môn học GDTC của SV ĐH Hùng Vương được so sánh qua biểu đồ 3.12



Biểu đồ 3.12. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất của sinh viên Đại học Hùng Vương

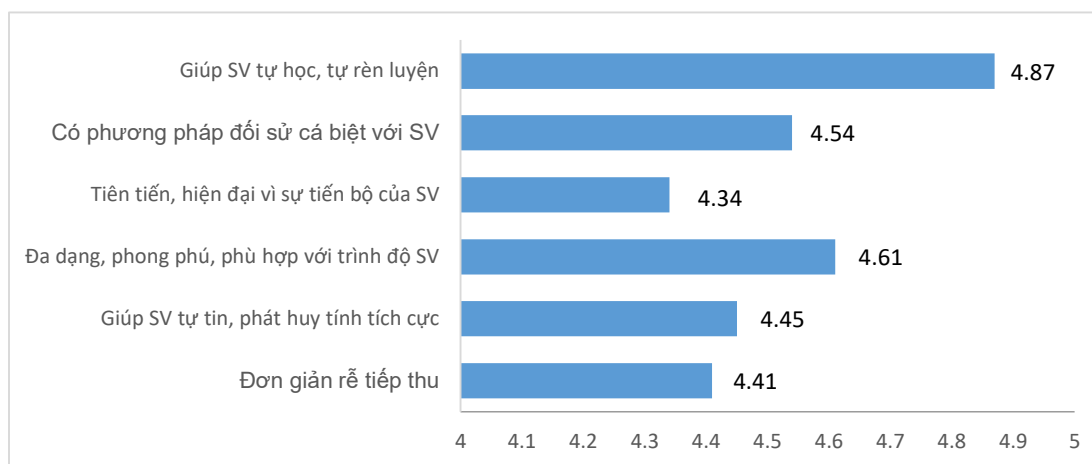
Về phương pháp giảng dạy: Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 3.35

Bảng 3.35. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về phương pháp giảng dạy của giảng viên cho hoạt động học tập môn Giáo dục thể chất

Đại học Hùng Vương (n = 29)

TT	Phương pháp giảng dạy	Kết quả đánh giá	
		\bar{x}	δ
1	Đơn giản, dễ hiểu, dễ tiếp thu	4.41	0.577
2	Giúp sinh viên tự tin, phát huy tính tích cực	4.45	0.723
3	Đa dạng, phong phú phù hợp với trình độ của SV	4.61	0.791
4	Tiên tiến, hiện đại vì sự tiến bộ của SV	4.34	0.698
5	Có phương pháp đối xử cá biệt với SV	4.54	0.793
6	Giúp SV tự học, tự rèn luyện ngoại khóa	4.87	0.671
\bar{x}		4.54	

Kết quả đánh giá của CBQL, GV qua bảng 3.35 cho thấy tất cả 6/6 mục hỏi về phương pháp giảng dạy đều cho ý kiến đánh giá rất cao điểm trung bình 4.54 điểm, trong đó mục hỏi giúp SV tự học, tự rèn luyện ngoại khóa cho kết quả cao nhất là 4.87 điểm và mục tiên tiến hiện đại vì sự tiến bộ của SV thấp nhất đạt 4.34 điểm. Kết quả được so sánh qua biểu đồ 3.13



Biểu đồ 3.13. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên về phương pháp giảng dạy của giảng viên về hoạt động học tập môn học Giáo dục thể chất Về hình thức tổ chức giảng dạy của giảng viên

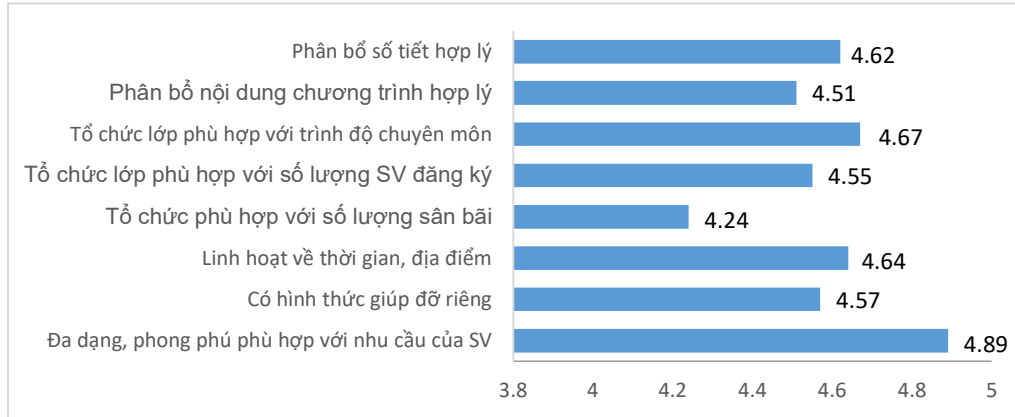
Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 3.36

Bảng 3.36. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về hình thức tổ chức giảng dạy của giảng viên cho hoạt động học tập môn học Giáo dục thể chất

Đại học Hùng Vương (n = 29)

TT	Hình thức tổ chức giảng dạy	Kết quả đánh giá	
		\bar{x}	δ
1	Đa dạng, phong phú phù hợp với nhu cầu của SV	4.89	0.598
2	Có hình thức giúp đỡ riêng	4.57	0.616
3	Linh hoạt về thời gian, địa điểm giúp sv có thể chọn lựa	4.64	0.620
4	Tổ chức lớp phù hợp với số lượng sân bãi, trang thiết bị dụng cụ của nhà trường	4.24	0.572
5	Tổ chức lớp phù hợp với số lượng SV đăng ký	4.55	0.725
6	Tổ chức lớp phù hợp với trình độ chuyên môn của GV	4.67	0.752
7	Phân bổ nội dung chương trình hợp lý ở từng học kỳ	4.51	0.642
8	Phân bổ hợp lý số tiết ở mỗi học kỳ	4.62	0.765
\bar{x}		4.59	

Kết quả đánh giá của CBQL, GV cho thấy cả 8/8 mục hỏi đều nhận xét kết quả rất tốt trung bình đạt 4.59 điểm, trong đó mục đa dạng phong phú phù hợp với nhu cầu của sinh viên đạt cao nhất 4.89 điểm mục tổ chức lớp phù hợp với số lượng sân bãi của nhà trường đạt kết quả thấp nhất với 4.24 điểm. Kết quả so sánh được trình bày qua biểu đồ 3.16



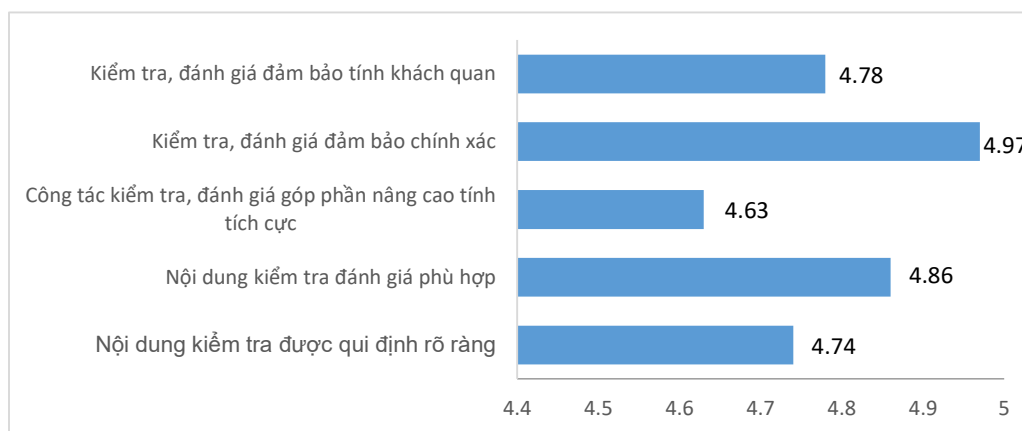
Biểu đồ 3.14. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên về hình thức tổ chức giảng dạy của giảng viên cho hoạt động học tập môn Giáo dục thể chất Đại học Hùng Vương

Về kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên

Bảng 3.37. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập môn Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương (n = 29)s

TT	Kiểm tra đánh giá	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Nội dung kiểm tra đánh giá được qui định rõ ràng và thông báo đến toàn thể SV	4.74	0.768
2	Nội dung kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình đào tạo	4.86	0.848
3	Công tác kiểm tra, đánh giá góp phần nâng cao tính tích cực trong quá trình đào tạo	4.63	0.752
4	Kiểm tra, đánh giá đảm bảo chính xác và khoa học	4.97	0.708
5	Kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính khách quan	4.78	0.765
\bar{X}		4.80	

Kết quả đánh giá của CBQL, GV qua bảng cho thấy cả 5/5 chỉ tiêu được đánh giá cho kết quả rất cao điểm trung bình đạt 4.80 điểm, trong đó mục được đánh giá điểm cao nhất là kiểm tra, đánh giá đảm bảo chính xác khoa học 4.97 điểm và mục công tác kiểm tra góp phần nâng cao tính tích cực trong quá trình đào tạo đạt 4.63 điểm. Kết quả so sánh được thể hiện qua biểu đồ 3.15



Biểu đồ 3.15. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên về kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập môn học Giáo dục thể chất Đại học Hùng Vương

3.3.3. Đánh giá kết quả thực nghiệm chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ

3.3.3.1. Kết quả về thể lực của sinh viên sau khi áp dụng học chế tín chỉ

Để đánh giá về kết quả thể lực của sinh viên chúng tôi chọn ngẫu nhiên 200 sinh viên (nam) và 200 sinh viên (nữ) học ở các lớp khác nhau được trình bày ở bảng 3.38

Bảng 3.38. Thể lực của sinh viên sau 1 năm học trong chương trình Giáo dục thể chất (2018 - 2020)

TT	Test	Đầu năm ($\bar{X} \pm \delta$)		Sau 1 năm ($\bar{X} \pm \delta$)	
		Nam (n=200)	Nữ (n=200)	Nam (n=200)	Nữ (n=200)
1	Lực bóp tay thuận (kG)	40.18 ± 1.78	25.44 ± 1.76	43.23 ± 1.83	28.43 ± 1.51
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	20.88 ± 2.74	15.68 ± 1.18	23.75 ± 2.68	18.48 ± 1.78
3	Bật xa tại chỗ (cm)	206.08 ± 11.22	150.04 ± 5.12	211.88 ± 11.78	165.31 ± 4.76
4	Chạy 30 XPC (giây)	5.41 ± 0.22	6.61 ± 0.39	5.04 ± 0.30	5.95 ± 0.38
5	Chạy con thoi 4x10m (giây)	12.05 ± 1.23	13.22 ± 1.14	10.84 ± 1.20	12.87 ± 1.15
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	930.17 ± 67.8	857.6 ± 66.53	965.93 ± 57.2	897.7 ± 62.4

Bảng 3.39. Sự khác biệt thể lực của sinh viên sau một năm

TT	Các chỉ số	Đầu năm - kết thúc năm 1					
		Nam (n = 200)			Nữ (n = 200)		
		W%	t	P	W%	t	P
1	Lực bóp tay thuận (kG)	9.27	8.51	<0.001	14.6	10.76	<0.001
2	Nằm ngửa gập bụng(lần/30s)	16.45	6.05	<0.001	9.72	6.02	<0.001
3	Bật xa tại chỗ (cm)	3.3	2.37	<0.001	10.04	15.15	<0.001
4	Chạy 30 XPC (giây)	-7.07	4.63	<0.001	-10.81	7.55	<0.001
5	Chạy con thoi 4x10m (giây)	-10.83	4.14	<0.05	-2.62	1.27	<0.05
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	3.76	2.34	<0.05	4.33	2.47	<0.05

Bảng 3.40. Thể lực của sinh viên sau 2 năm học trong chương trình Giáo dục thể chất (2018 - 2020)

TT	Test	Đầu năm ($\bar{X} \pm \delta$)		Sau 2 năm($\bar{X} \pm \delta$)	
		Nam (n=200)	Nữ (n=200)	Nam (n=200)	Nữ (n=200)
1	Lực bóp tay thuận (kG)	40.18 ± 1.78	25.44± 1.76	45.17± 1.91	29.70 ± 1.20
2	Nằm ngửa gập bụng(lần/30s)	20.88 ± 2.74	15.68 ± 1.18	25.13 ± 2.63	21.38 ± 1.31
3	Bật xa tại chỗ (cm)	206.08 ± 11.22	150.04± 5.12	214.97± 12.2	167.38 ± 5.11
4	Chạy 30 XPC (giây)	5.41 ± 0.22	6.61 ± 0.39	4.95 ± 0.2	5.79 ± 0.37
5	Chạy con thoi 4x10m (giây)	12.05 ± 1.23	13.22 ± 1.14	10.50 ± 1.18	12.37 ± 1.22
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	930.17 ± 67.8	857.6 ± 66.53	987.66 ± 67.1	908.1 ± 61.25

Bảng 3.41. Sự khác biệt thể lực của sinh viên sau hai năm học

TT	Các chỉ số	Đầu năm - kết thúc chương trình GDTC					
		Nam (n = 200)			Nữ (n = 200)		
		W%	t	P	W%	t	P
1	Lực bóp tay thuận (kG)	11.17	10.80	<0.001	15.24	11.66	<0.001
2	Nằm ngửa gập bụng(lần/30s)	22.15	7.89	<0.001	23.7	15.78	<0.001
3	Bật xa tại chỗ (cm)	4.23	3.02	<0.001	11.24	16.57	<0.001
4	Chạy 30 XPC (giây)	-8.67	6.43	<0.001	-13.35	9.24	<0.001
5	Chạy con thoi 4x10m (giây)	-13.73	5.16	<0.05	-6.65	9.43	<0.05
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	5.99	3.51	<0.05	5.48	3.17	<0.05

Qua bảng 3.38 - 3.41 cho thấy

Sức mạnh chi trên của sinh viên nam, nữ qua các giai đoạn học tập tại Đại học Hùng Vương có sự khác biệt rõ rệt giữa các giai đoạn học tập có ý nghĩa ở ngưỡng xác suất thống kê ($P < 0.05$ đến $P < 0.001$), cụ thể cuối năm học nhịp tăng trưởng ở nam là $W = 11.17\%$ với $t_{\text{tính}} = 10.80 > t_{0.001} = 3.291$, Nữ $W = 15.24\%$, $t_{\text{tính}} = 11.66$. Kết quả kiểm tra qua các giai đoạn được nghiên cứu chủ yếu đạt mức trung bình: Ở nam là 45.17 ± 1.91 , ở nữ là 29.70 ± 1.20 , được đánh giá trung bình, tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá thể lực học sinh, sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2008.

Sức mạnh bền của nam và nữ sinh viên Đại học Hùng Vương có sự biến đổi và sự khác biệt giữa các giai đoạn học tập ($P < 0.001$), sự tăng trưởng ở cuối năm so với đầu năm ở nam là $W = 22.15\%$, nữ $W = 23.70\%$. Kết quả kiểm tra qua các giai đoạn chủ yếu đạt mức trung bình.

Sức mạnh bật phát chi dưới của sinh viên nam, nữ Trường Đại học Hùng Vương có sự biến đổi khác biệt giữa các giai đoạn ($P < 0.001$).

Sức mạnh tốc độ của nam, nữ sinh viên có sự khác biệt, biến đổi qua các giai đoạn tập luyện của năm học ($P < 0.001$). Giá trị tăng trưởng sau 1 năm ở nam là $W = -8.67$, ở nữ $W = -13.35$.

Khả năng phối hợp vận động của sinh viên nam, nữ Trường Đại học Hùng Vương có sự khác biệt và biến đổi giữa các giai đoạn, có ý nghĩa ở ngưỡng ($P < 0.05$). Nhịp tăng trưởng sau một năm tập luyện, ở nam $W = -13.73$, ở nữ $W = -6.65$.

Sức bền chung có sự biến đổi và sự khác biệt giữa các giai đoạn học tập, có ý nghĩa ở ngưỡng ($P < 0.05$). Nhịp tăng trưởng sau một năm tập luyện, ở nam $W = 5.99\%$, nữ $W = 5.48\%$.

Như vậy: Kiểm tra đánh giá tổng hợp thể lực của sinh viên nam, nữ Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ qua hai năm tập luyện có sự biến đổi giữa các giai đoạn tập luyện, có ý nghĩa ở ngưỡng $P < 0.05$ đến $P < 0.001$. Các test kiểm tra đều có xu hướng phát triển. Nguyên nhân của xu hướng phát triển trên là do tác động bởi môn học GDTC theo học chế tín chỉ đã phát huy tính tích cực của SV hơn, có nhiều môn thể thao cho SV lựa chọn phù hợp với khả năng của mình.

3.3.3.2. Đánh giá phân loại thể lực của sinh viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Sau khi đã kiểm tra thể lực chung của sinh viên Đại học Hùng Vương - Phú Thọ

sau khi áp dụng học chế tín chỉ, chúng tôi tiến hành đánh giá thực trạng theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. kết quả được trình bày bảng 3.42

Bảng 3.42. Đánh giá phân loại thể lực sinh viên Đại học Hùng Vương - Phú Thọ theo tiêu chuẩn thể lực của BGDDT (QĐ 53/2008)

TT	TEST	Kết quả						Tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT	
		Tốt(%)	SV	Đạt(%)	SV	Không đạt(%)	SV	Tốt	Đạt
Nam n = 200									
1	Lực bóp tay thuận (kG)	23	46	77	154	0.00	0	>47.2	≥ 40.7
2	Nằm ngửa gập bụng(lần/30s)	26	52	74	148	0.00	0	>21	≥ 16
3	Bật xa tại chỗ (cm)	32.5	65	67.5	135	0.00	0	>222	≥ 205
4	Chạy 30 XPC (giây)	24.5	49	75.5	151	0.00	0	<4.80	≥ 5.80
5	Chạy con thoi 4x10m (giây)	35.5	71	64.5	129	0.00	0	<11.80	≥ 12.5
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	15.5	31	84.5	169	0.00	0	>1050	≥ 940
Nữ n = 200									
1	Lực bóp tay thuận (kG)	17	34	83	166	0.00	0	>32.5	≥ 26.5
2	Nằm ngửa gập bụng(lần/30s)	23	46	77	154	0.00	0	>18	≥ 15
3	Bật xa tại chỗ (cm)	10.5	21	89.5	179	0.00	0	>168	≥ 151
4	Chạy 30 XPC (giây)	23.5	47	76.5	153	0.00	0	<5.80	≥ 6.80
5	Chạy con thoi 4x10m (giây)	14	28	86	172	0.00	0	<12.1	≥ 13.1
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	26	52	74	148	0.00	0	>930	≥ 850

Kết quả bảng 3.42 cho thấy: Tất cả sinh viên Đại học Hùng Vương - Phú Thọ đều đạt tiêu chuẩn phân loại thể lực theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thể lực của sinh viên có sự tăng trưởng rõ rệt. Điều này chứng tỏ chương trình học tập môn GDTC theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ đã phát huy hiệu quả tốt trong việc phát triển thể chất cho sinh viên. Tuy nhiên, cần ứng dụng thêm trong thời gian dài để phát triển thể chất cho sinh viên ở mức độ tốt hơn.

Để làm sáng tỏ hơn về tính hiệu quả của chương trình GDTC theo học chế tín chỉ mà chúng tôi đã xây dựng. Đề tài so sánh kết quả học tập của K16 với những khóa của các năm trước.

Bảng 3.43. Kết quả học tập môn Giáo dục thể chất của K16 so với các khóa

Xếp loại	Đại học K13		Đại học K14		Đại học K15		Đại học K16	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Xuất sắc	0	0	0	0	0	0	9	2.5
Giỏi	7	2.7	8	2.5	11	3.6	38	9.5
Khá	16	6.3	20	6.3	22	7.2	170	42.5
Trung bình	154	61	211	67	202	66	183	45.5
Yếu	77	30	76	24.2	70	23.2	0	00
Tổng	254		315		305		400	
	$\chi^2 = 257.13$							

Qua bảng 3.43 cho thấy điểm kết quả học tập môn GDTC của K16 có sự khác biệt rõ ràng so với các khóa khác tỷ lệ sinh viên đạt xuất sắc là 2.5% so với các khóa K13, K14, K15 là không có sinh viên đạt xuất sắc. Tỷ lệ sinh viên đạt giỏi của K16 là 9.5% cao hơn nhiều so với K13, K14 là 6.3% và K15 là 7.2%. Tương tự tỷ lệ khá cao hơn hẳn so với các khóa khác. Điều quan trọng hơn là tỷ lệ trung bình và yếu giảm đi rõ rệt của K16 tỷ lệ yếu là 0% còn K13 là 30%, K14 là 24.2% K15 là 23.2%. Điều đó chứng tỏ rằng chương trình GDTC theo học chế tín chỉ mà đề tài xây dựng hoàn toàn phù hợp với sinh viên không chuyên ngành GDTC của trường Đại học Hùng Vương.

Kết quả kiểm định Khi bình phương giữa các khóa là 257.13 với $P < 0,001$. Như vậy, Khi bình phương tính $>$ Khi bình phương bảng ($\chi^2 = 32,909$) nên kết quả học tập của K16 so với các khóa còn lại là tốt hơn hẳn

3.3.4. Bàn luận

Chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ mà đề tài xây dựng cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ đã đạt hiệu quả cao. Thông qua kết quả thu được và đối chiếu với các công trình khoa học của các tác giả khác, đề tài đã làm sáng tỏ được tính khả thi của chương trình GDTC theo học chế tín chỉ.

Quá trình thực nghiệm được tiến hành trên sinh viên cho thấy điểm khác biệt giữa chương trình cũ và chương trình mới đó là chương trình mới có nhiều môn thể thao cho sinh viên lựa chọn, phù hợp với điều kiện của trường Đại học Hùng Vương, phù hợp với sinh viên. Do vậy, kết quả thu được đã phản ánh được sự mềm dẻo và đáp

ứng được chuẩn đầu ra của chương trình môn học GDTC và mục tiêu đào tạo của trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ

Mặc dù với tổng số lượng câu hỏi không phải là lớn để phỏng vấn trên hai đối tượng sinh viên và giảng viên sau khi hoàn thành chương trình dạy học các môn GDTC theo học chế tín chỉ, song đã phản ánh được những điểm cốt yếu của chương trình xây dựng. Kết quả thu được cho thấy, thang đo hoàn toàn phù hợp và sử dụng tốt để nhận định về các vấn đề liên quan khi triển khai thực tế chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ.

Hiệu quả thu được sau quá trình thực nghiệm đã một lần nữa khẳng định các ý kiến đánh giá của các chuyên gia, giảng viên thông qua phỏng vấn thẩm định chương trình là tin cậy. Chương trình xây dựng đã đáp ứng được tính khoa học, đáp ứng được mục tiêu đào tạo của trường Đại học Hùng Vương.

Tóm lại, thông qua đánh giá thực trạng công tác GDTC và chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học Hùng Vương, những tồn tại và ưu điểm thu được đều cho thấy sự cần thiết phải xây dựng được các chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng thu được, đề tài đã xây dựng chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ là phù hợp với các điều kiện đảm bảo và nhu cầu của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương.

Khi triển khai xây dựng chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ đã tuân thủ những cơ sở pháp lý, khoa học và điều kiện nhà trường. Chương trình sau khi xây dựng đã nhận được đánh giá tích cực từ các đối tượng phỏng vấn thẩm định. Điều này đã phản ánh các bước tiến hành xây dựng chương trình của luận án là phù hợp và tin cậy.

Kết quả đánh giá hiệu quả chương trình một lần nữa đã khẳng định tính khoa học, thực tiễn thống nhất, khả thi như nguyên tắc xây dựng chương trình môn học đã đề cập. Quá trình thực nghiệm, kiểm tra - đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn khách quan. Do vậy, kết quả thu được đã phản ánh đúng thực chất vấn đề.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

A. Kết luận

Từ những kết quả nghiên cứu nêu trên của đề tài, cho phép đi đến một số kết luận sau:

1. Luận án đã xác định được 6 tiêu chí dùng để đánh giá thực trạng công tác GDTC và chương trình môn Giáo dục thể chất của trường ĐH Hùng Vương. Cụ thể: (1) Đội ngũ giảng viên; (2) Sân bãi, trang thiết bị dụng cụ; (3) Nội dung chương trình; (4) Phương pháp giảng dạy; (5) Hình thức tổ chức giảng dạy; (6) Kiểm tra đánh giá.

Kết quả đánh giá thực trạng đã xác định được các tồn tại, hạn chế, đồng thời làm cơ sở để xây dựng các chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ; Nhu cầu với môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ là chọn rất cao, song chưa có trong chương trình môn Giáo dục thể chất; Các yếu tố đảm bảo điều kiện thực hiện là khả thi. Như vậy, xây dựng chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ là hết sức cấp thiết và phù hợp.

2. Qua các bước nghiên cứu chặt chẽ luận án đã xây dựng được chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương Phú Thọ gồm 4 tín chỉ (1 tín chỉ bắt buộc, 3 tín chỉ tự chọn) với 7 môn thể thao tự chọn. Các chương trình xây dựng được căn cứ trên các cơ sở, nguyên tắc khoa học theo xu hướng tiếp cận năng lực, đồng thời dựa trên cơ sở thực tiễn để xác định cấu trúc, nội dung chương trình phù hợp với trường Đại học Hùng Vương. Kết quả phỏng vấn thẩm định chương trình mà luận án xây dựng đã nhận được sự đồng thuận cao ở mức “Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành”. Các chương trình xây dựng được trình bày ở phụ lục.

3. Kết quả ứng dụng thử nghiệm chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ trong 02 năm học cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương đã nhận được phản hồi tích cực và nâng cao được kết quả học tập, thể lực cho sinh viên. Cụ thể như sau: Nhận được sự nhất trí cao từ giảng viên và sinh viên; Kết quả học tập môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ là rất tốt. Được thể hiện bằng việc kiểm tra thể lực, bằng điểm số kết quả môn học cao hơn hẳn so với các khóa trước.

B. Kiến nghị

Từ những kết luận của luận án, cho phép đi đến kiến nghị sau:

1. Nhà trường cần quan tâm hơn nữa tới công tác GDTC, thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên và giảng viên về chất lượng đào tạo của các môn học GDTC để điều chỉnh, cải thiện nhằm nâng cao chất lượng thể lực và nhu cầu tập luyện của sinh viên đối với công tác GDTC trong trường.

2. Kết quả nghiên cứu của luận án được các nhà nghiên cứu trong ngành giáo dục tiếp tục nghiên cứu sâu hơn nữa để ứng dụng cho công tác GDTC của các trường đại học nhằm nâng cao chất lượng GDTC cho sinh viên.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN
QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Hoàng Điệp(2019), "Thực trạng học tập môn GDTC cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ", *Hội nghị khoa học quốc tế. Thể thao trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*, tr.352 - 354
2. Nguyễn Hoàng Điệp(2021), "Phát triển thể lực chung của sinh viên Đại học Hùng Vương - Phú Thọ sau khi áp dụng đào tạo theo học chế tín chỉ", *Tạp chí khoa học đào tạo & huấn luyện thể thao*, số 3/2021, tr. 56-59

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG VIỆT

1. Aulic I. V (1982), *Đánh giá trình độ tập luyện thể thao* (Phạm Ngọc Trâm dịch), NXB TĐTT, Hà Nội.
2. Trần Thanh Ái (2013), *Đào tạo theo hệ thống tín chỉ: các nguyên lý, thực trạng và giải pháp*.
3. Ban chấp hành TW Đảng (2011), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*.
4. Ban chấp hành TW Đảng (2011), *Chiến lược phát triển kinh tế xã hội năm 2011 - 2020*, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần XI.
5. Ban chấp hành TW Đảng (2011), *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020*, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 1/12/2011.
6. Ban chấp hành TW Đảng (2012), Kết luận số 51-KL/TW ngày 29/10/2012 Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa XI về Đề án Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
7. Ban chấp hành TW Đảng (2012), Nghị quyết số 20-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 31 tháng 10 năm 2012 Hội nghị Trung ương lần thứ 6, khóa XI.
8. Ban chấp hành TW Đảng (2013), *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Nghị quyết số 29 NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
9. BandaRevski I. A (1970), *Độ tin cậy của các test thực nghiệm trong thể thao*, NXB TĐTT, Mátxcova.
10. Bộ Giáo dục và đào tạo (2003), *Tài liệu xây dựng bộ chương trình khung cho các ngành đào tạo Đại học và cao đẳng*, Nxb Giáo dục, Hà nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Kỷ yếu Hội thảo về đảm bảo chất lượng giáo dục đại học Việt Nam*, Trường Đại học Đà Lạt, tháng 4/2000. UNESCO/PROAP-

MOET/NIED.

12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Phát động và triển khai phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”*, Chỉ thị số 40/2008/CT-BGD&ĐT ngày 22/7/2008 và Kế hoạch số 307/KH- BGD&ĐT ngày 22/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
14. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực HS, SV*, Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008.
15. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy định tổ chức hoạt động thể thao ngoài khóa cho học sinh, sinh viên*, Quyết định số 72/2008/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2008.
16. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Đổi mới quản lý hệ thống giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
17. Bộ Giáo dục và đào tạo (2010), Quyết định số 5842/QĐ-BGDĐT về chuyển đổi tên ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học theo thông tư số 14/2010/TT-BDGĐT.
18. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng*, Thông tư số 08/2011/TT-BGD&ĐT ngày 17/2/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT
19. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, Thông tư số 57/2012/TT-BGD&ĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
20. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014.
21. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW*, ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

22. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học*, Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015.
23. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Thông tư Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học*, Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015.
24. Dương Nghiệp Chí (1983), *Đo lường thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
25. Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng, Tạ Hữu Hiếu, Nguyễn Đức Văn (2004), *Đo lường thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
26. Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội
27. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội
28. Chính phủ (2005), *Đổi mới căn bản và toàn diện GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020*, Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ.
29. Chính phủ (2013), *Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ)*.
30. Chính phủ (2015), *Quy định chương trình GDTC và hoạt động TDTT trong nhà trường*, Nghị định số: 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 của Chính Phủ.
31. Nguyễn Đức Chính (2008), *Thiết kế và đánh giá chương trình giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội*.
32. Hoàng Chúng (1982), *Phương pháp toán thống kê trong khoa học giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
33. Đỗ Ngọc Cương (2016). "*Nghiên cứu xây dựng chương trình Thể thao nâng cao cho sinh viên Đại học Thái Nguyên*". Luận án tiến sĩ Giáo dục học.
34. Trần Đức Dũng (2007), *Giáo trình bóng đá*, Nxb TDTT, Hà Nội.
35. Nguyễn Đại Dương (Chủ biên), Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Kim Minh (2006),

Điền kinh, NXB TĐTT, Hà Nội

36. Đại học Quốc gia Hà Nội (2005), *Giáo dục Đại học chất lượng và đánh giá*, Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
37. Nguyễn Văn Đức (Chủ biên), Trần Văn Vinh, Trương Văn Minh...(2015), *Giáo trình Cầu lông*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.
38. Trần Khánh Đức (2011), *Giáo trình Sự phát triển các quan điểm giáo dục*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
39. Trần Khánh Đức (2011), *Đo lường và Đánh giá trong giáo dục*, Khoa Sư phạm, ĐHQG Hà Nội.
40. D.Hare (1996), *Học thuyết huấn luyện*, Người dịch: Trương Anh Tuấn, Bùi Thế Hiền, Nxb TĐTT, Hà Nội.
41. Hoàng Hà – Trần Nam Giao – Nguyễn Thị Lệ Hằng – Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy GDTC - tập 1*, Nxb ĐHQG-HCM.
42. Lê Trường Sơn Trần Hải (2012), *Đổi mới chương trình Giáo dục thể chất cho sinh viên các trường Đại học Sư phạm vùng Trung Bắc theo hướng bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức các hoạt động thể dục thể thao trường học*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện khoa học TĐTT, Hà Nội
43. Nguyễn Trọng Hải và công sự (2001), *Nghiên cứu cơ sở khoa học nhằm xác định nội dung GDTC cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng Việt Nam theo định hướng nghề nghiệp*, Viện Khoa học TĐTT, Hà Nội.
44. Dương Văn Hiền – Nguyễn Chí Cường – Phạm Cho – Cao Hồng Châu – Nguyễn Hữu Quý (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 3*, Nxb ĐHQG-HCM.
45. Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên (1995), *Sinh lý học TĐTT*, NXB TĐTT, Hà Nội.
46. Trần Duy Hòa (2012), *Nghiên cứu lựa chọn bài tập phát triển sức bền cho nam VĐV bóng đá trẻ ở giai đoạn chuyên môn hóa ban đầu*", Luận án tiến sĩ giáo dục học, Viện khoa học TĐTT, Hà Nội.
47. Trần Hữu Hoan (2011), *Quản lý xây dựng và đánh giá chương trình môn học trình độ đại học trong học chế tín chỉ*, Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN.
48. Đặng Vũ Hoạt (Chủ biên) – Hà Thị Đức (2004), *Lý luận dạy học đại học*, Nxb Đại

học Sư phạm, Hà Nội.

49. Nguyễn Ánh Hồng (2008), "Một số cơ sở lý luận cho việc đổi mới phương pháp dạy học theo học chế tín chỉ hiện nay". *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Đổi mới phương pháp giảng dạy theo học chế tín chỉ, TP.HCM ngày 16/10/2008*.
50. Trịnh Trung Hiếu, Nguyễn Sỹ Hà (1994), *Huấn luyện thể thao*, Nxb TDTT Hà Nội.
51. Phạm Minh Hùng (2010), "Một số giải pháp nâng cao khả năng thích ứng với hoạt động dạy học của giảng viên và sinh viên trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ". *Tạp chí Giáo dục, số 244*
52. Nguyễn Văn Hùng (2013), "Một số phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng môn học giáo dục thể chất". *Kỷ yếu Hội thảo khoa học trường Đại học khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG - HCM: Công tác giáo dục thể chất: Giá trị, thực trạng và giải pháp*
53. Nguyễn Thanh Hùng (2017). *"Xây dựng chương trình giáo dục thể chất học phần tự chọn, ngoại khóa cho sinh viên Đại học Quy Nhơn"*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học.
54. Nguyễn Mai Hương (2011), *Quản lý quá trình dạy và học theo học chế tín chỉ trong các trường đại học ở Việt Nam giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN.
55. Nguyễn Công Khanh (2004), *Đánh giá và Đo lường trong khoa học xã hội*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
56. Lê Việt Khuyển (2014), "Đào tạo tín chỉ trong chương trình POHE", *Dự án Phát triển GDDH theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) ở Việt Nam (giai đoạn 2)*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
57. Đặng Bá Lãm (2003), *Kiểm tra – Đánh giá trong Dạy – Học đại học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
58. Lê Văn Lãm, Vũ Đức Thu (2000), *Thực trạng phát triển thể chất học sinh, sinh viên trước thềm thế kỷ 21*, Nxb TDTT, Hà Nội.
59. Lewis R (2012). *Các yếu tố cơ bản của đảm bảo chất lượng giáo dục đại học. Báo cáo tập huấn Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng và văn hóa chất lượng bên trong các trường đại học, 22-24/02/2012*.

60. Vũ Thanh Mai (Chủ biên), Nguyễn Kim Xuân, Nguyễn Kim Lan (2011), *Khiêu vũ thể thao*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.
61. Đặng Hùng Mạnh (Chủ biên), Nguyễn Văn Soại, Nguyễn Hải Bình (2006), *Giáo trình bóng chuyền*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.
62. Nguyễn Việt Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2004), *Giáo trình bóng chuyền*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
63. Lưu Xuân Mới (2000), *Lý luận dạy học đại học*, NXB Giáo dục Hà Nội.
64. Mai Tú Nam (Biên soạn) (2007), *Giáo trình Taekwondo*, NXB Thể dục Thể thao, Hà Nội.
65. Đinh Quang Ngọc (2011), *Nghiên cứu lý luận và thực tiễn huấn luyện nâng cao thể lực cho nam VĐV bóng rổ cấp cao Việt Nam*, Luận án tiến sĩ.
66. Lê Đức Ngọc (2005), *Giáo dục đại học: Chất lượng và đánh giá*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
67. Peter F. Oliva (2006), *Xây dựng chương trình học*, Nguyễn Kim Dung dịch, Nxb Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh.
68. Philin V.P (1996), *Lý luận và phương pháp thể thao trẻ*, dịch: Nguyễn Quang Hưng, Nxb TĐTT Hà Nội.
69. Trần Vũ Phương (2015). “*Ứng dụng chương trình đổi mới đào tạo chuyên ngành Giáo dục thể chất trình độ cao đẳng ở trường Cao đẳng Tuyên Quang*”. Luận án tiến sĩ
70. Quốc hội Việt Nam (2012), *Luật Giáo dục đại học*, số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012.
71. Quốc hội Việt Nam (2013), *Hiến pháp Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam sửa đổi năm 2013*.
72. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018). Văn bản hợp nhất số 09/VBHN - VPQH ngày 29/6/2019 về Luật Thể dục Thể thao.
73. Nguyễn Xuân Sinh (1999), *Giáo trình Phương pháp NCKH TĐTT*, NXB Hà Nội.
74. Nguyễn Xuân Sinh (Chủ biên), Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong (2009), *Thể dục*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.
75. Hồ Đắc Sơn (2004), *Nâng cao hiệu quả hướng nghiệp của chương trình giáo dục thể chất cho SV khoa giáo dục tiểu học*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện

khoa học TDTT Hà Nội.

76. Vũ Văn Tảo (2003), *Đổi mới phương pháp dạy học trong các trường Đại học, Cao đẳng và đào tạo giáo viên trung học cơ sở*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội, 08/2003.
77. Nguyễn Văn Toàn (2015) về “*Nghiên cứu giải pháp và đánh giá hiệu quả giáo dục thể chất theo hệ thống tín chỉ cho sinh viên cao đẳng sư phạm giáo dục thể chất trường Đại học Hồng Đức Thanh Hóa*”. Luận án tiến sĩ Giáo dục học
78. Lâm Quang Thiệp (2009), *Giáo dục đại học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
79. Lâm Quang Thiệp (2012), *Đo lường và đánh giá hoạt động học tập trong nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
80. Lê Anh Thơ (2010), *Một số trò chơi vận động dân gian và thể thao dân tộc*, Nxb TDTT, Hà Nội.
81. Nguyễn Văn Thời (2011), *Nghiên cứu tổ chức dạy học tự chọn theo chủ đề cơ bản môn thể dục trong các trường trung học cơ sở*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.
82. Đinh Khánh Thu (Chủ biên), Trương Anh Tuấn, Nguyễn Kim Lan (2014), *Giáo trình thể dục Aerobic*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.
83. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2007), *Giáo trình Lý luận và phương pháp TDTT*, Nxb Đại học Sư Phạm, Hà Nội.
84. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2006), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDTT Hà Nội.
85. Đồng Văn Triệu (2006), *Lý luận và phương pháp GDTC trong trường học*, Nxb TDTT, Hà Nội.
86. Đồng Văn Triệu (2007), *Lượng vận động và lập kế hoạch trong huấn luyện và thi đấu thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
87. Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Quốc Quân, Phạm Văn Thảo (2003), *Giáo trình bóng rổ*, Nxb TDTT, Hà Nội.
88. Vũ Đức Văn (2008), *Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học cơ sở của thành phố Hải Phòng*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.
89. Phạm Ngọc Viễn (2012), *Tâm lý học TDTT*, Nxb TDTT.

90. Trần Văn Vinh, Đào Chí Thành, Phan Thế Đệ (Chủ biên) (2003), *Hệ thống bài tập huấn luyện cầu lông*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.
91. Võ Văn Vũ (2015), *Đánh giá thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường trung học phổ thông ở Đà Nẵng*, Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện khoa học TĐTT, Hà Nội.
92. <http://hvu.edu.vn>

TIẾNG ANH

93. Allan C. Ornstein and Francis P. Hunkins (1998), *Curriculum: Foundations, Principles, and Issues*, Allyn and Bacon.
94. Hilda Taba (1993), *Elaboracion del Curriculum*, Publisher: Troquel Editorial.
95. C. Keith Waugh, N.E. Gronlund (2012), *Assessment of Student Achievement*, Publisher: Pearson.
96. E.L. Lehmann (1975), *Nonparametrics: Statistical Methods Based on Ranks* by E. L. Lehmann, Publisher: Mcgraw-Hill.
97. Robert M. Diamond (1997), *Designing and assessing Courses and Crurricula*, John – Bass Publishes, sanFrancisco.
98. Tim Wentling (1993), *Planning for effective training: A guide to curriculum development*. Published by food and Agricultural Organization of the United nations

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. PHIẾU PHỎNG VẤN LỰA CHỌN TIÊU CHÍ

UBND TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trường Đại học Hùng Vương

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Nhằm giải quyết các mục tiêu nghiên cứu đề tài: “*Xây dựng chương trình giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ*”, mong đồng chí nghiên cứu kỹ những câu hỏi dưới đây và trả lời bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng.

Xin đồng chí cho biết sơ lược về bản thân.

Họ và tên: Trình độ:

Chức vụ:Đơn vị công tác:

Đánh giá theo mức độ từ 1 đến 3 như sau: (1) Không quan trọng; (2) Quan trọng; (3) Rất quan trọng.

Câu hỏi 1. Theo đ/c thì các tiêu chí nào dưới đây được lựa chọn để đánh giá công tác GDTC cho trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ.

TT	Tiêu chí	Mức độ đánh giá		
		1	2	3
1	Đội ngũ giảng viên	1	2	3
2	Sân bãi, trang thiết bị dụng cụ	1	2	3
3	Nội dung chương trình	1	2	3
4	Phương pháp giảng dạy	1	2	3
5	Hình thức tổ chức giảng dạy	1	2	3
6	Kiểm tra đánh giá	1	2	3

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của đồng chí./.

PHỤ LỤC 2. PHIẾU PHỎNG VẤN SINH VIÊN

UBND TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trường Đại học Hùng Vương

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Nhằm đánh giá thực trạng tích cực của sinh viên trường ĐH Hùng Vương tham gia học tập môn học GDTC. Rất mong nhận được những ý kiến của các bạn cho các câu hỏi sau:

Đánh giá theo mức độ từ 1 đến 5 như sau: (1) Rất không tích cực, (2) Không tích cực, (3) Bình thường, (4) Tích cực, (5) Rất tích cực.

1. Tự đánh giá của sinh viên về thực trạng tích cực của bản thân trong giờ học GDTC?

TT	Tích tích cực học tập	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Tập trung chú ý nghe giảng, xem thị phạm động tác, ghi chép, ghi nhớ tốt và thực hiện lại được những bài tập, động tác đã được học	1	2	3	4	5
2	Hăng hái tham gia mọi hình thức hoạt động học tập, tham gia hỗ trợ thị phạm, làm mẫu . . .	1	2	3	4	5
3	Phát biểu ý kiến, nêu những thắc mắc của mình với giảng viên trong giờ học	1	2	3	4	5
4	Suy nghĩ và tự tìm tòi những lời giải đối với những vấn đề giảng viên đưa ra	1	2	3	4	5
5	Biết vận dụng các kỹ thuật động tác trong tập luyện và thi đấu các môn thể thao	1	2	3	4	5
6	Quyết tâm vượt khó khăn, hoàn thành những nhiệm vụ, bài tập được giao	1	2	3	4	5
7	Tự giác, chủ động tích cực rèn luyện thêm ngoài giờ học	1	2	3	4	5
8	Đi học đầy đủ, đúng giờ	1	2	3	4	5
9	Nghiêm túc trong kiểm tra, thi cử	1	2	3	4	5
10	Tìm và đọc những tài liệu có liên quan	1	2	3	4	5

Xin trân trọng cảm ơn!

PHỤ LỤC 3. PHIẾU PHỎNG VẤN LỰA CHỌN MÔN HỌC GDTC

UBND TỈNH PHÚ THỌ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trường Đại học Hùng Vương

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Nhằm giải quyết các mục tiêu nghiên cứu đề tài: “*Xây dựng chương trình giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ*”, mong đ/c nghiên cứu kỹ những câu hỏi dưới đây và trả lời bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng. Đánh giá theo mức độ từ 1 đến 5 (1) Rất không đồng ý, (2) Không đồng ý, (3) Bình thường, (4) Đồng ý, (5) Rất đồng ý.

Câu hỏi . Xin đồng chí cho biết ý kiến lựa chọn của mình về môn học giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ.

TT	Môn GDTC tự chọn	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Cầu lông	1	2	3	4	5
2	Bóng chuyền	1	2	3	4	5
3	Thể dục Aerobic	1	2	3	4	5
4	Bóng đá	1	2	3	4	5
5	Teakwondo	1	2	3	4	5
6	Bóng rổ	1	2	3	4	5
7	Khiêu vũ thể thao	1	2	3	4	5
8	Bơi lội	1	2	3	4	5
9	Bóng bàn	1	2	3	4	5

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của đồng chí./.

PHỤ LỤC 4. PHIẾU PHỎNG VẤN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH
UBND TỈNH PHÚ THỌ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Trường Đại học Hùng Vương Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
PHIẾU PHỎNG VẤN

Nhằm giải quyết các mục tiêu nghiên cứu đề tài: “*Xây dựng chương trình giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ*”, mong đ/c nghiên cứu kỹ những câu hỏi dưới đây và trả lời bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng. Đánh giá theo mức độ từ 1 đến 5 (1) Rất không đồng ý, (2) Không đồng ý, (3) Bình thường, (4) Đồng ý, (5) Rất đồng ý.

Câu hỏi: Xin đồng chí cho biết ý kiến thẩm định của mình đối với chương trình Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ (có tài liệu kèm theo).

TT	Nội dung thẩm định	Mức độ phù hợp		
		Không đạt yêu cầu, phải xây dựng lại	Đạt yêu cầu, nhưng phải chỉnh sửa	Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành
1	Căn cứ xây dựng chương trình môn học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Chuẩn đầu ra của chương trình môn học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Cấu trúc chương trình môn học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Thời lượng của chương trình môn học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Nội dung của chương trình môn học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Đề cương chi tiết môn học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của đồng chí./.

PHỤ LỤC 5: QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH GDTC

UBND TỈNH PHÚ THỌ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 928/QĐ-DHHV

Phú Thọ, ngày 08 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy định đào tạo môn học Giáo dục thể chất đối với sinh viên đại học, cao đẳng và liên thông hệ chính quy, VLVH theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Hùng Vương

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 01/2016/QĐ-DHHV ngày 04/1/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hùng Vương;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Trường khoa Nghệ thuật và TDTT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo môn học Giáo dục thể chất đối với sinh viên đại học, cao đẳng và liên thông hệ chính quy, VLVH theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Hùng Vương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì chưa hợp lý, bất cập, nhà trường sẽ sửa đổi, bổ sung.

Điều 3. Các ông (bà) thủ trưởng các đơn vị liên quan trong trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- HT, các PHT (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, ĐT

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Thế Truyền

QUY ĐỊNH
VỀ ĐÀO TẠO MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT ĐỐI VỚI SINH VIÊN ĐẠI HỌC,
CAO ĐẲNG VÀ LIÊN THÔNG HỆ CHÍNH QUY, VLVH THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

*(Kèm theo Quyết định số 924/QĐ-ĐHHV ngày 01 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng trường Đại học Hùng Vương)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định về tổ chức, quản lý, đánh giá học phần Giáo dục thể chất (GDTC) và cấp Chứng chỉ GDTC cho sinh viên học đại học, cao đẳng và liên thông lên đại học hệ chính quy, vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Hùng Vương bắt đầu từ K16 (năm học 2018-2019).

Điều 2. Các môn học Giáo dục thể chất

Các môn học GDTC tại Trường Đại học Hùng Vương là các môn học vận động được xây dựng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề cương chi tiết của môn học được thông báo tới sinh viên khi bắt đầu môn học.

Các học phần GDTC tổ chức tại Trường Đại học Hùng Vương gồm 04 tín chỉ (mỗi tín chỉ 30 tiết quy chuẩn) được quy định theo bảng dưới đây:

STT	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Giáo dục thể chất 1	1	Môn học bắt buộc
2	Giáo dục thể chất 2	1	Môn học tự chọn
3	Giáo dục thể chất 3	1	Môn học tự chọn
4	Giáo dục thể chất 4	1	Môn học tự chọn

Ghi chú: Các học phần tự chọn sinh viên được chọn 01 trong 7 môn thể thao (bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, Aerobic, Teawkondo, bóng rổ, khiêu vũ TDĐT), khi đã đăng kí môn thể thao tự chọn nào thì sẽ học môn thể thao đó từ học phần GDTC 2 đến GDTC 4. Nếu sinh viên đăng kí môn thể thao không đúng sở trường thì được phép đăng kí môn thể thao khác phù hợp với sở trường, nhưng phải học môn thể thao tự chọn đó bắt đầu từ GDTC 2

Đối với các cơ sở xa trường, tùy vào điều kiện thực tế để bổ sung các môn học khác cho phù hợp nhưng phải thông qua đề cương môn học với Bộ môn Giáo dục thể chất và Phòng Đào tạo của Trường.

Điều 3. Khối lượng tích lũy các môn học GDTC

* Đối với sinh viên học đại học hệ chính quy: Sinh viên phải tích lũy 04 học phần (được quy định tại điều 2) trong đó môn GDTC 1 là bắt buộc.

* Đối với sinh viên học cao đẳng hệ chính quy: Sinh viên tích lũy 03 học phần GDTC (Giáo dục thể chất 1, 2,3)

* Đối với sinh viên học liên thông từ cao đẳng lên đại học hệ chính quy, VLVH:

- Sinh viên đã học Cao đẳng tại trường Đại học Hùng vương và các trường khác có đối chiếu chương trình tương đương: Sinh viên phải tích lũy thêm 01 học phần GDTC (giáo dục thể chất 4)

* Đối với sinh viên học liên thông từ trung cấp lên đại học hệ chính quy, VLVH:

- Sinh viên đã học trung cấp tại trường Đại học Hùng vương và các trường khác có đối chiếu chương trình tương đương: Sinh viên phải tích lũy thêm 02 học phần GDTC (giáo dục thể chất 3, 4)

Điều 4. Điều kiện cấp chứng chỉ GDTC

Sinh viên đạt điều kiện sau sẽ được cấp Chứng chỉ GDTC:

- Phải tham gia học đầy đủ tất cả các học phần giáo dục thể chất (GDTC 1,2,3,4) theo quy định và phải đạt từ điểm D trở lên ở tất cả các học phần GDTC.

Điều 5. Xếp loại Chứng chỉ GDTC

- ĐTBCTL môn học GDTC tính theo thang điểm 4, được làm tròn đến 2 chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung tích lũy các môn học GDTC

a_i là điểm của môn học GDTC thứ i

n_i là số tín chỉ của môn học GDTC thứ i

n là tổng số môn học.

- Xếp loại Chứng chỉ GDTC:

- + Loại Xuất sắc : Điểm TBCTL từ 3.60 đến 4.00
- + Loại Giỏi : Điểm TBCTL từ 3.20 đến cận 3.59
- + Loại Khá : Điểm TBCTL từ 2.50 đến cận 3.19
- + Loại Trung bình khá : Điểm TBCTL từ 2.30 đến cận 2.49
- + Loại Trung bình : Điểm TBCTL từ 2.00 đến cận 2.29

- Xếp loại được ghi trong Chứng chỉ GDTC căn cứ vào ĐTBCTL môn học GDTC.

Điều 6. Miễn học môn GDTC

6.1. Miễn học tất cả hoặc một phần môn học GDTC

- Đối tượng:

+ Sinh viên đã tốt nghiệp trình độ đại học tại cơ sở giáo dục đại học khác: được bảo lưu Chứng chỉ GDTC và miễn học 04 học phần GDTC.

+ Sinh viên đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng khác: được bảo lưu Chứng chỉ GDTC và miễn học 03 học phần GDTC.

+ Sinh viên đã tốt nghiệp trình độ trung cấp tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng khác: được bảo lưu bảng điểm GDTC và miễn học 01 học phần GDTC. (Giáo dục thể chất 1)

- Thủ tục: Sinh viên nộp đơn xin miễn học và bản photo công chứng Chứng chỉ bảng điểm GDTC tại Trung tâm hợp tác đào tạo và khoa nghệ thuật và TĐTT trường Đại học Hùng Vương.

6.2. Miễn học một số nội dung của môn học có liên quan đến vận động

- Đối tượng: Sinh viên bị khuyết tật, dị tật bẩm sinh, bị các bệnh tim mạch, không có khả năng vận động với khối lượng và cường độ vận động lớn.

- Yêu cầu: Những sinh viên thuộc đối tượng trên vẫn phải học đủ khối lượng học tập GDTC quy định tại điều 3 nhưng sẽ học các nội dung của môn học phù hợp với sức khỏe và thể chất của sinh viên hoặc học môn học không liên quan đến vận động (môn học lý thuyết); đồng thời việc kiểm tra, đánh giá các môn học sẽ được vận dụng phù hợp.



- Thủ tục: Sinh viên nộp đơn (có ý kiến của Y tế trường) và Giấy chứng nhận về khuyết tật, dị tật bẩm sinh hoặc Hồ sơ bệnh án của Bệnh viện cấp tỉnh, thành phố và tương đương tại Khoa nghệ thuật và TDĐT để xem xét.

Điều 7. Điều khoản thi hành

7.1. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân báo cáo Ban Giám hiệu bằng văn bản (qua văn phòng) để được xem xét giải quyết.

7.2. Các đơn vị, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Chứng chỉ Giáo dục thể chất cho sinh viên sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định; nếu vi phạm, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định. /.



PHỤ LỤC 6

UBND TỈNH PHÚ THỌ
Trường Đại học Hùng Vương

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHÒNG VẤN

Dành cho sinh viên đã học xong chương trình GDTC theo học chế tín chỉ

Nhằm mục đích đánh giá hiệu quả của chương trình GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương. Rất mong nhận được ý kiến của bạn cho các câu hỏi sau:

Đánh giá theo mức độ từ 1 đến 5 như sau: (1) Rất không hài lòng, (2) Không hài lòng, (3) Bình thường, (4) Hài lòng, (5) Rất hài lòng.

1. Đánh giá của sinh viên về đội ngũ giảng viên giảng dạy môn GDTC tại trường Đại học Hùng Vương.

TT	Đội ngũ giảng viên	Mức độ đánh giá				
1	Đầy đủ về số lượng	1	2	3	4	5
2	Đạt chuẩn kiến thức trình độ chuyên môn	1	2	3	4	5
3	Có kỹ thuật giảng dạy các môn thể thao	1	2	3	4	5
4	Có phương pháp sư phạm	1	2	3	4	5
5	Năng nổ, nhiệt tình, tận tâm	1	2	3	4	5
6	Yêu nghề, yêu quý và tôn trọng SV	1	2	3	4	5

2. Đánh giá của sinh viên về sân bãi, trang thiết bị dụng cụ phục vụ cho học tập môn GDTC tại trường Đại học Hùng Vương.

TT	Sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ	Mức độ đánh giá				
1	Đầy đủ, phù hợp với nội dung học tập	1	2	3	4	5
2	Đa dạng, nhiều chủng loại	1	2	3	4	5
3	Đạt chuẩn về chất lượng, đáp ứng yêu cầu	1	2	3	4	5
4	Mới, hiện đại	1	2	3	4	5
5	Sân bãi vệ sinh và an toàn	1	2	3	4	5

3. Đánh giá của sinh viên về nội dung chương trình GDTC tại trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ.

TT	Nội dung chương trình giảng dạy	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Phù hợp với sân bãi, trang thiết bị dụng cụ	1	2	3	4	5
2	Phù hợp với mục tiêu giảng dạy của nhà trường	1	2	3	4	5
3	Phù hợp với trình độ đội ngũ giảng viên	1	2	3	4	5
4	Phù hợp với thể lực của SV ĐH Hùng Vương	1	2	3	4	5
5	Trang bị cho SV các kiến thức về giáo dục thể chất	1	2	3	4	5
6	Trang bị cho SV các kỹ năng thực hành TDTT	1	2	3	4	5
7	Trang bị cho SV các phương pháp tập luyện TDTT, qua đó có thể tự tập và hình thành thói quen vận động, rèn luyện sức khỏe thường xuyên	1	2	3	4	5
8	Giúp SV nâng cao thể lực, phát triển thể chất	1	2	3	4	5
9	Sinh động, phong phú thu hút SV tích cực tham gia tập luyện	1	2	3	4	5
10	Đa dạng, phong phú giúp SV có thể lựa chọn theo sở thích	1	2	3	4	5

4. Đánh giá của sinh viên về phương pháp giảng dạy môn GDTC tại trường Đại học Hùng Vương.

TT	Phương pháp giảng dạy	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Đơn giản, dễ hiểu, dễ tiếp thu	1	2	3	4	5
2	Giúp sinh viên tự tin, phát huy tính tích cực	1	2	3	4	5
3	Đa dạng, phong phú phù hợp với trình độ của SV	1	2	3	4	5
4	Tiên tiến, hiện đại vì sự tiến bộ của SV	1	2	3	4	5
5	Có phương pháp đối xử cá biệt với SV	1	2	3	4	5
6	Giúp SV tự học, tự rèn luyện ngoại khóa	1	2	3	4	5

5. Đánh giá của sinh viên về hình thức tổ chức giảng dạy môn GDTC tại trường Đại học Hùng Vương.

TT	Hình thức tổ chức giảng dạy	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Đa dạng, phong phú phù hợp với nhu cầu của SV	1	2	3	4	5
2	Có hình thức giúp đỡ riêng	1	2	3	4	5
3	Linh hoạt về thời gian, địa điểm giúp SV có thể chọn lựa	1	2	3	4	5
4	Tổ chức lớp phù hợp với số lượng sinh viên, trang thiết bị dụng cụ của nhà trường	1	2	3	4	5
5	Tổ chức lớp phù hợp với số lượng SV đăng ký	1	2	3	4	5
6	Tổ chức lớp phù hợp với trình độ chuyên môn của giảng viên	1	2	3	4	5
7	Phân bổ nội dung chương trình hợp lý ở từng học kỳ	1	2	3	4	5
8	Phân bổ hợp lý số tiết ở mỗi học kỳ	1	2	3	4	5

6. Đánh giá của sinh viên về công tác kiểm tra đánh giá môn GDTC tại trường Đại học Hùng Vương.

TT	Kiểm tra, đánh giá	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Nội dung kiểm tra đánh giá được qui định rõ ràng và thông báo đến toàn thể SV	1	2	3	4	5
2	Nội dung kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình đào tạo	1	2	3	4	5
3	Công tác kiểm tra, đánh giá góp phần nâng cao tính tích cực trong quá trình đào tạo	1	2	3	4	5
4	Kiểm tra, đánh giá đảm bảo chính xác và khoa học	1	2	3	4	5
5	Kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính khách quan	1	2	3	4	5

Xin trân trọng cảm ơn!

PHỤ LỤC 7

UBND TỈNH PHÚ THỌ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Trường Đại học Hùng Vương **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHIẾU PHỎNG VẤN

Dành cho cán bộ quản lý và giảng viên

Nhằm mục đích đánh giá hiệu quả của chương trình GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương. Rất mong nhận được ý kiến của thầy cô cho các câu hỏi sau:

1. Đánh giá của thầy cô về hiệu quả chương trình giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ của trường Đại học Hùng Vương.

- Rất không hiệu quả
- Không hiệu quả
- Bình thường
- Hiệu quả
- Rất hiệu quả

2. Đánh giá của Thầy, Cô về đội ngũ giảng viên giảng dạy môn GDTC tại trường Đại học Hùng Vương.

TT	Đội ngũ giảng viên	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Đầy đủ về số lượng	1	2	3	4	5
2	Đạt chuẩn kiến thức trình độ chuyên môn	1	2	3	4	5
3	Có kỹ thuật giảng dạy các môn thể thao	1	2	3	4	5
4	Có phương pháp sư phạm	1	2	3	4	5
5	Năng nổ, nhiệt tình, tận tâm	1	2	3	4	5
6	Yêu nghề, yêu quý và tôn trọng SV	1	2	3	4	5

3. Đánh giá của Thầy, Cô về sân bãi, trang thiết bị dụng cụ phục vụ cho học tập môn GDTC tại trường Đại học Hùng Vương.

TT	Sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Đầy đủ, phù hợp với nội dung học tập	1	2	3	4	5
2	Đa dạng, nhiều chủng loại	1	2	3	4	5

3	Đạt chuẩn về chất lượng, đáp ứng yêu cầu	1	2	3	4	5
4	Mới, hiện đại	1	2	3	4	5
5	Sân bãi vệ sinh và an toàn	1	2	3	4	5

4. Đánh giá của Thầy, Cô về nội dung chương trình GDTC tại trường Đại học

Hùng Vương - Phú Thọ.

TT	Nội dung chương trình giảng dạy	Mức độ đánh giá				
1	Phù hợp với sân bãi, trang thiết bị dụng cụ	1	2	3	4	5
2	Phù hợp với mục tiêu giảng dạy của nhà trường	1	2	3	4	5
3	Phù hợp với trình độ đội ngũ giảng viên	1	2	3	4	5
4	Phù hợp với thể lực của SV ĐH Hùng Vương	1	2	3	4	5
5	Trang bị cho SV các kiến thức về giáo dục thể chất	1	2	3	4	5
6	Trang bị cho SV các kỹ năng thực hành TDTT	1	2	3	4	5
7	Trang bị cho SV các phương pháp tập luyện TDTT, qua đó có thể tự tập và hình thành thói quen vận động, rèn luyện sức khỏe thường xuyên	1	2	3	4	5
8	Giúp SV nâng cao thể lực, phát triển thể chất	1	2	3	4	5
9	Sinh động, phong phú thu hút SV tích cực tham gia tập luyện	1	2	3	4	5
10	Đa dạng, phong phú giúp SV có thể lựa chọn theo sở thích	1	2	3	4	5

5. Đánh giá của Thầy, Cô về phương pháp giảng dạy môn GDTC tại trường

Đại học Hùng Vương.

TT	Phương pháp giảng dạy	Mức độ đánh giá				
1	Đơn giản, dễ hiểu, dễ tiếp thu	1	2	3	4	5
2	Giúp sinh viên tự tin, phát huy tính tích cực	1	2	3	4	5
3	Đa dạng, phong phú phù hợp với trình độ của SV	1	2	3	4	5
4	Tiên tiến, hiện đại vì sự tiến bộ của SV	1	2	3	4	5
5	Có phương pháp đối xử cá biệt với SV	1	2	3	4	5
6	Giúp SV tự học, tự rèn luyện ngoại khóa	1	2	3	4	5

6. Đánh giá của Thầy, Cô về hình thức tổ chức giảng dạy môn GDTC tại trường Đại học Hùng Vương.

TT	Hình thức tổ chức giảng dạy	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Đa dạng, phong phú phù hợp với nhu cầu của SV	1	2	3	4	5
2	Có hình thức giúp đỡ riêng	1	2	3	4	5
3	Linh hoạt về thời gian, địa điểm giúp SV có thể chọn lựa	1	2	3	4	5
4	Tổ chức lớp phù hợp với số lượng sân bãi, trang thiết bị dụng cụ của nhà trường	1	2	3	4	5
5	Tổ chức lớp phù hợp với số lượng SV đăng ký	1	2	3	4	5
6	Tổ chức lớp phù hợp với trình độ chuyên môn của giảng viên	1	2	3	4	5
7	Phân bổ nội dung chương trình hợp lý ở từng học kỳ	1	2	3	4	5
8	Phân bổ hợp lý số tiết ở mỗi học kỳ	1	2	3	4	5

7. Đánh giá của Thầy, Cô về công tác kiểm tra đánh giá môn GDTC tại trường Đại học Hùng Vương.

TT	Kiểm tra, đánh giá	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Nội dung kiểm tra đánh giá được qui định rõ ràng và thông báo đến toàn thể SV	1	2	3	4	5
2	Nội dung kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình đào tạo	1	2	3	4	5
3	Công tác kiểm tra, đánh giá góp phần nâng cao tính tích cực trong quá trình đào tạo	1	2	3	4	5
4	Kiểm tra, đánh giá đảm bảo chính xác và khoa học	1	2	3	4	5
5	Kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính khách quan	1	2	3	4	5

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Thầy, Cô!

PHỤ LỤC 8. CHƯƠNG TRÌNH GDTC BẮT BUỘC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

MÃ HỌC PHẦN: PHE101

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - **Họ và tên:**

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- **Tên học phần:** Giáo dục thể chất 1
- **Số tín chỉ:** 01
- **Mã số học phần:** PHE 101
- **Đối tượng sử dụng** (*Áp dụng cho ngành đào tạo*):
- **Trình độ** (*cho sinh viên năm thứ*): 1 Học kỳ: 1
- **Loại học phần:** *Bắt buộc* *Tự chọn*
- **Điều kiện tiên quyết:** Không

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Hiểu được ý nghĩa của các bài tập thể dục, điền kinh đối với sự phát triển thể chất
- Vận dụng được cách thức thực hiện các bài tập phát triển thể chất.
- Vận dụng nguyên lý của các bài tập điền kinh, chạy cự ly ngắn, đội hình đội ngũ, bài tập thể dục liên hoàn 80 nhịp.

3.2. Kỹ năng

- Thực hành thuần thục các kỹ thuật cơ bản của kỹ thuật chạy cự ly ngắn bài tập đội hình đội ngũ, bài thể dục tay không liên hoàn 80 nhịp và các bài tập phát triển thể lực.

3.3. Thái độ

- Yêu thích và có ham muốn tiếp tục học tập, nghiên cứu theo hướng nội môn học.
- Giáo dục nhân cách, đạo đức thể thao XHCN.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR học phần	Nội dung CĐR học phần (CLO)
----------------------	-----------------------------

CLO1	Hiểu được ý nghĩa của các bài tập thể dục, điền kinh đối với sự phát triển thể chất
CLO2	- Vận dụng cách thức thực hiện các bài tập phát triển thể chất.
CLO3	- Vận dụng nguyên lý của các bài tập điền kinh, chạy cự ly ngắn, đội hình đội ngũ, bài tập thể dục liên hoàn 80 nhịp.
CLO4	- Thực hành thuần thục các kỹ thuật cơ bản của kỹ thuật chạy cự ly ngắn bài tập đội hình đội ngũ, bài thể dục tay không liên hoàn 80 nhịp và các bài tập phát triển thể lực.
CLO5	- Yêu thích và có ham muốn tiếp tục học tập, nghiên cứu theo hướng nội dung môn học.
CLO6	- Giáo dục nhân cách, đạo đức thể thao XHCN.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H													
CLO 2	H													
CLO 3	H													
CLO4	H													
CLO5	H													
CLO6	H													

6. Mô tả văn tắt học phần

- Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về lịch sử ra đời và phát triển, mục đích, ý nghĩa, tác dụng, phương pháp giảng dạy, tổ chức thi đấu, chạy cự ly ngắn; các bài tập hỗ trợ cho kỹ thuật chạy; kỹ thuật các giai đoạn trong chạy ngắn.

- Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về đại cương môn thể dục, mục đích ý nghĩa tác dụng của môn thể dục, các tư thế cơ bản, bài thể dục liên hoàn 80 nhịp.

- Cung cấp cho sinh viên vốn kỹ năng, kỹ xảo vận động cơ bản về môn thể dục, điền kinh phát triển toàn diện các tố chất thể lực, đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động, tạo tiền đề tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác cũng như các hoạt động khác.

- Hình thành nhân cách tốt cho sinh viên, yêu thích môn học, tuyên truyền cho mọi người hiểu được vị trí tác dụng của tập luyện TDTT để mọi người tham gia tập luyện.

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.

- Tham dự đầy đủ các bài thực hành, thí nghiệm và kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành, thí nghiệm đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: Thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 50 %
- Chuyên cần: Trọng số 20%
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Nguyễn Đại Dương (Chủ biên), Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Kim Minh (2006), Điền kinh, Nhà xuất bản TĐTT, Hà nội.

[2]. Trương Anh Tuấn (2004), *Giáo trình thể dục*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

[3] Nguyễn Quang Hưng, Nguyễn Đại Dương (Biên dịch), Lưu Quang Hiệp (Hiệu đính) (2002) Chạy cự ly ngắn, Nhà xuất bản TĐTT Hà nội.

[4]. Nguyễn Xuân Sinh (Chủ biên), Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong (2009), *Thể dục*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính: Tiết

STT	Nội dung (Tên các Module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Chương 1: Thể dục	15		14		1
2	Chương 2: Điền kinh	15		14		1
<i>Cộng:</i>		30		28		2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1 (CLO)	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Thuyết trình, Thảo luận, Bài tập, Online ...)
Module 1: Thể dục		CLO1	4 tiết	
1.1 Các bài tập về đội hình đội ngũ	Học sinh hiểu về đội	CLO2	8 tiết	Thực hành

1.1.1 Cách tập trung đội hình hàng ngang 1.1.2 Cách tập trung đội hình hàng dọc 1.1.3 Cách điểm số, báo cáo 1.1.4 Kỹ thuật quay phải, quay trái, quay sau 1.1.5 Kỹ thuật đi đều	hình đội ngũ, biết cách tập chung đội hình quay phải, trái, sau..Kỹ thuật đi đều	CLO3		Tự học
1.2 Bài thể dục tay không liên hoàn 80 nhịp	Thực hiện thành thực bài TD liên hoàn 80 nhịp	CLO1 CLO4 CLO5	10 t 20 tiết	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 1	SV thực hiện được bài kiểm tra		1 tiết	Thực hành
Module 2: Điền kinh - Chạy cự ly ngắn 2.1 Tập các động tác bổ trợ cho chạy ngắn 2.1.1 Chạy bước nhỏ 2.1.2 Chạy nâng cao đùi 2.1.3 Chạy đập sau 2.1.4 Chạy tăng tốc	Thực hiện tốt các động tác bổ trợ cho chạy ngắn	CLO1, CLO2 CLO3. CLO5 CLO6	3 tiết 6 tiết	Thực hành Tự học
2.2. KT chạy giữa quãng 2.2.1 KT chạy trên đường thẳng 2.2.2 KT chạy trên đường vòng	Thực hiện tốt kỹ thuật chạy giữa quãng	CLO1, CLO2 CLO3. CLO5	3 tiết 6 tiết	Thực hành Tự học
2.3 Kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát 2.3.1 KT đóng bàn đạp 2.3.2 KT xuất phát thấp 2.3.3 KT chạy lao sau xuất phát	Thực hiện tốt kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát	CLO1, CLO2 CLO3. CLO5 CLO6	3 tiết 6 tiết	Thực hành Tự học
2.4 Kỹ thuật chạy về đích 2.4.1 KT chạy về đích 2.4.2. Kỹ thuật đánh đích	Thực hiện tốt kỹ thuật về đích	CLO1, CLO5 CLO6	3 tiết 6 tiết	Thực hành Tự học
Hoàn thiện KT chạy cự ly ngắn		CLO1,	2 tiết	Thực hành

Ôn tập, kiểm tra		CLO2	4 tiết	Tự học
Bài kiểm tra số 2	SV thực hiện được bài kiểm tra		1 tiết	Kiểm tra

10. Kiểm tra đánh giá học phần

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu 1: (5,0 điểm) Anh (Chị) hãy thực hiện bài thể dục tay không liên hoàn 80 nhịp.

Câu 2: (5,0 điểm) Anh (Chị) hãy thực hiện kỹ thuật chạy 30m.

ĐÁP ÁN THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu 1 (5,0 điểm)	Ý1	Thuộc thành thực bài, thực hiện có tính liên hoàn.	2.0
	Ý2	Biên độ động tác chính xác, rõ ràng	1.0
	Ý3	Dùng sức động tác.	1.0
	Ý4	Làm bài có tính nhịp điệu, tính thẩm mỹ.	1.0
Câu 2 (5,0 điểm) Chạy 30m (giây)	Nam	> 6,50 giây	0
		6,31 - 6,50	0,5
		6,11 - 6,30	1,0
		5,91 - 6,10	1,5
		5,71 - 5,90	2,0
		5,51 - 5,70	2,5
		5,31- 5,50	3,0
		5,11- 5,30	3,5
		4,91 - 5,10	4,0
		4,71 - 4,90	4,5
		≤ 4,70 giây	5,0
	Nữ	> 7,50 giây	0
		7,31 - 7,50	0,5
		7,11 - 7,30	1,0
		6,91 - 7,10	1,5
		6,71 - 6,90	2,0
		6,51 - 6,70	2,5
		6,31 - 6,50	3,0
		6,11- 6,30	3,5
		5,91 - 5,10	4,0
		5,71 - 5,90	4,5
		≤ 5,70 giây	5,0

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHỤ LỤC 9. CHƯƠNG TRÌNH TỰ CHỌN BÓNG ĐÁ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (BÓNG ĐÁ 1)

MÃ HỌC PHẦN: PHE102

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - **Họ và tên:**

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- **Tên học phần:** Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)
- **Số tín chỉ:** 01
- **Mã số học phần:** PHE102
- **Đối tượng sử dụng** (*Áp dụng cho ngành đào tạo*): **không chuyên ngành GDTC**
- **Trình độ** (*cho sinh viên năm thứ*): 1 Học kỳ: 2
- **Loại học phần:** *Bắt buộc* *Tự chọn*
- **Điều kiện tiên quyết:** **Đã học xong GDTC 101**

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Trang bị hệ thống kiến thức cơ bản trong môn Bóng đá
- Hiểu biết về nguyên lý và cách thức tập luyện các bài tập cơ bản nhằm phát triển thể lực chung và chuyên môn.

3.2. Kỹ năng

- Vận dụng các phương pháp, biện pháp tập luyện chủ yếu để nâng cao các tố chất vận động.
- Ứng dụng các bài tập kỹ thuật cơ bản sử dụng trong tập luyện và thi đấu.

3.3. Thái độ

- Thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập. Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt.
- Yêu thích môn học và có định hướng ứng dụng trong tập luyện, rèn luyện thể chất.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Trang bị hệ thống kiến thức cơ bản trong môn Bóng đá
CLO2	Hiểu biết về nguyên lý và cách thức tập luyện các bài tập cơ bản nhằm phát triển thể lực chung và chuyên môn.
CLO3	Vận dụng các kỹ thuật cơ bản sử dụng trong tập luyện và thi đấu.
CLO4	Vận dụng các phương pháp, biện pháp tập luyện chủ yếu để nâng cao các tố chất vận động.
CLO5	Thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập. Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt.
CLO6	Yêu thích môn học và có định hướng ứng dụng trong tập luyện, RLTC

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của chương trình (PLO) được xác định cụ thể:

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H		M											
CLO 2	H		M											
CLO 3	H		M											
CLO4	H		M											
CLO5	H		M											
CLO6	H		M											

6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần Bóng đá 1 trang bị cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về luật thi đấu môn Bóng đá. Sinh viên có thể thực hiện tốt các bài tập thể lực nhằm phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn trong Bóng đá. Qua học phần này sinh viên nắm bắt được nguyên lý và cách thức tập luyện của một số kỹ thuật cơ bản như: Kỹ thuật di chuyển và tâng bóng; Kỹ thuật dẫn bóng; Kỹ thuật dùng bóng; Kỹ thuật đá bóng bằng cạnh trong bàn chân; Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân phục vụ trong tập luyện và thi đấu Bóng đá.

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.

- Tham dự đầy đủ các bài thực hành kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: Thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

- [1]. Trần Duy Hòa (Chủ biên), Nguyễn Hữu Thịnh, Nguyễn Thái Bền...(2014), *Giáo trình Bóng đá tập 1*, NXB TĐTT, Hà Nội.
- [2]. Trần Duy Hòa (Chủ biên), Nguyễn Hữu Thịnh, Nguyễn Thái Bền...(2014), *Giáo trình Bóng đá tập 2*, NXB TĐTT, Hà Nội.
- [3]. Tổng cục Thể dục thể thao (2014), *Luật thi đấu Bóng đá*, NXB TĐTT, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

- [4]. Ma Tuyết Điền, Đặng Bình (Người dịch) (2009), *Bóng đá, kỹ chiến thuật và phương pháp tập luyện*, NXB TĐTT, Hà Nội.
- [5]. Phạm Quang (2010), *Giáo trình Bóng đá*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính: Tiết

STT	Nội dung (Tên các module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1: Một số điều luật cơ bản	4		4	8	
2	Module 2: Một số bài tập phát triển thể lực chuyên môn trong Bóng đá	6		5	12	1
3	Module 3: Kỹ thuật cơ bản trong bóng đá	20		19	36	1
Cộng:		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Thuyết trình,
----------	------------------	-------------------------	-------------------	--

		bảng 4.1 (CLO)		Thảo luận, Bài tập, Online ...)
Module 1: Một số điều luật cơ bản trong thi đấu bóng đá.	Nắm chắc và hiểu rõ được được luật thi đấu bóng đá.	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6	04 tiết 08 tiết	Thực hành Tự học
Module 2: Một số bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong Bóng đá 2.1. Một số bài tập phát triển thể lực chung 2.2. Một số bài tập phát triển thể lực chuyên môn trong Bóng đá	Hiểu biết về nguyên lý và cách thức tập luyện các bài tập cơ bản nhằm phát triển thể lực chung và chuyên môn trong Bóng đá.	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	05 tiết 12 tiết	Thực hành Tự học
Module 3: Kỹ thuật cơ bản trong bóng đá 3.1. Kỹ thuật di chuyển và tung bóng. 3.2. Kỹ thuật dẫn bóng.	Nắm bắt được nguyên lý và cách thức tập luyện của các kỹ thuật cơ bản trong Bóng đá.	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	19 tiết 36 tiết	Thực hành Tự học
Kiểm tra	Thực hiện Kỹ thuật dẫn bóng 30m	CLO 5	01 tiết	Thực hành
3.3. Kỹ thuật dừng bóng. 3.4. Kỹ thuật đá bóng bằng cạnh trong bàn chân. 3.5. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân.	Nắm bắt được nguyên lý và cách thức tập luyện của các kỹ thuật cơ bản trong Bóng đá.	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	19 tiết 36 tiết	Thực hành Tự học
Kiểm tra	Thực hiện Kỹ thuật đá bóng bằng cạnh trong bàn chân.	CLO 5	01 tiết	Thực hành

10. Kiểm tra đánh giá học phần

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu 1: (5.0 điểm)

Thực hành kỹ thuật dẫn bóng 30m luân cột (s).

Câu 2: (5.0 điểm)

Thực hành kỹ thuật đá bóng bằng cạnh trong bàn chân. Mỗi sinh viên đá 5 quả cự ly 15m vào cầu môn 2x2m.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu 1(5.0 điểm): Thực hành kỹ thuật dẫn bóng 30m luân cột (s).

- Xuất phát dẫn bóng luân qua 05 cột có khoảng cách là 15m, khi qua cột cuối cùng đá bóng về vị trí xuất phát và chạy tốc độ về.
- Là phạm quy nếu bỏ cột không dẫn bóng qua và làm đổ cột.
- Mỗi sinh viên thực hiện hai lần tính thành tích lần tốt nhất.

ĐIỂM ĐẠT	THÀNH TÍCH (s)
5	$\leq 9''00$
4	9''00 – 9''40
3	9''41 – 9''80
2	10''21 – 10''60
1	10''61 – 11''00
0	$\geq 11''00$

Câu 2: (5.0 điểm)

Thực hành kỹ thuật đá bóng bằng cạnh trong bàn chân. Mỗi sinh viên đá 5 quả cự ly 15m vào cầu môn 2x2m.

Yêu cầu mỗi sinh viên thực hiện phải đúng kỹ thuật.

- Bóng bay thẳng vào cầu môn, không chạm mặt sân (tốt) = 1 điểm
- Bóng chạm mặt sân 1 nảy rồi vào cầu môn = 0,5 điểm
- Bóng đi ra ngoài cầu môn = 0 điểm .

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3 (BÓNG ĐÁ 2)
MÃ HỌC PHẦN: PHE103

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

- (1). - **Họ và tên:**
- Chức danh, học hàm, học vị:
 - Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
 - Điện thoại:
 - Email:

2. Thông tin chung về học phần

- **Tên học phần:** Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)
- **Số tín chỉ:** 01
- **Mã số học phần:** PHE103
- **Đối tượng sử dụng** (*Áp dụng cho ngành đào tạo*): **Không chuyên ngành GDTC**
- **Trình độ** (*cho sinh viên năm thứ*): **2** Học kỳ: 3
- **Loại học phần:** *Bắt buộc* *Tự chọn*
- **Điều kiện tiên quyết:** **Đã học xong GDTC 102**

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Trang bị hệ thống kiến thức cơ bản trong môn Bóng đá
- Vận dụng được các phương pháp, biện pháp tập luyện chủ yếu để nâng cao năng cao thể chất, phẩm chất đạo đức con người một cách toàn diện.

3.2. Kỹ năng

- Ứng dụng các kỹ thuật cơ bản sử dụng trong tập luyện và thi đấu.
- Vận dụng các phương pháp, biện pháp tập luyện chủ yếu để nâng cao các tố chất vận động.

3.3. Thái độ

- Thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập. Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt.
- Yêu thích môn học và có định hướng ứng dụng trong tập luyện, rèn luyện thể chất.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
----------------------	-----------------------------

CLO1	Trang bị hệ thống kiến thức cơ bản trong môn Bóng đá
CLO2	Vận dụng được các phương pháp, biện pháp tập luyện chủ yếu để nâng cao năng cao thể chất, phẩm chất đạo đức con người một cách toàn diện.
CLO3	Vận dụng các kỹ thuật cơ bản sử dụng trong tập luyện và thi đấu.
CLO4	Vận dụng các phương pháp, biện pháp tập luyện chủ yếu để nâng cao các tố chất vận động.
CLO5	Thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập. Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt.
CLO6	Yêu thích môn học và có định hướng ứng dụng trong tập luyện, rèn luyện thể chất.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của chương trình (PLO) được xác định cụ thể:

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H		M											
CLO 2	H		M											
CLO 3	H		M											
CLO4	H		M											
CLO5	H		M											
CLO6	H		M											

6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần Bóng đá 2 trang bị cho sinh viên nắm bắt được nguyên lý và cách thức tập luyện của một số kỹ thuật cơ bản như: Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân.; Kỹ thuật đánh đầu.; Kỹ thuật cơ bản của thủ môn.; Kỹ thuật tranh cướp bóng và một số chiến thuật cơ bản trong Bóng đá.

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.
- Tham dự đầy đủ các bài thực hành và kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: Thực hành

- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

- [1]. Trần Duy Hòa (Chủ biên), Nguyễn Hữu Thịnh, Nguyễn Thái Bền...(2014), *Giáo trình Bóng đá tập 1*, NXB TDTT, Hà Nội.
- [2]. Trần Duy Hòa (Chủ biên), Nguyễn Hữu Thịnh, Nguyễn Thái Bền...(2014), *Giáo trình Bóng đá tập 2*, NXB TDTT, Hà Nội.
- [3]. Tổng cục Thể dục thể thao (2014), *Luật thi đấu Bóng đá*, NXB TDTT, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

- [4]. Ma Tuyết Điền, Đặng Bình (Người dịch) (2009), *Bóng đá, kỹ chiến thuật và phương pháp tập luyện*, NXB TDTT, Hà Nội.
- [5]. Phạm Quang (2010), *Giáo trình Bóng đá*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính:

Tiết

STT	Nội dung (Tên các module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1: Kỹ thuật cơ bản trong bóng đá	20		19	40	1
2	Module 2: Một số chiến thuật cơ bản trong Bóng đá	10		09	20	1
Cộng:		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1 (CLO)	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Thuyết trình, Thảo luận, Bài tập, Online ...)
Module 1: Kỹ thuật cơ bản trong bóng đá 1.1. Kỹ thuật đá bóng bằng mu	Hiểu được nguyên lý và cách thức tập luyện của các kỹ thuật cơ bản	CLO 1 CLO 2 CLO 3	19 tiết 40 tiết	Thực hành Tự học

chính diện. 1.2. Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân. 1.3. Kỹ thuật đánh đầu. 1.4. Kỹ thuật Ném biên. 1.5. Kỹ thuật cơ bản của thủ môn. 1.6. Kỹ thuật tranh cướp bóng.	trong Bóng đá.	CLO 4 CLO 5 CLO 6		
Kiểm tra	Thực hiện đá bóng xa		1 tiết	Thực hành
Module 2: Một số chiến thuật cơ bản trong Bóng đá 2.1. Đội hình thi đấu 2.2. Nhiệm vụ chủ yếu và lối đá của từng vị trí 2.3. Chiến thuật trong tấn công 2.4. Chiến thuật phòng thủ.	Giúp sinh viên hiểu ý nghĩa tác dụng của đội hình thi đấu, những nhiệm vụ chủ yếu và lối đá của từng vị trí.	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	09 tiết 20 tiết	Thực hành Tự học
Kiểm tra	Thực hiện: - Kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa - Ném biên.		01 tiết	Thực hành

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu 1: (5.0 điểm)

Thực hành kỹ thuật đá bóng xa (m) trong hành lang 5m

Câu 2: (5.0 điểm)

Thực hành kỹ thuật ném biên (m).

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu 1(5.0 điểm): Thực hành kỹ thuật đá bóng xa (m) trong hành lang 5m.

- Thực hành kỹ thuật đá bằng mu trong hoặc mu chính diện
- Là phạm quy nếu bóng đi ra ngoài hành lang quy định (5m).
- Mỗi sinh viên thực hiện 03 lần tính thành tích lần tốt nhất.

ĐIỂM ĐẠT	THÀNH TÍCH (m)
5	≥ 45m
4	44 – 40

3	39 – 35
2	34 – 30
1	29 – 25
0	< 25m

Câu 2 (5.0 điểm): Thực hành kỹ thuật ném biên.

- Là phạm quy nếu:

+ Thực hiện sai luật.

+ Bóng đi ra ngoài hành lang quy định (3m).

- Mỗi sinh viên ném 2 lần tính thành tích lần tốt nhất.

ĐIỂM ĐẠT	THÀNH TÍCH (m)
5	$\geq 25m$
4	24 – 21
3	20 – 17
2	16 – 13
1	12 – 9
0	< 9m

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

MÔN: BÓNG ĐÁ 3

MÃ HỌC PHẦN: PHE 104

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - Họ và tên:

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Bóng đá 3
- Số tín chỉ: 01
- Mã số học phần: PHE 104
- Đối tượng sử dụng (*Áp dụng cho ngành đào tạo*): SV khối không chuyên ngành

GDTC

- Trình độ (*cho sinh viên năm thứ*): 2 Học kỳ: 4
- Loại học phần: *Bắt buộc* *Tự chọn*
- Điều kiện tiên quyết: Đã học xong Bóng đá 2 (PHE103)

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

Trang bị hệ thống kiến thức cơ bản trong môn Bóng đá, từ những khái niệm chung, các kỹ năng vận động phục vụ cho hoạt động tập luyện, thi đấu, rèn luyện các tố chất vận động nâng cao thể chất, phẩm chất đạo đức con người một cách toàn diện.

3.2. Kỹ năng

- Ứng dụng các kỹ thuật cơ bản sử dụng trong tập luyện và thi đấu.
- Vận dụng hoàn thiện các bài tập thể lực chuyên môn trong bóng đá.

3.3. Thái độ

- + Tham gia học tập đầy đủ theo đúng nội quy, quy định của nhà trường.
- + Thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập.
- + Những vấn đề khác: Trang phục đầy đủ, đúng quy định bộ môn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Trang bị hệ thống kiến thức cơ bản trong môn Bóng đá
CLO2	Vận dụng được các phương pháp, biện pháp tập luyện chủ yếu để nâng cao nâng cao thể chất, phẩm chất đạo đức con người một cách toàn diện.
CLO3	Ứng dụng các kỹ thuật cơ bản sử dụng trong tập luyện và thi đấu.
CLO4	Vận dụng các phương pháp, biện pháp tập luyện chủ yếu để nâng cao các tố chất vận động.
CLO5	Thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập. Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt.
CLO6	Yêu thích môn học và có định hướng ứng dụng trong tập luyện, rèn luyện thể chất.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của chương trình (PLO) được xác định cụ thể:

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H		M											
CLO 2	H		M											
CLO 3	H		M											
CLO4	H		M											
CLO5	H		M											
CLO6	H		M											

6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần Bóng đá 3 trang bị cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về luật thi đấu môn Bóng đá 5 người. Sinh viên có thể thực hiện tốt các bài tập cơ bản về kỹ chiến thuật trong Bóng đá. Qua học phần này sinh viên nắm bắt được nguyên lý và cách thức tập luyện của một số kỹ thuật cơ bản như: Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân; Kỹ thuật đánh đầu; Kỹ thuật cơ bản của thủ môn; Kỹ thuật tranh cướp bóng, bên cạnh đó giới thiệu cho sinh viên một số bài tập và nội dung chiến thuật trong thi đấu Bóng đá.

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.

- Tham dự đầy đủ các bài thực hành và kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: Thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

- [1]. Trần Duy Hòa (Chủ biên), Nguyễn Hữu Thịnh, Nguyễn Thái Bền...(2014), *Giáo trình Bóng đá tập 1*, NXB TĐTT, Hà Nội.
- [2]. Trần Duy Hòa (Chủ biên), Nguyễn Hữu Thịnh, Nguyễn Thái Bền...(2014), *Giáo trình Bóng đá tập 2*, NXB TĐTT, Hà Nội.
- [3]. Tổng cục Thể dục thể thao (2014), *Luật thi đấu Bóng đá*, NXB TĐTT, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

- [4]. Ma Tuyết Điền, Đặng Bình (Người dịch) (2009), *Bóng đá, kỹ chiến thuật và phương pháp tập luyện*, NXB TĐTT, Hà Nội.
- [5]. Phạm Quang (2010), *Giáo trình Bóng đá*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính:

Tiết

STT	Nội dung (Tên các module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1. Một số điều luật cơ bản trong Bóng đá 5 người.	4		4	8	
2	Module 2. Kỹ thuật cơ bản trong Bóng đá	18		17	36	1
3	Module 3. Một số chiến thuật cơ bản trong Bóng đá	8		7	16	1
Cộng:		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt		Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, tự học...)
Chương 1. Một số điều luật cơ bản trong Bóng đá 5 người	Hiểu rõ được luật thi đấu bóng đá.		4 tiết	Thực hành
			8 tiết	Tự học
Chương 2. Kỹ thuật cơ bản trong Bóng đá 2.1. Ôn tập các kỹ thuật đá bóng đã học. 2.2. Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân. 2.3. Kỹ thuật đánh đầu. 2.4. Kỹ thuật cơ bản của thủ môn. 2.5. Kỹ thuật tranh cướp bóng.	Hiểu được nguyên lý và cách thức tập luyện của các kỹ thuật cơ bản trong Bóng đá.	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	17 tiết	Thực hành
			36 tiết	Tự học
<i>Bài kiểm tra số 1 (giữa kỳ)</i>	Thực hiện được nội dung, yêu cầu kiểm tra		1 tiết	Thực hành
Chương 3. Một số chiến thuật cơ bản trong Bóng đá 3.1. Đội hình thi đấu 3.2. Nhiệm vụ chủ yếu và lối đá của từng vị trí 3.3. Chiến thuật trong tấn công 3.4. Chiến thuật phòng thủ.	Giúp sinh viên hiểu được ý nghĩa tác dụng của đội hình thi đấu, những nhiệm vụ chủ yếu và lối đá của từng vị trí.	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	7 tiết	Thực hành
			16 tiết	Tự học
<i>Bài kiểm tra số 2</i>	Thực hiện được nội dung, yêu cầu kiểm tra		1 tiết	Thực hành

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Bóng đá 3

Mã học phần: PHE 104

Số tín chỉ: 01

Hệ, ngành: Đại học không chuyên ngành GDTC

Câu 1: (7.0 điểm)

Thực hành kỹ thuật đá bóng trúng đích.

Câu 2: (3.0 điểm)

Thực hành kỹ thuật đánh đầu bằng chân giữa.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu 1(7.0 điểm): Thực hành kỹ thuật đá bóng trúng đích.

- Thực hành kỹ thuật đá bóng trúng đích vào cầu môn 2x3m với cự ly 20m.
- Mỗi sinh viên thực hiện 07 lần đá.
- Mỗi 1 quả trúng đích (vào thẳng cầu môn) tính 1 điểm.
- Lần thực hiện mà bóng nảy 1 lần chạm đất rồi mới vào cầu môn tính 0,5 điểm.
- Là phạm quy nếu bóng đi không trúng đích.

Câu 2 (3.0 điểm): Thực hành kỹ thuật đánh đầu bằng chân giữa.

- Mỗi sinh viên thực hiện 3 lần tính thành tích lần tốt nhất.
- Là phạm quy nếu: Bóng đi ra ngoài hành lang quy định (3m).

THÀNH TÍCH (m)	ĐIỂM ĐẠT	THÀNH TÍCH (m)
Nam		Nữ
> 10m	3	> 7m
8 – 10	2	5 – 7
6 – 8	1	3 – 5
< 6m	0	< 3m

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHỤ LỤC 10. CHƯƠNG TRÌNH TỰ CHỌN BÓNG CHUYÊN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (BÓNG CHUYÊN 1)

MÃ HỌC PHẦN: PHE102

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - **Họ và tên:**

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- **Tên học phần:** Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyên 1)
- **Số tín chỉ:** 01
- **Mã số học phần:** PHE102
- **Đối tượng sử dụng** (*Áp dụng cho ngành đào tạo*): **không chuyên ngành GDTC**
- **Trình độ** (*cho sinh viên năm thứ*): **1** Học kỳ: 2
- **Loại học phần:** *Bắt buộc* *Tự chọn*
- **Điều kiện tiên quyết:** **Đã học xong GDTC 101**

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Hiểu các tư thế chuẩn bị cơ bản và kỹ thuật chuyên bóng cao tay, thấp tay trong môn Bóng chuyên, cơ sở khoa học trong luyện tập và thi đấu môn Bóng chuyên.
- Nhớ Luật thi đấu môn bóng chuyên

3.2. Kỹ năng

- Vận dụng kỹ thuật chuyên bóng cao tay, thấp tay. Có khả năng hoạt động độc lập trong việc tập luyện môn Bóng chuyên.

3.3. Thái độ

- Ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết, ý trí vượt khó, mẫu mực trong học tập

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Ứng dụng các tư thế chuẩn bị cơ bản và kỹ thuật chuyên bóng cao tay, thấp tay trong môn Bóng

CLO2	Hiểu Luật thi đấu môn bóng chuyền
CLO3	Thực hiện thuần thục kỹ thuật chuyền bóng cao tay, thấp tay
CLO4	Có khả năng hoạt động độc lập trong việc tập luyện môn Bóng chuyền.
CLO5	Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết, ý trí vượt khó

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của chương trình (PLO) được xác định cụ thể:

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H		M											
CLO 2	H		M											
CLO 3	H		M											
CLO4	H		M											
CLO5	H		M											

6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần này trang bị cho người học về lịch sử ra đời, phát triển môn bóng chuyền, ý nghĩa, tác dụng môn bóng chuyền, Luật thi đấu môn bóng chuyền, cách thức tổ chức thi đấu, trọng tài môn bóng chuyền; Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản, kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản, các bài tập bổ trợ kỹ thuật và thể lực. Thông qua việc tập luyện môn bóng chuyền giúp người học phát triển được các tố chất vận động, sức nhanh, sức mạnh, sức bền, khéo léo và nâng cao tinh thần đoàn kết, tinh thần đồng đội và ý trí vượt khó.

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.
- Tham dự đầy đủ các bài thực hành kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Đặng Hùng Mạnh (Chủ biên), Nguyễn Văn Soại, Nguyễn Hải Bình...(2006), *Giáo trình Bóng chuyền*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

[1]. Nguyễn Việt Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2004), *Giáo trình Bóng chuyền*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[2]. Phan Hồng Minh, Trần Đức Phấn, Nguyễn Văn Hùng... (Biên dịch) (2013), *Luật Bóng chuyền và luật bóng chuyền bãi biển*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính: Tiết

STT	Nội dung (Tên các Module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1: Tư thế chuẩn bị và di động	4		4	8	
2	Module 2: Kỹ thuật bóng chuyền	26		24	52	2
<i>Cộng:</i>		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1 (CLO)	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Thuyết trình, Thảo luận, Bài tập, Online ...)
Module 1: Tư thế chuẩn bị và di động 1.1. Kỹ thuật di chuyển 1.1.1. Các kỹ thuật di chuyển 1.1.2. Luật bóng chuyền.	- Thực hiện được các KT di chuyển - Người học hiểu luật thi đấu môn bóng chuyền	CLO 1 CLO 2	4 tiết 8 tiết	Thực hành Tự học
Module 2: KT bóng chuyền 2.1. KT chuyền bóng cao tay	- Yêu cầu người học thực hiện được kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	10 tiết 22 tiết	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 1	- Người học thực hiện kỹ thuật chuyền bóng	CLO 3 CLO 4	1 tiết	Thực hành

	cao tay cơ bản			
2.2. KT chuyên bóng thấp tay	- Yêu cầu người học thực hiện được kỹ thuật chuyên bóng thấp tay cơ bản	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	10 tiết 20 tiết	Thực hành Tự học
2.3. Các bài tập thể lực trong bóng chuyên	- Người học hoàn thành được yêu cầu các bài tập thể lực	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	4 tiết 10 tiết	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 2	- Thực hiện kỹ thuật chuyên bóng thấp tay, thể lực	CLO 3 CLO 4	1 tiết	Thực hành

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu hỏi 1:(5 điểm) Thực hiện kỹ thuật chuyên bóng cao tay tới vị trí của đồng đội với khoảng cách 5m, do đồng đội đưa bóng tới 5 quả.

Câu hỏi 2:(5 điểm): Thực hiện kỹ thuật chuyên bóng thấp tay từ khu số 6 lên khu số 3 do đồng đội đưa bóng sang 5 quả.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu hỏi	Nội dung đáp án		Điểm	Ghi chú
Câu 1	Ý1	Thực hiện kỹ thuật chuyên bóng cao tay. bóng cao hơn mép trên của lưới và rơi vào vị trí đứng của đồng đội	1.0	
	Ý2	Thực hiện kỹ thuật chuyên bóng cao tay. bóng thấp hơn mép trên của lưới và rơi vào vị trí đứng của đồng đội	0,5	
	Ý3	Thực hiện kỹ thuật chuyên bóng cao tay bóng không rơi vào vị trí đứng của đồng đội	0	
Câu 2	Ý1	Thực hiện kỹ thuật chuyên bóng thấp tay từ khu số 6 lên khu số 3 bóng rơi vào ô quy định. bóng cao hơn mép trên của lưới.	1.0	

	Ý2	Thực hiện kỹ thuật chuyền bóng thấp tay từ khu số 6 lên khu số 3 bóng rơi vào ô quy định. bóng thấp hơn mép trên của lưới.	0,5	
	Ý3	Thực hiện kỹ thuật chuyền bóng thấp tay từ khu số 6 lên khu số 3 bóng không rơi vào ô quy định	0	
Tổng				

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3 (BÓNG CHUYỀN 2)
MÃ HỌC PHẦN: PHE103

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

- (1). - **Họ và tên:**
- Chức danh, học hàm, học vị:
 - Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
 - Điện thoại:
 - Email:

2. Thông tin chung về học phần

- **Tên học phần:** Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)
- **Số tín chỉ:** 01
- **Mã số học phần:** PHE103
- **Đối tượng sử dụng (Áp dụng cho ngành đào tạo):** không chuyên ngành GDTC
- **Trình độ (cho sinh viên năm thứ):** 2 Học kỳ: 3
- **Loại học phần:** *Bắt buộc* *Tự chọn*
- **Điều kiện tiên quyết:** Đã học xong GDTC 102

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Hiểu được kỹ thuật đập bóng cơ bản, kỹ thuật phát bóng trong môn Bóng chuyền, cơ sở khoa học trong luyện tập và thi đấu môn Bóng chuyền.

3.2.2. Kỹ năng

- Vận dụng kỹ thuật đập bóng, Vận dụng thuần thục kỹ thuật phát bóng.
- Vận dụng hoạt động độc lập trong việc tập luyện môn Bóng chuyền.

3.2.3. Thái độ

- Ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết, ý trí vượt khó, mẫu mực trong học tập

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Ứng dụng kỹ thuật đập bóng cơ bản, kỹ thuật phát bóng
CLO2	Hiểu được cơ sở khoa học trong luyện tập và thi đấu môn Bóng chuyền.

CLO3	Vận dụng được kỹ thuật đập bóng, thực hiện thuần thục kỹ thuật phát bóng
CLO4	Có khả năng hoạt động độc lập trong việc tập luyện môn Bóng chuyên.
CLO5	Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết, ý trí vượt khó

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của chương trình (PLO) được xác định cụ thể:

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H		M											
CLO 2	H		M											
CLO 3	H		M											
CLO4	H		M											
CLO5	H		M											

6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần này củng cố cho người học kỹ thuật chuyên bóng cao tay cơ bản, kỹ thuật chuyên bóng thấp tay cơ bản, Học mới kỹ thuật phát bóng, đập bóng và thể lực, thực hiện một số chiến thuật môn bóng chuyên. Thông qua việc tập luyện môn bóng chuyên giúp người học phát triển được các tố chất vận động, sức nhanh, sức mạnh, sức bền, khéo léo và nâng cao tinh thần đoàn kết, tinh thần đồng đội và ý trí vượt khó trong tập luyện và thi đấu

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.
- Tham dự đầy đủ các bài thực hành kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Đặng Hùng Mạnh (Chủ biên), Nguyễn Văn Soại, Nguyễn Hải Bình...(2006), *Giáo trình Bóng chuyền*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Nguyễn Việt Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2004), *Giáo trình Bóng chuyền*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Phan Hồng Minh, Trần Đức Phấn, Nguyễn Văn Hùng... (Biên dịch) (2013), *Luật Bóng chuyền và luật bóng chuyền bãi biển*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính: Tiết

STT	Nội dung (Tên các Module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1: Kỹ thuật bóng chuyền	20		19	40	1
2	Module 2: Bài tập thể lực	10		9	20	1
<i>Cộng:</i>		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1 (CLO)	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Thuyết trình, Thảo luận, Bài tập, Online ...)
Module 1: KT bóng chuyền 1.1. Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng cao tay	- Yêu cầu người học thực hiện thuần thục kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản	CLO 2 CLO 4 CLO 5	3 tiết 6 tiết	Thực hành Tự học
1.2. Ôn kỹ thuật chuyền bóng thấp tay	- Yêu cầu người học thực hiện thuần thục kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản	CLO 2 CLO 4 CLO 5	3 tiết 6 tiết	Thực hành Tự học
1.3. Kỹ thuật đập bóng	- Người học thực hiện được KT đập bóng chính diện theo phương vào đà	CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 5	9 tiết 20 tiết	Thực hành Tự học

1.4. Kỹ thuật phát bóng	- Yêu cầu người học thực hiện được kỹ thuật phát bóng thấp tay, cao tay	CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 5	4 tiết 8 tiết	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 1	- Người học thực hiện kỹ thuật đập bóng	CLO 1 CLO 3	1 tiết	Thực hành
Module 2. Các bài tập thể lực trong bóng chuyền	- Người học hoàn thành được yêu cầu các bài tập thể lực	CLO 2 CLO 4 CLO 5	4 tiết 8 tiết	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 2	- Người học thực hiện kỹ thuật phát bóng, thể lực	CLO 1 CLO 3 CLO 4	1 tiết	Thực hành

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Bóng chuyền 2

Mã học phần: PHE 103

Số tín chỉ: 01

Hệ, ngành: Đại học không chuyên GDTC

Câu hỏi 1:(5 điểm) Thực hiện kỹ thuật chuyền bóng cao tay từ khu số 3 sang khu số 3 sân đối diện do đồng đội đưa bóng tới (5 quả).

Câu hỏi 2:(5 điểm): Thực hiện kỹ thuật di chuyển (Chạy cây thông)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu hỏi	Nội dung đáp án		Điểm	Ghi chú
Câu 1	Ý1	Thực hiện kỹ thuật chuyền bóng cao tay. bóng qua trên lưới và rơi vào vị trí đứng của đồng đội	1.0	
	Ý2	Thực hiện kỹ thuật chuyền bóng cao tay. bóng qua trên lưới không rơi vào vị trí đứng của đồng đội	0,5	
	Ý3	Thực hiện kỹ thuật chuyền bóng cao tay bóng không qua lưới	0	
Câu 2 (Nam)	Ý1	< 24'20	5.0	
	Ý2	24'21 - 24'50	4.5	

	Ý3	24'51 - 24'80	4.0	
	Ý4	24'81 - 25'10	3.5	
	Ý5	25'11 - 25'40	3.0	
	Ý6	25'41 - 25'70	2,5	
	Ý7	25'71 - 26'00	2.0	
	Ý8	26'01 - 26'30	1.5	
	Ý9	26'31 - 26'60	1.0	
	Ý10	26'61 - 26'90	0,5	
		>26'91	0	
(Nữ)	Ý1	< 26'90	5.0	
	Ý2	26'91 - 27'20	4.5	
	Ý3	27'21 - 27'50	4.0	
	Ý4	27'51 - 27'80	3.5	
	Ý5	27'81 - 28'10	3.0	
	Ý6	28'11 - 28'40	2,5	
	Ý7	28'41 - 28'70	2.0	
	Ý8	28'71 - 29'00	1.5	
	Ý9	29'01 - 29'30	1.0	
	Ý10	29'31 - 29'70	0,5	
			> 29'71	0
Tổng			10	

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

MÔN: BÓNG CHUYÊN 3

MÃ HỌC PHẦN: PHE104

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - **Họ và tên:**

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- **Tên học phần:** Bóng chuyên 3
- **Số tín chỉ:** 01
- **Mã số học phần:** PHE201-2
- **Đối tượng sử dụng** (*Áp dụng cho ngành đào tạo*): Đại học không chuyên GDTC
- **Trình độ** (*cho sinh viên năm thứ*): 2 Học kỳ: 2
- **Loại học phần:** *Bắt buộc* *Tự chọn*
- **Điều kiện tiên quyết:** Đã học xong bóng chuyên 2

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Hiểu lý luận và những kiến thức cơ bản về kỹ thuật môn Bóng chuyên, cơ sở khoa học trong luyện tập và thi đấu môn Bóng chuyên.

3.2. Kỹ năng

Học xong môn học Sinh viên cần có năng lực sau:

- Vận dụng thuần thục các kỹ thuật cơ bản môn Bóng chuyên.
- Vận dụng khả năng hoạt động độc lập trong việc tập luyện môn Bóng chuyên.

3.3. Thái độ

- Ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết, ý trí vượt khó, mẫu mực trong học tập

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Vận dụng được kỹ thuật đập bóng cơ bản, kỹ thuật phát bóng
CLO2	Vận dụng được cơ sở khoa học trong luyện tập và thi đấu môn Bóng chuyên.

CLO3	Ứng dụng kỹ thuật đập bóng, thực hiện thuần thục kỹ thuật phát bóng
CLO4	Có khả năng hoạt động độc lập trong việc tập luyện môn Bóng chuyên.
CLO5	Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết, ý trí vượt khó

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của chương trình (PLO) được xác định cụ thể:

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H		M											
CLO 2	H		M											
CLO 3	H		M											
CLO4	H		M											
CLO5	H		M											

6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần bóng chuyên 3 gồm 2 chương; chương 1. Kỹ thuật bóng chuyên; Chương 2. Chiến thuật thi đấu. Học phần này củng cố cho người học kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ thuật chuyên bóng thấp tay, kỹ thuật đập bóng, học mới kỹ thuật phát bóng và kỹ thuật chắn bóng, các bài tập bổ trợ về kỹ thuật và thể lực, thực hiện một số chiến thuật thường dùng trong môn bóng chuyên. Thông qua việc tập luyện môn bóng chuyên giúp người học phát triển được các tố chất vận động, sức nhanh, sức mạnh, sức bền, khéo léo và nâng cao tinh thần đoàn kết, tinh thần đồng đội và ý trí vượt khó

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.
- Tham dự đầy đủ các bài thực hành kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Đặng Hùng Mạnh (Chủ biên), Nguyễn Văn Soại, Nguyễn Hải Bình...(2006), *Giáo trình Bóng chuyền*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Nguyễn Việt Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2004), *Giáo trình Bóng chuyền*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Phan Hồng Minh, Trần Đức Phấn, Nguyễn Văn Hùng... (Biên dịch) (2013), *Luật Bóng chuyền và luật bóng chuyền bãi biển*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính: 30 Tiết

STT	Nội dung (Tên các Module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1: Kỹ thuật bóng chuyền	20		20	40	1
2	Module 2: Chiến thuật thi đấu	10		10	20	1
Cộng		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1 (CLO)	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, tự học...)
Module 1: Kỹ thuật bóng chuyền 1.1. Kỹ thuật bóng chuyền <i>1.1.1. Ôn tập kỹ thuật chuyên bóng cao tay</i>	- Yêu cầu người học thực hiện thuần thực kỹ thuật chuyên bóng cao tay cơ bản	CLO 2 CLO 4 CLO 5	3 tiết	Thực hành Tự học 6 tiết
<i>1.1.2. Ôn kỹ thuật chuyên bóng thấp tay</i>	- Yêu cầu người học thực hiện thuần thực kỹ thuật			Thực hành

	chuyên bóng thấp tay cơ bản		3 tiết	Tự học 6 tiết
<i>1.1.3. Ôn tập kỹ thuật đập bóng</i>	- Yêu cầu người học thực hiện được kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương vào đà	CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 5	5 tiết	Thực hành Tự học 10 tiết
<i>1.1.4. Kỹ thuật phát bóng</i>	- Yêu cầu người học thực hiện được kỹ thuật phát bóng		4 tiết	Thực hành Tự học 8 tiết
<i>Bài kiểm tra số 1</i>	- Thực hiện kỹ thuật phát bóng		1 tiết	Thực hành
<i>1.1.5. Kỹ thuật chắn bóng</i>	- Yêu cầu người học thực hiện được kỹ thuật chắn bóng		4 tiết	Thực hành Tự học 8 tiết
Module 2: Chiến thuật thi đấu		CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 5		
2.1. Thực tập thi đấu	- Yêu cầu người học vận dụng thực tập thi đấu và trọng tài môn bóng chuyên		5 tiết	Thực hành Tự học 10 tiết
<i>2.1.1. Thực tập thi đấu và trọng tài bóng chuyên</i>				
<i>2.1.2. Giới thiệu một số chiến thuật trong thi đấu bóng chuyên</i>	- Yêu cầu người học hiểu được một số chiến thuật cơ bản trong thi đấu bóng chuyên	CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 5	4 tiết	Thực hành Tự học 8 tiết
<i>Bài kiểm tra số 2</i>	- Ôn tập các kỹ thuật đã học		1 tiết	Thực hành

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Bóng chuyên 3

Mã học phần: PHE 104

Số tín chỉ: 01

Hệ, ngành: Đại học không chuyên GDTC

Câu hỏi 1:(5 điểm) Thực hiện KT đập bóng chính diện theo phương vào đà (5 quả).

Câu hỏi 2:(5 điểm): Thực hiện nội dung chạy 9-3-6-3-9. tính thành tích (s)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Bóng chuyền 3

Mã học phần: PHE 104

Số tín chỉ: 01

Hệ, ngành: Đại học không chuyên GDTC

Câu hỏi	Nội dung đáp án		Điểm	Ghi chú
Câu 1	Ý1	Thực hiện kỹ thuật đập bóng. bóng qua trên lưới rơi sang sân đối phương	1.0	
	Ý2	Thực hiện kỹ thuật đập bóng. bóng chạm lưới rơi sang sân đối phương	0,5	
	Ý3	Thực hiện kỹ thuật đập bóng. bóng không qua lưới hoặc rơi ngoài sân	0	
Câu 2	Ý1	< 7"30	5.0	Nam
	Ý2	7"31 – 7"50	4,5	
	Ý3	7"51 – 7"70	4,0	
	Ý4	7"71 – 7"90	3,5	
	Ý5	7"91 – 8"10	3,0	
	Ý6	8"11 – 8"30	2,5	
	Ý7	8"31 – 8"50	2,0	
	Ý8	8"51 – 8"70	1,5	
	Ý9	8"71 – 8"90	1,0	
	Ý10	8"91 – 9"10	0,5	
		> 9"11	0	
	Ý1	< 9"10	5.0	Nữ
	Ý2	9"11 – 9"30	4,5	
	Ý3	9"31 – 9"50	4,0	
	Ý4	9"51 – 9"710	3,5	
	Ý5	9"71 – 9"90	3,0	
	Ý6	9"91 – 10"10	2,5	
	Ý7	10"11 – 10"30	2,0	
	Ý8	10"31 – 10"50	1,5	
	Ý9	10"51 – 10"70	1,0	
	Ý10	10"71 – 10"90	0,5	
		> 10"91	0	
Tổng			5	

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHỤ LỤC 11. CHƯƠNG TRÌNH TỰ CHỌN BÓNG RỔ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (BÓNG RỔ 1)

MÃ HỌC PHẦN: PHE102

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - **Họ và tên:**

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

(2). - **Họ và tên:**

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)**
- Số tín chỉ: **01**
- Mã số học phần: **PHE102**
- Đối tượng sử dụng (*Áp dụng cho ngành đào tạo*): **Không chuyên ngành GDTC**
- Trình độ (*cho sinh viên năm thứ*): **1** Học kỳ: **2**
- Loại học phần: **Bắt buộc** **Tự chọn**
- Điều kiện tiên quyết: **Đã học xong GDTC 101**

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Trang bị hệ thống kiến thức cơ bản trong môn Bóng rổ
- Hiểu biết về nguyên lý và cách thức tập luyện các bài tập cơ bản nhằm phát triển thể lực chung và chuyên môn.

3.2. Kỹ năng

- Ứng dụng các phương pháp, biện pháp tập luyện chủ yếu để nâng cao các tố chất vận động.
- Vận dụng thực hiện các bài tập kỹ thuật cơ bản sử dụng trong tập luyện và thi đấu.

3.3. Thái độ

- Thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập. Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt.
- Yêu thích môn học và có định hướng ứng dụng trong tập luyện, rèn luyện thể chất.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Trang bị hệ thống kiến thức cơ bản trong môn Bóng rổ
CLO2	Hiểu biết về nguyên lý và cách thức tập luyện các bài tập cơ bản nhằm phát triển thể lực chung và chuyên môn.
CLO3	Ứng dụng các kỹ thuật cơ bản sử dụng trong tập luyện và thi đấu.
CLO4	Hiểu các phương pháp, biện pháp tập luyện chủ yếu để nâng cao các tố chất vận động.
CLO5	Thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập. Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt.
CLO6	Yêu thích môn học và có định hướng ứng dụng trong tập luyện, rèn luyện thể chất.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của chương trình (PLO) được xác định cụ thể:

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H		M											
CLO 2	H		M											
CLO 3	H		M											
CLO4	H		M											
CLO5	H		M											
CLO6	H		M											

6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần Bóng rổ 1 trang bị cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về luật thi đấu môn Bóng rổ. Sinh viên có thể thực hiện, duy trì tốt các bài tập thể lực nhằm phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn trong Bóng rổ. Qua học phần này sinh viên nắm bắt được

nguyên lý cách thức tập luyện của một số bài tập và kỹ thuật cơ bản như: Kỹ thuật di chuyển; Kỹ thuật chuyền, bắt bóng; Kỹ thuật ném rổ phục vụ trong tập luyện và thi đấu Bóng rổ.

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.
- Tham dự đầy đủ các bài thực hành và kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: Thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

- [1]. Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Quốc Quân, Phạm Văn Thảo (2003), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB TĐTT, Hà Nội.
- [2]. UBTDĐT, (2005), *“Luật Bóng rổ”*, NXB TĐTT, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

- [3]. Nguyễn Hữu Bằng Đỗ Mạnh Hưng (2004), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
- [4]. Hữu Hiền (2004), *Huấn luyện bóng rổ hiện đại*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính:

Tiết

STT	Nội dung (Tên các module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1: Một số điều luật cơ bản trong thi đấu Bóng rổ	4		4	8	
2	Module 2: Một số bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong Bóng rổ	8		7	16	1
3	Module 3: Kỹ thuật cơ bản trong Bóng rổ	18		17	36	1
Cộng:		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1 (CLO)	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Thuyết trình, Thảo luận, Bài tập, Online ...)
Module 1: Một số điều luật cơ bản trong thi đấu Bóng rổ	Nắm chắc và hiểu rõ được được luật thi đấu.	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 5 CLO 6	4 tiết 8 tiết	Thực hành Tự chọn
Module 2: Một số BT phát triển thể lực chung và chuyên môn trong Bóng rổ 2.1. Một số BT PT thể lực chung 2.2. Một số BT phát triển thể lực chuyên môn trong Bóng rổ	Hiểu biết về nguyên lý và cách thức tập luyện các bài tập cơ bản nhằm phát triển thể lực chung và chuyên môn trong Bóng rổ	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	7 tiết 16 tiết	Thực hành Tự chọn
Kiểm tra	Chạy tốc độ 30m XPC		1 tiết	Thực hành
Module 3: Kỹ thuật cơ bản trong Bóng rổ 3.1. Phân loại kỹ thuật trong Bóng rổ. 3.2. KT cơ bản trong tấn công. 3.2.1. Kỹ thuật di chuyển. 3.2.2. KT chuyên, bắt bóng. 3.2.3. Kỹ thuật ném rổ.	Thực hiện tốt các kỹ thuật trong môn Bóng rổ.	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	17 tiết 36 tiết	Thực hành Tự chọn
Kiểm tra	Thực hiện tại chỗ ném rổ bằng một tay trên vai.		1 tiết	Thực hành

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Bóng rổ 1

Mã học phần: PHE 102

Số tín chỉ: 01

Hệ, ngành: Đại học, không chuyên ngành GDTC

Câu 1 (5,0 điểm): Chạy tốc độ 30m

Câu 2 (5,0 điểm): Tại đường ném phạt thực hiện kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên vai.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu 1 (5,0 điểm): Chạy tốc độ 30m

ĐIỂM ĐẠT	THÀNH TÍCH (s)	
	NAM	NỮ
5	≤ 4''70	≤ 5''70
4,5	4''71 – 4''90	5''71 - 5''90
4	4''91 – 5''10	5''91 - 6''10
3,5	5''11 - 5''30	6''11 - 6''30
3	5''31 - 5''50	6''31 - 6''50
2,5	5''51 - 5''70	6''51 - 6''70
2	5''71 - 5''90	6''71 - 6''90
1,5	5''91 – 6''10	6''91 - 7''10
1	6''11 - 6''30	7''11 - 7''30
0,5	6''31 - 6''50	7''31 - 7''50
0	> 6''50	> 7''50

Câu 2 (5,0 điểm): Tại đường ném phạt thực hiện kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên vai.

Mỗi sinh viên thực hiện 05 quả.

ĐIỂM ĐẠT	THÀNH TÍCH NÉM VÀO RỔ
5	Vào 5 quả
4	Vào 4 quả
3	Vào 3 quả
2	Vào 2 quả
1	Vào 1 quả
0	Không vào quả nào

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3 (BÓNG RỔ 2)
MÃ HỌC PHẦN: PHE103

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - Họ và tên:

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

(2). - Họ và tên:

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)**
- Số tín chỉ: **01**
- Mã số học phần: **PHE103**
- Đối tượng sử dụng (*Áp dụng cho ngành đào tạo*): **Không chuyên ngành GDTC**
- Trình độ (*cho sinh viên năm thứ*): **2** Học kỳ: **3**
- Loại học phần: *Bắt buộc* *Tự chọn*
- Điều kiện tiên quyết: **Đã học xong GDTC 102**

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Trang bị hệ thống kiến thức cơ bản trong môn Bóng rổ
- Vận dụng được các phương pháp, biện pháp tập luyện chủ yếu để nâng cao năng cao thể chất, phẩm chất đạo đức con người một cách toàn diện.

3.2. Kỹ năng

- Ứng dụng các kỹ thuật cơ bản sử dụng trong tập luyện và thi đấu.
- Vận dụng các phương pháp, biện pháp tập luyện để nâng cao các tố chất vận động.

3.3. Thái độ

- Thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập. Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt.
- Yêu thích môn học và có định hướng ứng dụng trong tập luyện, rèn luyện thể chất.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Trang bị hệ thống kiến thức cơ bản trong môn Bóng rổ
CLO2	Vận dụng được các phương pháp, biện pháp tập luyện chủ yếu để nâng cao năng cao thể chất, phẩm chất đạo đức con người một cách toàn diện.
CLO3	Ứng dụng các kỹ thuật cơ bản sử dụng trong tập luyện và thi đấu.
CLO4	Hiểu các phương pháp, biện pháp tập luyện chủ yếu để nâng cao các tố chất vận động.
CLO5	Thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập. Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt.
CLO6	Yêu thích môn học và có định hướng ứng dụng trong tập luyện, rèn luyện thể chất.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của chương trình (PLO) được xác định cụ thể:

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H		M											
CLO 2	H		M											
CLO 3	H		M											
CLO4	H		M											
CLO5	H		M											
CLO6	H		M											

6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần Bóng rổ 2 trang bị cho sinh viên một số bài tập nhằm phát triển thể lực chuyên môn trong Bóng rổ. Qua học phần này sinh viên ôn luyện tốt các kỹ thuật đã học và nắm bắt được nguyên lý cách thức tập luyện của một số bài tập và kỹ thuật cơ bản như: Kỹ thuật di chuyển trong phòng thủ; Kỹ thuật khống chế bóng và cản phá; Động tác giả và những phối hợp động tác trong tập luyện và thi đấu Bóng rổ. Sinh viên có thể tổ chức thi đấu tốt. Nắm chắc và hiểu rõ được được luật thi đấu.

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.

- Tham dự đầy đủ các bài thực hành và kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: Thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Quốc Quân, Phạm Văn Thảo (2003), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB TĐTT, Hà Nội.

[2]. UBTDĐT, (2005), “*Luật Bóng rổ*”, NXB TĐTT, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

[3]. Nguyễn Hữu Bằng Đỗ Mạnh Hưng (2004), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

[4]. Hữu Hiền (2004), *Huấn luyện bóng rổ hiện đại*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính: Tiết

STT	Nội dung (Tên các module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1: Một số bài tập phát triển thể lực chuyên môn trong Bóng rổ	4		4	8	
2	Module 2: Kỹ thuật cơ bản trong Bóng rổ	16		15	32	1
3	Module 3: Tổ chức thi đấu	10		9	20	1
Cộng:		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1 (CLO)	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Thuyết trình, Thảo luận, Bài tập, Online ...)
Module 1: Một số bài tập phát	Hiểu biết về nguyên lý	CLO 1	4 tiết	Thực hành

triển thể lục chuyên môn trong Bóng rổ	và cách thức tập luyện các bài tập cơ bản nhằm phát triển thể lực chuyên môn trong Bóng rổ	CLO 2 CLO 3 CLO 4	8 tiết	Tự học
Module 2: Kỹ thuật cơ bản trong Bóng rổ 2.1. Ôn tập các kỹ thuật đã học 2.2. Kỹ thuật di chuyển trong phòng thủ 2.3. Kỹ thuật không chế bóng và cản phá 2.4. Động tác giả và những phối hợp động tác	Thực hiện tốt các kỹ thuật	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	15 tiết 32 tiết	Thực hành Tự học
Kiểm tra	Thực hiện kỹ thuật 2 bước lên rổ.		1 tiết	Thực hành
Module 3: Tổ chức thi đấu	Có thể tổ chức thi đấu. Nắm chắc và hiểu rõ được được luật thi đấu.	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	9 tiết 20 tiết	Thực hành Tự học
Kiểm tra	Thực hiện kỹ thuật dẫn bóng luân cột - 2 bước lên rổ.		1 tiết	Thực hành

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Bóng rổ 2

Mã học phần: PHE 103

Số tín chỉ: 01

Hệ, ngành: Đại học, không chuyên ngành GDTC

Câu 1 (5,0 điểm): Dẫn bóng tốc độ 30m.

Câu 2 (5,0 điểm): Thực hiện kỹ thuật 2 bước lên rổ: 05 lần bên cánh trái và 05 lần bên cánh phải.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu 1 (5,0 điểm): Dẫn bóng tốc độ 30m.

ĐIỂM ĐẠT	THÀNH TÍCH (s)	
	NAM	NỮ
5	≤ 5''20	≤ 6''20
4,5	5''21 – 5''40	6''21 - 6''40
4	5''41 – 5''60	6''41 - 6''60
3,5	5''61 - 5''80	6''61 - 6''80
3	5''81 - 6''00	6''81 - 7''00
2,5	6''01 - 6''20	7''01 - 7''20
2	6''21 - 6''40	7''21 - 7''40
1,5	6''41 – 6''60	7''41 - 7''60
1	6''61 - 6''80	7''61 - 7''80
0,5	6''81 - 7''00	7''81 - 8''00
0	> 7''00	> 8''00

Câu 2 (5,0 điểm): Thực hiện kỹ thuật 2 bước lên rổ: 05 lần bên cánh trái và 05 lần bên cánh phải.

ĐIỂM ĐẠT	THÀNH TÍCH NÉM VÀO RỔ
5	Vào 10 quả
4,5	Vào 9 quả
4	Vào 8 quả
3,5	Vào 7 quả
3	Vào 6 quả
2,5	Vào 5 quả
2	Vào 4 quả
1,5	Vào 3 quả
1	Vào 2 quả
0,5	Vào 1 quả
0	Không vào quả nào

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

MÔN: BÓNG RỔ 3

MÃ HỌC PHẦN: PHE 104

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - Họ và tên:

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

(2). - Họ và tên:

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Bóng rổ 3**
- Số tín chỉ: **01**
- Mã số học phần: **PHE 104**
- Đối tượng sử dụng (*Áp dụng cho ngành đào tạo*): SV khối không chuyên ngành

GDTC

- Trình độ (*cho sinh viên năm thứ*): 2 Học kỳ: 4
- Loại học phần: *Bắt buộc* *Tự chọn*
- Điều kiện tiên quyết: Đã học xong Bóng rổ 2 (PHE 103)

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Trang bị cho sinh viên có thể phân loại chiến thuật trong thi đấu Bóng rổ.
- Sinh viên thực hiện tốt các bài tập chiến thuật cơ bản, nắm chắc phương pháp tập luyện.

3.2. Kỹ năng

- Ứng dụng các kỹ thuật cơ bản sử dụng trong tập luyện và thi đấu.
- Vận dụng các bài tập thể lực chung và chuyên môn trong bóng rổ.

3.3. Thái độ

- + Tham gia học tập đầy đủ theo đúng nội quy, quy định của nhà trường.
- + Thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập.

+ Những vấn đề khác: Trang phục đầy đủ, đúng quy định bộ môn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Trang bị hệ thống kiến thức cơ bản trong môn Bóng rổ
CLO2	Vận dụng được các phương pháp, biện pháp tập luyện chủ yếu để nâng cao nâng cao thể chất, phẩm chất đạo đức con người một cách toàn diện.
CLO3	Ứng dụng các kỹ thuật cơ bản sử dụng trong tập luyện và thi đấu.
CLO4	Nắm vững các phương pháp, biện pháp tập luyện chủ yếu để nâng cao các tố chất vận động.
CLO5	Thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập. Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt.
CLO6	Yêu thích môn học và có định hướng ứng dụng trong tập luyện, rèn luyện thể chất.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của chương trình (PLO) được xác định cụ thể:

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H		M											
CLO 2	H		M											
CLO 3	H		M											
CLO4	H		M											
CLO5	H		M											
CLO6	H		M											

6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần Bóng rổ 3 tiếp tục trang bị cho sinh viên một số bài tập nhằm phát triển thể lực chuyên môn phục vụ trong tập luyện và thi đấu Bóng rổ. Qua học phần này sinh viên tiếp tục ôn luyện, hoàn thiện tốt các kỹ thuật đã học và nắm bắt được nguyên lý cách thức tập luyện của một số bài tập chiến thuật cơ bản trong phòng thủ và tấn công khi tham gia thi đấu. Sinh viên có thể tham gia tổ chức thi đấu và thi đấu tốt môn Bóng rổ.

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.
- Tham dự đầy đủ các bài thực hành và kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: Thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

- [1]. Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Quốc Quân, Phạm Văn Thảo (2003), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB TĐTT, Hà Nội.
- [2]. UBTDĐT, (2005), "*Luật Bóng rổ*", NXB TĐTT, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

- [3]. Nguyễn Hữu Bằng Đỗ Mạnh Hưng (2004), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
- [4]. Hữu Hiền (2004), *Huấn luyện bóng rổ hiện đại*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính:

Tiết

STT	Nội dung (Tên các module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1. Phân loại chiến thuật	4		4	8	
2	Module 2. Chiến thuật phòng thủ và tấn công - Một số bài tập phát triển thể lực chuyên môn	12		11	24	1
3	Module 3. Tổ chức thi đấu	14		13	28	1
Cộng:		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CĐR nào ở bảng	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Lý thuyết,
----------	------------------	------------------------------	-------------------	---------------------------------------

		4.1 (CLO)		thảo luận, bài tập, thực hành, tự học...)
Module 1. Phân loại chiến thuật 1.1. Ôn tập các kỹ thuật đã học 1.2. Khái niệm chiến thuật 1.3. Sơ đồ phân loại chiến thuật 1.4. Những chức năng của đấu thủ	Giúp sinh viên nắm được ý nghĩa tác dụng của đội hình thi đấu, những nhiệm vụ chủ yếu của từng vị trí.	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	4 tiết	Thực hành
			8 tiết	Tự học
Module 2. Chiến thuật phòng thủ và tấn công 2.1. Chiến thuật phòng thủ: 2.1.1. Nhiệm vụ cơ bản của đội phòng thủ. 2.1.2. Một số chiến thuật trong phòng thủ. 2.1.3. Một số bài tập trong chiến thuật phòng thủ 2.2. Chiến thuật trong tấn công: 2.2.1. Chiến thuật tấn công nhanh. 2.2.2. Chiến thuật tấn công khu vực. 2.2.3. Một số bài tập trong chiến thuật tấn công	Sinh viên nắm vững phương pháp tổ chức và tập luyện về các chiến thuật trong tấn công và phòng thủ.	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	11 tiết	Thực hành
			24 tiết	Tự học
<i>Bài kiểm tra số 1 (giữa kỳ)</i>	Thực hiện được nội dung, yêu cầu kiểm tra		1 tiết	Thực hành
Module 3. Tổ chức thi đấu	Có thể tổ chức thi đấu tốt. Nắm chắc và hiểu rõ được được luật thi đấu.	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	13 tiết	Thực hành
			28 tiết	Tự học
<i>Bài kiểm tra số 2</i>	Thực hiện được		1 tiết	Thực hành

	nội dung, yêu cầu kiểm tra			
--	----------------------------	--	--	--

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Bóng rổ 3

Mã học phần: PHE 104

Số tín chỉ: 01

Hệ, ngành: Đại học, không chuyên ngành GDTC

Câu 1 (5,0 điểm): Thực hiện kỹ thuật ném rổ tại 2 điểm 05 bên cánh trái và 05 quả cánh phải.

- Nữ cách rổ 2m

- Nam cách rổ 2,5m

Câu 2 (5,0 điểm): Thực hiện kỹ thuật chuyền - Bắt bóng - Dẫn bóng - 2 bước lên rổ.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu 1 (5,0 điểm): Thực hiện kỹ thuật ném rổ tại 2 điểm 05 bên cánh trái và 05 quả cánh phải.

ĐIỂM ĐẠT	THÀNH TÍCH NÉM VÀO RỔ
5	Vào 10 quả
4,5	Vào 9 quả
4	Vào 8 quả
3,5	Vào 7 quả
3	Vào 6 quả
2,5	Vào 5 quả
2	Vào 4 quả
1,5	Vào 3 quả
1	Vào 2 quả
0,5	Vào 1 quả
0	Không vào quả nào

Câu 2 (5,0 điểm): Thực hiện kỹ thuật chuyền - Bắt bóng - Dẫn bóng - 2 bước lên rổ.

Phạm quy khi chuyền bóng hỏng - Bắt bóng hỏng - Dẫn bóng hỏng - 2 bước lên rổ không vào.

ĐIỂM ĐẠT	THÀNH TÍCH
5	Vào 10 quả
4,5	Vào 9 quả
4	Vào 8 quả
3,5	Vào 7 quả

3	Vào 6 quả
2,5	Vào 5 quả
2	Vào 4 quả
1,5	Vào 3 quả
1	Vào 2 quả
0,5	Vào 1 quả
0	Không vào quả nào

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHỤ LỤC 12. CHƯƠNG TRÌNH TỰ CHỌN CẦU LÔNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (CẦU LÔNG 1)

MÃ HỌC PHẦN: PHE102

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - **Họ và tên:**

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

(2). - **Họ và tên:**

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- **Tên học phần:** Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)
- **Số tín chỉ:** 01
- **Mã số học phần:** PHE102
- **Đối tượng sử dụng** (*Áp dụng cho ngành đào tạo*): **Không chuyên ngành GDTC**
- **Trình độ** (*cho sinh viên năm thứ*): 1 Học kỳ: 2
- **Loại học phần:** *Bắt buộc* *Tự chọn*
- **Điều kiện tiên quyết:** **Đã học xong GDTC 101**

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Trang bị cho sinh viên nắm được ý nghĩa, tác dụng của tập luyện và thi đấu cầu lông.
- Hiểu được hệ thống các kỹ thuật cơ bản cầu lông, cơ sở khoa học trong tập luyện và thi đấu cầu lông, nắm được các nguyên lý của kỹ thuật. Thực hành thi đấu và trọng tài cầu lông.
- Trang bị kiến thức về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.

3.2. Kỹ năng

- Vận dụng các kỹ thuật, thể lực, tâm lý môn Cầu lông.

- Ứng dụng các kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông tạo đà phát triển về các kỹ năng kỹ xảo trong môn cầu lông cũng như các môn khác.

3.3. Thái độ

- Giáo dục nhân cách, đạo đức thể thao XHCN. Giáo dục phẩm chất ý trí vượt khó trong tập luyện và thi đấu. Giáo dục tình cảm nghề nghiệp, yêu nghề.

- Yêu thích, đam mê, rèn luyện môn cầu lông. Yêu thích tập thể dục thể thao.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Hiểu được hệ thống các kỹ thuật cơ bản trong cầu lông, cơ sở khoa học trong tập luyện và thi đấu cầu lông, nắm được các nguyên lý của kỹ thuật.
CLO2	Kiến thức về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.
CLO3	Ứng dụng các kỹ thuật, thể lực, tâm lý môn Cầu lông
CLO4	Vận dụng các kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông tạo đà phát triển về các kỹ năng kỹ xảo trong môn cầu lông cũng như các môn khác.
CLO5	Giáo dục nhân cách, đạo đức thể thao XHCN. Giáo dục phẩm chất ý trí vượt khó trong tập luyện và thi đấu. Giáo dục tình cảm nghề nghiệp, yêu nghề.
CLO6	Yêu thích, đam mê, rèn luyện môn cầu lông. Yêu thích tập thể dục thể thao.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của chương trình (PLO) được xác định cụ thể:

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H		M											
CLO 2	H		M											
CLO 3	H		M											
CLO4	H		M											
CLO5	H		M											
CLO6	H		M											

6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần cầu lông 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức về môn cầu lông, sinh viên hiểu được ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện và thi đấu môn cầu lông trong đời sống xã hội, giúp người học nâng cao sức khỏe, giải trí sau những giờ học căng thẳng.

Đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo, nâng cao năng lực làm việc sau khi ra trường.

Học phần cung cấp kỹ năng, kỹ xảo vận động cơ bản về các kỹ thuật như cách cầm vợt, cầu, tư thế chuẩn bị cơ bản, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay, cao tay, các bài tập tập luyện kỹ thuật và phát triển thể lực trong môn cầu lông.

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.
- Tham dự đầy đủ các bài thực hành kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: Thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Văn Đức (Chủ biên), Trần Văn Vinh, Trương Văn Minh (2015), *Giáo trình Cầu lông*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Tổng cục Thể dục thể thao (2015), *Luật thi đấu Cầu lông*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Toàn Chung, Nguyễn Hoàng Điệp (2017), *Giáo trình cầu lông*, Trường Đại học Hùng Vương.

[4]. Trần Văn Vinh, Đào Chí Thành, Phan Thế Đệ (Chủ biên) (2003), *Hệ thống bài tập huấn luyện cầu lông*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính: Tiết

STT	Nội dung	Tổng	Loại giờ tín chỉ
------------	-----------------	-------------	-------------------------

	(Tên các Module...)	số tiết	Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1: Kỹ thuật cơ bản trong cầu lông	20		19	40	1
2	Module 2: Phát triển thể lực trong môn cầu lông	10		9	20	1
<i>Cộng:</i>		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1 (CLO)	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Thuyết trình, Thảo luận, Bài tập, Online ...)
Module 1: Kỹ thuật cơ bản 1.1. Cách cầm vợt, cầu, tư thế chuẩn bị 1.2. Kỹ thuật di chuyển 1.2.1. Di chuyển đơn bước 1.2.2. Di chuyển đa bước 1.2.3. Di chuyển nhảy bước 1.2.4. Bài tập cho KT di chuyển	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên nắm được cách cầm vợt, thực hiện đúng kỹ thuật cầm vợt, cầu, KT di chuyển trong cầu lông - Thực hiện được 2 TTCB cơ bản trong cầu lông. - Thực hiện tốt các bước di chuyển đơn bước, đa bước, nhảy bước trong cầu lông. - Thực hiện thuần thục các bài tập tập luyện nâng cao khả năng thực hiện kỹ thuật trong cầu lông. - Nắm được những sai lầm thường mắc và cách sửa chữa 	CLO 1 CLO 3 CLO 4	5 tiết 12 tiết	Thực hành Tự học
1.3. Kỹ thuật đánh cầu 1.3.1. KT giao cầu thấp gần, cao sâu 1.3.2. KT đánh cầu phải, trái thấp tay 1.3.3. Kỹ thuật đánh cầu cao sâu thuận	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nguyên lý kỹ thuật - Thực hiện thuần thục các bài tập tập luyện nâng cao khả năng thực hiện kỹ thuật trong cầu lông: Giao cầu, đánh cầu thấp tay, cao tay. - Thực hiện tốt các kỹ thuật 	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	14 tiết 28 tiết	Thực hành Tự học

1.3.4. Bài tập cho KT đánh cầu	trong cầu lông. Chuyển kỹ năng thành kỹ xảo. - Vận dụng thi đấu - Những sai lầm thường mắc và cách sửa chữa .			
Bài kiểm tra số 1	Thực hiện được bài kiểm tra đề ra.	CLO 3 CLO 4	1 tiết	Thực hành
Module 2: Phát triển thể lực trong môn cầu lông 2.1. Phát triển sức nhanh 2.2. Phát triển sức mạnh 2.3. Tổ chức thi đấu cầu lông	- Vận dụng tốt các bài tập phát triển sức nhanh, mạnh trong thực hiện các kỹ thuật cầu lông.	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	9 tiết 20 tiết	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 2	Thực hiện được bài kiểm tra đề ra.	CLO 3 CLO 4	1 tiết	Thực hành

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Cầu lông 1

Mã học phần: PHE102

Số tín chỉ: 1

Hệ, ngành: Đại học không chuyên Giáo dục thể chất

Câu 1: (5 điểm) Anh (chị) hãy thực hiện kỹ thuật phong cầu cao sâu (5 quả)

Câu 2: (5 điểm) Anh (chị) thực hiện kỹ thuật di chuyển tiến lùi trong 1 phút (tính số lần).

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu hỏi	Nội dung đáp án		Điểm	Ghi chú
Câu 1	Ý1	* Kỹ thuật phong cầu cao sâu (5 quả) Người thực hiện kỹ thuật phong cầu cao sâu vào ô 1m x 2.59 m. Tính số lần rơi vào mỗi ô, thực hiện 5 quả, mỗi quả 1 điểm.	5	

Câu 2	Ý1	* Kỹ thuật di chuyển tiến lùi trong 1 phút Người thực hiện đứng ở TTCB ngoài đường biên ngang cuối sân cầu lông. Khi có hiệu lệnh thực hiện di chuyển lên giữa sân tay chạm vào lưới, sau đó nhanh chóng di chuyển lùi về vị trí ban đầu (hai bàn chân ra khỏi đường biên ngang cuối sân tính là 1 lần), tiếp tục như thế di chuyển trong 1 phút tính số lần đạt được như sau:		
		* Nam: ≥ 15 lần	5	
		14 lần	4	
		13 lần	3	
		12 lần	2	
		11 lần	1	
		≤ 10 lần	0	
	Ý2	* Nữ: ≥ 13 lần	5	
		12 lần	4	
		11 lần	3	
		10 lần	2	
		9 lần	1	
		≤ 8 lần	0	
Tổng			10	

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3 (CẦU LÔNG 2)
MÃ HỌC PHẦN: PHE103

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - Họ và tên:

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

(2). - Họ và tên:

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- **Tên học phần: Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)**
- **Số tín chỉ: 01**
- **Mã số học phần: PHE103**
- **Đối tượng sử dụng (Áp dụng cho ngành đào tạo): Không chuyên ngành GDTC**
- **Trình độ (cho sinh viên năm thứ): 1** Học kỳ: 2
- **Loại học phần:** *Bắt buộc* *Tự chọn*
- **Điều kiện tiên quyết: Đã học xong GDTC 102**

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Trang bị cho sinh viên hiểu được ý nghĩa, tác dụng của tập luyện và thi đấu cầu lông
- Hiểu được hệ thống các kỹ thuật cơ bản cầu lông, cơ sở khoa học trong tập luyện và thi đấu cầu lông, nắm được các nguyên lý của kỹ thuật. Thực hành thi đấu và trọng tài
- Trang bị kiến thức về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.

3.2. Kỹ năng

- Vận dụng các kỹ thuật, thể lực, tâm lý môn Cầu lông.
- Vận dụng kỹ thuật đã học, tiếp thu nhanh các kỹ thuật mới của môn cầu lông tạo đà phát triển về các kỹ năng kỹ xảo trong môn cầu lông cũng như các môn khác.

3.3. Thái độ

- Giáo dục nhân cách, đạo đức thể thao XHCN. Giáo dục phẩm chất ý trí vượt khó trong tập luyện và thi đấu. Giáo dục tình cảm nghề nghiệp, yêu nghề.

- Yêu thích, đam mê, rèn luyện môn cầu lông. Yêu thích tập thể dục thể thao.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Hiểu được hệ thống các kỹ thuật cơ bản trong cầu lông, cơ sở khoa học trong tập luyện và thi đấu cầu lông, nắm được các nguyên lý của kỹ thuật. Thực hành thi đấu và trọng tài
CLO2	Trang bị kiến thức về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.
CLO3	Thực hiện tốt các kỹ thuật, thể lực, tâm lý môn Cầu lông.
CLO4	Vận dụng các kỹ thuật đã học, tiếp thu nhanh các kỹ thuật mới của môn cầu lông tạo đà phát triển về các kỹ năng kỹ xảo trong môn cầu lông cũng như các môn khác.
CLO5	Giáo dục nhân cách, đạo đức thể thao XHCN. Giáo dục phẩm chất ý trí vượt khó trong tập luyện và thi đấu. Giáo dục tình cảm nghề nghiệp, yêu nghề.
CLO6	Yêu thích, đam mê, rèn luyện môn cầu lông. Yêu thích tập thể dục thể thao.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của chương trình (PLO) được xác định cụ thể:

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H		M											
CLO 2	H		M											
CLO 3	H		M											
CLO4	H		M											
CLO5	H		M											
CLO6	H		M											

6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần cầu lông 2 trang bị cho sinh viên những kỹ thuật của môn cầu lông: Kỹ thuật đánh cầu cao tay, kỹ thuật đập cầu theo đường thẳng, theo đường chéo, kỹ thuật bỏ nhỏ...., sinh viên tiếp tục hiểu được tác dụng của việc tập luyện và thi đấu môn cầu lông trong đời sống xã hội, giúp người học nâng cao sức khỏe, giải trí sau những giờ học căng thẳng.

Đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo, nâng cao năng lực làm việc sau khi ra trường.

Học phần cung cấp vốn kỹ năng, kỹ xảo vận động cơ bản về các kỹ thuật đã học và những kỹ thuật mới của cầu lông, phát triển toàn diện các tố chất thể lực, đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động, tạo tiền đề tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác.

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.
- Tham dự đầy đủ các bài thực hành kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: Thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Văn Đức (Chủ biên), Trần Văn Vinh, Trương Văn Minh...(2015), *Giáo trình Cầu lông*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Tổng cục TDTT (2015), *Luật thi đấu Cầu lông*, Nhà xuất bản TDTT, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Toàn Chung, Nguyễn Hoàng Điệp (2017), *Giáo trình cầu lông*, Trường Đại học Hùng Vương.

[4]. Trần Văn Vinh, Đào Chí Thành, Phan Thế Đệ (Chủ biên) (2003), *Hệ thống bài tập huấn luyện cầu lông*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính: Tiết

STT	Nội dung (Tên các Module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra

1	Module 1: Kỹ thuật cơ bản trong cầu lông	20		19	40	1
2	Module 2: Phát triển thể lực trong môn cầu lông	10		9	20	1
<i>Cộng:</i>		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1 (CLO)	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Thuyết trình, Thảo luận, Bài tập, Online ...)
Module 1: Kỹ thuật cơ bản 1.1. Ôn tập KT giao cầu, đánh cầu thấp tay, cao sâu thuận tay 1.1.1. Kỹ thuật giao cầu 1.1.2. Kỹ thuật đánh cầu thấp tay 1.1.3. Kỹ thuật đánh cầu cao sâu thuận tay 1.1.4. Bài tập tập luyện KT giao cầu, đánh cầu thấp tay, cao sâu thuận tay	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nguyên lý kỹ thuật - Thực hiện thuần thục, tốt các kỹ thuật đã học. - Thực hiện thuần thục các bài tập tập luyện nâng cao khả năng thực hiện kỹ thuật. - Vận dụng thi đấu - Những sai lầm thường mắc và cách sửa chữa 	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	5 tiết 10 tiết	Thực hành Tự học
1.2. Kỹ thuật bỏ nhỏ thuận tay, trái tay 1.2.1. Kỹ thuật bỏ nhỏ thuận tay 1.2.2. Kỹ thuật bỏ nhỏ trái tay 1.2.3. Bài tập tập luyện kỹ thuật bỏ nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nguyên lý kỹ thuật - Thực hiện thuần thục kỹ thuật - Thực hiện tốt các bài tập nâng cao khả năng thực hiện kỹ thuật. - Vận dụng trong thi đấu - Sai lầm thường mắc và cách sửa chữa 	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	6 tiết 12 tiết	Thực hành Tự học

1.3. Kỹ thuật đập cầu 1.3.1. Kỹ thuật đập cầu 1.3.2. Bài tập tập luyện kỹ thuật đập cầu	- Nắm được nguyên lý kỹ thuật đập cầu. Thực hiện tốt kỹ thuật - Vận dụng thi đấu - Những sai lầm thường mắc và cách sửa chữa	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	8 tiết 18 tiết	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 1	Thực hiện được bài kiểm tra đề ra.	CLO 3 CLO 4	1 tiết	Thực hành
Module 2. Phát triển thể lực trong môn cầu lông 2.1. Phát triển sức bền 2.2. Phát triển năng lực phối hợp vận động 2.3. Tổ chức thi đấu cầu lông	- Vận dụng tốt các bài tập phát triển sức bền trong thực hiện các kỹ thuật cầu lông.	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	9 tiết 20 tiết	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 2	Thực hiện được bài kiểm tra đề ra.	CLO 3 CLO 4	1 tiết	Thực hành

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Cầu lông 2

Mã học phần: PHE103

Số tín chỉ: 1

Hệ, ngành: Đại học không chuyên Giáo dục thể chất

Câu 1: (5 điểm) Anh (chị) hãy thực hiện kỹ thuật đập cầu theo đường thẳng (5 quả)

Câu 2: (5 điểm) Anh (chị) thực hiện kỹ thuật di chuyển ngang sân đôi (10 lần).

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu hỏi	Nội dung đáp án		Điểm	Ghi chú
Câu 1	Ý1	* Kỹ thuật đập cầu (5 quả) Người thực hiện kỹ thuật đập cầu theo đường thẳng vào ô 6.70m x 1 m (tính từ đường biên dọc sân đơn). Tính số lần rơi vào mỗi ô, thực hiện 5 quả, mỗi quả 1 điểm.	5	
Câu 2	Ý1	* Kỹ thuật di chuyển ngang sân đôi (10 lần)		

		Người thực hiện đứng ở TTCB đường biên dọc sân đôi cầu lông. Khi có hiệu lệnh thực hiện di chuyển ngang từ đường biên dọc sân đôi sang đường biên dọc sân đôi bên kia, sau đó nhanh chóng di chuyển về vị trí ban đầu (tay chạm đường biên dọc mỗi bên) tính là 1 lần), tiếp tục như thế di chuyển trong 10 lần tính giây đạt được như sau:		
		* Nam: ≤ 42'00	5.0	
		42'01 - 42'50	4.5	
		42'51 - 43'00	4.0	
		43'01 - 43'50	3.5	
		43'51 - 44'00	3.0	
		44'01 - 44'50	2.5	
		44'51 - 45'00	2.0	
		45'01 - 45'50	1.5	
		45'51 - 46'00	1.0	
		46'01 - 46'50	0.5	
		≥ 46'51	0	
	Ý2	* Nữ: ≤ 52'00	5.0	
		52'01 - 52'50	4.5	
		52'51 - 53'00	4.0	
		53'01 - 53'50	3.5	
		53'51 - 54'00	3.0	
		54'01 - 54'50	2.5	
		54'51 - 55'00	2.0	
		55'01 - 55'50	1.5	
		55'51 - 56'00	1.0	
		56'01 - 56'50	0.5	
		≥ 56'51	0	

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

MÔN: CẦU LÔNG 3

MÃ HỌC PHẦN: PHE104

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - Họ và tên:

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

(2). - Họ và tên:

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Cầu lông 3
- Số tín chỉ: 1
- Mã số học phần: PHE104
- Đối tượng sử dụng (*Áp dụng cho ngành đào tạo*): Không chuyên ngành GDTC
- Trình độ (*cho sinh viên năm thứ*): 2 Học kỳ: 2
- Loại học phần: *Bắt buộc* *Tự chọn*
- Điều kiện tiên quyết: học xong học phần PHE103

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Trang bị cho sinh viên hiểu được ý nghĩa, tác dụng của tập luyện và thi đấu cầu lông
- Hiểu được hệ thống các kỹ thuật cơ bản trong cầu lông, cơ sở khoa học trong tập luyện và thi đấu cầu lông, nắm được các nguyên lý của kỹ thuật. Thực hành thi đấu và trọng tài.
- Trang bị kiến thức về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.

3.2. Kỹ năng

- Ứng dụng các kỹ thuật, thể lực, tâm lý môn Cầu lông.
- Vận dụng các kỹ thuật đã học, tiếp thu nhanh các kỹ thuật mới của môn cầu lông tạo đà phát triển về các kỹ năng kỹ xảo trong môn cầu lông cũng như các môn khác.

3.3. Thái độ

- Giáo dục nhân cách, đạo đức thể thao XHCN. Giáo dục phẩm chất ý trí vượt khó trong tập luyện và thi đấu. Giáo dục tình cảm nghề nghiệp, yêu nghề.

- Yêu thích, đam mê, rèn luyện môn cầu lông. Yêu thích tập thể dục thể thao.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Hiểu được hệ thống các kỹ thuật cơ bản trong cầu lông, cơ sở khoa học trong tập luyện và thi đấu cầu lông, nắm được các nguyên lý của kỹ thuật. Thực hành thi đấu và trọng tài
CLO2	Trang bị kiến thức về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.
CLO3	Thực hiện tốt các kỹ thuật, thể lực, tâm lý môn Cầu lông.
CLO4	Vận dụng các kỹ thuật đã học, tiếp thu nhanh các kỹ thuật mới của môn cầu lông tạo đà phát triển về các kỹ năng kỹ xảo trong môn cầu lông cũng như các môn khác.
CLO5	Giáo dục nhân cách, đạo đức thể thao XHCN. Giáo dục phẩm chất ý trí vượt khó trong tập luyện và thi đấu. Giáo dục tình cảm nghề nghiệp, yêu nghề.
CLO6	Yêu thích, đam mê, rèn luyện môn cầu lông. Yêu thích tập thể dục thể thao.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của chương trình (PLO) được xác định cụ thể:

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H		M											
CLO 2	H		M											
CLO 3	H		M											
CLO4	H		M											
CLO5	H		M											
CLO6	H		M											

6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần cầu lông 3 trang bị cho sinh viên những kỹ thuật mới của môn cầu lông, sinh viên tiếp tục hiểu được tác dụng của việc tập luyện và thi đấu môn cầu lông trong đời sống xã hội, giúp người học nâng cao sức khỏe, giải trí sau những giờ học căng thẳng.

Đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo, nâng cao năng lực làm việc sau khi ra trường.

Học phần cung cấp cho sinh viên vốn kỹ năng, kỹ xảo vận động cơ bản về các kỹ thuật đã học và những kỹ thuật mới của cầu lông, phát triển toàn diện các tố chất thể lực, đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động, tạo tiền đề tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác.

5 năng phối hợp vận động, tạo tiền đề tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác.

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.
- Tham dự đầy đủ các bài thực hành kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: Thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Văn Đức (Chủ biên), Trần Văn Vinh, Trương Văn Minh...(2015), *Giáo trình Cầu lông*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Tổng cục Thể dục thể thao (2015), *Luật thi đấu Cầu lông*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Toàn Chung, Nguyễn Hoàng Điệp (2017), *Giáo trình cầu lông*, Trường Đại học Hùng Vương.

[4]. Trần Văn Vinh, Đào Chí Thành, Phan Thế Đệ (Chủ biên) (2003), *Hệ thống bài tập huấn luyện cầu lông*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

8. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính: Tiết

STT	Nội dung (Tên các Module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1. Kỹ thuật cơ bản trong cầu lông	12		11	24	1

2	Module 2. Phát triển thể lực trong môn cầu lông	8		8	16	
3	Module 3. Tổ chức thi đấu cầu lông	10		9	20	1
<i>Cộng:</i>		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1 (CLO)	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, tự học...)
Module 1: Kỹ thuật cơ bản 1.1. Kỹ thuật bỏ nhỏ	- Nắm được nguyên lý kỹ thuật bỏ nhỏ - Thực hiện tốt các kỹ thuật trong cầu lông. Chuyển kỹ năng thành kỹ xảo. - Vận dụng trong thi đấu - Những sai lầm thường mắc và cách sửa chữa	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	4 tiết	Thực hành
1.2. Kỹ thuật đánh cầu trên lưới	- Nắm được nguyên lý kỹ thuật - Thực hiện tốt các kỹ thuật trong cầu lông. Chuyển kỹ năng thành kỹ xảo. - Vận dụng trong thi đấu - Những sai lầm thường mắc và cách sửa chữa	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	4 tiết	Thực hành
1.3. Kỹ thuật chém, treo cầu	- Thực hiện tốt kỹ thuật chém, treo cầu - Vận dụng trong thi đấu - Những sai lầm thường mắc và cách sửa chữa	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	3 tiết	Thực hành
Bài kiểm tra thường xuyên số 1 (Giữa kỳ)	Sinh viên thực hiện được bài kiểm tra đề ra.		1 tiết	Thực hành

Module 2. Phát triển thể lực trong môn cầu lông 2.1. Bài tập tập luyện kỹ thuật bỏ nhỏ, đánh cầu trên lưới, chém cầu, treo cầu.	- Thực hiện thuần thục các bài tập tập luyện nâng cao khả năng thực hiện kỹ thuật trong cầu lông. - Vận dụng trong tập luyện và thi đấu - Những sai lầm thường mắc và cách sửa chữa	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	4 tiết	Thực hành
2.2. Phát triển năng lực phối hợp vận động	- Vận dụng tốt các bài tập phát triển sức nhanh, mạnh trong thực hiện các kỹ thuật cầu lông.	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	4 tiết	Thực hành
Module 3. Tổ chức thi đấu cầu lông	- Thực hành thi đấu đơn, đôi cầu lông	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	9 tiết	Thực hành
Bài kiểm tra thường xuyên số 2	Sinh viên thực hiện được bài kiểm tra đề ra.		1 tiết	Thực hành

10. Kiểm tra đánh giá.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Tên học phần: Cầu lông 3

Mã học phần: PHE104

Số tín chỉ: 1

Hệ, ngành: Đại học không chuyên Giáo dục thể c

Câu 1: (5 điểm) Anh (chị) hãy thực hiện kỹ thuật đập cầu theo đường chéo (5 quả)

Câu 2: (5 điểm) Anh (chị) thực hiện KT di chuyển nhặt đổi cầu 6 điểm trên sân (2 lần).

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu hỏi	Nội dung đáp án		Điểm	Ghi chú
Câu 1	Ý1	* Kỹ thuật đập cầu chéo sân (5 quả) Người thực hiện kỹ thuật đập cầu theo đường chéo vào	5	

		ô 6.70m x 2 m (tính từ đường biên dọc sân đôi). Tính số lần rơi vào mỗi ô, thực hiện 5 quả, mỗi quả 1 điểm.		
Câu 2	Ý1	* KT di chuyển nhật đối cầu 6 điểm trên sân (2 lần) Người thực hiện đứng ở TTCB giữa sân tay cầm cầu. Khi có hiệu lệnh thực hiện di chuyển từ giữa sân ra vị trí hai góc trên lưới nhật đối cầu sau đó di chuyển về giữa sân, di chuyển ngang nhật đối cầu hai bên và lại di chuyển về giữa sân sau đó di chuyển về hai góc cuối sân nhật đối cầu, rồi nhanh chóng di chuyển lại vị trí giữa sân, tiếp tục như thế di chuyển trong 2 lần tính giây đạt được như sau		
		* Nam: ≤ 17''50	5.0	
		17''51 – 18''00	4.5	
		18''01 – 18''50	4.0	
		18''51 – 19''00	3.5	
		19''01 – 19''50	3.0	
		19''51 – 20''00	2.5	
		20''01 – 20''50	2.0	
		20''51 – 21''00	1.5	
		21''01 – 21''50	1.0	
		21''51 – 22''00	0.5	
	>22''00	0		
	Ý2	* Nữ: ≤ 24''50	5.0	
		24''51 – 25''00	4.5	
		25''01 – 25''50	4.0	
		25''51 – 26''00	3.5	
		26''01 – 26''50	3.0	
		26''51 – 27''00	2.5	
		27''01 – 27''50	2.0	
		27''51 – 28''00	1.5	
28''01 – 28''50		1.0		
28''51 – 29''00		0.5		
>29''00	0			

PHỤ LỤC 13. CHƯƠNG TRÌNH TỰ CHỌN AEROBIC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (AEROBIC 1)

MÃ HỌC PHẦN: PHE102

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - **Họ và tên:**

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

(2). - **Họ và tên:**

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- **Tên học phần:** Giáo dục thể chất 2 (Aerobic 1)
- **Số tín chỉ:** 01
- **Mã số học phần:** PHE102
- **Đối tượng sử dụng** (*Áp dụng cho ngành đào tạo*): **không chuyên ngành GDTC**
- **Trình độ** (*cho sinh viên năm thứ*): 1 Học kỳ: 2
- **Loại học phần:** *Bắt buộc* *Tự chọn*
- **Điều kiện tiên quyết:** **Đã học xong GDTC 101**

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Hiểu được ý nghĩa của các bài tập Aerobic với sự phát triển thể chất. Biết vận dụng kiến thức đó để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân.

- Hiểu được cách thức thực hiện các bài tập Aerobic, nguyên lý của các bài tập Aerobic

3.2. Kỹ năng

- Sinh viên phát triển toàn diện các tố chất thể lực, kỹ năng vận động cơ bản Aerobic. đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động tạo tiền đề cho sinh viên tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác.

6. Mô tả văn tắt học phần

- Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các khái niệm, mục đích tác dụng, nguyên tác biên soạn, phương pháp tập luyện Aerobic. Góp phần nâng cao kỹ năng thực hành cho sinh viên, biết vận dụng kiến thức đó để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân, phát triển toàn diện các tố chất thể lực, đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động.

- Góp phần hình thành nhân cách tốt cho sinh viên, yêu thích môn học, tuyên truyền cho mọi người hiểu được vị trí tác dụng của tập luyện thể dục thể thao để mọi người tham gia tập luyện.

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.
- Tham dự đầy đủ các bài thực hành kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: Thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Đinh Khánh Thu (Chủ biên), Trương Anh Tuấn, Nguyễn Kim Lan (2014), *Giáo trình thể dục Aerobic*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Vũ Thanh Mai (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Phạm Tuấn Dũng, (2014), *Giáo trình Thể dục thẩm mỹ*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

[3]. Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch (2008), *Luật thể dục Aerobic*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính: Tiết

STT	Nội dung (Tên các Module.....)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1: 7 Bước cơ bản	5		4	10	1

2	Module 2: Bài aerobic quy định	25		24	50	1
<i>Cộng:</i>		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1 (CLO)	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Thuyết trình, Thảo luận, Bài tập, Online ...)
Module 1: 7 bước cơ bản 1.1. Bước điều hành 1.2. Bước chạy bộ 1.3. Kỹ thuật nâng gối 1.4. Nhảy cách quãng 1.5. Kỹ thuật bật jack 1.6. Kỹ thuật bước lunge. 1.7. Kỹ thuật đá cao chân	Học sinh hiểu về 7 bước cơ bản và nắm được nguyên lý kỹ thuật động tác trong 7 bước cơ bản trong Aerobic	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	4 tiết	Thực hành
Bài kiểm tra số 1	Thực hiện 7 bước cơ bản với nhạc	CLO 2 CLO 3	1 tiết	Thực hành
Module 2: Bài Aerobic: 2.1. Động tác 1: Vươn thở 2.2. Động tác 2: ĐT tay 2.3. Động tác 3: Hóp mở 2.4. Động tác 4: Hồng 2.5. Động tác 5: Toàn thân 2.6. Động tác 6: Giống động tác vươn thở 2.7. Động tác 7: Lặp lại đt 2 2.8. Động tác 8: 2x8N 2.9. Động tác 9: 2x8N 2.10. Động tác 10: 2x8N 2.11. Động tác 11: Điều hòa	Thực hiện tốt các động tác trong bài tập Aerobic	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	24 tiết	Thực hành
Bài kiểm tra số 2	Thực hiện bài Aerobic với nhạc	CLO 2 CLO 3	1 tiết	Thực hành

		CLO 6		
--	--	-------	--	--

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Aerobic 1

Mã học phần: PHE 102

Số tín chỉ: 1

Hệ, ngành: Đại học không chuyên ngành GDTC

Câu 1: (3,0 điểm)

Anh(Chị) hãy thực hiện 7 bước cơ bản với nhạc.

Câu 2: (7,0 điểm)

Anh(Chị) hãy thực hiện bài Aerobic quy định cấp 2 trên nền nhạc theo nhóm.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu hỏi	Nội dung đáp án		Điểm	Ghi chú
Câu 1	Ý 1	Thực hiện thành thực động tác, có tính liên kết	0.5	
	Ý2	Tư thế động tác đúng đẹp, biên độ rộng, rõ ràng	0.5	
	Ý3	Dùng sức động tác, thể hiện động tác nhanh, mạnh, dứt khoát	1.0	
	Ý4	Làm động tác có tính nhịp điệu và tính thẩm mỹ cao	1.0	
Câu 2	Ý 1	Thực hiện thành thực động tác, có tính liên kết	1.5	
	Ý2	Tư thế động tác đúng đẹp, biên độ rộng, rõ ràng	1.5	
	Ý3	Dùng sức động tác, thể hiện động tác nhanh, mạnh, dứt khoát	2.0	
	Ý4	Làm động tác có tính nhịp điệu và tính thẩm mỹ cao	2.0	
Tổng			10	

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3 (AEROBIC 2)
MÃ HỌC PHẦN: PHE103

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - Họ và tên:

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Giáo dục thể chất 3 (Aerobic 2)**
- Số tín chỉ: **01**
- Mã số học phần: **PHE103**
- Đối tượng sử dụng (*Áp dụng cho ngành đào tạo*): **không chuyên ngành GDTC**
- Trình độ (*cho sinh viên năm thứ*): **2** Học kỳ: **3**
- Loại học phần: *Bắt buộc* *Tự chọn*
- Điều kiện tiên quyết: **Đã học xong GDTC 102**

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Hiểu được ý nghĩa của các bài tập Aerobic với sự phát triển thể chất. Biết vận dụng kiến thức đó để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân.
- Hiểu được cách thức thực hiện các bài tập Aerobic, nguyên lý của các bài tập

3.2. Kỹ năng

- Sinh viên phát triển toàn diện các tổ chất thể lực, kỹ năng vận động cơ bản Aerobic. đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động tạo tiền đề cho sinh viên tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác.
- Vận dụng năng lực tổ chức và tập luyện Aerobic trong cuộc sống hàng ngày.

3.3. Thái độ

- Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành đúng nội quy quy định của bộ môn
- Yêu thích, mong muốn phát triển bộ môn trong cuộc sống, tuyên truyền và vận động mọi người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CĐR học phần	Nội dung CĐR học phần (CLO)
CLO1	Hiểu được ý nghĩa của các bài tập Aerobic với sự phát triển thể chất. Biết vận dụng kiến thức đó để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân.
CLO2	Vận dụng cách thức thực hiện các bài tập Aerobic, nguyên lý của các bài tập Aerobic.
CLO3	Giúp sinh viên phát triển toàn diện các tố chất thể lực, kỹ năng vận động cơ bản Aerobic. đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động tạo tiền đề cho sinh viên tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác.
CLO4	Có năng lực tổ chức và tập luyện Aerobic trong cuộc sống hàng ngày
CLO5	Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành đúng nội qui qui định của bộ môn
CLO6	Yêu thích, mong muốn phát triển bộ môn trong cuộc sống, tuyên truyền và vận động mọi người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

5. Mối liên hệ giữa CĐR học phần (CLO) với CĐR chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR học phần (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H		M											
CLO 2	H		M											
CLO 3	H		M											
CLO4	H		M											
CLO5	H		M											
CLO6	H		M											

6. Mô tả vắn tắt học phần

- Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các khái niệm, mục đích tác dụng, nguyên tác biên soạn, phương pháp tập luyện Aerobic. Góp phần nâng cao kỹ năng thực hành cho sinh viên, biết vận dụng kiến thức đó để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân, phát triển toàn diện các tố chất thể lực, đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động.

- Góp phần hình thành nhân cách tốt cho sinh viên, yêu thích môn học, tuyên truyền cho mọi người hiểu được vị trí tác dụng của tập luyện thể dục thể thao để mọi người tham gia tập luyện.

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.

- Tham dự đầy đủ các bài thực hành kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: Thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Đinh Khánh Thu (Chủ biên), Trương Anh Tuấn, Nguyễn Kim Lan (2014), *Giáo trình thể dục Aerobic*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Vũ Thanh Mai (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Phạm Tuấn Dũng,...(2014), *Giáo trình Thể dục thẩm mỹ*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

[3]. Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch (2008), *Luật thể dục Aerobic*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính: Tiết

STT	Nội dung (Tên các Module.....)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1: Bài Aerobic tự chọn	20		19	40	1
2	Module 2: Các bài tập thể lực	10		9	20	1
<i>Cộng:</i>		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1 (CLO)	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Thuyết trình, Thảo luận, Bài tập, Online ...)
Module 1: Bài Aerobic	Vận dụng tốt các động tác trong bài tập Aerobic	CLO 1 CLO 2 CLO 3	19 tiết	Thực hành
1.1. Động tác 1: Đứng nhún				
1.2. Động tác 2: Chạy bộ				

1.3. Động tác 3: Bật Jack		CLO 4		
1.4. Động tác 4: Bật Jack		CLO 5		
1.5. Động tác 5: Nghiêng lườn		CLO 6		
1.6. Động tác 6: Lung bụng				
1.7. Động tác 7: Đá chân				
1.8. Động tác 8: Chạy bộ				
1.9. Động 9: Di chuyển ngang				
1.10. Động tác 10: Bật Jack				
1.11. Động 11: Giống ĐT 9 đổi bên				
1.12. Động tác 12: Giống ĐT 10				
1.13. Động tác 13: Nâng gối				
1.14. Động tác 14: Bật Jack				
1.15. Động tác 15: Bật Jack				
1.16. Động tác 16: Chống đẩy				
1.17. Động tác 17: Dứng dậy				
1.18. Động tác 18: Chạy bộ				
1.19. Động tác 19: Bật Jack				
1.20. Động tác 20: Chạy bộ kết thúc				
Kiểm tra bài 1	Thực hiện bài Aerobic với nhạc	CLO 3 CLO 6	1 tiết	Thực hành
Module 2: Bài tập thể lực	Thực hiện tốt các bài tập thể lực	CLO 1 CLO 4 CLO 5	9 tiết	Thực hành
		CLO 2 CLO 3 CLO 6	1 tiết	Thực hành

10. Kiểm tra đnhg giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu 1: (10 điểm)

Anh (Chị) hãy thực hiện toàn bài Aerobic tự chọn cấp 3 trên nền nhạc.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu hỏi	Nội dung đáp án		Điểm	Ghi chú
Câu 1	Ý 1	Thực hiện thành thực động tác, có tính liên kết	1.5	

	Ý2	Tư thế động tác đúng đẹp, biên độ rộng, rõ ràng	1.5	
	Ý3	Dùng sức động tác, thể hiện động tác nhanh, mạnh, dứt khoát	3.0	
	Ý4	Làm động tác có tính nhịp điệu và tính thẩm mỹ cao	4.0	
Tổng			10	

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

MÔN: AEROBIC 3

MÃ HỌC PHẦN: PHE 104

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - Họ và tên:

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

(2). - Họ và tên:

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Aerobic 3 (Giáo dục thể chất 4)**
- Số tín chỉ: 01
- Mã số học phần: PHE 104
- Đối tượng sử dụng: sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất
- Trình độ (cho sinh viên năm thứ): Đại học – Năm 2 Học kỳ: IV
- Loại học phần: *Bắt buộc* *Tự chọn*
- Điều kiện tiên quyết: Học xong Giáo dục thể chất 1,2,3.

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Hiểu kiến thức lý luận của môn Aerobic. Biết vận dụng kiến thức đó để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân.

3.2. Kỹ năng

- Vận dụng vận động cơ bản Aerobic, Từ đó giúp sinh viên phát triển toàn diện các tố chất thể lực, đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác.

3.3. Thái độ

- Hình thành nhân cách cho sinh viên, tính kiên trì, nhẫn nại vượt qua khó khăn, yêu thích môn học, tuyên truyền và vận động mọi người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Hiểu được ý nghĩa của các bài tập Aerobic với sự phát triển thể chất. Biết vận dụng kiến thức đó để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân.
CLO2	Vận dụng cách thức thực hiện các bài tập Aerobic, nguyên lý của các bài tập Aerobic.
CLO3	Giúp sinh viên phát triển toàn diện các tố chất thể lực, kỹ năng vận động cơ bản Aerobic. đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động tạo tiền đề cho sinh viên tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác.
CLO4	Có năng lực tổ chức và tập luyện Aerobic trong cuộc sống hàng ngày
CLO5	Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành đúng nội qui qui định của bộ môn
CLO6	Yêu thích, mong muốn phát triển bộ môn trong cuộc sống, tuyên truyền và vận động mọi người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của chương trình (PLO) được xác định cụ thể:

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H		M											
CLO 2	H		M											
CLO 3	H		M											
CLO4	H		M											
CLO5	H		M											
CLO6	H		M											

6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên phương pháp tập luyện với bài Aerobic có độ khó cao. Cung cấp cho sinh viên kỹ năng thực hiện bài thể dục Aerobic có độ khó cao. Góp phần nâng cao trình độ lý luận và kỹ năng thực hành cho sinh viên, biết vận dụng kiến thức đó để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân, phát triển toàn diện các tổ chức thể lực, đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác, nâng cao khả năng thích nghi của cơ thể với môi trường, hình thành nhân cách tốt cho người học

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.
- Tham dự đầy đủ các bài thực hành kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: Thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Đinh Khánh Thu (Chủ biên), Trương Anh Tuấn, Nguyễn Kim Lan (2014), *Giáo trình thể dục Aerobic*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Vũ Thanh Mai (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Phạm Tuấn Dũng,... (2014), *Giáo trình Thể dục thẩm mỹ*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

[3]. Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch (2008), *Luật thể dục Aerobic*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính:

Tiết

STT	Nội dung (Tên các Module.....)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/ TH	Tự học	Kiểm tra

1	Bài aerobic tự chọn cấp 3 nội dung 6 người	30		28	60	2
<i>Cộng:</i>		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1 (CLO)	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học
- Tập bài Aerobic tự chọn cấp 3 nội dung 6 người	- Hiểu nguyên lý kỹ thuật. - Thực hiện thành thực bài quy định với nhịp đếm. - Tích cực tập luyện, yêu thích môn học.	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	17 tiết	Thực hành Tự học
- Bài kiểm tra số 1	-		1 tiết	Kiểm tra
- Ghép nhạc bài Aerobic tự chọn cấp 3 nội dung 6 người	- Hiểu nguyên lý kỹ thuật. - Thực hiện thành thực bài với nhạc - Tích cực tập luyện, yêu thích môn học	CLO 1 CLO 4 CLO 5 CLO 6	8 tiết	Thực hành Tự học
- Ghép toàn bài.	- Hiểu nguyên lý kỹ thuật. - Thực hiện thành thực bài trên thảm và trên nền nhạc - Tích cực tập luyện, yêu thích môn học	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	3 tiết	Thực hành Tự học
- Bài kiểm tra số 2			1 tiết	Kiểm tra

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Aerobic 3

Mã học phần: PHE 104

Số tín chỉ: 1

Hệ, ngành: Đại học không chuyên ngành GDTC

Câu 1: (10 điểm)

Anh(Chị) hãy thực hiện toàn bài Aerobic tự chọn cấp 3 nội dung 6 trên nền nhạc.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu hỏi	Nội dung đáp án		Điểm	Ghi chú
Câu 1	Ý 1	Thực hiện thành thực động tác, có tính liên kết	1.5	
	Ý2	Tư thế động tác đúng đẹp, biên độ rộng, rõ ràng	1.5	
	Ý3	Dùng sức động tác, thể hiện động tác nhanh, mạnh, dứt khoát	3.0	
	Ý4	Làm động tác có tính nhịp điệu và tính thẩm mỹ cao	4.0	
Tổng			10	

Trưởng khoa phê duyệt*(Ký và ghi rõ họ, tên)***Trưởng bộ môn***(Ký và ghi rõ họ, tên)***Giảng viên***(Ký và ghi rõ họ, tên)*

PHỤ LỤC 14: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KHIÊU VŨ THỂ THAO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (KHIÊU VŨ THỂ THAO 1)

MÃ HỌC PHẦN: PHE102

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - **Họ và tên:**

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

(2). - **Họ và tên:**

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- **Tên học phần:** Giáo dục thể chất 2 (Khiêu vũ thể thao 1)
- **Số tín chỉ:** 01
- **Mã số học phần:** PHE102
- **Đối tượng sử dụng** (*Áp dụng cho ngành đào tạo*): **Không chuyên ngành GDTC**
- **Trình độ** (*cho sinh viên năm thứ*): 1 Học kỳ: 2
- **Loại học phần:** *Bắt buộc* *Tự chọn*
- **Điều kiện tiên quyết:** **Đã học xong GDTC 101**

3. Mục tiêu của học phần

3.2.1. Kiến thức

- Hiểu kiến thức lý luận của môn Khiêu vũ thể thao. Biết vận dụng kiến thức đó để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân.

3.2.2. Kỹ năng

- Ứng dụng kỹ năng vận động cơ bản về Khiêu vũ thể thao. Từ đó giúp sinh viên phát triển toàn diện các tố chất thể lực, đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác, cũng như các hoạt động chuyên môn và trong cuộc sống.

3.2.3. Thái độ

- Hình thành nhân cách cho sinh viên, tính kiên trì, nhẫn nại vượt qua khó khăn, yêu thích môn học, tuyên truyền và vận động mọi người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	- Hiểu kiến thức lý luận cơ bản của môn Khiêu vũ thể thao. Biết vận dụng kiến thức đó để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân
CLO2	- Hình thành kỹ năng vận động cơ bản về Khiêu vũ thể thao.
CLO3	- Từ đó giúp sinh viên phát triển toàn diện các tố chất thể lực, đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác, cũng như các hoạt động chuyên môn và trong cuộc sống.
CLO4	- Hình thành nhân cách cho sinh viên, tính kiên trì, nhẫn nại vượt qua khó khăn, yêu thích môn học, tuyên truyền và vận động mọi người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	M		H												
CLO2	L		H												
CLO3	L		H												
CLO4	L		H												

6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các khái niệm, mục đích tác, dụng, phương pháp tập luyện Khiêu vũ. Góp phần nâng cao trình độ lý luận và kỹ năng thực hành cho sinh viên, biết vận dụng kiến thức đó để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân, phát triển toàn diện các tố chất thể lực, đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác, nâng cao khả năng thích nghi của cơ thể với môi trường, hình thành nhân cách tốt cho người học.

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.
- Tham dự đầy đủ các bài thực hành kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

- - Dụng cụ học tập: Loa đài, gương.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: Thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Vũ Thanh Mai (Chủ biên), Nguyễn Kim Xuân, Nguyễn Kim Lan...(2011), *Khiêu vũ thể thao*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Trương Anh Tuấn (2004), *Giáo trình thể dục*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Xuân Sinh (Chủ biên), Lê Văn Lắm, Trần Phúc Phong... (2009), *Thể dục*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính:

Tiết

STT	Nội dung (Tên các Module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1. Các tư thế cơ bản trong khiêu vũ	8		8	16	
2	Module 2. Kỹ thuật nhảy Macarena	8		7	16	1
3	Module 3. Kỹ thuật nhảy Bachata	14		13	28	1
<i>Cộng:</i>		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR	Thời lượng	Cách thức tổ chức dạy học
----------	------------------	-------------------	------------	---------------------------

		nào ở bảng 4.1 (CLO)	(tiết)	(Thuyết trình, Thảo luận, Bài tập, Online ...)
Module 1. Các tư thế cơ bản trong khiêu vũ. 1.1. Tư thế tay 1.2. Tư thế chân 1.3. Tư thế thân người	Hiểu nguyên lý kỹ thuật của các tư thế cơ bản trong khiêu vũ Thực hiện ở mức kỹ xảo. Yêu thích nội dung môn học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	8 tiết 16 tiết	Thực hành Tự học
Module 2. Kỹ thuật nhảy Macarena 2.1. Kỹ thuật chân 2.2. Kỹ thuật tay	- Hiểu nguyên lý kỹ thuật của nhảy Macarena. - Thực hiện ở mức kỹ xảo. - Yêu thích nội dung môn học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	7 tiết 16 tiết	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 1			1 tiết	Thực hành
Module 3. Kỹ thuật nhảy Bachata 3.1. Bước ngang cơ bản 3.2. Bước dọc cơ bản	- Hiểu nguyên lý kỹ thuật của nhảy Bachata - Thực hiện ở mức kỹ xảo. - Yêu thích nội dung môn học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	13 tiết 28 tiết	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 2			1 tiết	Thực hành

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu 1: (5 điểm) Anh (Chị) hãy thực hiện điệu nhảy Ráp trên nền nhạc.

Câu 2: (5 điểm) Anh (Chị) hãy thực hiện điệu nhảy Macarena trên nền nhạc.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu hỏi	Nội dung đáp án		Điểm	Ghi chú
Câu 1	Ý1	Nhảy đúng nhịp	1.5	
	Ý2	Nhảy đúng nhịp kết hợp với nhạc	2.0	

	Ý3	Làm động tác có tính nhịp điệu và tính thẩm mỹ cao	1.5	
Câu 2	Ý1	Nhảy đúng nhịp	1.5	
	Ý2	Nhảy đúng nhịp kết hợp với nhạc	2.0	
	Ý3	Làm động tác có tính nhịp điệu và tính thẩm mỹ cao	1.5	
Tổng			10	

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3 (KHIÊU VŨ THỂ THAO 2)
MÃ HỌC PHẦN: PHE103

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

- (1). - **Họ và tên:**
- Chức danh, học hàm, học vị:
 - Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
 - Điện thoại:
 - Email:

2. Thông tin chung về học phần

- **Tên học phần:** Giáo dục thể chất 3 (Khiêu vũ thể thao 2)
- **Số tín chỉ:** 01
- **Mã số học phần:** PHE103
- **Đối tượng sử dụng (Áp dụng cho ngành đào tạo):** Không chuyên ngành GDTC
- **Trình độ (cho sinh viên năm thứ):** 1 Học kỳ: 2
- **Loại học phần:** *Bắt buộc* *Tự chọn*
- **Điều kiện tiên quyết:** Đã học xong GDTC 102

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Hiểu kiến thức lý luận nâng cao của môn Khiêu vũ thể thao. Biết vận dụng kiến thức đó để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân.

3.2. Kỹ năng

- Vận dụng các kỹ thuật Khiêu vũ thể thao cơ bản của điệu rumba và cha cha cha.
- Sinh viên phát triển toàn diện các tố chất thể lực, đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác, cũng như các hoạt động trong cuộc sống.

3.3. Thái độ

- Hình thành nhân cách cho sinh viên, tính kiên trì, nhẫn nại vượt qua khó khăn, yêu thích môn học, tuyên truyền và vận động mọi người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	- Sinh viên hiểu vững kiến thức lý luận nâng cao của môn Khiêu vũ thể thao. Biết vận dụng kiến thức đó để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân
CLO2	- Ứng dụng các kỹ thuật Khiêu vũ thể thao cơ bản của điệu rumba và cha cha cha.
CLO3	- Từ đó giúp sinh viên phát triển toàn diện các tố chất thể lực, đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác, cũng như các hoạt động trong cuộc sống.
CLO4	- Hình thành nhân cách cho sinh viên, tính kiên trì, nhẫn nại vượt qua khó khăn, yêu thích môn học, tuyên truyền và vận động mọi người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	H		M												
CLO2	L		H												
CLO3	L		H												
CLO4	L		H												

6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên phương pháp tập luyện Khiêu vũ. Cung cấp cho sinh viên mục đích tác dụng và kỹ thuật cơ bản của 2 điệu nhảy bachata và kỹ thuật nhảy rum ba. Góp phần nâng cao trình độ lý luận và kỹ năng thực hành cho sinh viên, biết vận dụng kiến thức đó để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân, phát triển toàn diện các tố chất thể lực, đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác, nâng cao khả năng thích nghi của cơ thể với môi trường, hình thành nhân cách tốt cho người học

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.
- Tham dự đầy đủ các bài thực hành kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.
- Dụng cụ học tập: Loa đài, gương.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: Thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Vũ Thanh Mai (Chủ biên), Nguyễn Kim Xuân, Nguyễn Kim Lan...(2011), *Khiêu vũ thể thao*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Trương Anh Tuấn (2004), *Giáo trình thể dục*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Xuân Sinh (Chủ biên), Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong... (2009), *Thể dục*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính: Tiết

STT	Nội dung (Tên các Module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1. Kỹ thuật nhảy rumba	8		7	16	1
2	Module 2. Kỹ thuật nhảy cha cha cha	22		21	44	1
<i>Cộng:</i>		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1 (CLO)	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Thuyết trình, Thảo luận, Bài tập, Online ...)
Module 1. Kỹ thuật nhảy rumba	- Hiểu nguyên lý kỹ thuật.	CLO 1		
1.1. Bước ngang cơ bản	- Thực hiện thành	CLO 2	4 tiết	Thực hành
1.2. Bước dọc cơ bản	thực Kỹ thuật nhảy rumba với nhịp đếm	CLO 3	8 tiết	Tự học
	- Tích cực tập luyện,	CLO 4		

	yêu thích môn học			
1.3. Ghép kỹ thuật nhảy Rumba với nhạc.	- Hiểu nguyên lý kỹ thuật. - Thực hiện thành thực Kỹ thuật nhảy rumba với nhạc - Tích cực tập luyện, yêu thích môn học	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	3 tiết 8 tiết	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 1		CLO 1	01 tiết	Kiểm tra
Module 2. Kỹ thuật nhảy cha cha cha 2.1. Kỹ thuật nhảy cha cha cha (Bước đọc cơ bản, ngang cơ bản) với nhịp đếm	- Hiểu nguyên lý kỹ thuật. - Thực hiện thành thực Kỹ thuật nhảy cha cha cha với nhịp đếm - Tích cực tập luyện, yêu thích môn học	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	14 tiết 28 tiết	Thực hành Tự học
2.2. Ghép kỹ thuật nhảy cha cha cha (Bước đọc cơ bản, ngang cơ bản) với nhạc	- Hiểu nguyên lý kỹ thuật. - Thực hiện thành thực Kỹ thuật nhảy cha cha cha với nhạc - Tích cực tập luyện, yêu thích môn học	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	07 tiết 16 tiết	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 2		CLO 1	01 tiết	Kiểm tra

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu 1: (5 điểm) Anh (Chị) hãy thực hiện điệu nhảy Bachata trên nền nhạc.

Câu 2: (5 điểm) Anh (Chị) hãy thực hiện điệu nhảy Rumba trên nền nhạc.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu hỏi	Nội dung đáp án		Điểm	Ghi chú
Câu 1	Ý1	Nhảy đúng nhịp	1.5	
	Ý2	Nhảy đúng nhịp kết hợp với nhạc	2.0	

	Ý3	Làm động tác có tính nhịp điệu và tính thẩm mỹ cao	1.5	
Câu 2	Ý1	Nhảy đúng nhịp	1.5	
	Ý2	Nhảy đúng nhịp kết hợp với nhạc	2.0	
	Ý3	Làm động tác có tính nhịp điệu và tính thẩm mỹ cao	1.5	
Tổng			10	

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

MÔN: KHIÊU VŨ 3

MÃ HỌC PHẦN: PHE 104

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - **Họ và tên:**

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

(2). - **Họ và tên:**

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- **Tên học phần: Khiêu vũ 3 (Giáo dục thể chất 4)**
- **Số tín chỉ: 01**
- **Mã số học phần: PHE 104**
- **Đối tượng sử dụng:** *sinh viên không chuyên* Giáo dục thể chất
- **Trình độ (cho sinh viên năm thứ):** Đại học – Năm 2 Học kỳ: III
- **Loại học phần:** *Bắt buộc* *Tự chọn*
- **Điều kiện tiên quyết:** Học xong Giáo dục thể chất 1,2,3.

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Hiểu kiến thức lý luận của môn Khiêu vũ thể thao. Biết vận dụng kiến thức đó để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân.

3.2. Kỹ năng

- Ứng dụng kỹ năng vận động cơ bản về Khiêu vũ thể thao. Từ đó giúp sinh viên phát triển toàn diện các tố chất thể lực, đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác, cũng như các hoạt động trong cuộc sống.

3.3. Thái độ

- Hình thành nhân cách cho sinh viên, tính kiên trì, nhẫn nại vượt qua khó khăn, yêu thích môn học, tuyên truyền và vận động mọi người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	- Sinh viên hiểu vững kiến thức lý luận nâng cao của môn Khiêu vũ thể thao. Biết vận dụng kiến thức đó để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân
CLO2	- Vận dụng các kỹ thuật Khiêu vũ thể thao cơ bản của điệu cha cha cha.
CLO3	- Từ đó giúp sinh viên phát triển toàn diện các tố chất thể lực, đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác, cũng như các hoạt động trong cuộc sống.
CLO4	- Hình thành nhân cách cho sinh viên, tính kiên trì, nhẫn nại vượt qua khó khăn, yêu thích môn học, tuyên truyền và vận động mọi người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của chương trình (PLO) được xác định cụ thể:

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	H		M												
CLO2	L		H												
CLO3	L		H												
CLO4	L		H												

6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên mục đích tác dụng, phương pháp tập luyện và kỹ thuật cơ bản của điệu nhảy cha cha cha. Góp phần nâng cao trình độ lý luận và kỹ năng thực hành cho sinh viên, biết vận dụng kiến thức đó để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân, phát triển toàn diện các tố chất thể lực, đặc biệt hình thành khả năng phối hợp vận động,

tạo tiền đề cho sinh viên tiếp thu kỹ thuật của các môn thể thao khác, nâng cao khả năng thích nghi của cơ thể với môi trường, hình thành nhân cách tốt cho người học

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.
- Tham dự đầy đủ các bài thực hành kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.
- Dụng cụ học tập: Loa đài, gương.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 02 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: Thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Vũ Thanh Mai (Chủ biên), Nguyễn Kim Xuân, Nguyễn Kim Lan...(2011), *Khiêu vũ thể thao*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Đồng Văn Triệu (Chủ biên), Lê Anh Thơ (2006), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường học*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

[3]. Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên (Biên soạn) (2003), *Sinh lý học thể dục thể thao*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính:

Tiết

STT	Nội dung (Tên các Module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1: Kỹ thuật nhảy cha cha cha cơ bản ngang	15		14	30	1
2	Module 2: Kỹ thuật nhảy cha cha cha cơ bản dọc	10		10	20	
3	Module 3: Ghép bài nhảy cha cha cha	5		4	10	1

<i>Cộng:</i>	30		28	60	2
--------------	-----------	--	-----------	-----------	----------

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1 (CLO)	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Thuyết trình, Thảo luận, Bài tập, Online ...)
Module 1: Kỹ thuật nhảy cha cha cha cơ bản ngang	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nguyên lý kỹ thuật nhảy cha cha cha cơ bản ngang. - Thực hiện thành thực kỹ thuật - Tích cực tập luyện, yêu thích nội dung học và môn học 	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	14 tiết	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 1	-		01 tiết	Kiểm tra
Module 2: Kỹ thuật nhảy cha cha cha cơ bản dọc	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nguyên lý kỹ thuật nhảy cha cha cha cơ bản dọc. - Thực hiện thành thực Kỹ thuật - Tích cực tập luyện, yêu thích nội dung học và môn học 	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	10 tiết	Thực hành Tự học
Module 3: Ghép bài nhảy cha cha cha	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nguyên lý cách ghép nhạc. - Thực hiện thành thực bài. - Tích cực tập luyện, yêu thích nội dung học và môn học 	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	4 tiết	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 2	-		01 tiết	Kiểm tra

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Khiêu vũ thể thao 3

Mã học phần: PHE 104

Số tín chỉ: 1

Hệ, ngành: Đại học không chuyên ngành GDTC

Câu 1: (10 điểm) Anh (Chị) hãy thực hiện điệu nhảy Chachacha trên nền nhạc.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu hỏi	Nội dung đáp án		Điểm	Ghi chú
Câu 1	Ý 1	Nhảy đúng nhịp	3.0	
	Ý2	Nhảy đúng nhịp kết hợp với nhạc	4.0	
	Ý4	Làm động tác có tính nhịp điệu và tính thẩm mỹ cao	3.0	
Tổng			10	

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHỤ LỤC 15: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TEAKWONDO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (TAEKWONDO 1)

MÃ HỌC PHẦN: PHE102

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - **Họ và tên:**

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- **Tên học phần:** Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 1)
- **Số tín chỉ:** 01
- **Mã số học phần:** PHE102
- **Đối tượng sử dụng** (*Áp dụng cho ngành đào tạo*): **không chuyên ngành GDTC**
- **Trình độ** (*cho sinh viên năm thứ*): **1** Học kỳ: 2
- **Loại học phần:** *Bắt buộc* *Tự chọn*
- **Điều kiện tiên quyết:** **Đã học xong GDTC 101**

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Hiểu rõ các yếu tố cần thiết đối với việc học và tập luyện môn võ Teakwondo.
- Hiểu và vận dụng tư tưởng đúng của môn võ này vào giờ học cũng như ứng dụng nó vào cuộc sống.

3.2. Kỹ năng

- Vận dụng các kỹ thuật cơ bản của môn võ.

3.3. Thái độ

- Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành đúng nội qui qui định của bộ môn
- Giáo dục phẩm chất ý trí vượt khó trong tập luyện và thi đấu.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
----------------------	-----------------------------

CLO1	Hiểu rõ các yếu tố thể lực cần thiết đối với việc học và tập luyện môn võ Teakwondo. .
CLO2	Hiểu và vận dụng tư tưởng đúng của môn võ này vào giờ học cũng như ứng dụng nó vào cuộc sống.
CLO3	Thực hành thành thục các kỹ thuật cơ bản của môn võ.
CLO4	Hiểu được ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện môn võ
CLO5	Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành đúng nội qui qui định của bộ môn
CLO6	Giáo dục phẩm chất ý trí vượt khó trong tập luyện và thi đấu

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H		M											
CLO 2	H		M											
CLO 3	H		M											
CLO4	H		M											
CLO5	H		M											
CLO6	H		M											

6. Mô tả vắn tắt học phần

- Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử ra đời và phát triển, mục đích ý nghĩa, lợi ích tác dụng của môn võ. Kỹ thuật cơ bản về môn võ teakwondo, thực hiện tốt các kỹ thuật trong bài quyền tứ cửa. Cung cấp cho sinh viên vốn kỹ năng kỹ xảo vận động cơ bản trong môn võ, phát triển toàn diện các tố chất thể lực. Trang bị cho sinh viên về kiến thức tự bảo vệ và chăm sóc bản thân. Hình thành nhân cách tốt cho sinh viên, yêu thích môn học, tuyên truyền cho mọi người hiểu và yêu thích tác dụng của tập luyện môn võ để mọi người tham gia tập luyện.

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.
- Tham dự đầy đủ các bài thực hành kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 2 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %

- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Mai Tú Nam (Biên soạn) (2007), *Giáo trình Taekwondo*, NXB Thể dục Thể thao, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tổng cục Thể dục thể thao (2013), *Luật thi đấu Taekwondo*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

[3] Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (Chủ biên) (2006), *Lý luận và phương pháp Thể dục thể thao*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính: Tiết

STT	Nội dung (Tên các Module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1 : Nhập môn võ Taekwondo	4		4	8	
2	Module 2 : Các kỹ thuật cơ bản môn võ taekwondo	8		7	16	1
3	Module 3. Bài quyền tứ cửa	18		17	36	1
<i>Cộng:</i>		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1 (CLO)	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Thuyết trình, Thảo luận, Bài tập, Online ...)
Module 1 : Nhập môn võ Taekwondo	- Hiểu được lịch sử ra đời của môn võ ở Việt Nam và Thế Giới	CLO2	4 tiết	Thực hành
1.1. Lịch sử của võ Taekwondo 1.2. Ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện môn võ	- Hiểu được ý nghĩa tác dụng của môn võ để áp dụng vào cuộc sống	CLO4	8 tiết	Tự học
Module 2 : Các kỹ thuật cơ bản môn võ taekwondo	- Thực hiện tốt kỹ	CLO3	4 tiết 10 tiết	Thực hành Tự học

2.1. Kỹ thuật tẩn và gạt đỡ 2.1.1. kỹ thuật tẩn 2.1.2.Kỹ thuật gạt hạ đẳng trung đẳng, thượng đẳng	thuật tẩn thẳng và tẩn dài - Thực hiện tốt các kỹ thuật gạt đỡ			
Bài kiểm tra số 1	Thực hiện di chuyển gạt đỡ hạ trung thượng	CLO5	1 tiết	Thực hành
2.2. Kỹ thuật đấm và đá tổng trước 2.2.1. Kỹ thuật đấm hạ trung thượng 2.2.2.Kỹ thuật đá tổng trước	- Thực hiện tốt kỹ thuật đấm hạ trung thượng - Thực hiện tốt kỹ thuật đá tổng trước	CLO3	3 tiết 6 tiết	Thực hành Tự học
Module 3. Bài quyền tứ cửa và thể lực chung 3.1 Bài quyền đánh tứ cửa 3.2 Bài tập thể lực	-Thực hiện tốt bài quyền đánh tứ cửa -Thực hiện tốt và tăng cường được thể lực	CLO3	17 tiết 36 tiết	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 2	- Thực hiện Bài quyền	CLO5	1 tiết	Thực hành

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu 1: (3 điểm) Anh (Chị) hãy thực hiện điệu kỹ thuật đá vòng cầu.

Câu 2: (7 điểm) Anh (Chị) hãy thực hiện bài quyền căn bản số 1.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu hỏi	Nội dung đáp án		Điểm	Ghi chú
Câu 1 (3điểm)	Ý1	Thực hiện đúng kỹ thuật, biên độ	1,5	
	Ý2	Đá cao được 1m2, ra sức được.	1,5	
Câu 2 (7điểm)	Ý1	Thuộc bài quyền căn bản số 1	4	
	Ý2	Thực hiện thuần thực, biên độ, nhịp điệu động tác của bài quyền.	3	
Tổng			10	

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3 (TAEKWONDO 2)
MÃ HỌC PHẦN: PHE103

1. Thông tin về giảng viên (nhóm giảng viên)

(1). - Họ và tên:

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

(2). - Họ và tên:

- Chức danh, học hàm, học vị:
- Địa chỉ liên hệ (cơ quan):
- Điện thoại:
- Email:

2. Thông tin chung về học phần

- **Tên học phần: Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 2)**
- **Số tín chỉ: 01**
- **Mã số học phần: PHE103**
- **Đối tượng sử dụng (Áp dụng cho ngành đào tạo): không chuyên ngành GDTC**
- **Trình độ (cho sinh viên năm thứ): 2** Học kỳ: 3
- **Loại học phần:** *Bắt buộc* *Tự chọn*
- **Điều kiện tiên quyết: Đã học xong GDTC 102**

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Hiểu rõ các yếu tố thể lực cần thiết đối với việc học và tập luyện môn võ Teakwondo.

- Hiểu vững lý thuyết bộ môn. Hiểu và vận dụng tư tưởng đúng của môn võ này vào cuộc sống.

3.2. Kỹ năng:

- Vận dụng các kỹ thuật quan trọng, cơ bản trong môn Teakwondo
- Nâng cao thể lực và biết cách tự vệ cho bản thân

3.3. Thái độ

- Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành đúng nội qui quy định của bộ môn

- Giáo dục phẩm chất ý trí vượt khó trong tập luyện và thi đấu.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Hiểu rõ các yếu tố thể lực cần thiết đối với việc học và tập luyện môn võ Teakwondo
CLO2	Hiểu lý thuyết bộ môn. Hiểu và vận dụng tư tưởng đúng của môn võ này vào cuộc sống.
CLO3	Ứng dụng các kỹ thuật quan trọng, cơ bản
CLO4	Nâng cao thể lực và biết cách tự vệ cho bản thân
CLO5	Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành đúng nội qui qui định của bộ môn
CLO6	Giáo dục phẩm chất ý trí vượt khó trong tập luyện và thi đấu.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của chương trình (PLO) được xác định cụ thể:

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H		M											
CLO 2	H		M											
CLO 3	H		M											
CLO4	H		M											
CLO5	H		M											
CLO6	H		M											

6. Mô tả vắn tắt học phần

-Trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản về môn võ teakwondo, thực hiện tốt các kỹ thuật trong bài quyền 1 và các kỹ năng tự vệ đối luyện. Cung cấp cho sinh viên vốn kỹ năng kỹ xảo vận động cơ bản trong môn võ, phát triển toàn diện các tố chất thể lực.

-Trang bị cho sinh viên về kiến thức tự bảo vệ và chăm sóc bản thân. Hình thành nhân cách tốt cho sinh viên, yêu thích môn học, tuyên truyền cho mọi người hiểu và yêu thích tác dụng của tập luyện môn võ để mọi người tham gia tập luyện.

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.
- Tham dự đầy đủ các bài thực hành kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 2 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Mai Tú Nam (Biên soạn) (2007), *Giáo trình Taekwondo*, NXB Thể dục Thể thao, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tổng cục Thể dục thể thao (2013), *Luật thi đấu Taekwondo*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

[3] Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (Chủ biên) (2006), *Lý luận và phương pháp Thể dục thể thao*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính: Tiết

STT	Nội dung (Tên các Module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1: Kỹ thuật đá vòng cầu và đối luyện tự vệ	15		14	30	1
2	Module 2: Bài quyền căn bản số 1 và thể lực chung	15		14	30	1
<i>Cộng:</i>		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Thuyết trình, Thảo luận, Bài
----------	------------------	----------------------------------	-------------------	---

		(CLO)		tập, Online ...)
Module 1: Kỹ thuật đá vòng cầu và đối luyện tự vệ 1.1. Kỹ thuật đá vòng cầu 1.2. Các kỹ thuật tự vệ đối luyện	- Thực hiện tốt kỹ thuật đá vòng cầu - Biết và thực hiện được các đòn tự vệ	CLO3	14 tiết 28 tiết	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 1	Thực hiện đá vòng cầu	CLO5	1 tiết 2 tiết	Thực hành Tự học
Module 2: Bài quyền căn bản số 1 và thể lực chung 2.1 Bài quyền căn bản số 1 2.2. Bài tập thể lực	- Thực hiện nhuần nhuyễn chính xác - Tăng cường thể lực chung và thực hiện tốt KT	CLO3	14 tiết 28 tiết	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 2	Thực hiện bài tập gấp bụng	CLO5	1 tiết 2 tiết	Thực hành Tự học

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Teakwondo 2

Mã học phần: PHE 103

Số tín chỉ: 1

Hệ, ngành: Đại học không chuyên ngành GDTC

Câu 1: (3 điểm) Anh (Chị) hãy thực hiện điệu kỹ thuật đá tổng trước, tổng sau, tổng ngang.

Câu 2: (7 điểm) Anh (Chị) hãy thực hiện bài quyền căn bản số 2.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu hỏi	Nội dung đáp án		Điểm	Ghi chú
Câu 1 (3điểm)	Ý1	Thực hiện đúng kỹ thuật, biên độ	1,5	
	Ý2	Đá cao được 1m2, ra sức được.	1,5	
Câu 2 (7điểm)	Ý1	Thuộc bài quyền căn bản số 2	4	
	Ý2	Thực hiện thuần thục, biên độ, nhịp điệu động tác của bài quyền.	3	
Tổng			10	

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Hiểu rõ các yếu tố thể lực cần thiết đối với việc học và tập luyện môn võ Teakwondo
CLO2	Nắm vững lý thuyết bộ môn. Hiểu và vận dụng tư tưởng đúng của môn võ này vào cuộc sống.
CLO3	Thực hành thành thực các kỹ thuật quan trọng, cơ bản
CLO4	Nâng cao thể lực và biết cách tự vệ cho bản thân
CLO5	Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành đúng nội qui qui định của bộ môn
CLO6	Giáo dục phẩm chất ý trí vượt khó trong tập luyện và thi đấu.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR học phần (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	H		M											
CLO 2	H		M											
CLO 3	H		M											
CLO4	H		M											
CLO5	H		M											
CLO6	H		M											

6. Mô tả vắn tắt học phần

- Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử ra đời và phát triển, mục đích ý nghĩa lợi ích tác dụng, phương pháp giảng dạy tổ chức thi đấu.

-Trang bị cho sinh viên nhưng kỹ thuật cơ bản về môn võ teakwondo, thực hiện tốt các kỹ thuật trong bài quyền với binh khí.

-Cung cấp cho sinh viên vốn kỹ năng kỹ xảo vận động cơ bản trong môn võ, phát triển toàn diện các tổ chất thể lực.

-Trang bị cho sinh viên về kiến thức tự bảo vệ và chăm sóc bản thân.

-Hình thành nhân cách tốt cho sinh viên, yêu thích môn học, tuyên truyền cho mọi người hiểu và yêu thích tác dụng của tập luyện môn võ để mọi người tham gia tập luyện.

7. Đánh giá học phần

7.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ trên lớp của học phần.
- Tham dự đầy đủ các bài thực hành kết quả kiểm tra của tất cả các bài thực hành đều đạt từ điểm D trở lên.

7.2. Kiểm tra, đánh giá

- Số lượng bài kiểm tra: 2 ; trọng số: 30 %
- Hình thức kiểm tra thường xuyên: thực hành
- Thi kết thúc học phần, trọng số: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Mai Tú Nam (Biên soạn) (2007), *Giáo trình Taekwondo*, NXB Thể dục Thể thao, Hà Nội.

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tổng cục Thể dục thể thao (2013), *Luật thi đấu Taekwondo*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.

[3] Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (Chủ biên) (2006), *Lý luận và phương pháp Thể dục thể thao*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội

9. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Đơn vị tính: Tiết

STT	Nội dung (Tên các Module...)	Tổng số tiết	Loại giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	BT/TL/TH	Tự học	Kiểm tra
1	Module 1 : Nhập môn võ Teakwondo	4		4	8	
2	Module 2 : Các kỹ thuật cơ bản môn võ teakwondo	8		8	16	1
3	Module 3 : Các bài quyền và tự vệ	18		18	36	1
<i>Cộng:</i>		30		28	60	2

B. Nội dung chi tiết

Nội dung	Mục tiêu cần đạt	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1 (CLO)	Thời lượng (tiết)	Cách thức tổ chức dạy học (Bài tập, thực hành, tự học...)
Chương 1: Nhập môn võ Teakwondo 1.1.Phương pháp giảng dạy , huấn luyện môn võ Teakwondo 1.2.Luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và	-Nắm được lịch sử, ý nghĩa phát triển môn võ - Biết trọng tài .	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	4	Thực hành Tự học

trọng tài môn võ Teakwondo				
Chương 2: Các kỹ thuật cơ bản môn võ teakwondo 2.1. Ôn kỹ thuật đá tổng trước sau ngang 2.2. Kỹ thuật đá chẻ	Thực hiện được cách di chuyển và đấm đá, gạt đỡ cơ bản. kỹ thuật đá che	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	4	Thực hành Tự học
2.3. Kỹ thuật đá vòng cầu	Thực hiện được kỹ thuật đá vòng cầu		4	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 1	Thực hiện các kỹ thuật đá		1	Thực hành Tự học
Chương 3: Các bài quyền và tự vệ 3.1 Bài quyền với binh khí	Thực hiện được bài quyền với binh khí	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	12	Thực hành
3.2. Ôn các kỹ thuật đã học 3.3. Thể lực chuyên môn	Biết cách tự vệ, tăng cường thể lực.		4	Thực hành Tự học
Bài kiểm tra số 2	Thực hiện bài quyền vs binh khí		1	Thực hành Tự học

10. Kiểm tra đánh giá học phần.

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu 1: (3 điểm) Anh (Chị) hãy thực hiện điệu kỹ thuật đá chẻ, đá vòng cầu.

Câu 2: (7 điểm) Anh (Chị) hãy thực hiện bài quyền căn bản số 3.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Câu hỏi	Nội dung đáp án		Điểm	Ghi chú
Câu 1 (3điểm)	Ý1	Thực hiện đúng kĩ thuật, biên độ	1,5	
	Ý2	Đá cao được 1m4, ra sức được.	1,5	
Câu 2 (7điểm)	Ý1	Thuộc bài quyền căn bản số 3	4	
	Ý2	Thực hiện thuần thục, biên độ, nhịp điệu động tác của bài quyền.	3	
Tổng			10	

Trưởng khoa phê duyệt

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)